Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên
Quyển 3
印光 法 師文 鈔 參 編
卷 三

Chuyển ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa
Giảo chánh: Minh Tiến & Huệ Trang

Trích Dẫn Pháp Ngữ Của Ấn Quang Đại Sư

Pháp môn Tịnh Độ chính là pháp môn đặc biệt trong giáo pháp của cả một đời đức Như Lai, thích hợp khắp ba căn, thâu nhiếp trọn vẹn lợi căn lẫn độn căn. Bậc Đẳng Giác Bồ Tát chẳng thể vượt ra ngoài; tội nhân Ngũ Nghịch Thập Ác cũng có thể dự vào trong số ấy. Chẳng đoạn Hoặc nghiệp mà được thoát khỏi luân hồi; ngay trong một đời này chắc chắn lên cõi Phật. Chúng sanh đời Mạt căn cơ kém hèn, bỏ pháp môn này làm sao yên được? Phàm là người tu Tịnh nghiệp, điều thứ nhất là phải nghiêm trì tịnh giới, điều thứ hai là phải phát Bồ Đề tâm, điều thứ ba là phải có tín nguyện chân thật. Giới là cơ sở của các pháp, Bồ Đề tâm là chủ soái của tu đạo, Tín - Nguyện dẫn đường cho sự vãng sanh. Pháp môn Tịnh Độ lấy ba pháp Tín - Nguyện - Hạnh làm tông: Không có Tín làm sao phát ra Nguyện được? Không có Nguyện làm sao khởi Hạnh? Không có Diệu Hạnh Trì Danh làm sao chứng được Tín, mãn được Nguyện? Được vãng sanh hay không, hoàn toàn do có Tín - Nguyện hay không! Phẩm vị cao hay thấp hoàn toàn do trì danh sâu hay cạn.

Tín - Nguyện - Hạnh như ba chân của cái đỉnh, thiếu một sẽ đổ. Nếu chẳng chú trọng Tín - Nguyện, chỉ mong trì danh đến mức nhất tâm; dẫu cho đạt được nhất tâm sâu xa, cũng khó thể liễu sanh thoát tử. Vì sao vậy? Do Phiền Hoặc chưa hết, chẳng thể cậy vào tự lực để liễu sanh tử; Tín - Nguyện đã không có, sẽ chẳng thể nương theo Phật lực để liễu sanh tử. Trong đời có những kẻ ham cao chuộng xa, thường bàn lan man về tự lực, miệt thị Phật lực, chẳng biết: Từ sống đến chết, không một chuyện nào chẳng phải nhờ vào sức người khác, nhưng chẳng lấy đó làm thẹn; sao lại riêng với một mình chuyện lớn liễu sanh tử, ngay cả Phật lực cũng chẳng muốn nhận? Mất trí điên cuồng đến mức như thế đấy!

Hành giả Tịnh Tông hãy nên răn dè!

Đối với pháp tắc tu trì thì thường nên như con nhớ mẹ; đi, đứng, nằm, ngồi, nói năng, im lặng, qua lại, một câu Phật hiệu miên miên mật mật, bất cứ sự duyên nào cũng chẳng để gián đoạn, nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối. Người làm được như thế chắc chắn sẽ vãng sanh. Tâm lại phải thường nghĩ tới nhân từ, khoan dung, tánh tình hồn hậu, hòa thuận, nhẫn được điều người khác chẳng thể nhẫn, làm được chuyện người khác chẳng thể làm, chịu nhọc nhằn thay cho người khác, thành tựu sự tốt đẹp cho người ta, thường nghĩ tới lỗi mình, đừng bàn tới sự sai trái của kẻ khác!

475. Thư trả lời cư sĩ Dương Bội Văn

Xá-lợi chưa tới chỗ cũ[1], càng đúng là thần biến khôn ngằn. Ấy chính là Phật, Bồ Tát muốn làm cho ông và hết thảy những ai thấy nghe đều gieo thiện căn sâu xa, nên đặc biệt thị hiện [như vậy]. Tiếng Phạn xá-lợi (Śarīra), cũng có khi phiên là Thiết-lợi-la *(danh từ này hiện thời tuyệt chẳng dùng đến)*, ở đây (Trung Hoa) dịch là Thân Cốt (xương nơi thân), cũng có khi dịch là Linh Cốt. Đây chính là ước theo sau khi đức Phật nhập Niết Bàn, thiêu thân hóa hiện tám hộc bốn đấu[2] xá-lợi mà nói. Đấy chính là ước theo đa số để nói.

Cũng có loại xá-lợi không phải từ xương trên thân [đức Phật mà có], như người đời Tống khắc ván in cuốn Long Thư Tịnh Độ Văn tìm được ba hạt xá-lợi trong tấm ván, ba hạt xá-lợi tìm được ở ba chỗ. Lại nữa,

---

[1] Trong lá thư gởi cho cư sĩ Phương Diệu Đình (Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 2, thư số 270), tổ Ấn Quang cho biết: *"Hôm trước, Quán Âm Am ở Hoài An gởi tới một viên xá-lợi to bằng hạt kê, màu như ngọc Phỉ Thúy, nói là [viên xá-lợi ấy] kết từ hoa đèn thắp trước bàn Phật của một liên hữu; gởi tới muốn cậy Quang chứng minh, bình luận để khơi gợi lòng tin cho người khác. Quang liền đựng trong một cái hộp sứ cho mọi người xem; xem xong để thờ trước tượng Phật. Ngày hôm qua, sau buổi tụng kinh khóa sáng, mở hộp ra xem thì không còn nữa, chắc là đã trở về am đó rồi! Hôm qua tôi đã gởi thư hỏi chuyện ấy"*. Như vậy là khi Tổ viết thư cho Dương Bội Văn, viên xá-lợi ấy vẫn chưa trở về Quán Âm Am. Xin xem thêm chi tiết về chuyện này trong *"Bài ký về chuyện cư sĩ Dương Bội Văn được xá-lợi"* thuộc Ấn Quang Văn Sao Tam Biên, quyển 3.

[2] Hộc và Đấu là những đơn vị đo lường thời cổ, có dung lượng biến đổi theo triều đại. Thời Tần, một Hộc bằng mười Đấu, mỗi Đấu là 2 lít. Từ đời Tống trở đi, một Hộc bằng năm Đấu và dung lượng của Đấu lớn dần lên, đến đời Thanh, một Đấu bằng 10 lít. Do kinh Phật đa số được dịch từ thời Hán đến giữa đời Tống, nên ta có thể ước lượng một Hộc bằng mười Đấu và mỗi Đấu từ 2 đến 3 lít.

thiện nữ nhân thêu kinh, đâm kim xuống bị vướng, nhìn vào tìm được xá-lợi. Lại có người niệm Phật, từ trong miệng có được xá-lợi. Có vị cao tăng tắm gội, bảo học trò kỳ lưng, nghe có vật lanh canh rơi xuống, nhìn xem thì thấy được xá-lợi. Tuyết Nham Khâm thiền sư[3] cạo đầu, tóc [rớt xuống] biến thành một chuỗi xá-lợi. Trường Khánh Nhàn thiền sư đời Tống viên tịch, ngày hỏa thiêu Ngài, trời nổi cơn gió lốc lớn, khói bay xa ngoài bốn mươi dặm. Khói lan đến đâu, trên nóc nhà, ngọn cây, ngọn cỏ, đều có xá-lợi, nhặt được hơn bốn thạch[4].

Ngoại đạo chẳng biết xá-lợi chính là do sức của Giới - Định - Huệ tạo thành, bèn bảo [xá-lợi] là do Tinh - Khí - Thần[5] luyện thành. Đây là ăn trộm danh từ của Phật giáo, chứ tuyệt chẳng biết nghĩa lý trong Phật giáo, liền đơm đặt bịa chuyện. [Xá-lợi] phần nhiều do dời chuyển mà có được, như khắc ván, thêu kinh và do miệng niệm Phật mà có, cũng như [xá-lợi] của ông do từ hoa đèn mà được đều là vì lòng Thành chuyên ròng đến cùng cực nên đức Phật rủ lòng Từ gia bị, thị hiện. Hơn nữa, xá-lợi của Phật càng thần biến khôn ngằn. Như khi Tùy Văn Đế (Dương

---

[3] Tuyết Nham Khâm chính là hòa thượng Tuyết Nham Tổ Khâm (?-1287), thuộc phái Dương Kỳ tông Lâm Tế, người xứ Vụ Châu, pháp hiệu Tuyết Nham. Làm sa-di lúc năm tuổi, được thọ Cụ Túc năm mười sáu tuổi, trước sau từng tham học với các vị Diệu Phong Chi Thiện, Diệt Ông Văn Lễ (chùa Tịnh Từ) v.v… Sau đến Kính Sơn tham học với ngài Vô Chuẩn Sư Phạm, về sau làm người nối pháp của vị này. Từng được vua tặng ca sa tía, thanh danh lừng lẫy một thời. Sư thị tịch vào năm Chí Nguyên 24 đời Nguyên (1287), còn để lại Tuyết Nham Hòa Thượng Ngữ Lục (bốn quyển). Người nối pháp của Sư là ngài Cao Phong Nguyên Diệu (vị này chính là thầy thế độ cho ngài Trung Phong Minh Bổn).

[4] Thạch: Có hai đơn vị đo lường cùng gọi là Thạch.

1) Để đo dung tích thì một Thạch là 67 lít

2) Để đo trọng lượng thì một Thạch bằng 76 kg.

[5] Tinh - Khí - Thần vốn là những khái niệm y học, được nhắc đến trong bộ sách y khoa cổ nhất của Trung Quốc là Hoàng Đế Nội Kinh, bọn đạo sĩ đã thần bí hóa khái niệm ấy và gán ghép rất nhiều cách giải thích phức tạp. Ông Thái Nhật Sơ trong bài "Tinh - Khí - Thần Và Hoạt Động Sống Còn" đã giải thích khá rõ ràng như sau: *"Theo Trung Y Học, cái gọi là Tinh tức là những vật chất tinh vi trong cơ thể con người, tức là những vật chất cơ sở cấu tạo thành thân thể con người, là cái gốc của sanh mạng. Khí chính là những công năng, động lực duy trì cuộc sống con người. Tánh mạng và sự hoạt động của con người được duy trì bởi Khí, Thần là biểu hiện của Khí. Nói cách khác, Thần là những gì được biểu hiện ra ngoài của sanh mạng và công năng của động lực sống của con người như âm thanh, dáng vẻ, hình vóc, thái độ, tình cảm v.v… Như vậy, Tinh là vật chất nuôi sống, Khí là vật chất có tác dụng dinh dưỡng được chuyển hóa thành những năng lượng cần thiết cho cuộc sống, Thần bao gồm những hoạt động sinh lý (bioglogical) và tâm lý của con người".*

Kiên) chưa làm hoàng đế, một vị Phạn tăng (tăng nhân Ấn Độ) tặng cho mấy viên xá-lợi, đến khi lên ngôi xem lại thì thấy có rất nhiều viên *(mấy trăm viên)*. Do vậy bèn dựng hơn năm mươi tòa bảo tháp. Tháp đựng xá-lợi ở chùa A Dục Vương có thể nâng lên xem, mỗi người thấy một khác, hoặc cùng một người nhưng trong mỗi lúc thấy [xá-lợi] chuyển biến lớn, nhỏ, cao, thấp và màu sắc thay đổi, hoặc chẳng thay đổi khác nhau. Như vậy là chẳng thể dùng phàm tình để suy lường được. Người đời dùng phàm tình để suy lường Phật pháp nên chỉ bị tổn hại, chẳng được lợi ích.

Ông muốn quy y, nay đặt pháp danh cho ông là Huệ Tiềm, nghĩa là: Tâm ngầm khế hợp với trí huệ của Phật. Đấy chính là như cổ nhân đã bảo: *"Ngu phu, ngu phụ cắm đầu hùng hục niệm Phật, liền có thể ngầm thông Phật trí, thầm hợp diệu đạo"* vậy! Hiện thời sắp xảy ra cơn đại kiếp, bất luận là người trong nhà hay người ngoài, đều nên khuyên họ chí thành niệm Phật và niệm Quán Âm để làm kế dự phòng. Nếu không, họa hoạn xảy tới, trọn chẳng nương tựa vào đâu được! Đừng nói niệm Phật ắt chẳng bị táng thân tổn mạng; dẫu táng thân tổn mạng nhưng linh hồn đi về đâu mỗi người mỗi khác. Vì thế, chớ nên vì niệm Phật không thể cứu vãn được kiếp nạn mà bảo: "Niệm cũng vô ích!" Nay gởi cho ông một gói sách, lại có một tờ Một Lá Thư Gởi Khắp. Dù phiền toái hay đơn giản đều có thể nương theo đó để hành được. Chớ nên gởi thư tới nữa khiến tự phiền, rộn người vậy!

476. Thư trả lời anh em Khai Sanh, Ninh Sanh (thư thứ nhất)

Hôm qua nhận được thư các ông, biết cha các ông bệnh hết sức trầm trọng. Chớ nên làm theo cách si tâm vọng tưởng của thế gian, mà hãy nương theo Phật pháp dùng câu Nam-mô A Di Đà Phật để trợ niệm và cầu cho cha: "Nếu tuổi thọ đã tận sẽ mau được đức Phật từ bi tiếp dẫn vãng sanh Tây Phương. Nếu tuổi thọ chưa hết, sẽ mau được lành bệnh". Cha các ông tuổi đã ngoài bảy mươi, đang trong thời thế nguy hiểm này, cả nhà hãy nên nhất tâm niệm Phật, cầu Phật tiếp dẫn cụ vãng sanh Tây Phương. Nếu cụ tuổi thọ chưa hết, cũng sẽ do công đức trợ niệm mà chóng được lành bệnh. Nhưng chớ nên chỉ cầu lành bệnh, chẳng cầu vãng sanh Tây Phương. Nếu tuổi thọ của cụ đã hết, [cầu như thế] sẽ làm hỏng đại sự. Hãy vì cha các ông mà nhất tâm trợ niệm. Nếu cụ niệm được thì niệm theo. Chẳng thể niệm, hãy nhất tâm nghe các ông niệm.

Phàm những chuyện khẩn yếu thì phải hỏi han trước; chuyện chẳng khẩn yếu đều nhất loạt chớ nên nhắc tới. Nếu có những cư sĩ chí thành

khẩn thiết, hãy nên thỉnh mấy vị cùng với các ông chia phiên trợ niệm liên tục chẳng ngớt. Niệm mãi cho đến khi cụ tắt hơi vẫn cứ niệm giống như thế. Niệm tiếp tục như vậy cho đến ba tiếng đồng hồ sau mới ngừng niệm. Hơn nữa, trước khi cụ chưa chết và lúc vừa mới tắt thở, đừng nên lau rửa thân thể, thay áo, khóc lóc. Những hành vi ấy đều là lôi cụ xuống biển! Người thế gian tưởng đấy là hiếu, nhưng [thật ra] đã phá hoại chánh niệm khiến cho [người đã mất] chẳng thể vãng sanh mà đâm ra bị đọa lạc. Tội giống như giết cha mẹ, khẩn yếu đến cùng cực!

Bữa nay ở Linh Nham liền thỉnh mười vị Tăng mở một Phật thất. Phật thất tốn một trăm đồng; lại lập cho cụ một bài vị bằng gỗ để thờ vĩnh viễn trong Niệm Phật Đường. Niệm Phật quanh năm, lợi ích rất lớn, phải tốn năm mươi đồng. Một trăm năm mươi đồng ấy nên gởi qua bưu điện, chuyển thẳng cho đại sư Diệu Chân thuộc Linh Nham Sơn Tự ở trấn Mộc Độc. Phật thất cũng là để cầu Phật tiếp dẫn. Nếu tuổi thọ chưa hết, cũng sẽ mau được lành. Các ông muốn giảm tuổi thọ của chính mình để [cầu] tăng tuổi thọ cho cha, Quang chẳng nghĩ như thế là đúng. Vì sao vậy? Đang trong lúc cụ tuổi đã cao này, lại nhằm đời loạn lạc, chuyện mai sau chẳng biết như thế nào! Cố nhiên, hãy nên cầu cho cha mẹ mau được sanh về Tây Phương, để khỏi gặp cảnh mai sau chẳng bằng hiện thời, sẽ càng khó thể trợ niệm!

Nay gởi kèm cho ông một ít tro hương Đại Bi. Hãy đem tro hòa vào nước, gạn lấy phần nước lắng trong để uống. Dẫu cụ đã đến lúc chết, uống vào thì thần thức cũng sáng suốt, chánh niệm vãng sanh. Nếu chưa đến lúc chết, sẽ mau được lành bệnh. Đối với chuyện sau khi cụ đã mất, đừng bày vẽ mù quáng, làm lễ phúng điếu, nhóm họp thân hữu. Dẫu cho bạn bè thân thiết tìm đến cũng nên đãi cỗ chay, vĩnh viễn chấm dứt rượu thịt. Ma chay, kính thần, đãi khách đều dùng món chay. Vàn muôn phần chớ nên dùng rượu thịt! Trong đám tang chẳng dùng rượu thịt, cổ lễ Nho gia đã là như vậy đó, chứ không riêng gì Phật giáo mới vậy. Nếu Hoàng Thái Tử đang cư tang mà lén lút uống rượu thì sử quan ắt phải ghi chép chuyện ấy để truyền cho hậu thế!

Hiện thời lễ giáo bỏ phế, đang cư tang vẫn tấu nhạc, sát sanh để giữ thể diện. Các ông đừng học theo thói cực ác ấy! Lại có kẻ còn đem hành trạng của người đã khuất in ra, thỉnh danh nhân đề lời tán tụng, tặng cho khắp mọi thân hữu. Chuyện ấy cũng hết sức vô lễ! Đem hình ảnh của cha mẹ in trên đấy, người ta nhận được xem qua một lần rồi quăng vô đống giấy lộn, chẳng biết đã khinh nhờn đến đâu! Các ông muốn làm cho cha mẹ được nở mày nở mặt, hãy nên trong mỗi niệm luôn tự phản

tỉnh, khởi tâm động niệm, xử sự, chẳng dám có một niệm không xứng đáng với Phật, Bồ Tát, thiên địa, quỷ thần. Nếu có thể giữ được như thế suốt đời thì mới là đại hiếu, tôn kính cha mẹ. Nếu không, do hành vi bất thiện, ắt người ta sẽ nói cha các ông tổn đức nên mới có đứa con không ra gì như vậy! Do đó, con người chẳng thể không tự trọng!

477. Thư trả lời anh em Khai Sanh, Ninh Sanh (thư thứ hai)

Thư nhận được đầy đủ. Kẻ làm con cái trong thế gian khi cha mẹ lâm chung phần nhiều là "đã rớt xuống giếng còn quăng đá!" Anh em ông chịu nghe theo lời tôi, cho nên cha các ông vãng sanh Tây Phương. Đấy là chân hiếu! Ông nên biết rằng: Bất luận già - trẻ - trai - gái lâm chung đều nên trợ niệm như thế. Đều phải là sau khi đã tắt hơi rồi, tối thiểu là trong vòng ba tiếng đồng hồ chẳng được đụng vào thân thể người ấy, chẳng ngớt tiếng niệm Phật, chẳng được khóc lóc, để càng lâu càng hay *(Do [nếu khuyên] để lâu thì sợ kẻ chẳng hiểu việc sẽ khó thể nghe theo được, nên chỉ nói là "ba tiếng đồng hồ").* [Cha các ông] thần thức không sáng suốt, sau khi uống nước Đại Bi, thần thức liền sáng suốt; đủ biết Phật lực chẳng thể nghĩ bàn, pháp lực chẳng thể nghĩ bàn, chúng sanh tâm lực cũng chẳng thể nghĩ bàn *(tức là lòng Thành của các ông).*

Mẹ ông Ngô Trạch Nam lâm chung, lưỡi cứng không động đậy được. Trạch Nam đem nước Đại Bi chấm vào lưỡi, trong khoảnh khắc lưỡi [của bà cụ] liền mềm mại có thể niệm Phật được. Bình thường cụ luôn niệm Phật cực nhỏ, lúc ấy lớn giọng niệm liên tiếp ba câu rồi qua đời. Cảnh tượng lúc cha ông lâm chung nếu chẳng phải là thêu dệt thì chắc chắn cụ được vãng sanh. Người bình thường chết rồi chẳng có tí hơi nóng nào, thân thể cứng đờ. Người niệm Phật mấy ngày xác chẳng

cứng, đấy là chuyện thường. Chuyện "hồi sát"[6] là kiến thức phàm tục của người đời. Phàm ai chết trong chùa miếu đều không có chuyện "hồi sát". Quê tôi gọi là "xuất ương" (thoát tai nạn).

Người niệm Phật vãng sanh Tây Phương chẳng thể làm theo cách lo toan mù quáng của tục nhân. Nay tôi lập cho các ông một biện pháp thích hợp với cả đạo Nho lẫn đạo Thích. Nhằm hôm "hồi sát", cả nhà hãy chí thành niệm Phật, hoặc một tiếng đồng hồ, hoặc hai ba tiếng đồng hồ là được; chớ nên làm theo cách thức "hồi sát" của người đời thì người chết lẫn kẻ sống đều được lợi ích lớn lao. Đối với chuyện thiết lễ phúng điếu, đãi tiệc khách [đến phúng điếu], quả thật đã thất lễ đến cùng cực. Hãy nên dùng khoản tiền ấy để làm chi phí cứu trợ tai nạn, đem công đức ấy hồi hướng Tây Phương thì là tốt lành nhất! Nếu chẳng thể không có một người khách nào đến viếng, quyết chớ nên dùng rượu thịt; ngay như cúng thần cũng dùng cỗ chay. Khi các ông gởi tới lá thư lần trước, trong khóa tụng sớm tối, Quang đã hồi hướng vãng sanh cho cha ông. Nay sẽ hồi hướng thêm ba thất nữa để trọn hết tình thầy trò. Còn chuyện thỉnh danh nhân đề lời tán tụng, viết điếu văn đều là bày vẽ rỗng tuếch bề ngoài, trọn chẳng ích gì cho người đã khuất cả!

Đang trong lúc nước nhà tan hoang, dân chúng khốn đốn này, đừng nên làm những chuyện lòe loẹt rỗng tuếch ấy thì mới là đúng. Các ông nên biết: Làm phận con chẳng gây nhục cho cha mẹ chính là lòng hiếu thảo suốt đời. Nếu thực hành chuyện "giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành" thì người ta do thấy những hành vi của các ông luôn tốt đẹp, dẫu miệng họ chẳng ca ngợi đức hạnh của cha mẹ các ông, nhưng trong lòng họ đã ngưỡng mộ, khâm phục đức hạnh của cha mẹ các ông. Đấy

---

[6] "Hồi sát" (回煞) là một thứ tín ngưỡng thông tục trong tang ma Trung Hoa đã có từ trước thời Tần. Sát (煞) có nghĩa là tính ngày người chết trở về thăm nhà, mà Sát cũng có nghĩa là các hung thần, tai vạ. Do vậy, Hồi Sát thường được hiểu thành "đẩy lùi hung tai, hung thần". Theo tín ngưỡng dân gian, linh hồn người chết sẽ quay trở lại nhà do Sảnh Thần (告神) dẫn đường trong một thời gian ngắn sau khi chết. Ngày giờ ấy thường được giới đạo sĩ tính ra, gọi là ngày Hồi Sát hay Tiếp Sảnh (接告: thường trong vòng từ bảy ngày đến mười bốn ngày sau khi chết). Ngày hôm ấy, phải mời đạo sĩ cử hành cúng tế, yểm đảo với mục đích ngăn ngừa những tà thần theo hồn người chết về bắt người thân chết theo (người Việt thường gọi là Thần Trùng), đồng thời thân nhân người chết đêm ấy phải ăn một số côn trùng đã hấp và biếu tặng một loại bánh gọi là bánh Trạng Nguyên (hay Tiếp Bài Cao) cho những hàng xóm thân thích để họ khỏi bị Thần Trùng quấy nhiễu. Có những trường hợp theo bói toán, bị kỵ tuổi quá nặng, đến tối hôm Hồi Sát, cả nhà phải bỏ trốn đi nơi khác mấy ngày.

là chuyện làm rạng danh cha mẹ lớn lao. Chứ nếu ăn uống, nhậu nhẹt, chơi bời, cờ bạc, không gì chẳng làm, dẫu có đem đức hạnh của cha mẹ ra khoe cho nhiều, trong lòng người ta ắt nghĩ: "Cha mẹ ngươi ắt làm chuyện tổn đức. Nếu không, sao lại sanh thứ con chẳng xứng đáng như ngươi cơ chứ?" Khiến cho cha mẹ nhục nhã quá sức! Vì cha các ông mà Quang nói với các ông như thế; các ông có chịu nghe theo hay không, tôi chẳng thể ép buộc được! Các ông hãy thử suy nghĩ chín chắn, suy xét cặn kẽ xem lời này có đáng nghe theo hay chăng?

478. Thư trả lời cư sĩ Ngô Kính Nhân

Thư nhận được đầy đủ, muốn cho quốc dân giàu mạnh, phải bắt đầu từ đề xướng nhân quả báo ứng. Nếu con người đều biết đến nhân quả, sẽ tự chẳng làm chuyện vượt lý, phạm phận, cũng chẳng chịu chuyên trọng cầu hoa mỹ, hao phí tiền bạc hữu dụng, vung vãi [tiền bạc] trong sự sưu tập những món vật ưa thích, chôn vùi ý chí. Mấy chục năm qua, đem mỡ màng của nhân dân để mua khí giới tự sát, mỗi năm chẳng biết đã chở ra ngoại quốc mấy ngàn vạn vạn [đồng]. Đấy chính là cái gốc khiến cho nước ta tự tàn hại, cướp bóc lẫn nhau. Quyền ấy tuy chẳng nằm trong tay người không có địa vị, nhưng nào ngại nói với hết thảy mọi người để họ đừng ngả theo thói ấy.

Ông đã cầu quy y, nay đặt pháp danh cho ông là Đôn Bổn. Kính là gốc của đức; hễ kính thì sẽ kìm nén được giận dữ, ngăn chặn lòng dục, chẳng làm các điều ác. Nhân là gốc của đạo; hễ nhân thì sẽ có thể nhân từ với dân, yêu thương loài vật, vâng làm các điều lành. Lại còn sanh lòng tin, phát nguyện, niệm Phật cầu sanh Tây Phương, khuyên hết thảy mọi người đừng tạo cái nhân giết chóc để khỏi phải chịu sát báo. Hễ vãng sanh Tây Phương thì sẽ siêu phàm nhập thánh, liễu sanh thoát tử. [Phong thái ấy] sẽ từ nhà lan đến làng, đến ấp, chẳng tiếc tâm lực để kính khuyên; ấy chính là "làm nghề mà cũng tăng tấn đạo" vậy! Đối với chỗ trọng yếu nơi tu trì thì Văn Sao đã có nói đủ, xin hãy đọc kỹ sẽ tự biết rõ. Chỗ cốt yếu nằm nơi thực hành và chí thành. Nếu không, sẽ chẳng phải là Đôn Bổn (đôn đốc, vun quén cái gốc), mà là Hại Bổn. Nay gởi cho ông Một Lá Thư Trả Lời Khắp và toa thuốc để mong lợi khắp các đồng nhân.

479. Thư trả lời cư sĩ Chấn Hạc (thư thứ nhất)

Ông đã phát tâm quy y, nay đặt pháp danh cho ông là Huệ Mại, nghĩa là nương theo pháp môn Tịnh Độ được nói từ trí huệ của Phật để tu, sẽ liền có thể vượt ra ngoài tam giới sanh tử; vì thế gọi là Huệ Mại[7]. Ông đã có các sách như Văn Sao v.v… chỉ nên y theo [những sách] đó để tu trì sẽ liền được lợi ích chân thật. Quang mục lực chẳng đủ, không thể viết tường tận được. Đã quy y Tam Bảo, ắt phải kiêng giết, bảo vệ sanh mạng, ăn thuần đồ chay. Nếu trong nhất thời chẳng thể ăn thuần đồ chay được, cũng nên trì Thập Trai hoặc Lục Trai, nhất là phải biết sâu xa những lỗi lầm do ăn thịt. Dẫu chẳng phải là ngày ăn chay, cũng nên cực lực giảm thiểu ăn thịt, càng phải nên nhất tâm niệm Phật. Nếu có tượng Phật thì sớm chiều đối trước [tượng] Phật thắp hương, lễ niệm. Trừ những lúc ấy ra, đi - đứng - nằm - ngồi đều niệm. Dẫu nhằm ngày ăn mặn cũng vẫn phải niệm, phải ngày ngày, giờ giờ thường niệm. Lại phải dạy hết thảy mọi người trong nhà và hết thảy những người ngoài đều niệm. Lại còn phải giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành thì mới là đệ tử thật sự của đức Phật, mới có tư cách vãng sanh Tây Phương. Những điều khác đã nói tường tận trong Văn Sao và Một Lá Thư Trả Lời Khắp.

480. Thư trả lời cư sĩ Chấn Hạc (thư thứ hai)

Thư tháng Chạp năm ngoái tôi chưa nhận được. Nay viết pháp danh cho vợ ông, lại gởi hai gói sách. Quang già rồi, mục lực lẫn tinh thần đều chẳng đủ, từ nay về sau vĩnh viễn đừng gởi thư đến nữa, cũng đừng giới thiệu ai quy y, bởi không có mục lực lẫn sức lực để thù tiếp. Dẫu thỉnh sách từ Hoằng Hóa Xã cũng đừng gởi kèm thư cho Quang qua thư ấy. Hễ gởi kèm cũng nhất quyết không trả lời. Hai gói sách này tôi tặng cho ông, cũng đừng gởi tiền đến để đôi bên khỏi phải mệt trí. Nữ nhân lấy "giúp chồng dạy con" làm thiên chức, trong Văn Sao, Gia Ngôn Lục đã nói nhiều lần. Trong Một Lá Thư Trả Lời Khắp cũng nói đại lược. Chịu hành theo đó thì thọ dụng cả đời cũng chẳng hết!

481. Thư trả lời các cư sĩ thuộc Niệm Phật Hội

[7] Mại (邁) là vượt xa, bước đi.

Bạch Huệ Tu đến đây cầm theo thư, cậy tôi ước định chương trình của Trợ Niệm Đoàn. Đối với điều này thì trong Sức Chung Tân Lương đã có định chương trình rồi, có thể châm chước [theo đó] để áp dụng. Quang già rồi, tinh thần lẫn mục lực đều chẳng đủ, trong mùa Đông năm ngoái đã cực lực cự tuyệt hết thảy thư từ, viết lách. Phàm thư gởi đến đều dặn: "Từ nay về sau đừng gởi thư tới nữa! Gởi đến quyết không trả lời, cũng chẳng chấp nhận giới thiệu người khác quy y" để khỏi bị mệt nhọc quá đến nỗi mù mắt lẫn tổn mạng! Tất cả mười một pháp danh đều viết ra cả rồi. Sáu đồng hương kính và hai đồng của Bạch Huệ Tu, Bạch Phước Kính cộng lại thành tám đồng, đều dùng để gởi cho quý hội những sách dành cho người sơ cơ và Tịnh Nghiệp Nhật Khóa. Từ nay về sau nếu vẫn gởi thư đến nữa, chắc chắn không trả lời. Xin ai nấy hãy giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành, tín nguyện niệm Phật, cầu sanh Tây Phương để chẳng thẹn là đệ tử Phật. Trong đời này bèn có thể siêu phàm nhập thánh, liễu sanh thoát tử. Xin hãy nói với các vị ấy thì may mắn lắm. Một Lá Thư Trả Lời Khắp quan hệ thật lớn. Hết thảy mọi người đều y theo đó mà hành thì lợi ích lớn lao lắm!

482. Thư trả lời cư sĩ Kiều Tuân

Mùa Đông năm ngoái nhận được thư, biết ông ở chùa Thái Bình viết sách thay cho cụ Chân (hòa thượng Chân Đạt) đã có thành tích, khôn ngăn vui mừng, an ủi. Phàm mọi chuyện bất luận lớn - nhỏ hễ thuộc về bổn phận của ta đều nên tận tâm tận lực mà làm. Ấy gọi là *"sư tử bắt thỏ cũng dùng toàn lực"*. Con người sống trong thế gian, chớp mắt liền qua. Hễ may mắn còn sống trong thế gian đều phải sốt sắng mà làm. Nếu không, thời thế, tuổi tác đã qua, muốn làm nhưng chẳng thể làm được. Quang đã tám mươi tuổi, chẳng thành được chuyện nào, chỉ biết mặc áo, ăn cơm. Đấy gọi là *"thiếu tráng bất nỗ lực, lão đại đồ thương bi"* (trẻ khỏe chẳng gắng sức, già lụn luống buồn đau). Ông tuổi trẻ, chí nguyện, sức lực mạnh mẽ, hãy nên gắng sức theo đuổi để khỏi phải uổng công tiếc nuối bi thương!

483. Thư trả lời cư sĩ Bạch Tĩnh Tu

Thư nhận được đầy đủ. Trời nóng, công việc bận bịu, chẳng rảnh rỗi để viết nhiều. Nay đặt pháp danh cho ông là Huệ Tu, nghĩa là nương

theo trí huệ của Phật để tu Tịnh Độ, tự lợi, lợi tha. Những điều khác hãy chiếu theo những gì đã nói trong Một Lá Thư Trả Lời Khắp để làm thì pháp thế gian lẫn pháp xuất thế gian đôi đằng đều được đầy đủ, không thiếu sót. Sợ ông thấy nghe chưa rộng nên nay gởi cho ông một bộ Tịnh Độ Thập Yếu. Chúng sanh đời Mạt chẳng y theo pháp này để tu thì tuy tu hành vẫn đáng thương lắm thay! Do chẳng biết cậy vào Phật lực, cứ lệch lạc muốn cậy vào tự lực, sợ rằng bao kiếp cũng không có ngày thoát khỏi sanh tử. Một bộ Phật Học Cứu Kiếp Biên, một bộ An Sĩ Toàn Thư, một cuốn Sức Chung Tân Lương, có những sách này để làm người hướng dẫn cho tương lai, sẽ tự chẳng đến nỗi bị lầm lạc vì những kẻ tự phụ thông minh vậy.

484. Thư trả lời cư sĩ Tiết Huệ Trúc

Kẻ ngu trong thế gian thích tự lập môn đình, ăn trộm những lời lẽ trong Tam Giáo, lập ra đạo bí mật "chẳng được nói với người khác!" Do bí mật nên những kẻ không biết nội dung đều như nhặng bu theo mùi thối. Vì trước khi được truyền đạo đã phát lời thề độc địa nên kẻ ngu đến chết cũng chẳng dám trái nghịch. Hết thảy ngoại đạo trong thế gian đều cậy vào hai biện pháp này để truyền khắp thiên hạ, không thể nào diệt được! Nếu bọn chúng không có hai biện pháp này thì không một loại ngoại đạo nào có thể tồn tại, đứng vững trong thế gian! Các ông may đã thoát khỏi đường tà, trở về chánh đạo, hãy nên giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, nghiêm túc tuân phụng Phật pháp. Pháp danh của hai ông Vũ và Tả được viết trong một tờ giấy khác. Gởi cho hai người ấy mỗi người bốn gói sách để làm khai thị. Xin hãy nói với bọn họ. Trong năm nay sẽ có hai lần gởi đến chừng đó cuốn sách *(Ngày Mười Ba tháng Tám)*

485. Thư trả lời cư sĩ Lạc Quý Hòa (thư thứ nhất)

Nhận được thư, khôn ngăn cảm kích, hổ thẹn. Quang thuở bé thiếu học vấn, tuổi già chẳng biết gì; ai nấy đều đem sai ngoa lan truyền sai ngoa, lầm bảo Quang là tri thức. Lọt vào thế bất đắc dĩ, chỉ đành góp nhặt lời quê mùa cho xong trách nhiệm. Nào ngờ các hạ cũng vì thấy muôn người đồn đãi như thật mà tưởng là thật, chẳng suy xét [Quang được tiếng thiện tri thức như vậy] thật ra là do một người lan truyền hư giả. [Quang viết] lời tựa cho Tâm Kinh ông chẳng bắt tội thì là đã rộng dung rồi, huống chi lại còn khen ngợi quá đỗi! Xấu hổ há thể nào cùng

cực! Tờ báo của quý vị đổi thành nguyệt san, rất hữu ích. Còn những bài viết hủ bại của Quang đâu đáng để chiếm chỗ tốt đẹp ấy! Huống chi tôi bận việc đa đoan, không có ai chịu nhọc nhằn giùm tôi, dẫu có một hai bài hơi đáng để mắt đến thì cũng đâu rảnh rang để sao ra gởi tới!

Còn như các hạ nói "xuất gia để chuyên tu", Quang trọn chẳng nghĩ như thế là đúng; bởi các hạ tài trí đủ để hoằng pháp, suất lãnh người nhà cùng tu Tịnh nghiệp thì đôi bên đều được lợi ích. Nếu xuất gia thì người nhà khốn khổ, ắt sẽ dấy lòng báng pháp. Như vậy là chưa thể tự lợi mà đã hại người nhà trước, nỡ lòng làm chăng? Phật pháp không một ai chẳng kham tu, mà cũng không một ai chẳng thể tu được. Chỉ nên trong niệm niệm biết "chẳng tu tịnh nghiệp sanh về Tây Phương thì sẽ luân hồi cả kiếp dài lâu, chẳng thể thoát được!" Do vậy, xót mình, xót người, thương ta, thương người, lớn tiếng hô hào để gần là người nhà, xa là người đời đều cùng tu đạo này! So với việc chỉ cầu tự giải thoát cho chính mình, lợi ích há nào phải khác biệt vời vợi như trời với đất? Đang trong thời buổi hoại loạn đến tột cùng này, muốn vãn hồi thế đạo nhân tâm thì càng phải coi sự lý nhân quả báo ứng là chuyện quan tâm bậc nhất. Biết nhân quả báo ứng, sẽ tự gắng sức làm người lương thiện. Nếu chỉ bàn nói điều huyền lẽ diệu, chẳng chú trọng nhân quả, chắc sẽ trở thành phường *"miệng miệng nói không, bước bước làm có!"* Lợi ích [sẽ đạt được] cũng chẳng qua là gieo hạt giống trong tương lai mà thôi! Nếu chú trọng nhân quả sẽ giữ được tấm lòng "sửa lỗi, hướng lành". Đấy chính là điều phải gấp rút bàn đến khi hoằng pháp trong thuở hiện tại này.

486. Thư trả lời cư sĩ Lạc Quý Hòa (thư thứ hai)

Nhận được thư hôm Hai Mươi Bốn, khôn ngăn cảm kích, hổ thẹn. Văn của Quang hệt như gom lá mà các hạ và Lý Khế Nguyên lại phỏng theo lầm lạc, cho là "có thể làm cho người khác sanh lòng tin tưởng!" Quang cũng chỉ đành đem lầm đáp lạc. Hiềm rằng mấy hôm gần đây công chuyện quá nhiều, thật chẳng có buổi rảnh rỗi, vì thế lần khân đến nay, chịu lỗi khôn cùng! Tôi vốn muốn đọc cuốn Phật Pháp Yếu Luận hai lượt nhưng không có thời gian, sức lực, chỉ đọc được một lần. Do trong bản giảo chánh gốc, những chữ được viết theo lối Phá Thể đều được liệt kê, nên tôi cũng bắt chước theo, trong [sách] ấy có mấy chữ đáng nên thương lượng, châm chước thì tôi cũng nêu ra. Xin hãy cân nhắc!

Soạn được lời tựa gồm sáu trăm mấy chục chữ, chi ly, dông dài, thật chẳng đáng xem; chẳng qua cậy vào đó cho xong trách nhiệm. Nếu ghép [bài tựa ấy] vào đầu cuốn sách thì cũng chỉ là thêm thắt râu ria, chứ trọn chẳng có chỗ nào nêu bật được những ý nghĩa trọng yếu của cuốn sách. Hôm Hai Mươi Sáu, do Phương Viễn Phàm thấy các hạ từ đầu đến cuối sẵn lòng muốn sao chép lại, liền gởi tới hai bản, cậy Quang giảo chánh một lượt. Do vậy liền đọc hai lần, ngày hôm sau liền gởi đi. Do lúc sắp xếp, giảo chánh còn có chỗ sai sót, sợ rằng ông ta sẽ phải in bản đính chánh, nên chẳng dám để lâu. Ngày Hai Mươi Tám, cư sĩ Liên Hàng cũng gởi đến một bản, chắc các hạ đã xem qua rồi. Những chữ bị sai chắc các hạ cũng đã biết hết rồi, nên không gởi đi. Chỉ có dòng mười bảy trong trang mười chín và dòng thứ hai trong trang hai mươi tựa hồ bị sót câu văn, xin hãy xem kỹ. Nếu thật sự bị sai sót, xin hãy gởi sang cho cư sĩ Phương Viễn Phàm ở số Bảy Mươi Bốn, ngõ Hằng Dũ, đường Thanh Vân, thuộc Áp Bắc, Thượng Hải. Ông ta ở nhà người em rể. Thư của Lý Khế Nguyên gởi trả lại theo thư này.

487. Thư trả lời cư sĩ Lạc Quý Hòa (thư thứ ba)

Nhận được thư và bài văn đã sửa đổi rất hay. Cuốn sách ấy (tức Phật Pháp Yếu Luận) văn lẫn nghĩa đều hay, chỉ có mình chỗ ấy dường như bị khiếm khuyết. Vì thế, Quang xin các hạ thêm vào [nguyên bản] để lúc tái bản sẽ in thêm vào. Ngoài ra đều không có gì khiếm khuyết cả. Tất cả hai mươi mấy chữ sai đều do kẻ sao chép vô ý gây ra. Quang đang tính cách tái bản, nên với những chữ sai, chữ viết theo lối Tục Thể và đa số là những chỗ thiếu dấu chấm câu, mỗi mỗi đều ghi ra, gởi cho ông Phương Viễn Phàm. Nay tôi đem bản liệt kê [những chỗ sai] ấy gởi cho ông, xin hãy xem qua. Đây là chuyện giảo chánh, đối chiếu nhỏ nhặt, nào dám

gọi là "giám đính?"[8] Sách đã có lời tựa của ngài Đế Nhàn thì đã đủ để phát khởi lòng kính ngưỡng cho người ta rồi, đâu cần lời tựa của Quang!

Huống chi Quang lắm việc bận bịu, không lâu sau phải sang Thượng Hải để lo liệu chuyện [ấn tống] Quán Âm Bổn Tích Tụng. Lại còn phải sắp đặt một bản Văn Sao khác, tính sắp xếp sao cho mỗi trang tăng thêm hai hàng, mỗi hàng thêm hai ba chữ, [thành ra] thêm ba vạn chữ vào lời văn. Nếu chẳng thể mở rộng diện tích in chữ trong một trang thì cũng là một cách để giảm bớt chi phí.

Thêm nữa, do thanh niên không biết tiết dục cũng như [chẳng biết] những chuyện [cần phải] kiêng kỵ trong ăn nằm; do vậy mất mạng không biết là bao nhiêu, hoặc trở thành tàn tật cũng không đếm xuể. Bởi vậy, tôi phát tâm in cuốn Bất Khả Lục, tăng thêm một vạn chữ, đổi tên thành Thọ Khang Bảo Giám. Một vị cư sĩ bỏ ra một ngàn sáu trăm đồng để ấn tống, có thể in gần tới ba vạn bản. Lần này sang Thượng Hải để lo liệu sắp chữ. Cuối Thu, Văn Sao lẫn Thọ Khang đều có thể in ra sách; do vậy, bận túi bụi. Ước chừng giữa tháng Năm chắc sẽ quay về núi. Tâm Kinh Thiển Thuyết chưa thấy gởi đến, không cần phải lo chuyện này. Dẫu có một hai chữ bị sai cũng không ảnh hưởng lớn lao, người thông hiểu văn nghĩa sẽ đều nhận biết.

488. Thư trả lời cư sĩ Lạc Quý Hòa (thư thứ tư)

Thư hôm Mười Một chắc ông đã nhận được rồi. Hôm qua nhận được thư, khôn ngăn cảm kích, hổ thẹn. Đôi bên tâm giao, há cần phải khiêm hư quá mức như vậy? Tâm Kinh Thiển Giải không bị sai ngoa nhiều lắm, do thấy có lúc các hạ dùng chữ theo kiểu Phá Thể nên Quang bèn

---

[8] Giám đính phức tạp hơn giám định. Giám đính bao gồm đính chánh những lỗi sai ngoa, kể cả ý tưởng, sửa đổi câu văn cho gãy gọn, gọt giũa, sắp xếp lại văn bản nếu cần thiết, lược bỏ những ý kiến vũ đoán, thiên chấp, tăng thêm những ý kiến, lý luận, chứng cứ để vấn đề trình bày mang tính cách thuyết phục hơn, cũng như đưa ra ý kiến quyết định nếu một vấn đề được nêu trong tác phẩm chưa rõ ràng, dứt khoát. Giám định phần nhiều là sửa sai, nhuận sắc câu văn cho gãy gọn nhưng phải đảm bảo không sai ý tác giả. Giám định thường áp dụng cho những tác phẩm của chính mình viết hoặc là do người khác sao chép lại những lời mình nói để nhằm bảo đảm người biên tập, ấn hành sao chép tuân thủ trung thành với ý tưởng của mình. Giám định đôi khi chỉ đơn giản là sửa cho đúng những chỗ sai ngoa trong những tác phẩm cổ do sao chép, khắc in để bảo đảm khôi phục đúng diện mục của các văn bản cổ. Ở đây, Tổ chỉ nêu ra những lỗi do thiếu chấm câu, chữ bị sai nét, không đúng quy cách, hoặc bị sót chữ cho cuốn Phật Pháp Yếu Luận nên chỉ gọi là "giảo đối".

căn cứ theo đó để nêu ra cặn kẽ; nếu có một hai chỗ thay đổi, xin hãy xem xét kỹ để chẳng đến nỗi "khoét thịt thành vết thương". Do năm ngoái có chiến tranh nên chẳng dám phát hành bản đính chính cho cuốn Đại Sĩ Tụng *(có hơn hai ngàn cuốn ở Trung Hoa [Thư Cục])*. Sau đấy do nước cạn, chẳng thể ra khỏi núi được. Nay bản chánh vẫn chưa gởi đến; do vậy, tạm thời dùng giấy Mao Thái[9] in một vạn tờ cho mọi người xem. Nội trong tháng này sẽ phát ra.

Các hạ dùng chữ *"có thể rộng lòng ban cho mấy bộ được chăng?"* sao mà xem Quang hẹp lượng đến thế? Quang tính quyên góp in mấy chục vạn cuốn để lưu truyền khắp trong ngoài nước. Tuy chưa thể như nguyện, nhưng đã được sáu vạn bộ rồi. Tuy hoàn toàn giao cho người bỏ tiền ra in tự biếu tặng, nhưng cũng có hơn một vạn bộ cậy Quang biếu tặng. Các hạ đã hỏi xuất bản [hay chưa] thì được, chứ nói *"có thể rộng lòng ban cho hay chăng?"* thì quá khiêm hư, đâm ra coi nhẹ Ấn Quang! Quang bận bịu quá nhiều chuyện, không rảnh rang để soạn văn. Vào ngày Hai Mươi Mốt, Hai Mươi Hai sẽ sang Thượng Hải để lo liệu chuyện [ấn tống] Quán Âm Tụng và nhờ Trung Hoa [Thư Cục] sắp chữ để in một bản Văn Sao khác.

Lại còn cho sắp chữ bản tăng đính cuốn Bất Khả Lục, ước chừng trong năm nay đều có thể in ra sách. Bất Khả Lục là do một cư sĩ được Tam Bảo gia bị, chẳng dùng thuốc mà căn bệnh ngặt nghèo suốt mấy tháng được lành *(do vợ ông ta cầu nguyện suốt đời ăn chay nên ngay hôm ấy liền có chuyển biến, chẳng thuốc men mà được lành)*; do bệnh đã lâu chưa được bình phục hoàn toàn mà đã phạm "phòng sự" (ăn nằm) liền đến nỗi mất mạng[10]. Quang nghĩ: Người đời chẳng biết kiêng kỵ đến nỗi người tử vong chẳng biết là bao nhiêu, liền phát tâm in sách này nhằm cứu giúp bọn thanh niên một cách vô hình, đạt đến bình trị khi chưa loạn, giữ yên đất nước khi còn chưa nguy. Nếu vị cư sĩ ấy biết được chuyện này sẽ trọn chẳng đến nỗi gặp phải kết quả ấy. Người ấy còn là người thành thật ưa thích điều nghĩa, chứ không phải là kẻ đớn hèn; tiếc là do chẳng biết kiêng kỵ đến nỗi mất mạng! Do vậy, người vợ hiền chí thành cầu đảo cho chồng được lành bệnh rốt cuộc trở thành ác phụ giết chồng, đều là do lúc thường ngày chẳng hiểu biết về đạo ăn nằm giữa vợ chồng nên

---

[9] Mao Thái là một loại giấy có màu ngà, hơi tối, không dày lắm, sản xuất chủ yếu tại hai tỉnh Giang Tây, Phước Kiến vào đầu thời Dân Quốc

[10] Vị cư sĩ này tên là La Tế Đồng, xin coi chi tiết trong bài *"Lời tựa sách Thọ Khang Bảo Giám"* (số 95) trong bộ Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 3.

mới đến nỗi như thế. Các hạ hành nghề Y, càng phải nên răn nhắc [bệnh nhân] về chuyện kỵ húy này để hết thảy mọi người chẳng đến nỗi lầm lạc mất mạng. Công đức ấy so với công dùng thuốc trị bệnh sẽ càng rộng lớn hơn nhiều.

Từ nay về sau, nếu không có chuyện gì khẩn yếu đừng gởi thư đến; bởi tôi ra khỏi cửa bận bịu lắm việc, không rảnh rỗi để phúc đáp được đâu! Ước chừng giữa tháng Năm tôi sẽ trở về núi, vì trong tháng Ba năm ngoái, vị Trụ Trì đã thoái ẩn của ngôi chùa tôi ở đã giao cho tôi giám đính Phổ Đà Sơn Chí *(do một Nho sĩ tu chỉnh)*, đã cả năm rồi nhưng vẫn chưa rảnh rỗi để xem đến. Khi về núi, phải lo chuyện này trước để sách được lưu thông *(Ngày Mười Bốn tháng Ba)*

489. Thư trả lời cư sĩ Bàng Khế Thành

Toa thuốc cai á phiện gởi kèm theo thư cực hay. Trong hai bản khắc gỗ và đúc kẽm bộ An Sĩ Toàn Thư và Văn Sao, Quang đều có đính kèm [toa thuốc này]. Lại còn gởi khắp cho những bạn bè quen biết các nơi, mong [toa thuốc ấy] được lưu truyền. Y theo toa thuốc ấy để cai nghiện, trong mười người có đến tám chín người khỏi nghiện. Những kẻ không cai nghiện được quá nửa là do thân thể người ấy trước đó đã sẵn bệnh, hễ cai hút liền đổ ra bệnh khác. Đây chẳng phải là thuốc không linh nghiệm mà là do [cơ thể] người ấy thiếu căn bản (tức không đủ mạnh để có sức chịu đựng những vật vã khi cai nghiện – chú thích của người dịch). Ấy là tánh chất đặc biệt, chứ không phải là điều phổ cập tổng quát. Sợ có một hai kẻ thấy toa thuốc không linh nghiệm bèn nói toa thuốc ấy chẳng hay, nên tôi giãi bày nguyên do. Ôi! Người nước ta mê muội đến thế, coi chất Trầm độc[11] là bổ dưỡng, nào biết nó đã khiến cho nhà tan, nước nghèo, nhân dân suy đồi, tàn phế! Chao ôi, buồn thay!

490. Thư trả lời cư sĩ Bách Linh

Học đường hiện thời đúng là hầm bẫy người. Chẳng hãm trong tà thuyết thì cũng hãm trong tự do luyến ái, mặc tình ăn chơi bừa bãi. Phải biết rằng con người chỉ là một động vật cao bốn năm thước mà cùng với trời đất xưng thành Tam Tài thì cái danh xưng Con Người tôn quý không chi bằng! Danh đã tôn quý, ắt phải có thực chất tôn quý thì mới

[11] Trầm độc: Theo truyền thuyết Trầm (鴆, còn đọc là Trấm hoặc Trậm) là một giống chim rất độc, một cái lông của nó rớt xuống nước thì cả dòng nước liền hóa độc.

đáng gọi là Người. Nếu không, sẽ thành "cầm thú đội mũ, mặc áo", do không có hơi hướng của con người! "Tài" (才) là khả năng. Trời có khả năng sanh ra vật, đất có khả năng chở vật, con người có khả năng kế thừa bậc thánh đời trước, mở mang lối học cho người đời sau, giúp đỡ những chỗ trời đất chẳng thể sanh thành, trưởng dưỡng! Vì thế, mới cùng với trời đất xưng là Tam Tài. Nếu chỉ biết ăn uống, trai gái, chẳng biết "hiếu, đễ, trung, tín, lễ, nghĩa, liêm, sỉ" thì so ra còn xấu hèn hơn cầm thú. Người như thế chỉ mang xuông cái thân người suốt cả một đời, trọn chẳng có một điểm nào mang hơi hướng con người! Khi một hơi thở ra không hít vào được nữa, sẽ đọa địa ngục trải trăm ngàn kiếp trọn chẳng có thuở thoát ra. Muốn làm cầm thú còn chưa thể được; huống là lại được làm thân người ư?

Thuở ban đầu ông không biết nghĩa này, nghe bạn xấu xúi giục bèn ăn chơi bừa bãi, đến khi bị mắc bệnh phong tình đau đớn không thể chịu đựng nổi. Lành bệnh rồi lại ăn chơi, lại đổ bệnh, lại phạm, cũng là kẻ chẳng biết tốt - xấu quá mức, quá thiếu chí hướng, khí tiết! Cần biết rằng đàn ông ăn chơi bừa bãi và nữ giới lén lút tằng tịu với người khác trọn chẳng hơn kém nhau! Người đời thường coi chuyện nữ giới lén lút tằng tịu với người khác là hèn hạ, chẳng chê trách nam giới ăn chơi bừa bãi. Đấy đều là chẳng biết đến ý nghĩa tên gọi Con Người, cho nên mới có tri kiến kém hèn như thế. May là ông đã nhiều lần chịu khổ, mới biết quay đầu, cũng là do thiện căn trong đời trước xui khiến. Nhưng Quang vẫn phải nói rõ nguyên do, vì sợ ông chưa chết hẳn cái tâm ấy, chắc sau này sẽ lại giẫm theo vết xe đổ ấy!

Vì thế, muốn làm cho ông biết danh hiệu Con Người tôn quý, chẳng đến nỗi tự ruồng rẫy, tự vứt bỏ! Và còn dùng những điều này để khuyên nhủ hết thảy thanh niên nam nữ cùng vâng giữ danh xưng Con Người tôn quý, thực hành điều lành thế gian là "giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành". Lại còn phát Bồ Đề tâm, làm lợi khắp ta lẫn người, đều cùng sanh lòng tin, phát nguyện, niệm thánh hiệu Phật, cầu sanh Tây Phương để tu điều lành xuất thế. Như vậy sẽ đáng gọi là Con Người, tuy chưa thể kế thừa bậc thánh đời trước, mở mang lối học cho người đời sau, giúp đỡ quyền sanh thành trưởng dưỡng của trời đất giống như bậc thánh hiền thời cổ, nhưng đã có chút phần công đức "kế thừa, mở mang, giúp đỡ" thì cái danh xưng Con Người mới có thực tế, chẳng thành nói xuông!

Nay đặt cho ông pháp danh là Tông Thành. Tông là chủ, là gốc. Nghĩa là dùng lòng chí thành chân thật để tự hành, dạy người, chẳng để một mảy may ý niệm hư giả và xấu hèn [nẩy sanh] đến nỗi cô phụ một chữ Người vậy! Hãy nên tự trì Ngũ Giới trước. Đã có thể trì thật sự lâu ngày rồi mới thọ, sẽ chẳng khó khăn gì! Nếu tâm vẫn còn do dự sẽ gọi là "trò đùa trẻ nít!" Chẳng những ông tự mắc tội lỗi mà Quang cũng cùng phạm tội lỗi *(Ngày mồng Tám tháng Sáu)*

491. Thư trả lời cư sĩ Huệ Tài

Nhiều lần mơ thấy giấc mộng tốt đẹp, ấy chính là do nhân trong đời trước lẫn lòng khẩn thiết trong đời này cảm vời. Đại tự viện [trong giấc mộng] chính là pháp hội Hoa Nghiêm, nhưng do ông chưa phá Phiền Hoặc, chỉ thấy được tướng tầm thường, chẳng thấy được tướng thù thắng, nhưng thấy được cảnh giới ấy cũng đã chẳng dễ dàng gì! Đối với chuyện [ông nằm mộng thấy] vị trưởng giả đưa nước cho uống, ấy chính là Văn Thù Bồ Tát đem cam lộ ban cho ông. Hãy nên thường gắng sức để khỏi phụ một phen ân đức gia bị.

Ấy là vì phàm phu sát đất phần nhiều bị cảnh chuyển. Vì thế nên Tăng Tử khi sắp mất, mới nói: *"Kinh Thi có câu: 'Dè dặt kinh sợ như vào vực sâu, đi trên băng mỏng', từ nay trở đi, ta biết thoát khỏi"*. Chưa đến lúc lâm chung, vẫn sợ có khi bị vây hãm, chìm đắm, chẳng dám nói lời lớn lối ấy. Những kẻ thích ăn nói lớn lối hiện thời đều là những gã cuồng trọn chẳng dụng công nơi những điều họ có thể thực hiện được! Lệnh hữu thiệt căn (lưỡi) không nhanh nhạy chính là vì túc nghiệp. Niệm kinh Pháp Hoa cố nhiên là tốt, nhưng niệm Phật, niệm Quán Âm cũng có thể tiêu nghiệp, tăng huệ; chớ nên cố chấp, cho là "chỉ có niệm kinh Pháp Hoa mới được như thế". Nếu thật sự chí thành niệm Phật còn có thể siêu phàm nhập thánh, nào phải chỉ khiến cho thiệt căn được lanh lợi mà thôi ư? *(Ngày Hai Mươi Lăm tháng Giêng năm Đinh Sửu - 1937)*

492. Thư trả lời cư sĩ Huệ Hoa

Mấy hôm trước nhận được thư ông, khôn ngăn khiến người khác đau lòng! Thiên tai, nhân họa liên tục giáng xuống các tỉnh nước ta, dân không lẽ sống, thật đáng đau đớn thở than. Truy tìm nguyên nhân thì cái nhân xa là do Trình - Châu đả phá nhân quả luân hồi, cái nhân gần là do nhà cầm quyền đương thời vứt bỏ pháp tắc của bậc thánh nhân thời cổ,

noi theo đường lối của người Tây Phương, đến nỗi cả nước như cuồng, lòng người ngày càng bại hoại, thiên tai thường giáng xuống. Nhà ông ở gần bờ sông, chẳng những nhà cửa đã không còn, chỉ sợ ruộng nương cũng tan nát. Suy tính đến kế sách cho tương lai, hãy nên đưa mẹ già và gia quyến dọn đến sống nơi tỉnh thành, có tiền lương của ông thì cũng còn có thể duy trì được! Nếu lòng mơ tưởng xa xỉ quá mức, muốn khôi phục lại nhà cửa, ruộng đất như xưa, sợ không có sức làm như vậy được đâu!

Nếu cứ cưỡng làm, chắc sẽ không thể nào chẳng noi theo hành vi của con người hiện thời, tức là vẫn hiềm tai ương còn bé nhỏ, càng tạo cái nhân cho tai họa lớn lao hơn, đấy chính là cách suy nghĩ tính toán của kẻ si vậy! Nếu có thể toàn thân buông xuống, chỉ quan tâm đến tình trạng hiện thời, quyết chẳng dám lại tạo cái nhân gây ra tai họa nữa thì mai sau sẽ hưởng tình cảnh tốt đẹp không ngờ! Quân tử hành xử theo đúng địa vị *(chính là lúc hiện tại vậy)*. Đấy chính là cách tốt lành *"gặp cảnh hoạn nạn bèn hành xử theo cảnh hoạn nạn"*. Còn chuyện lập cách để cứu giúp thì Quang đâu có sức lực lớn lao ấy. Năm nay, tôi đã tiêu lặt vặt vào chuyện cứu tế tai nạn và công ích hơn một ngàn đồng. Với những khoản tiền do người khác quyên tặng để in sách, tôi đã bảo họ đem cứu tế tai nạn tại Thiểm Tây tới hơn hai ngàn đồng. Huống chi Quang một mực chẳng chịu hướng về người khác quyên mộ, chẳng qua họ đã phát tâm, liền bảo họ chuyển [khoản tiền ấy] sang [làm chuyện khác] mà thôi!

Điều đáng nên dốc sức là phải cực lực đề xướng nề nếp đạo đức cũ, nhân quả, báo ứng. Trước mắt, [tôi cho] ấn hành cuốn Bát Đức Tu Tri, đợi khi sách được in ra sẽ gởi cho ông mấy gói để làm căn cứ đề xướng. Hiện thời, Quang bận bịu cùng cực, hết thảy chuyện thù tiếp đều tạ tuyệt. Do kể từ mùa Xuân năm ngoái phải tu chỉnh ba bộ Sơn Chí Thanh Lương, Nga Mi, Cửu Hoa, thỉnh ông Hứa Chỉ Tịnh soạn những ý chánh, còn chuyện sửa chữa, sắp đặt đều giao về cho Quang. Gần hết một năm rồi mà chưa xong được bộ nào cả! Nay Thanh Lương Chí đã cho sắp chữ, nếu không cự tuyệt hết thảy thì thật khó thể nào như pháp được. Ước chừng năm sau vào thời điểm này chắc sẽ đều xong xuôi hết. Nếu có bộ nào được in ra, cũng sẽ gởi cho ông. Xin đừng gởi thư tới, dẫu nhận được sách cũng chỉ ghi giản lược là "đã nhận được" mà thôi!

493. Thư trả lời cư sĩ Trần Bá Đạt (thư thứ nhất)

Nhận được thư, biết lệnh nghiêm[12] gặp rất nhiều chuyện linh cảm, khôn ngăn khâm phục, an ủi. Nếu ước theo lúc nhận lãnh pháp thì Đại Sĩ và thiên long bát bộ đều hiện, nhưng chắc là do có giới cấm của Mật Tông không cho phép tuyên truyền cảnh giới nhiệm mầu [cho nên cụ không nói ra]. Đấy có phải là vì Bồ Tát thuận lòng người chuyên phụng thờ Cơ Đốc (Christ) mà thị hiện đó chăng? Nếu ước theo nghĩa này để phán định thì cụ nhất định có sở chứng. Nếu cụ không có sở chứng, chắc chắn bậc thánh chẳng khinh suất ứng hiện xuông được! Nếu nói để khơi gợi lòng tin mà thấy Ứng Thân thì đấy chính là tướng trạng khi người niệm Phật lâm chung, do chưa phá vô minh nên thân [của Phật, Bồ Tát, thánh chúng] được thấy đều là Ứng Thân; bởi lẽ, do thiện căn của người ấy chưa thể thấy được Pháp Thân và Báo Thân. Đối với cảnh tượng được thấy nơi động Phạm Âm ở Phổ Đà, ấy chính là Bồ Tát thuận theo lòng chúng sanh để tăng trưởng tín tâm cho họ. Ai nấy đều được thấy, nên chẳng thể lấy đó để làm lệ được! Nếu lấy đó làm lệ, sẽ khiến cho hết thảy mọi người đều dựa vào đấy để bịa đặt rêu rao.

Người thời cổ thấy được đức Văn Thù ở Ngũ Đài khá nhiều, nhưng [mỗi vị ấy] đều có đại nhân duyên hoặc có công phu sâu xa. Ai thấy được Ngài bèn ngộ giải, chứng nhập. Năm Quang Tự mười hai (1886), Quang triều bái Ngũ Đà. Trước [khi lên núi] đã tìm nát cả con đường Lưu Ly Xưởng ở Bắc Kinh nhưng chỉ kiếm được một bộ Thanh Lương Sơn Chí, hằng ngày thường đọc. Do trời lạnh nên đến đầu tháng Ba mới tới được núi, ở lại núi hơn bốn mươi ngày, thấy người đến núi triều bái phần nhiều bảo đã thấy được Văn Thù Bồ Tát, nhưng rất ít người chân thật hành trì, nên biết rằng những kẻ đến núi bảo "thấy được Bồ Tát" đều là nói hùa theo sự tích của cổ nhân để khoe khoang. Nếu thật sự thấy thì người ấy ắt phải vàng - thau khác hẳn với những kẻ thuận giòng vỗ sóng. Nếu không, đức Văn Thù chẳng tự trọng, khinh thị hiện thân để làm gì cơ chứ? [Từ ngữ] *"Lý Tức Phật"*[13] để chỉ hết thảy chúng sanh, chứ không phải chỉ nói về kẻ trái trần hiệp giác. Nếu trái trần hiệp giác thì đã thuộc về Danh Tự [Tức Phật].

Ông X… lúc nhập định giống như đức Tỳ Lô Giá Na, xuất định vẫn là phàm phu mà còn chẳng biết hổ thẹn, ăn nói lớn lối gạt người! Nếu thật sự giống như đức Tỳ Lô Giá Na, chắc chắn chẳng đến nỗi vẫn là phàm phu! Ông ta vốn muốn dùng Mật Tông để ép người, chẳng biết

---

[12] Từ ngữ để gọi cha người khác nhằm thể hiện lòng kính trọng.

[13] Do hết thảy chúng sanh đều có Phật Tánh (hay còn gọi là sẵn có vị Phật thiên chân trong tâm) nên xét về Lý đều là Phật. Do vậy gọi là Lý Tức Phật.

Quang tuy chẳng biết Mật Tông, há chẳng biết đúng - sai [đến nỗi] ông ta liền có thể lung lạc Quang hay sao?

Cha ông cả đời gặp chuyện linh cảm quá nhiều, dẫu người ở ngoài ngàn dặm hay trăm dặm nghe thấy cũng sẽ phát sanh lòng tin. Huống chi lúc mẹ ông mất, hiện tướng lành đài vàng, lại còn trở lại báo tin cho anh em ông và các nàng dâu biết ư? Nếu chẳng sanh lòng tin, [các ông] cũng đáng gọi là "hạng cứng cổ đến cùng cực!" Cha mẹ ông lúc còn sống hay sau khi đã mất đều có dấu tích siêu phàm nhập thánh, nhưng ông chẳng sanh lòng cảm kích nơi lợi ích lớn lao ấy mà vẫn cứ lo so đo gia đạo giàu - nghèo, bảo là "thờ Chúa thì giàu, thờ Phật thì nghèo!" Do vậy chẳng sanh khởi tín tâm. Chuyện này trọn chẳng khác gì kẻ trông thấy bảo châu Ma Ni có thể thuận theo lòng người mà tuôn ra các món báu, nhưng vẫn khinh rẻ bảo châu, quý trọng mắt cá, coi như của báu tột cùng! Mất trí điên cuồng cùng cực đến mức ấy, đến nỗi mẹ ông lại phải nhọc công hiện thân mới hơi ngớt lời gièm báng! Thật đúng là *"phụ hữu trường thiệt, duy lệ chi giai"* (tạm dịch: *Mụ vợ lưỡi dài, cội nguồn mối họa*[14]*)*, cô phụ ân Phật, cô phụ ân mẹ!

Nghịch cảnh, tình huống khổ sở tuy xấu xa, nhưng muốn thành tựu đạo nghiệp thì vẫn phải nhờ vào đấy để nhắc nhở. Nếu không, hằng ngày sẽ rong ruổi trong chốn thanh, sắc, vật chất, lợi lộc, rảnh đâu để đoái hoài "chính ta sẵn có Phật tánh" để hòng miệt mài muốn được đích thân chứng nhập ngõ hầu được thọ dụng. Chúng sanh sống chết không ngơi đều vì có Ngã. Nếu vô ngã thì tham - sân - si, giết - trộm - dâm sẽ do đâu sanh khởi? Do lầm nhận cái Ngã do Tứ Đại giả hợp này nên Chân Ngã trọn đủ bốn tịnh đức "Thường - Lạc - Ngã - Tịnh" hoàn toàn bị mai một! Do vậy, thế đạo, nhân tâm ngày một đi xuống, giết người đầy đồng ngập thành chẳng sanh xót thương, đều là vì Ngã gây ra. Quang vốn là kẻ lòng dạ thẳng băng, chẳng thể không nói thật tình với ông *(Ngày Hai Mươi Sáu tháng Mười năm Ất Sửu - 1925)*

494. Thư trả lời cư sĩ Trần Bá Đạt (thư thứ hai)

---

[14] Đây là một câu trích từ bài Chiêm Ngưỡng thuộc phần Đại Nhã trong Kinh Thi. Theo từ điển Hán Tự Thành Ngữ, Lệ (癘) là tai họa, rắc rối, hoạn nạn, Giai (階) là bậc thềm, đầu mối dẫn dắt. Do vậy, câu này có thể tạm hiểu theo mặt chữ là "vợ lưỡi dài chỉ tổ dẫn đến tai họa rắc rối". Từ đó mới có thành ngữ *"trường thiệt chi phụ"* để chê những người vợ lắm điều, thích bàn tán thị phi, gièm xiểm, càm ràm suốt ngày.

Ông nói: "Để tự lợi thì phải xuất gia, còn làm lợi người khác thì đừng xuất gia!" Chẳng biết: Tu Giới - Định - Huệ chỉ có xuất gia là dễ dàng; chứ nếu tu pháp môn Tịnh Độ thì tại gia càng dễ đắc lực hơn. Nếu cho rằng "tại gia quyết khó thể tu hành", thì xuất gia cũng chẳng thể tu hành được! Vì sao vậy? Do khi còn tại gia chẳng dốc sức thì khi xuất gia làm sao sốt sắng cho được? Đây là tình thế "quyết chẳng thể thực hiện" có thể dự đoán được! Nhà ông có vợ con, [nếu ông xuất gia] họ sẽ không nơi nương tựa, há nên khởi ra vọng tưởng ấy? Đấy chính là tình kiến chần chừ, so đo vậy! Nếu ông thật sự xuất gia thì vẫn là kẻ lười trễ, biếng nhác, chẳng có thành tựu gì! Quang đã thấy nhiều lắm rồi!

Đối với chuyện thọ giới, *"không làm các điều ác, vâng làm các điều thiện"* chính là Giới tổng quát của ba đời chư Phật, ai chẳng chấp nhận cho ông tự phát tâm thọ? Ngay cả Ngũ Giới, ai không cho phép ông đối trước đức Phật tự thệ thọ giới? Cần gì phải đến Phổ Đà mới thọ được ư? Ngàn vạn phần đừng tới Phổ Đà. Do tới đây phải tốn chừng đó tiền tàu xe, mất chừng đó ngày, chẳng qua [vị thầy truyền giới] chỉ truyền danh tướng của Ngũ Giới mà thôi! Nếu cứ muốn phải thọ từ thầy thì ở Thường Thục cũng có Tăng nhân thanh tu, há [vị ấy] chẳng thể truyền giới mà cứ muốn phải thọ từ Quang mới được ư?

Người học Phật trước hết phải biết thực hiện cẩn thận, dè dặt nơi nhân quả. Đã có thể thận trọng, dè dặt thì tà niệm tự trong lặng, đâu đến nỗi có những chuyện chẳng đúng pháp! Nếu có, hãy nên dốc sức đoạn diệt thì mới là chân thật tu hành. Nếu không, học một đằng, hành một nẻo, tri kiến càng cao, hành vi càng tệ. Đấy chính là vết thương thấu xương của những kẻ học Phật tự xưng là thông gia hiện thời! Nếu chẳng vướng vào hai khuyết điểm ấy thì học một phần sẽ được một phần lợi ích thật sự.

Cõi đời hiện thời chính là đời hoạn nạn. Trước kia, Quang thỉnh ông Hứa Chỉ Tịnh soạn cuốn Quán Âm Bổn Tích Cảm Ứng Tụng đã cho sắp chữ. Nay gởi cho ông một trang thuyết minh [cách đứng ra chịu trách nhiệm in]. Có ai muốn lợi người thì chẳng ngại gì bảo họ đứng ra chịu trách nhiệm ấn hành để lưu truyền. Hiện thời đã có người chịu trách nhiệm đến năm sáu vạn bộ. Quang tính in mấy chục vạn cuốn để lưu truyền khắp trong ngoài nước. Sợ chẳng dễ gì đạt đến như vậy. Trên mười vạn bộ chắc sẽ làm được! *(Mồng Bảy tháng Mười Một năm Ất Sửu - 1925)*

495. Thư trả lời cư sĩ Châu Văn San (thư thứ nhất)

Chúng sanh đời Mạt muốn liễu sanh thoát tử ngay trong đời này mà nếu chẳng niệm Phật cầu sanh Tây Phương, chắc chắn sẽ chẳng thể đạt được! Vì sao vậy? Do không có sức để đoạn Hoặc. Do niệm Phật cầu sanh Tây Phương là cậy vào Phật từ lực nên kẻ chưa đoạn Hoặc cũng có thể vãng sanh. Đã vãng sanh rồi thì ba thứ Hoặc - Nghiệp - Khổ đều cùng tiêu diệt. Ví như mảnh tuyết rớt vào lò luyện lớn, chưa đến nơi đã tan mất. Do Tây Phương là cảnh giới của Phật, Bồ Tát, nên phàm phu hễ [sanh] đến đó, phàm những gì chẳng mong đoạn đều tự đoạn.

Nếu ông muốn liễu sanh tử hãy nên thỉnh Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao *(có bán ở Phật Học Thư Cục tại Thượng Hải)* đọc kỹ sẽ tự nhiên hiểu rõ ràng. Quang già rồi, mục lực lẫn tinh thần đều chẳng đủ, từ nay đừng gởi thư đến nữa, gởi đến cũng không trả lời. Do Văn Sao là một bộ sách khai thị, cần gì phải có một lá thư [để khai thị] nữa? Hơn nữa, Quang sẽ chết trong sáng tối, chẳng thể thù tiếp được ư? *(Ngày Mười Hai tháng Tám)*

496. Thư trả lời cư sĩ Châu Văn San (thư thứ hai)

Thư gởi hôm Mười Bốn đã nhận được, do bận việc chẳng thể trả lời ngay. Năm đồng sẽ dùng làm tiền in Văn Sao Tục Biên. Quang vốn chẳng muốn in nữa, cho nên từ năm Dân Quốc 15 (1926), [sau khi] Trung Hoa Thư Cục ấn hành bản Tăng Quảng Văn Sao hoàn chỉnh, tất cả văn tự thù tiếp đều nhất loạt chẳng giữ lại bản thảo, nhưng Đương Gia chùa Báo Quốc là thầy Minh Đạo sai người lén sao chép. Năm Dân Quốc 24 (1935), thầy ấy mất, những bản thảo sao chép được giao cho Đương Gia chùa Linh Nham [là thầy Diệu Chân]. Thầy ấy lại sưu tập những lá thư từ các tờ bán nguyệt san v.v…, Quang chỉ đành thuận theo ý thầy ấy; hiện thời đã cử người sao lại theo lối Chân Thư[15] để khỏi bị sai ngoa khi sắp chữ.

Ông quyết định muốn cầu sanh Tây Phương, hãy nên thỉnh Ấn Quang Pháp Sư Tăng Quảng Văn Sao và Gia Ngôn Lục từ Phật Học Thư Cục tại ngay nơi mình ở. Nếu có lúc rảnh rỗi thì thỉnh Tịnh Độ Thập Yếu, Tịnh Độ Thánh Hiền Lục *(hai loại sách này đều do Quang đứng ra ấn hành)*, Tịnh Độ Ngũ Kinh *(thuộc loại kinh sách để đọc tụng, cũng do Quang ấn hành)* để xem thì những điểm chánh yếu của pháp môn Tịnh Độ sẽ đều

[15] Nguyên văn *"Chân thể"*, tức lối viết theo kiểu Chân Thư, viết đầy đủ nét, không dùng cách viết tắt theo kiểu Tục thể, Phá thể, hoặc Cổ thể để người đọc không bị hiểu lầm hoặc đọc sai.

biết rõ. Đã muốn sanh về Tây Phương, ắt phải ba nghiệp thanh tịnh, hãy nên kiêng giết, ăn chay, cũng khuyên cha mẹ, anh em trai, chị em gái, vợ con đều cùng ăn chay niệm Phật cầu sanh Tây Phương. Sanh về Tây Phương sẽ siêu phàm nhập thánh, liễu sanh thoát tử, sao nỡ để bậc sanh ra ta và những người *"đồng khí liên chi"*[16] với ta chẳng được hưởng lợi ích thù thắng này? Đối với người chung quanh, người trong cõi đời còn phải nên khuyên họ tu trì, huống là cha mẹ quyến thuộc của chính mình ư?

Cần biết rằng: Niệm Phật cầu sanh Tây Phương chính là pháp môn đặc biệt trong nhà Phật. Đa số kẻ tham Thiền giảng kinh chẳng đề xướng pháp này, hãy nên lập chí quyết định, bất luận họ nói như thế nào, ông trọn chẳng nghe theo lời họ rồi tu pháp khác! Vì sao vậy? Do Niệm Phật là cậy vào Phật lực để liễu sanh tử. Có lòng tin chân thành, nguyện thiết tha, chí thành khẩn thiết niệm thì ai nấy đều giải quyết xong xuôi [sanh tử]. Những pháp môn khác đều phải đoạn sạch phiền não *(tức Kiến Hoặc và Tư Hoặc trong tam giới)* rồi mới có thể liễu được! Sự khó - dễ [giữa pháp môn này và các pháp môn khác] giống như sự cách biệt giữa trời và vực vậy *(Ngày Mười Bảy tháng Tám).*

497. Thư trả lời cư sĩ Mã Tông Đạo (thư thứ nhất)

Nhận được thư, biết niệm mỗi ngày một thuần, khôn ngăn vui mừng, an ủi. Năm nay loạn lạc quả là từ ngàn xưa chưa hề nghe nói tới! Đấy đều là vì ác nghiệp của chúng ta từ trong những kiếp xa xưa cảm vời, nên tuy chưa thật sự chịu khổ mà sự kinh hoảng, thê thảm đã chẳng thể nào diễn tả được! Các hạ đã biết nóng giận có hại, sao trong lúc nổi nóng chẳng nghĩ mình đã chết? Chết rồi thì mặc cho ai làm gì thì làm, trọn chẳng tranh chấp với họ! Nếu luôn nghĩ sẽ chết thì đạo niệm sẽ tự thiết tha, tình niệm sẽ tự dứt.

Người đời nay thích lập ra chương trình mới, những kẻ phế bỏ luân thường, vứt bỏ lòng thẹn v.v… còn công khai đề xướng, muốn thúc đẩy tiến hành trên khắp toàn quốc. Chúng ta tuân theo giáo giới của đức Phật, kiêng giết, ăn chay, há còn sợ những người cùng một tôn giáo dị nghị? *"Gặp chuyện nhân chẳng nhường, thấy chuyện nghĩa liền dũng mãnh làm"*, vẫn mong lấy thân làm gương để dẫn dắt những kẻ câu

---

[16] *"Đồng khí liên chi"* hay còn gọi là *"đồng khí liên căn"* là thành ngữ dùng để chỉ tình thân thiết giữa anh chị em ruột thịt giống như những cành nhánh mọc từ cùng một cái cây, cùng được hưởng sự vun bồi, nuôi dưỡng từ thân cây.

nệ nơi giáo vào được pháp môn Đại Thừa ngõ hầu chẳng phụ ân Phật, chẳng phụ tánh linh của chính mình thì mới là đạo cứu thế.

Người cao tuổi cố nhiên nên nhất tâm niệm Phật; đọc kinh luận Đại Thừa chẳng qua là để hiểu rõ Lý Tánh, gieo thiện căn mà thôi! Nếu đã muốn liễu thoát ngay trong đời này, xin hãy như đã đến lúc lâm chung, như đọa trong nước lửa lớn mong được cứu vớt mà niệm Phật, ắt sẽ có thể cậy vào Phật từ lực đới nghiệp vãng sanh. Nếu không, sẽ khó giữ vững được! Xin hãy đọc kỹ Văn Sao sẽ tự biết.

Người đời thường câu nệ vào giới hạn giữa các giáo đến nỗi suốt đời chẳng nghe đại pháp, mà vẫn tự cho là có công tuân thủ bổn giáo (giáo pháp của chính mình [đang tu học]). Nếu [vị nào] thật sự là thánh hiền của bổn giáo mà chỉ cho phép người khác nương theo [những lý lẽ trong] bổn giáo để luận giáo, còn những lý thuộc các giáo khác dẫu có hay hơn bổn giáo cũng chẳng chấp nhận đưa vào; nếu có đưa vào đi nữa thì cũng không tán thành. Nếu vậy thì thật sự chẳng khác gì tri kiến của lũ trẻ nhỏ ở ngoài chợ búa, há còn đáng gọi là thánh hiền nữa ư? Do vậy, biết rằng: Tự ràng buộc mình bởi giáo điều đều là trái nghịch tâm của các vị thánh hiền trong bổn giáo.

Ông vốn là Hồi giáo, tín phụng Phật pháp, quy y Tam Bảo, đáng gọi là "bậc hào kiệt". Nhưng phải gắng sức giữ vẹn luân thường, nghiêm túc trọn hết bổn phận của chính mình, đừng làm các điều ác, vâng làm các điều lành, tín nguyện niệm Phật cầu sanh Tây Phương. Dùng những điều này để tự hành, lại còn dùng những điều ấy để dạy người, chắc chắn sẽ tự có thể thoát khỏi đời ác Ngũ Trược này, sanh sang cõi sen thanh tịnh kia, chẳng đến nỗi trên phụ ân Phật, dưới phụ tánh linh của chính mình.

Nay đặt pháp danh cho ông là Tông Đạo, vợ ông là Tông Đức, Văn Khánh có pháp danh là Huệ Sướng, Văn Dũ có pháp danh là Huệ Phong, Văn Trí có pháp danh là Huệ Thuần, Văn Hinh pháp danh là Huệ Phức để bọn họ đều cùng ăn chay niệm Phật. Nếu chẳng thể ăn chay thuần thì đừng mặc sức ăn [mặn]. Một là gìn giữ tâm Từ, hai là bảo vệ thân thể. Tôn giáo của ông ăn thịt trâu bò, hãy nên kiêng tránh, bởi trâu bò có công đối với con người, ăn vào sẽ càng thêm tội lỗi.

Người Hồ Nam ăn cơm [có thói quen] không ăn hết, phong tục ấy thật tệ. Đối với người dân, thức ăn trọng như trời, sao dám phung phí? Hãy nên nói với con cái và tôi tớ về nguyên do này, dẫu một hạt hay nửa hạt cũng không nên phí! Nếu con người quăng vứt ngũ cốc, chắc chắn đời sau sẽ không có cơm ăn, cũng có kẻ bị quả báo chết đói ngay trong đời này! Nếu con người giẫm đạp giấy viết chữ, chắc chắn đời sau sẽ

không mắt, ngu si, vô tri.

Hãy nên dạy con cái v.v… cùng đọc Âm Chất Văn, Cảm Ứng Thiên, giảng nói cho bọn họ hiểu để họ biết tới đạo làm người và lý nhân quả ba đời, tương lai sẽ chẳng đến nỗi trở thành phường bạo ác. Kẻ giết cha, giết mẹ, phế luân thường, vứt bỏ lòng thẹn đều do từ lúc ban đầu đã chẳng biết đạo làm người và nhân quả báo ứng. Vừa được nghe tà thuyết bèn cực lực nương theo để thỏa cái tâm phóng túng không kiêng dè, đáng buồn thay! Nay gởi cho ông Di Đà Kinh Bạch Thoại, Tâm Kinh Chú, Học Phật Thiển Thuyết, Cảm Ứng Thiên Vựng Biên, gộp chung thành một gói để ông lấy đó làm căn cứ giáo huấn lũ con về đạo lập thân tu đức.

Ông chưa hết lòng đọc kỹ Văn Sao. Nếu có đọc cũng chỉ hời hợt lướt mắt qua mà thôi!

1) Ông nói "thoạt đầu, từ Thập Niệm mà tiến hành", chẳng biết pháp Thập Niệm vì người cực bận rộn mà lập ra. Do họ suốt ngày không được rảnh rang, chỉ có thể niệm mười hơi vào buổi sáng. Nếu là người có thời gian và sức lực, há phải chỉ có mười niệm là xong ư? Nếu trước hết niệm mười niệm, rồi dựa theo thân phận của chính mình mà lập ra công khóa để thực hiện thì được. Nếu chỉ mười niệm rồi thôi, sẽ không được! Huống chi đang trong tình thế hoạn nạn này, nguy cơ họa hại mai phục bốn phía. Nếu chẳng chuyên dốc chí niệm Phật và niệm Quán Âm, lỡ một mai họa hoạn xảy tới, còn có cách nào để được yên vui nữa đây? Huống chi gia đình ông còn mang tiếng là "có của ăn, của để", tuy hiện thời đã kém trước kia, nhưng những kẻ si dại thường muốn đoạt lấy. Ông không biết pháp môn Tịnh Độ thì thôi! Đã biết rồi há nên tu trì hờ hững? Nếu nói "duyên thế gian khó thể vô ngại" thì chỉ nên "hễ có chuyện bèn giảm lần". Lúc vô sự, sao không chuẩn bị sẵn cho lúc hữu sự để khỏi mắc lỗi gián đoạn chẳng tu tập vậy?

2) Xét theo lý, nên ăn chay thuần; dẫu gặp tình thế khó thể ăn chay ngay, cũng nên bớt ăn [mặn]. Dẫu ăn [mặn] thì cũng nên giữ tấm lòng thương xót, độ thoát, chứ không phải là "người ăn mặn chẳng được niệm Phật!"

3) Niệm Phật há có chương trình nhất định! Chỉ nên chọn sao cho thích nghi. Lúc sáng suốt, tỉnh táo thì niệm theo lối Kim Cang trì hoặc niệm thầm. Lúc hôn trầm thì niệm nhỏ tiếng hoặc niệm lớn tiếng.

4) Lễ Phật một lạy diệt tội hà sa. Hãy nên lượng theo khả năng của chính mình, đừng chỉ mong sao an nhàn, thảnh thơi.

5) Lễ Phật chỉ cốt sao chí thành, cung kính; cố nhiên chẳng phải chấp chặt theo hình thức lễ nghi thế gian hay xuất thế gian.

6) Nên lấy kinh Di Đà làm công khóa sáng tối. Nếu có thời gian rảnh rang, lúc sáng sớm rửa ráy, súc miệng xong xuôi, trước hết dùng pháp Thập Niệm. Kế đó lại lễ Phật ba lạy, niệm kinh Di Đà một biến, Vãng Sanh Chú ba biến, niệm Kệ Tán Phật, niệm Phật năm trăm câu hoặc một ngàn câu rồi niệm Quán Âm, Thế Chí, Thanh Tịnh Đại Hải Chúng mỗi danh hiệu ba câu. Tiếp đó niệm Hồi Hướng Văn, Tam Quy Y. Hãy chiếu theo cách tu hành được nêu ra trong Văn Sao hoặc trong phần phụ lục ở cuối cuốn Di Đà Kinh Bạch Thoại Chú. Những kinh khác như Kim Cang Kinh v.v… hãy nên tụng vào một thời khác tùy theo khả năng của chính mình.

7) Phật hiệu lẫn kinh Di Đà đều không có chữ nào cần đọc theo âm khác. Chữ *"phạn thực"* (飯食) đọc thành *"phản tự"* (反寺) là âm đọc thế gian, Tứ Thư, Ngũ Kinh đều đọc như thế. Do người ta thường vô ý nên tưởng là cách đọc đặc biệt. Ông hãy thử tra trong tự điển; nhưng chữ Phạn Thực đọc theo âm gốc của nó cũng được. Đọc theo âm gốc thì Phạn (飯) chính là cơm, Thực (食) là ăn, đọc theo âm đặc biệt thì Phản (飯) chính là ăn, Tự (食) chính là cơm[17], cho nên hai nghĩa này đều thông với nhau. Chỉ có trong Phật hiệu thì hai chữ Nam Mô (南無) phải đọc là Nạp Mạc (納莫)[18]. Cuối sách Bạch Thoại Chú đã giải thích tường tận ý nghĩa này, chớ nên đọc theo âm gốc của nó.

8) Niệm Phật hãy nên dựa theo phòng ốc của chính mình để cân nhắc khoảng không gian rộng hay hẹp. Nếu có thể đi nhiễu được *(đi vòng quanh)* thì trước hết nên đi nhiễu, hoặc đi nhiễu ngoài phòng cũng được. Khi nhiễu cũng nên hít thở thong thả, điều hòa *(nhiễu Phật nhằm thể hiện sự*

---

[17] Đây là chỉ cách đọc thuận hay nghịch tùy theo cách hiểu khác nhau của vai trò từng chữ trong câu:

1) Chữ 飯 nếu dùng như danh từ thì đọc là Phạn có nghĩa là cơm. Nếu hiểu là động từ thì phải đọc thành Phản (có nghĩa là ăn).

2) Chữ 食 nếu hiểu như động từ thì đọc là Thực (ăn), còn hiểu là danh từ thì đọc thành Tự (đồ ăn), cho nên Tổ mới nói Tự là cơm.

[18] Cho đến giữa đời Đường chữ Vô vẫn đọc với vận mẫu M trong Hoa ngữ nên chữ 南無 thường được dùng để phiên âm chữ Namo trong tiếng Phạn. Về sau, do âm Quan Thoại đọc hai chữ này thành Nán-wú nên để ghi âm đọc cho đúng với âm Phạn, người Hoa thường phải dùng chữ Nạp-mạc (âm Quan Thoại là Nán muó; vì thế khi gặp chữ này, người Việt thường đọc trại thành Nạp Mồ) để mô phỏng cách đọc trong tiếng Phạn.

tùy thuận ý Phật), chẳng phải chỉ nhằm biểu thị đi theo chiều thuận mà thôi. Hãy nên giữ sao cho sự tu trì của chính mình được thành kính, còn quỳ, đứng, ngồi, đi nhiễu [để niệm Phật đều được] miễn sao thuận tiện.

Nếu muốn như pháp thì khi tụng kinh Di Đà nên quỳ, đứng tụng cũng được. Đến khi niệm Phật thì trước hết đi nhiễu, nhiễu niệm được một nửa số [câu hạn định] bèn ngồi niệm. Lúc ngồi niệm sắp xong, bèn quỳ niệm [Phật] mười tiếng, lại niệm Quán Âm, Thế Chí, Thanh Tịnh Đại Hải Chúng mỗi danh hiệu mười tiếng, hoặc mỗi danh hiệu ba tiếng, cốt sao thân tâm thư thái, chẳng quá sức buông lung, hơi thở thông suốt, thân thể thoải mái, sẽ có ích không bị tổn hại!

Ông cho biết hãy còn mẹ, cố nhiên hãy nên đem lý này kính khuyên mẹ khiến cụ sanh lòng tin niệm Phật để mong cụ thoát khỏi biển sanh tử; há nên nói là "[làm như vậy] quá xấc xược?" Lòng cha mẹ yêu con không đâu chẳng thấu tới. Nếu cụ biết là hữu ích, há lẽ nào chẳng chịu tán thành, chấp nhận ư? Nếu cụ chẳng biết đến ích lợi này thì càng phải dùng nhiều cách khơi gợi, hướng dẫn để đấng sanh ra ta được hưởng lợi ích thật sự nơi Phật pháp. Đấy gọi là Hiếu. Nếu bà cụ cố chấp ý kiến của chính mình, chẳng chịu sanh lòng tin, hãy nên sám hối tội nghiệp thay cho cụ. *"Lòng Thành đến tột bậc, vàng đá cũng phải nứt"*; huống chi mẹ con vốn sẵn mối liên quan thiên tánh. Nếu ông thật sự chân thành sám hối thay cho mẹ thì mẹ sẽ được Tam Bảo gia bị, sẽ có ngày chuyển lòng sanh tin tưởng. Lại nên khuyên Tông Đức, Huệ Sướng v.v… đều hành như thế thì tình thân cốt nhục một nhà đều cùng thành thượng thiện nhân trong cõi sen, may mắn nào bằng!

Thế sự ngày càng nhiễu nhương! Hãy nên siêng niệm Phật và niệm Quán Âm. Thầy Chân Đạt đi triều bái núi Cửu Hoa. Ngày Hai Mươi Lăm tháng Bảy, Quang đến chùa Thái Bình để lo chuyện in sách, sợ phải trong khoảng tháng Mười mới trở về núi được. Sách Nho Thích Nhất Quán của Dương Lệ Đường vẫn chưa in ra được. Sách ấy in ra chậm trễ thì sự chọn lựa ắt sẽ kỹ càng, nhưng nhiệm vụ quan trọng trong hiện thời chỉ là sốt sắng niệm Phật mà thôi!

Phàm mọi chuyện cần phải dựa theo thời tiết, nhân duyên và năng lực của chính mình để luận. Ví như kẻ gặp nạn muốn trốn đi xa, tuy vàng ngọc đầy nhà đều chẳng dám cầm theo. Thứ chẳng thể không đem theo chỉ là lương thực; bởi lẽ một ngày không có cái ăn, ắt sẽ chẳng thể sống được! Nếu cầm theo vàng ngọc, chắc sẽ đến nỗi chuốc lấy cái họa mất mạng! Ông muốn được lợi ích trong thời thế này mà có các sách Tịnh Độ thì đã có thể không băn khoăn gì! Nếu chẳng chuyên tâm dốc chí,

nếu lại coi rộng các sách đến tột cùng, chắc sẽ đến nỗi coi rẻ Tịnh Độ.

Sáng - tối nên tụng kinh Di Đà, chớ nên chỉ Thập Niệm. Vào lúc khởi đầu nên lễ Phật Thích Ca ba lạy. [Niệm Phật xong, đọc] nguyện văn tùy ý, ắt phải nên dựa theo bài văn ấy mà phát tâm thì mới là nguyện. Nếu xét theo những cảnh tượng của Nghê phu nhân như đã nói thì bà ta chắc chắn được vãng sanh. Trước tiên, bà ta thấy một cụ già râu bạc, chẳng thấy Phật và hoa sen; ấy là do công hạnh còn cạn nên thấy được [cảnh tượng] khá kém cỏi. Nói tới phẩm vị thì sẽ là thuộc vào khoảng Trung Phẩm Trung Sanh hay Trung Phẩm Hạ Sanh. Nhưng chín phẩm [vãng sanh] của Tây Phương chỉ là nói đại khái; chứ thật ra, trong mỗi phẩm đều có vô lượng trăm ngàn vạn ức phẩm. Chỉ cần được vãng sanh là đã siêu phàm nhập thánh, liễu sanh thoát tử. Tuy [vãng sanh] trong Hạ Phẩm Hạ Sanh, đã cao trỗi sanh lên cõi trời trăm ngàn vạn lần!

Gần đây, tôi lại in Cảm Ứng Thiên Trực Giảng hai vạn bộ, vẫn chưa đóng bìa xong, khi hoàn tất sẽ gởi cho ông một gói. Hãy bảo con cái ông đều cùng đọc tụng, thọ trì thì khi chúng lớn khôn quyết chẳng đến nỗi chạy theo trào lưu làm những chuyện phế bỏ luân thường, vứt bỏ lòng thẹn v.v… Muốn cho con cái đều thành hiền thiện mà chẳng bắt tay thực hiện từ đây sẽ không có cách nào cả! Sách Khuê Phạm do ông Ngụy Mai Tôn đề xướng in một ngàn bộ vào năm ngoái, Quang cũng chịu tiền in năm mươi bộ. Năm nay Quang tự đề xướng in ba ngàn bộ. Sách này in theo lối thạch bản, không có bản khắc ván, không có ai bán, nay gởi tới cho ông một gói. Lại có một gói [Học Phật] Thiển Thuyết, một gói Cảm Ứng [Thiên] Trực Giảng; hãy nên bảo con cái đều đọc sách này sẽ chẳng đến nỗi bị trào lưu xấu ác xoay chuyển.

Ông hãy nên đọc kỹ lưỡng kinh điển và các trước thuật Tịnh Độ, còn các kinh Đại Thừa như Pháp Hoa, Lăng Nghiêm v.v… nếu cứ một mực nghiên cứu chắc sẽ ngược ngạo coi thường pháp môn Tịnh Độ, thì pháp được nghiên cứu sẽ chẳng phải là pháp để nương cậy được, mà pháp đáng để nương cậy thì do chẳng chuyên nghiên cứu, tìm tòi, chắc sẽ đâm ra không thể nương cậy được! Như vậy thì sẽ do đâu mà thoát khỏi biển khổ mịt mờ đây? Há chẳng phải là "cầu thăng hóa đọa, khéo quá thành vụng" ư?

Nếu thánh nhân giáng lâm vào Phàm Thánh Đồng Cư Độ trong thế giới Sa Bà thì cũng vẫn thị hiện làm phàm phu, ắt họ phải tận tụy thực hành luân thường còn hơn người khác để người ta thấy họ đáng khâm phục, đáng bội phục. Sau đấy chắc sẽ thị hiện tướng trạng "từ mê đắc ngộ, cực lực tu trì"; hoặc suốt đời chẳng thị hiện tướng trạng tu trì Phật

đạo, chết rồi mới thị hiện chuyện lạ lùng khiến cho người khác sanh lòng tỉnh ngộ sâu đậm.

Bốn giáo Nho, Đạo, Gia Tô, Hồi đều có thánh hiền, nhưng lý tánh được họ nêu tỏ chỉ là Nhân thừa hay Thiên thừa trong Phật giáo mà thôi! Đối với bản tánh của tự tâm đều chưa thể nêu tỏ rốt ráo! Có kẻ chẳng hiểu nghĩa này, cho rằng: "Họ đều là thánh nhân nên sẽ đều là bình đẳng, chẳng có cao - thấp!" Hoặc cho rằng: "Do họ chưa nói đến tột cùng nguồn đạo, nên họ chẳng phải là thánh nhân!" Đối với tôn giáo của họ, họ đáng là bậc thánh nhân, nhưng đều chưa luận nói [tâm tánh, quả vị giải thoát] triệt để. Người giảng đạo luận đức trong cõi đời phần nhiều là như vậy.

Tìm lấy [một giáo pháp] chỉ bày trọn hết, trọn chẳng thừa sót gì "cội nguồn của chân - vọng, nguyên do sanh tử, chỗ cùng cực nơi tâm tánh, chúng sanh và Phật giống nhau, khác nhau như thế nào" mà loại Phật giáo ra thì sẽ không còn tôn giáo nào khác nữa! Bồ Tát thệ nguyện độ thoát chúng sanh vô cùng vô tận, tùy loại hiện hình, đủ mọi phương tiện để cảm hóa. Ấy gọi là *"nên dùng thân nào để độ được bèn hiện thân ấy để thuyết pháp"*. Nói tới "thuyết pháp", cũng không phải chỉ riêng cho sự thuyết pháp bằng miệng, mà còn là dùng thân để nói; hoặc sau khi mất đi liền thị hiện những chuyện lạ lùng để thuyết pháp. Con dâu ông Mã Ngọc Cao và người đàn bà ăn mày xưa kia suốt đời tận tụy thực hiện [giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành luân thường, tuân giữ đạo đức], đáng gọi là bậc "giữ vững đức hạnh nữ giới, nêu gương mẫu cho giới khuê các". Ở đây tôi nêu lên những dấu tích con người có thể thấy nghe, còn sau khi chết đi, hiện ra các tướng thì trong kinh của Nho, Đạo, Gia Tô, Hồi chẳng thể có được! Ấy chính là tướng chứng quả ngay trong hiện đời của Phật giáo.

Tiếc là trong cõi đời kẻ biết đạo ít ỏi, không thể nêu rõ chuyện này, [nên sự thị hiện các tướng nhằm biểu thị người vừa mất ấy đã chứng quả ngay trong đời này] chỉ trở thành một thứ sự tích lạ lùng được lưu truyền. Bồ Tát muốn hóa độ ngoại đạo khiến cho họ theo Phật đạo mà nếu chẳng thị hiện hình tích của ngoại đạo thì kẻ ngoại đạo ấy không cách chi sanh lòng tin tưởng, ngưỡng mộ để bắt đầu tu trì được! Những hình tích được thị hiện cũng là những phương tiện chẳng thể nói trọn hết! Những gì được nói trong phẩm Phổ Môn bất quá là thuật bày đại khái mà thôi! Hiện nay, thế đạo bại hoại đến cùng cực, kẻ tín phụng Phật giáo niệm Phật, niệm Quán Âm được linh cảm rất nhiều. Quang do bận

bịu, tinh thần chẳng đủ, cho nên không ghi chép. Nếu ghi chép sẽ thành một quyển sách lớn!

Ông tương đối có của ăn của để, gặp nhằm thời thế này hãy nên cạn lòng thành, tận lòng kính cùng với Tông Đức, Huệ Sướng v.v… niệm Phật và niệm thánh hiệu Quán Âm để được nương cậy. Đối với việc nghiên cứu giáo nghĩa và các nghĩa lý trong Mật Tông, cũng chẳng qua nhằm để mở mang, phát khởi trí thức mà thôi. Nếu muốn nhờ vào đấy để liễu sanh tử, sẽ trọn chẳng thể được đâu! Vì sao vậy? Do trong các tông khác đều phải cậy vào tự lực để tu đến mức "nghiệp tận, tình không" thì mới có phần liễu sanh tử. Nếu không, dẫu cho ngộ xứ sâu xa, công phu cao cả, công đức lớn lao, vẫn đều chẳng thể liễu được! Chỉ có một pháp Tịnh Độ là chẳng đoạn Hoặc nghiệp mà có thể cậy vào Phật từ lực để đới nghiệp vãng sanh. Hết thảy các pháp môn khác chẳng thể sánh với pháp này! Nếu không có thiện căn thật sự, chắc chắn khó thể tin tưởng triệt để.

Nói tới *"Quán Kinh"* thì đấy chính là Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh; trong Văn Sao đã dẫn hoặc trích lục hai ba câu, những câu tiếp đó là phần giảng rõ ý nghĩa. Ông đã không chỉ rõ trang số mấy nên cũng chẳng tiện để tra duyệt. *"Phật cáo A Nan và Vi Đề Hy"* chính là phần kinh văn của Quán Kinh. Hai chữ *"Quán Kinh"* chính là tựa đề của kinh nhưng viết giản lược.

Cũng chớ nên hiểu lầm câu nói *"các giáo chẳng chia môn đình"*. Nếu để lẫn lộn không phân biệt thì đại, tiểu, tà, chánh, làm sao phán đoán được! Nếu xét tới cái gốc rốt ráo để [các giáo] quy nạp về thì chẳng quy vào Phật giáo sẽ quy về đâu? Ví như sông to, rạch lớn đã tự rộng lớn, sâu thẳm, nhưng nếu chẳng quy về biển cả thì sẽ từ đâu mà có? Biển đã tồn tại kể từ lúc có trời đất, ngày ngày vẫn như thế, thâu nhận [các dòng nước đổ vào] vẫn chẳng thấy tăng thêm; còn sông to thì khi mưa Thu trút xuống sẽ mênh mông, tràn ngập. Ông nói *"*khi chết sẽ theo cùng một đường" cũng không thích đáng lắm! Chỉ có Chết là giống nhau, nhưng sanh trong lục đạo và chứng Tứ Thánh, khổ - vui khác biệt một trời một vực! Sao lại nói là *"*cùng một đường" cho được?

[Ông nói]: "Các giáo tùy theo sự tu tập mà mắc tội, được phước. Thiên Đường, địa ngục cố nhiên không hai. Nhưng coi là một thì lẽ ra các giáo đều chẳng có chân nghĩa". Nói như vậy, ông vẫn chưa biết lẽ chân thật trong các giáo, mà cũng chưa thể mỗi mỗi đều bình đẳng. Những gì được coi là lẽ chân thật trong các giáo ấy đều là chút phần của sự thật trong Phật giáo, chứ chưa thể hoàn toàn chân thật, trọn chẳng có

sai khác! Nếu đã hoàn toàn đều là thật thì cần gì phải *"nên dùng thân nào để độ được, bèn hiện thân ấy để thuyết pháp*"? Trương Thuần Nhất chính là đầu lãnh Gia Tô giáo, do ông ta học vấn uyên bác nên sau đấy mới biết đến Phật; năm sáu năm trước đây đã cùng vợ quy y với Quang. Ông ta có pháp danh là Chứng Lý, bà vợ pháp danh là Chứng Từ. Dương Lệ Đường gởi cho Thuần Nhất một cuốn sách là vì Thuần Nhất trước đó tin tưởng đạo Cơ Đốc, sau theo Phật giáo.

Ông lẫn lộn, tưởng "hiện thân" là thật nghĩa, chẳng hiểu "hiện thân là rủ lòng tiếp dẫn [khiến cho người được hóa độ] cùng lên nẻo giác". Đủ thấy, đối với đạo lý, ông còn chưa hiểu rõ nên mới ăn nói lẫn lộn, không chọn lựa, phân biệt. Nếu chấp đó là đúng sẽ tự lầm, lầm người chẳng cạn đấy! Xin hãy sốt sắng sửa lỗi hướng lành, niệm danh hiệu Phật, lâu ngày sẽ tự bật cười.

Cổ nhân giải thích câu: *"Như Lai chẳng bỏ [kẻ chỉ có] phước [nhỏ nhoi] vừa lọt đầu mũi kim"* như sau: *"Như ông lão tám mươi múa may để dạy con cháu";* hiện thân thuyết pháp cũng giống như thế đấy! Nếu ông tưởng hiện những thân ấy là đắc đạo rốt ráo thì sẽ hoàn toàn trái nghịch với ý nghĩa hiện thân của Bồ Tát. Nếu như ông nói thì các giáo đều có người đắc đạo, cần gì Bồ Tát phải rủ lòng hiện thân trong giáo của họ để hoằng dương giáo ấy nữa? Ông chẳng biết Bồ Tát biến hiện chính là phương tiện quyền xảo, thị hiện đồng sự[19] để dẫn bọn họ vào trong Phật thừa. Đối với văn mà ông còn chưa hiểu rõ rệt, huống là hiểu ý nghĩa ư? Nhưng ông tự cho là đã biết, đã hiểu rõ, nên mới có thứ ngôn luận ấy. Nếu Quang chẳng chỉ ra, đả phá, sợ ông gặp phải một vị tri thức vướng mắc nơi phương diện tình kiến cứ hàm hồ phân tích, giải thích thì sự bưng bít [nơi kiến giải của ông] sẽ khó thể đục phá được!

Quang già rồi, không làm được gì! Hơn mười năm qua, thù tiếp hết sức bận rộn; nay thì thù tiếp ngày càng nhiều, tinh thần ngày một giảm! Cứ kéo dài như thế này ắt sẽ mệt nhọc chết mất! Đã vô ích cho người, mà chính mình còn bị tổn hại! Vì thế, dự định xuống núi vào cuối tháng Hai, qua chùa Thái Bình ở bến Trần Gia, Thượng Hải, lo liệu chuyện in sách; đến tháng Sáu vẫn trở về núi vì ở Thượng Hải quá nóng. Tháng Bảy xuống núi không trở về nữa. Đến tháng Tám, tháng Chín chuyện

---

[19] Đồng Sự (Samānārthatā-samgraha) gọi đủ là Đồng Sự Nhiếp (hoặc Đồng Sự Nhiếp Sự, Đồng Sự Tùy Thuận Phương Tiện, Tùy Chuyển Phương Tiện), là một trong bốn nhiếp pháp của bậc Bồ Tát. Bồ Tát tùy thuận theo cơ duyên của chúng sanh mà thị hiện, sống cùng với họ, có hoàn cảnh giống như họ, làm việc chung với họ để nhằm tạo lợi ích cho họ hòng dẫn dắt họ nhập Phật đạo, tiến nhập Đại Thừa.

in sách [kết thúc], lưu Chỉ Bản ở chỗ cất giữ [thuộc thư cục] để tùy ý ai muốn ấn loát thì giao thiệp với Thư Cục. Sắp xếp thoả đáng mọi chuyện xong sẽ ẩn náu, diệt tung tích lâu dài. Từ đấy vĩnh viễn chẳng qua lại, giao thiệp với hết thảy mọi người nữa!

Ông chỉ nên y theo Văn Sao, Gia Ngôn Lục mà tu, quyết chẳng đến nỗi không được liễu thoát. Nếu lầm lạc muốn làm đại thông gia, coi pháp môn Tịnh Độ là thừa thãi, theo thiện tri thức các tông học các pháp môn Tông, Giáo, Mật v.v… thì làm đại thông gia chắc đạt được một hai phần, nhưng muốn nhờ vào sự hiểu biết nửa vời ấy để mong liễu sanh tử thì có mộng cũng chẳng mơ thấy đâu! Đấy là lời cuối cùng Quang dành cho ông, chẳng biết ông có nghĩ như vậy là đúng hay chăng?

Dùng niệm Phật [để cầu nguyện chánh đáng] thì mọi sở cầu đều được thỏa. Cầu phước thọ cho cha mẹ hiện tại, cầu cho tổ tông quá khứ được siêu thăng đều được cả; nhưng cần phải chí thành đến cùng cực thì mới có cảm ứng. Nếu hời hợt, hờ hững thì cũng sẽ được lợi ích hời hợt, hờ hững. Đối với bài văn hồi hướng thì hãy nên ngay sau phần chánh hồi hướng[20], tùy theo ý mong cầu của mình mà đọc mấy câu, chỉ nhằm biểu lộ tấm lòng, chẳng cần phải phô phang. Ông đã biết pháp môn Tịnh Độ thì càng phải nên nói với hết thảy mọi người về lợi ích ấy khiến cho họ tu trì, huống là cha mẹ sanh ra ta ư? Hồi hướng cho cha mẹ cố nhiên là chuyện hợp lẽ đến tột cùng; nhưng chẳng khuyên lơn cha mẹ, chỉ tự mình tu trì là đã đánh mất ý nghĩa hiếu thảo chân thật với cha mẹ vậy!

Nếu tánh tình cha mẹ trái nghịch với Phật, hãy nên chí thành trì niệm hồi hướng thay cho cha mẹ để họ được tiêu trừ túc nghiệp. Lâu ngày chầy tháng, [cha mẹ] sẽ tự sanh lòng tin tưởng, tu trì. "*Lòng Thành đến tột cùng, đá vàng cũng nứt*". Huống chi cha con sẵn mối liên quan tự nhiên, lẽ nào chẳng thể chuyển dời được ư? Hãy nên nghiêm túc dạy dỗ con cái bằng lý nhân quả báo ứng và đạo làm người, như cha từ, con hiếu, anh nhường, em kính v.v… ai nấy tự trọn hết bổn phận của chính mình. Nếu ông có thể nghe theo lời tôi thì sống sẽ dự vào bậc thánh hiền, mất về cõi Cực Lạc, ấy chính là chuyện quyết định không còn nghi ngờ vậy!

Cõi đời hiện thời nguy hiểm vạn phần; hãy nên suất lãnh người nhà niệm Phật và niệm thánh hiệu Quán Âm lâu dài, ắt sẽ có cảm ứng chẳng

---

[20] Gọi là Chánh Hồi Hướng vì người niệm Phật phải cầu mình và hết thảy hữu tình đều được vãng sanh Tây Phương, không mong cầu phước báo đời sau. Những điều cầu nguyện khác như cầu siêu cho cha mẹ tổ tông đã quá vãng được siêu thăng chỉ là điều cầu nguyện thêm.

thể nghĩ bàn. Chuyện ăn chay thật ra cực dễ dàng, chỉ vì chưa thấu hiểu suy xét sâu xa nên mới cảm thấy rất khó khăn! Chúng ta đã sợ tai nạn đao binh, hãy nghĩ hết thảy sanh vật có tự chịu mổ, chặt, nấu, thui để thỏa sự ham muốn phát xuất từ miệng bụng của chúng ta hay chăng? Há chúng nó có muốn chết, vui vẻ chịu làm thức ăn cho con người hay chăng? Thánh nhân dạy *"trung hậu, khoan thứ là cách đạo chẳng xa; điều gì ta chẳng muốn người khác làm cho ta thì cũng đừng làm điều ấy cho người khác"* nhằm giảng rõ ý nghĩa này. Thử nghĩ ta và chúng cùng được phú bẩm cái tâm này, cùng biết "tham sống, sợ chết", cùng biết "hướng lành, tránh dữ", cùng biết "cảm ơn, ôm hận"; há nên hằng ngày vẫn ăn thịt bọn chúng ư? Đã nhẫn tâm ăn thịt bọn chúng, tức là cùng một tâm hạnh với lũ thổ phỉ, giặc cướp! Đã chẳng muốn bị bọn thổ phỉ cướp đoạt, sát thương; sao lại yên tâm khoái ý giết chóc, nấu nướng, ăn nuốt hết thảy sanh mạng trên đất dưới nước? Nguyên do đều là vì chẳng chịu phản tỉnh nên đến nỗi cách xa đạo vời vợi!

Chỉ sợ không tin pháp môn Tịnh Độ tới nơi tới chốn; chứ nếu tin đến nơi đến chốn thì hết thảy mọi người đều được vãng sanh. Đã có sức đại từ bi của Phật, cần gì đến Quang? Con người gần đây phần đông thấy lạ, nghĩ khác, kẻ có tín tâm thường chẳng biết cội nguồn của pháp môn Tịnh Độ, hoặc học những pháp Thiền, Giáo, Mật v.v… Nếu muốn làm vị thiện tri thức đại thông gia thì được, chứ nếu muốn cậy vào Phật từ lực để vãng sanh Tây Phương ngay trong đời này thì do sở học quá nhiều, chắc sẽ coi thường Tịnh Độ! Do đã chẳng thể đoạn Hoặc chứng Chân để tự lực liễu thoát, lại không có tín nguyện niệm Phật để cậy vào Phật lực hòng liễu thoát thì nỗi khổ nơi tam đồ lục đạo trong tương lai so với nỗi khổ hiện thời sẽ còn gấp trăm ngàn vạn lần!

Nhân dân hiện thời không ai chẳng trong cảnh nước sâu lửa bỏng, nhưng những kẻ có thế lực ai nấy đều muốn cho con cháu mình được phú quý tôn vinh vĩnh cửu, chẳng đoái hoài nhân dân nghèo nàn, khốn khổ, tử vong. Cái gốc họa ấy đều là do Trình - Châu và bọn Lý Học đả phá bài xích nhân quả báo ứng và sanh tử luân hồi ươm thành. Nếu bọn họ đề xướng nhân quả báo ứng, sanh tử, luân hồi, thì những nhà Nho đời sau đều chẳng dám bảo [nhân quả, báo ứng, luân hồi] đều là không có. Dẫu bọn họ muốn làm chuyện tổn người, lợi mình, thương thiên, hại lý đi nữa, nhưng do thấy có ác báo, sợ mai sau chịu khổ khó kham, do đấy sẽ chẳng dám! Vì Trình - Châu cho là không có những chuyện ấy, nên những kẻ xấu hèn, tàn nhẫn dám làm ác không kiêng dè gì! Lại thêm gió Âu vừa thổi tới thì chuyện phế kinh điển, phế luân thường, giết cha, gian

mẹ đều cùng được cực lực đề xướng nhằm mong được thực hiện. Nguồn gốc của mối họa này bắt nguồn từ Lý Học, chẳng đáng buồn sao? Do vậy, hãy nên sốt sắng sanh lòng tin phát nguyện để cầu sanh Tây Phương.

Chữ "phạn thực" (飯食) trong kinh Kim Cang được đọc thành "phản tự" cũng chẳng phải là nghĩa trong nhà Phật, mà là theo nghĩa của sách Nho, nhưng con người chẳng tự suy xét! [Trong các bản kinh Kim Cang được lưu hành], câu chữ [có một đôi chỗ] khác nhau, như "tức" (即) và "tắc" (則) các bản thường dùng thay thế cho nhau. Điều này không khẩn yếu lắm! Nếu kinh ghi là Tức thì đọc là Tức, ghi là Tắc thì đọc là Tắc, bởi Tắc có nghĩa là Tức, không sai biệt cho lắm. Có kẻ bịa chuyện quốc vương Cao Ly húy là Tắc (稷: tên một loại lúa) nên đổi chữ Tức thành Tắc. Đây là lời bàn luận mù quáng của kẻ chẳng biết sự việc.

Thêm nữa, đoạn *"Nhẫn Nhục Ba La Mật…"* có bản chép thành hai câu, có bản chép thành ba câu. Nên biết rằng: Ghi thành hai câu thì ý nghĩa cũng hoàn toàn là ba câu, chứ không phải là "hai câu hoàn toàn chẳng có nghĩa của ba câu", nhưng dựa theo bản kinh mà niệm hai câu hay ba câu đều không trở ngại gì. Bản kinh chép là ba câu liền niệm ba câu, chép là hai câu liền niệm hai câu.

Trong các câu *"nguyện nhạo dục văn"* (nguyện ưa thích muốn nghe), *"thị nhạo A Lan Na hạnh giả"* (là kẻ ưa thích hạnh Tịch Tĩnh), chữ Nhạo (樂) đọc giọng Khứ Thanh, giống như chữ Yếu[21] (要). Trong kinh, hễ chữ Hành (行) được dùng để chỉ cho hành động của người làm thì nhà Nho đọc là Hưng (興), Khứ thanh, đều đọc như âm Hạn (限)[22], tức là biến âm của chữ "thực hành". Những bản in các bài chú như Đại

---

[21] Khứ Thanh là một trong bốn âm điệu chánh của âm Quan Thoại, hơi từa tựa như dấu sắc của tiếng Việt nhưng nhẹ hơn, thường được chú âm giống như dấu huyền. Chữ 樂 có ba âm đọc là Lạc (lè: vui), Nhạc (yuè: âm nhạc) và Nhạo (yào: ưa thích). Do ở đây được dùng với ý nghĩa "ưa thích" nên phải đọc là Nhạo. Do trong tiếng Quan Thoại, Nhạo và Yếu có cùng một âm đọc là Yào (lên giọng) nên Tổ mượn chữ Yếu để chỉ cách đọc chữ Nhạo.

[22] Trong tiếng Quan Thoại, chữ 行 có bốn âm đọc là Xíng (động từ, có nghĩa là "làm", âm Hán Việt tương ứng là Hành, cùng âm Quan Thoại với chữ Hưng), háng (hãng xưởng, âm Hán Việt tương ứng là Hàng hoặc Hãng), hàng (hàng, dãy, âm Hán Việt là Hàng), héng (việc làm, đạo hạnh, âm Hán Việt là Hạnh). Chữ Hạn (限:xiàn) cũng có âm đọc na ná như chữ Hưng và Hành nên Tổ dùng chữ Hạn để mô phỏng âm đọc chữ Hành.

Bài ký nêu duyên khởi của Tịnh Nghiệp Xã tôi đã soạn xong, nay đem gởi đi. Dựng bia chẳng có lợi ích lớn lao bằng treo bảng vì chữ khắc trên bia chẳng thể phóng to được, bởi lẽ đá lớn sẽ tốn tiền. Hơn nữa, có ai chịu đứng xem? Trong trăm người, chỉ được một hai kẻ chịu đứng xem. Bảng thì dùng gỗ cứng để làm, [còn bài ký ấy thì] hoặc khắc, hoặc [chép ra giấy] dán vào bảng, treo nơi chỗ ngồi, ắt sẽ có nhiều người xem. Lúc viết cần phải dùng kiểu chữ Khải theo lối Chánh Thể. Chữ viết đừng quá nhỏ, cũng đừng để sai ngoa, thiếu sót, hay thừa thãi.

Quang bận rộn cùng cực, đã cự tuyệt hết thảy, chuyện này là ra ngoài thông lệ. Từ nay chớ nên đem chuyện bút mực sai phái nữa! Nếu vẫn gởi thư đến, quyết chẳng trả lời. Văn từ trong bài sớ mấy dòng đầu có chỗ từ lẫn ý chẳng được thông suốt cho lắm, phần văn sau tuy trôi chảy, nhưng chỉ chú trọng câu chữ bóng bảy, chứ không nêu rõ được sự thật. Văn nhân viết văn quá nửa là lời văn sắc sảo, nhưng không đạt được ý! Nói hoa mỹ, bóng bảy đến cùng cực, chứ về mặt nêu bày sự thực lại chỉ phảng phất lờ mờ, nhưng đã kể như là thiết thực lắm rồi!

Nay gởi cho ông một gói Tịnh Độ Ngũ Kinh, ngoài những cuốn tự giữ ra, những cuốn khác hãy dùng để kết duyên. Quang do bốn bộ Sơn Chí Ngũ Đài, Nga Mi, Cửu Hoa, Linh Nham bức bách không thể trì hoãn được nên đã cự tuyệt hết thảy để mong sớm hoàn tất chuyện này. Hãy nên sao bài ký nêu duyên khởi thành một bản để gởi cho ông Mạnh Do.

542. Thư trả lời cư sĩ Lâm Tán Hoa (thư thứ chín)

Chuyện học nghề thuốc cần phải hết sức thận trọng. Chưa học kỹ Trung Y sao lại học Châm Cứu? *(Chữ Cứu* (灸) *âm đọc [gần giống như chữ] Cửu* (久), *nhưng người đời thường viết sai thành Chích* (炙)[70]. *Các sách thuốc lưu hành hiện thời cũng [viết sai] như thế, sao chẳng biết chữ này?)*

Tôi không biết rõ ở Tô Châu có sở huấn luyện châm cứu hay không, nhưng dẫu có đi nữa, thì đấy cũng chẳng phải là nơi người nghèo theo

[70] Chữ Cứu (灸) có nghĩa là dùng dược liệu (thường là ngải cứu) để đốt trên đầu kim châm để dẫn hơi nóng vào huyệt được châm. Còn Chích (炙, có khi đọc là Chá) có nghĩa là nướng thịt, thân cận, tiêm nhiễm.

học được. Thái Ất Thần Châm[71] chẳng phải là bí truyền, nhưng phải hết sức cẩn thận khi án huyệt (nhận định đúng vị trí của huyệt đạo) để cứu. Đồng Nhân Đường ở Bắc Kinh có bán thuốc để châm cứu đã chế sẵn. Toa thuốc cũng công bố, ai muốn tự chế thì làm. Trong toa thuốc có chất Xạ[72] và bọ cạp nguyên con, hai vị thuốc ấy cũng chớ nên dùng.

Nếu người niệm Phật dùng Đại Bi Chú và thánh hiệu Quán Âm để gia trì [thuốc rồi mới châm cứu] ắt sẽ càng hữu hiệu. Có điều các pháp được liệt kê thêm ở cuối sách *(đã quên mất tên sách)* dường như chẳng hợp thời nghi. Những sách vở khác Quang đều không biết.

Trước đây, Trần Cánh Phi đã nói: "Muốn ở trong núi tu hành", Quang đã bảo là không nên. Ông muốn Quang hạ một lời bổng hát[73] thống thiết, Quang bèn nói: "Luôn luôn nghĩ đến những chuyện sai trái". Sao không nói rõ chuyện ấy? Sao chẳng biết sự vụ đến mức như thế? Mắt Quang đã thành lòa, tinh thần giảm sút đáng kể, chẳng thể thù tiếp được, từ nay đừng gởi thư tới; gởi đến quyết không trả lời!

543. Thư trả lời cư sĩ Lâm Tán Hoa (thư thứ mười)

Ông làm giáo viên kiêm hoằng dương Phật pháp, hãy nên tùy phận tùy sức, sao lại cưỡng cầu nhân sĩ các giới phải tin tưởng, ngưỡng mộ? Lấy thân làm gương, đấy là căn bản. Nếu trong những hành vi, lời lẽ có gì thiếu sót sẽ chẳng thể làm cho người khác sanh lòng tin tưởng được! Cái học bên ngoài dù cao, nhưng cái hạnh thật sự không có, ông muốn thông suốt thêm cũng chỉ là uổng công. Bởi lẽ *"dùng lời để dạy sẽ bị tranh cãi; dùng thân để dạy, người khác thuận theo"*. Đây là chương trình "tự lợi, lợi người, tự lập, lập người" [chắc chắn như] sắt thép vậy!

---

[71] Thái Ất Thần Châm (năm quyển) là bộ sách dạy về nguyên tắc, cách thức châm cứu, vị trí các huyệt trên thân thể, những điều cấm kỵ trong khi châm cứu (chẳng hạn những bệnh nào không nên châm cứu, bịnh nhân có thai không nên châm cứu, những huyệt nào không được châm v.v…), cũng như các bài phú để dễ nhớ huyệt vị, kinh lạc v.v…. Sách đã mất tên tác giả, ước chừng ra đời trong niên hiệu Ung Chánh nhà Thanh.

[72] Xạ (麝) là chất thơm của con hươu xạ (musk deer). Loài hươu này con đực có bọng tiết ra chất dịch hết sức thơm ở bụng để quyến rũ con cái trong mùa giao phối. Do chất Xạ cực thơm thường để chế nước hoa, hương liệu, dược liệu… nên chúng bị săn bắn rất tàn nhẫn.

[73] Bổng (棒) là gậy đánh, Hát (喝) là tiếng hét. Tổ Lâm Tế dùng phương pháp đánh hoặc hét để khai ngộ cho người đến học nên Thiền gia thường dùng thuật ngữ "bổng hát" để chỉ những lời khai thị thống thiết có khả năng khai ngộ, cảnh tỉnh mạnh mẽ.

Trang nghiêm tượng Phật thì với vàng [để thếp] hãy nên lấy màu sắc để định, há nên chấp chặt hẹp hòi phải là thứ này, thứ nọ? Nhà nào (tức tiệm bán vàng) thường tốt, nhà nào thường gian dối? Nếu chính mình có thể mua thì được, chứ nếu cậy người khác chắc sẽ có chuyện tệ hại, Quang chẳng thể hỏi giùm chuyện này được!

Phàm mọi chuyện đều phải tuân theo chương trình: Tượng vẽ có người đương cơ quỳ ở trước thì có thể vẽ theo cách thức [đức Phật] xoa đầu [kẻ đương cơ]. Nếu không có người đương cơ quỳ ở trước thì chớ nên lầm lạc sửa đổi cách thức sẵn có. [Tạo tượng A Di Đà Phật] xòe tay tiếp dẫn rất nên!

Người trong liên xã dám chửi kẻ khác trước tượng Phật, tội đáng chết muôn phần! Đêm mộng thấy thần [hộ pháp] trách phạt, đăng báo [chuyện ấy] sẽ có thể cảnh tỉnh người khác; nhưng trong xã quy (quy củ của liên xã) hãy nên vạch rõ lỗi miệt thị người khác. Hễ xã quy nghiêm túc thì sẽ tự chẳng có thái độ xấu hèn ấy nữa!

Hút thuốc phiện cũng thế, nếu kẻ hèn kém thiếu chí hướng [đã nắm giữ chức vụ, trót nghiện ngập nhưng] chẳng chịu sửa đổi thì hãy buộc họ từ chức. Nay gởi cho ông một gói sách, trong ấy có hai bộ Ngũ Đài Sơn Chí, mười cuốn Hám Sơn Niên Phổ Sớ, một số trang toa thuốc trị chó dại cắn.

544. Thư trả lời cư sĩ Mậu Trí Tu

Sau khi tự quy y, bèn thật thà niệm Phật, chẳng lười nhác chút nào, tôi [cảm thấy] vui mừng, an ủi đến tột bậc! Cư sĩ Châu Dung Đường đăng lính thay cho cha, lòng hiếu đáng khen ngợi. Đã biết đời người lắm sự khổ, do vậy, ông ta dốc sức tu Tịnh nghiệp. Con người như thế mới là đệ tử thật sự của đức Phật. Ông ta đã bảy mươi ba tuổi, sanh cùng năm với Quang. Nay muốn quy y, chẳng cần phải đi xa; chỉ nên nương theo lời dạy trong Gia Ngôn Lục và Sức Chung Tân Lương để tự mình tu trì và dạy dỗ con cháu trong nhà để mong khi lâm chung sẽ được họ trợ niệm, chẳng đến nỗi phá hoại Tịnh nghiệp, kẻo vẫn luân hồi trong lục đạo chịu nỗi khổ sanh tử luân hồi.

Nay đặt pháp danh cho ông ta là Đức Ấm, nghĩa là có thể nhất tâm niệm Phật, cầu sanh Tây Phương, ắt sẽ được đức Phật rủ lòng Từ che chở, tiếp dẫn vãng sanh. Trong hằng ngày, dùng những điều ấy để tự hành, lại còn đem dạy người thì hết thảy mọi người sẽ đều được che rợp bởi lòng Từ của đức Phật. Vì thế nên gọi là Đức Ấm. Xin hãy nói với

ông ta, tùy [ông ta chọn] một ngày nào đó, đối trước tượng Phật đảnh lễ, tự thệ quy y là được!

545. Thư trả lời cư sĩ Vương Nghiễn Sanh (thư thứ nhất)

Thư nhận được đầy đủ. Quang là một tăng nhân chỉ biết cơm cháo, há nên khen ngợi quá lố như thế? Chuyện lập đàn cầu cơ Quang một mực chẳng xiển dương, bởi những lời giáng cơ phần nhiều đều là mạo danh, chứ không phải mỗi mỗi đều do chân tiên giáng lâm, huống là Phật ư?

Bài văn [được rêu rao là] do Quán Âm đã nói [trong buổi cầu cơ] lần này, cũng là mạo danh! Tôi đoán bài văn ấy chắc là do họ đã sao lục bài văn cũ để đưa ra. Nếu không, sao trong văn từ lại thường có những chỗ chẳng thể hiện được ý? Những điều được nói trong ấy cũng phần nhiều là tán loạn, lan man, chẳng chỉ ra rõ ràng, rộng rãi những điều quan trọng cho lắm! Cố nhiên Quang chẳng dám tự phụ là thông minh, nhưng nếu các vị coi đó chính là lời đức Quán Âm nói, chắc sẽ bị người khác chê cười! Do vậy tôi bèn sửa chữa đôi chút, so với bản trước đây trôi chảy hơn một tí, nhưng đừng nói rõ là Quang đã sửa chữa.

Ông Khâu vãng sanh Tịnh Độ rồi trở lại cõi này cố nhiên chẳng đáng nghi, nhưng do [các ông] chấp kinh văn mà chẳng hiểu ý kinh nên trở thành mối nghi lớn! *"Một đại kiếp trong cõi Sa Bà bằng một ngày đêm nơi Cực Lạc"*, câu này giảng rõ thời gian ở Cực Lạc. Còn nói "một ngày, một đêm, bảy ngày, một kiếp, mười hai đại kiếp" v.v… là đều ước theo thời gian phương này (cõi Sa Bà) để nói! Vì sao biết? Vì người lợi căn hoặc độn căn ở phương này do thành khẩn đến cùng cực liền có thể trong mấy chục ngày hoặc mấy năm sẽ đại triệt đại ngộ và đích thân chứng được tam-muội, há lẽ nào người đã vãng sanh Tây Phương, trụ trong cảnh giới thù thắng, nhiệm mầu, thường được thần thông, oai đức chẳng thể nghĩ bàn của Phật, Bồ Tát gia bị, so với người trong cõi [Sa Bà] này lại hưởng lợi ích chậm trễ gấp mấy lần sự khác biệt giữa ngày và kiếp ư? Sự này, lý này, há phải đợi kẻ trí [giải thích] mới biết ư? Các vị chẳng khéo hiểu ý [kinh văn], ăn nói điên đảo, nên mới phạm sai lầm như thế!

Huống chi thời kiếp bất định, thần thông đạo lực của Phật, Bồ Tát lại chẳng thể rút ngắn thời gian cả kiếp thành một niệm ư? Hoặc chẳng thể kéo dài một niệm thành cả kiếp dài lâu ư? [Các ông] chấp chặt [ông Khâu đã vãng sanh] năm năm lẽ ra không nên trở lại cõi này là vì chấp

vào kinh văn [thành ra tự mình] trái nghịch ý nghĩa của kinh. Được Quang nói lời này, mọi mối nghi tự cởi gỡ.

Huống chi người vừa mới vãng sanh liền trở lại báo [cho người cõi này biết] đều là do nương vào oai thần của A Di Đà Phật, muốn nhờ vào đó để khơi mở, chỉ dạy kẻ mê tối, chứ không phải do sức của chính mình mà có thể tự tiện làm chuyện ấy được! Còn như ông Kế tức thời sanh Tây, chẳng vượt thời hạn để quay trở lại báo tin, đều thuộc về nghĩa này.

Như [các ông chấp nệ kinh] nói: *"Tu Đà Hoàn bảy lần sanh lên trời, bảy lượt sanh trong nhân gian"* chính là đã lầm lẫn đem chuyện của bậc Tu Đà Hoàn cõi này để luận bậc Tu Đà Hoàn cõi Cực Lạc! Sự lầm lẫn ấy khiến cho người khác bị lầm lạc chẳng nhỏ đâu nhé! Trong cõi kia tuy có loại danh tự Tiểu Thừa ấy, nhưng thật ra họ đều đã liễu sanh tử, dự vào Bồ Tát thừa. Chẳng qua là tạm dùng các địa vị đã chứng được mà đặt tên như thế. Nếu các vị dùng ngay địa vị Tu Đà Hoàn trong cõi [Sa Bà] này để luận thì hóa ra trong Tây Phương Cực Lạc thế giới vẫn chưa liễu sanh tử, vẫn luân hồi y như cũ ư? Sao chẳng thấu hiểu thật lý, thật sự nơi hai cõi, cứ lầm lạc sanh khởi những thứ nghị luận sai quấy này vậy? Chẳng sợ trái kinh lầm người đến mức như thế đấy!

Hiện thời, ai nấy đều nên nghiêm túc tu Tịnh nghiệp thì mới đạt được lợi ích thật sự. Nếu học Thiền ngoài miệng thì tuy là nhân lành, nhưng nhất định sẽ chuốc lấy quả ác! Thế đạo hiện thời bại hoại đến cùng cực. Nếu muốn vãn hồi, cần phải đề xướng nhân quả, báo ứng, lại phải chú trọng dạy dỗ con gái! Bởi lẽ, nếu không dạy dỗ con gái thì chẳng những nó không thể giúp chồng dạy con thành tựu đức hạnh, trái lại còn giúp chồng dạy con làm ác. Đấy chính là cội rễ khiến cho nước ta tan hoang, loạn lạc vậy! Bỏ hai pháp này mà muốn thiên hạ thái bình, nhân dân yên vui, dẫu Phật, Bồ Tát, thánh hiền cùng xuất hiện trong cõi đời cũng đều không thể đạt được lợi ích thật sự! Huống chi con người hiện thời vốn sẵn có chủ kiến cuồng ngạo, trái nghịch ư?

Các vị đã cầu cơ tức là chẳng hợp với tông chỉ tu Tịnh nghiệp. Nhưng các vị còn hiểu rõ lý, so với những kẻ sùng phụng cầu cơ khác còn cao hơn một bậc. Do vậy, tôi gởi sách cho các vị. Nếu chịu đọc kỹ, chắc sẽ biết đầy đủ nguyên do. Quang bận bịu đến cùng cực, từ nay chớ nên thường gởi thư tới hỏi dông dài như thế nữa! Chỉ nên đọc kỹ các sách như Văn Sao v.v… thì không mối nghi nào chẳng cởi gỡ! Những điều khác đã nói tường tận trong Văn Sao, không viết chi tiết ở đây!

546. Thư trả lời cư sĩ Vương Nghiễn Sanh (thư thứ hai)

Tôi đã đọc hết thư gởi đến. Vì độ chúng sanh nên Phật, Bồ Tát thị hiện sanh trong thế gian. Nhìn từ phía chúng sanh thì các ngài cũng có sanh tử, chứ nhìn từ nhãn quan của các vị Phật, Bồ Tát thì quả thật không có sanh tử. Ví như huyễn mộng, tuy có nhưng chẳng thật, nhưng hễ có sanh tử thì có khổ, không sanh tử thì không khổ. Há nên chia thành hai thứ "liễu sanh tử khổ" và "liễu sanh tử"? Tử chính là khổ vì có sanh tử. Đã liễu sanh tử thì sẽ tự không có khổ!

Cần biết rằng: Chính vì chúng sanh mà Phật, Bồ Tát thị hiện tướng sanh tử ấy, chứ không phải thật sự vì trước đó các Ngài chưa liễu sanh tử, đến nay mới liễu! Chuyện phóng sanh trứng cá được chép trong bộ sách, tuy có hai chữ *"Phật ngôn",* nhưng cũng chưa từng thấy xuất phát từ kinh nào. Há nên vì lẽ ấy mà khiến cho người khác báng pháp? Trong cõi đời có bao nhiêu kẻ thả trứng cá đâu?

Cần biết rằng: Chỗ gần biển ở phương Nam khác với các sông biển thông thường. Cá biển hễ gặp phải nước ngọt sẽ chết ngay, còn cá trong sông ngòi gặp phải nước mặn liền chết tươi. Nếu chưa biết rõ xuất xứ của chúng, dẫu có muốn cho chúng sống, chúng cũng chẳng thể sống được. Phóng sanh nhằm cảm phát lòng Từ kiêng giết ăn chay của con người, há nên chuyên muốn chú trọng thả cho nhiều, để rồi tìm tòi, giảng nói chuyện chẳng cấp bách ấy ư?

Nên biết rằng: Chuyện trong thế gian có nhiều chuyện chẳng thể dùng lý hay sự để luận được. Một người bạn kể: "Một năm nọ, tại một xứ nọ thuộc vùng Giang Bắc gặp dịch châu chấu, người địa phương xin quan đi khám nghiệm. Có một chỗ dài đến mấy dặm, rộng hai ba dặm, châu chấu non còn chưa mọc cánh bò lúc nhúc, dày đến hơn một thước. Người đạp lên, chân ngập đến mấy tấc, khôn ngăn kinh hoảng đến cùng cực. Quan gấp sai đào hố để chôn đi, nhưng buổi chiều trời đổ một trận mưa to, [châu chấu] hoàn toàn tiêu diệt hết". Loại châu chấu ấy rốt cuộc là loại châu chấu nào? Những con châu chấu non do chúng nó sanh ra đều là hóa sanh, hiện ra tướng tai nạn ấy. Năm nay vùng Giang Bắc cũng có nạn châu chấu dày mấy tấc, đường xe lửa bị nghẽn. Trước hết phải đuổi chúng đi rồi mới dám mở đường. Phàm người tu hành hãy nên dốc sức nơi chỗ quan hệ khẩn yếu lớn lao. Nếu hờ hững hời hợt tìm tòi, sợ sẽ chẳng có tinh lực để lo liệu được đâu!

547. Thư trả lời cư sĩ Phó Pháp Lâm

Đã nhận được Dã Truật[74], vẫn chưa bị mốc. Một người bạn ở Giang Tây nói: "Nếu chẳng chế biến mà ăn vào sẽ bị đầy hơi". Ông ta biết cách chế biến, sẽ chế biến để kết duyên. Những sách con kể tên trong thư, có loại không còn, có loại hãy còn. Loại nào còn thì ta gởi đến cho con, không còn thì chẳng thể nào gởi được! Nhưng đã có Văn Sao, An Sĩ Toàn Thư, Gia Ngôn Lục, Cảm Ứng Thiên Trực Giảng v.v… thì tuy các loại khác không có cũng đâu có thiếu sót gì! Điều đáng tiếc là tuy có sách mà chẳng xem thì cũng như không có! Tuy xem nhưng chẳng tu trì theo đó thì cũng như không xem!

Thiện thư quý ở chỗ lưu thông, nhưng cần phải là người hơi có tín tâm, thông đạt văn lý thì mới nên biếu tặng. Lúc tặng, lại nên nhắc nhở họ hãy đem lòng cung kính [xem đọc], đừng khinh nhờn. Nếu khinh nhờn, ắt mắc tội lỗi! Những sách ấy đều là phương tiện dẫn đường để nhập thánh siêu phàm, chớ nên rẻ rúng như hết thảy những loại tiểu thuyết hoặc sách giải trí thì sẽ có ích đôi chút. Nay đem các loại sách ấy gởi chung trong một bao. Nếu nhận được sách, xin hãy gởi thư báo cho thầy Minh Đạo ở chùa Thái Bình biết. Từ nay về sau đừng gởi thư đến nữa, do Quang đã diệt tung tích, không ai lo liệu đâu!

Con còn nhỏ tuổi, hãy nên dốc hết sức làm người. Ắt phải nên hiếu thuận với cha mẹ, thân cận người có đức, xa lìa những hạng hoang đường! Cần phải dứt lòng tà, giữ lòng thành, đánh đổ ham muốn xằng bậy để khôi phục lễ nghĩa, đừng làm các điều ác, vâng làm các điều lành. Hiện nay chính là thời thế đại hoạn nạn. Tai nạn xảy đến chẳng thể dự liệu, tránh né cũng không được, có ngừa cũng không ngừa được. Nếu có thể thường niệm A Di Đà Phật và Quán Thế Âm Bồ Tát, ắt sẽ có sự chuyển dời ngấm ngầm chẳng thể nghĩ bàn, ngõ hầu có thể gặp dữ hóa lành, gặp nạn thành hên *(Nói đến "tốt lành" thì chẳng phải là chuyện tốt đẹp đặc biệt gì! Gặp nạn nhưng chẳng bị nạn đã là chuyện tốt lành không chi lớn bằng rồi)*.

Nhân tâm thế đạo ngày nay đã bại hoại đến tận cùng. Phế kinh điển, phế hiếu, phế luân thường, vứt bỏ lòng thẹn, giết cha, giết mẹ, đều được miệt mài đề xướng, đúng là muốn cho con người trọn chẳng khác gì cầm

---

[74] Dã Truật ở đây là loại Bạch Truật (白朮: Atractylodes Macrocephala) mọc hoang (gọi như vậy để phân biệt với loại Chủng Truật thường được trồng ở Phước Kiến, Hồ Nam, Chiết Giang). Bạch Truật là loài thảo mộc có lá đơn, hẹp dài, hoa màu tím. Phần dùng làm thuốc là củ (thân ngầm), đôi khi còn gọi là Truật, Đông Truật, Chiết Truật, Kỳ Truật v.v… Bạch Truật có vị ngọt hơi đắng, tánh ôn, chủ trị các chứng bệnh về tỳ vị, tiêu hóa không tốt, hư trướng, tiêu chảy, viêm họng, thủy thũng v.v… nhưng phải chế biến rất kỹ.

thú thì mới thỏa lòng! Truy tìm căn nguyên, đều do một mực chẳng nói đến nhân quả báo ứng và giáo dục trong gia đình. Những kẻ đọc sách thông minh chỉ học thành hạng người có đủ mọi mánh khóe mưu mẹo, dối gạt mà thôi, cho nên vừa nghe đến thứ tà thuyết ấy liền như bèo giạt theo gió, tụ họp trong hàng ngũ tà ác ấy! Tội tuy do họ gây ra, nhưng thật ra cha mẹ họ cũng chiếm quá nửa! Vì sao vậy? Do không khéo dạy dỗ từ nhỏ, lại còn dạy họ những mánh khóe mưu mẹo, dối gạt mà ra!

Con đã biết tốt - xấu, hãy nên đi theo đường chánh. Đừng nói đi theo đường chánh sẽ được trời giúp, người kính, cửa nhà hưng thịnh, con cháu đều thành hiền thiện; dẫu cho túc nghiệp đã chín muồi, gặp phải cảnh ngộ ngang trái, trọn chẳng phải là do học theo những sự tốt đẹp cho nên mới gặp phải những nghịch cảnh như thế để rồi oán trời hận người. [Có hiểu như vậy] thì mới chẳng thẹn là người đọc sách, chẳng hổ là người học Phật! Xin con hãy suy xét cặn kẽ, tận lực thực hành.

548. Thư trả lời cư sĩ Hoàng Đức Vỹ

Nhận được thư đầy đủ, lời dạy của Đa Đa Bồ Tát có thể nói là chân thật đến cùng cực. Giác Minh Diệu Hạnh Bồ Tát và Đa Đa Bồ Tát như cùng một đường mà ra; đủ thấy chuyện cầu cơ chẳng đáng để nương tựa! Bồ Tát làm chuyện phi đạo để thông đạt Phật đạo![75] "Trước hết phải dùng dục lôi kéo để sau đấy sẽ thâm nhập Phật trí"[76], qua chuyện này có thể thấy trọn. Đa Đa Bồ Tát đã có đại ân, quả thật chẳng thể quên, nhưng cũng chớ nên đưa tên Ngài vào nghi thức niệm Phật. Trong nghi thức niệm Phật thì ngay cả danh hiệu của Văn Thù, Phổ Hiền, Địa Tạng, Di Lặc cũng không đưa vào, huống là các vị khác ư? Nhưng các vị Bồ Tát ấy đều cùng gộp trong danh hiệu Thanh Tịnh Đại Hải Chúng Bồ Tát.

---

[75] Do túc duyên của những người cầu cơ, hai vị Bồ Tát cùng mượn cơ bút để hướng dẫn họ phát khởi tín tâm, tu tập Tịnh Độ. Khi tín tâm của họ đã vững chắc, cả hai vị đều cùng quyết liệt răn cấm họ không được cầu cơ, không được tin tưởng theo cơ bút nữa.

[76] "Dục" ở đây là những ham muốn, ưa thích, xin đừng hiểu hạn hẹp là "dục vọng xác thịt". Các ông này ham thích cầu cơ, xướng họa thi văn với tiên, do thiện căn của họ đã chín muồi, Bồ Tát liền vờ xưng là tiên giáng đàn để hướng dẫn họ về Phật đạo. Cũng cùng một mục đích, kinh luận nhà Phật thường nêu lên rất nhiều công đức nhằm phát khởi lòng ham muốn đạt được thiện báo của chúng sanh để họ tu tập theo pháp môn được dạy trong một kinh, chẳng hạn kinh Pháp Hoa nói người trì kinh sẽ có bao nhiêu công đức nơi thân, miệng, ý v.v… khiến cho người nghe hâm mộ, sốt sắng đọc tụng để dần dần sẽ ngộ nhập được Nhất Thừa.

Nếu thêm tên Đa Đa Bồ Tát vào, cố nhiên đối với Tịnh Nghiệp Xã của các ông chẳng trở ngại gì, nhưng nơi khác không biết sẽ đâm ra chuốc lấy sự nghi ngờ, dị nghị. Chỉ nên thờ Ngài riêng một chỗ, sáng chiều lễ bái là được rồi!

549. Thư trả lời cư sĩ Trình Tiểu Bằng

Quang tự xét mình kém hèn, một mực chẳng xứng làm thầy người khác. Trước kia ông Từ Úy Như đã thấu hiểu ý Quang nên thôi [không xin làm đệ tử nữa]. Sao các hạ vẫn cứ đề cao kẻ kém hèn là cao thượng vậy? Bất đắc dĩ chỉ đành chiều theo ý các hạ. Ví như có người lấy đất nặn tượng, biết rõ là đất, nhưng cúng dường tượng ấy cũng chẳng phải là không được! Dẫu nói ấy là đất ở nơi nọ, muốn trả nó về đúng vị trí thì cũng chẳng phải là không được! Bỏ hay lấy do nơi người, đất không chọn lựa.

Nay đặt pháp danh cho các hạ là Huệ Nhuận, nghĩa là đem mây mưa trí huệ nhuần thấm khắp chúng sanh khô khao khiến cho họ đều được nẩy mầm pháp, thành tựu đạo quả. Nhưng muốn nhuần thấm khắp hết thảy thì trước hết phải nhuần thấm trí của chính mình. Nếu lời lẽ, hành vi đều chẳng quan tâm đến thì chính mình đã khô khao trước, làm sao có thể nhuần thấm hết thảy được? Đấy chính là tấm lòng mong mỏi của kẻ không chân mong bước lên đường mây. Quang bận bịu đến cùng cực, không rảnh rỗi để thù tiếp; Thượng Hải lắm danh nhân, cần gì cứ phải do Quang viết thì mới có ích ư?

550. Thư trả lời cư sĩ Châu Trần Huệ Tịnh

Nhận được thư, biết bà tu trì tinh tấn, thệ nguyện rộng lớn, tôi vui mừng, an ủi đến tột bậc. Nói tới giáo hóa người khác thì chính mình cần phải dốc sức nương theo pháp mà tu trì, chứ chẳng phải chỉ chuyên nói xuông. Hết thảy các pháp đều lấy thân làm gốc; như chính mình phụng sự cha mẹ ruột, bố mẹ chồng đều trọn hết lòng hiếu thảo, đối đãi với anh em trai, chị em ruột, chị em dâu đều bằng tấm lòng nhường nhịn, yêu thương, mềm mỏng, hòa hoãn, khuyên nhau làm lành, nhắc nhở nhau sửa lỗi. Đối với chồng mình ắt phải cung kính, khuyên chồng làm lành, sửa lỗi, giữ gìn lễ pháp cẩn thận, đừng nên vì vợ chồng quá mức thân thiết mà buông tuồng không giữ lễ nghi đến nỗi kỷ cương gia đình lỏng lẻo, con cái không có cái để làm gương noi theo! Đừng buông thả cho

con cái, cháu chắt v.v… quen tánh. Lúc chúng vừa mới hiểu biết, liền nói với chúng về đạo lý làm người, như hiếu, đễ, trung, tín, lễ, nghĩa, liêm, sỉ v.v… và nhân quả báo ứng. Từ thuở bé đã biết những đạo lý này thì khi lớn lên chúng sẽ trọn chẳng dám làm những chuyện sai trái, gian dối, vượt lễ, quá phận.

Thế đạo hiện thời bại hoại đến mức như thế này, nói chung là do những kẻ làm mẹ trong cõi đời chỉ biết yêu thương con cái, chẳng biết dạy chúng thành hiền, thành thiện mà ra! Công đức dạy dỗ con cái cực lớn. Tội lỗi không dạy dỗ con cái cũng cực lớn! Hàng nữ nhân giúp chồng dạy con chính là sẽ có thể làm cho thiên hạ thái bình, nhân dân yên vui. Trách nhiệm giúp chồng dạy con của nữ giới cực lớn! Nếu bà có thể chân thật làm được như thế thì những phụ nữ quen biết bà sẽ đều nhìn theo bắt chước làm lành. Bà lại còn chịu dựa theo pháp môn Tịnh Độ [là pháp môn] đơn giản, nhanh chóng nhất do đức Phật đã dạy để khuyên nhủ họ, tâm họ sẽ tự nhiên cảm động, nghe theo lời bà. Nhưng muốn cho họ tin tưởng Phật pháp, trước hết bà hãy khuyên họ trọn hết luân thường đạo lý.

Nữ nhân có chuyện khổ sở lớn nhất là sanh sản; phải khuyên họ kiêng giết, ăn chay. Nếu chẳng thể tự do [ăn chay theo ý muốn] thì hãy nên bớt ăn mặn. Đừng nhất loạt vì không thể ăn chay rồi tận lực ăn mặn. Hằng ngày sáng tối tùy theo khả năng của chính mình, hãy đối trước tượng Phật lễ bái, niệm chừng đó câu Phật hiệu. Nếu không có bàn thờ Phật thì hướng về phía Tây lễ bái cũng được, bởi lẽ, nữ nhân trẻ tuổi không có quyền tự do [dành nhiều thời gian tu tập theo ý muốn]. Ngoài ra, hễ mỗi khi thuận tiện đều niệm, cũng như mỗi ngày niệm Quán Thế Âm Bồ Tát chừng đó tiếng. Chỉ cần chí thành niệm là được, chứ không cần [bày vẽ] bề ngoài. Làm được như thế thì nghiệp đời trước lẫn nghiệp đời này sẽ đều tiêu diệt. Lúc sanh nở, quyết chẳng bị khổ sở! Như khi có thai, hãy nên thường giữ tấm lòng lành, thường niệm Phật hiệu, đừng ăn đồ mặn tanh tưởi, tự nhiên sanh ra con cái đều hiền thiện. Đến khi sanh nở, càng phải chí thành niệm Quán Thế Âm Bồ Tát. Phàm những người săn sóc sản phụ trong phòng sanh đều niệm cho người ấy thì [sản phụ] chắc chắn sẽ sanh nở không đau khổ. Đã thế, chính sản phụ và đứa con vừa được sanh ra sẽ đều gieo đại thiện căn.

Có kẻ chẳng hiểu lý bảo: "Lúc sanh nở lõa lồ, bất tịnh, niệm sẽ mắc tội!" Đấy là chấp lý hẹp hòi, chẳng biết tới đạo "Lý biến đổi theo Sự"! So với lòng cha mẹ quan tâm đến con cái, Phật, Bồ Tát coi chúng sanh còn thân thiết hơn rất nhiều! Ví như con cái té vào lửa, nước, cầu cha

mẹ cứu vớt, cha mẹ liền đến cứu ngay, quyết chẳng vì [con cái] mũ áo không chỉnh tề, thân thể chẳng sạch sẽ mà không cứu.

Tôi đã bế quan, những thư từ bên ngoài nhất loạt chẳng trả lời. Do bà có tâm muốn độ người, nếu chẳng biết những điều mấu chốt, quan trọng, chắc là [người khác] sẽ chẳng chịu nghe theo. Do vậy, tôi đem những điều quan hệ nhất, dễ gây lòng tin nhất cho nữ giới để nói với bà hòng giúp bà khuyên người khác ăn chay, niệm Phật.

Hơn nữa, thế đạo hiện thời là thế đạo hoạn nạn. Nếu chịu chí thành niệm Phật, chắc chắn sẽ được Phật âm thầm gia bị khiến chẳng bị nguy hiểm. Phàm ai bị bệnh tật hoặc gặp chuyện xấu, tai họa, hoặc cầu con cái, đều nên chí thành niệm Phật, quyết định sẽ được như nguyện. Đối với công khóa thì tùy theo khả năng của bà, tôi cũng chẳng thể chỉ dạy riêng [bà nhất định phải làm như thế nào]; nhưng cần phải lấy chí thành, cung kính làm căn bản. Cần phải sanh lòng tin chân thật, phát nguyện thiết tha niệm Phật. Chớ nên có đủ mọi tâm niệm, trừ niệm sáu chữ ấy ra, trọn chẳng có một niệm nào khác trong lòng nữa *(tức là niệm Phật trong tâm).* Lại cần phải từng câu, từng chữ niệm cho rõ ràng, nghe cho rõ ràng, lâu ngày chầy tháng tâm sẽ tương ứng với Phật.

Nếu bà nói: *"Tự tâm làm Phật, cho nên Phật tâm ấy sẽ độ tự tâm, ta chính là Phật, Phật chính là tâm, tâm chính là Phật",* bậc thượng nói những lời lẽ ấy thì mới có ích, chứ hạng hạ [mà cũng học đòi ăn nói như thế] sẽ mắc lỗi. Chớ nên chú trọng nơi chuyện ấy! Nếu chú trọng nơi ấy, chắc sẽ sanh lòng đại ngã mạn, bảo: "Ta chính là Phật, cần gì phải niệm Phật?"

Cần biết rằng: Do tâm chính là Phật nên đức Phật dạy con người niệm Phật! Nếu tâm hoàn toàn chẳng phù hợp với Phật, như băng giá chẳng thể bỏ vào lò để chưng luyện được [thì Phật đã chẳng dạy con người niệm Phật]! Do bản thể của cái tâm ấy chẳng khác với Phật, cho nên đức Phật dạy con người niệm Phật, dùng lửa trí huệ từ sức thần thông, oai đức của Phật để chưng luyện Phật tâm đang bị xen tạp phiền não Hoặc nghiệp của phàm phu, ngõ hầu phiền não Hoặc nghiệp ấy đều bị tiêu diệt, rơi rớt tứ tán, chỉ còn giữ lại cái tâm thanh tịnh thuần chân thì mới có thể bảo: *"Tâm tức Phật, Phật tức tâm"*. Chưa đạt đến địa vị ấy [dẫu có nói "*Tự tâm làm Phật, tâm Phật này độ tự tâm, ta chính là Phật, Phật chính là tâm, tâm chính là Phật*"] thì chẳng qua là dạy về thể tánh [của cái tâm] mà thôi! Nếu luận về Tướng *(sự tướng)* và Dụng *(lực dụng)* thì đều hoàn toàn chẳng phải!

Tâm đức Phật như vàng đã tách khỏi quặng; tâm chúng ta như vàng còn nằm trong quặng, tuy có thể tánh của vàng, trọn chẳng có công năng của vàng. Do vậy, vì "tự tâm là Phật" nên càng cần phải sốt sắng niệm Phật, cầu sanh Tây Phương. Kẻ ngu chẳng biết nghĩa này, nếu không "đề cao thánh cảnh, nhưng tự ở trong địa vị phàm ngu" thì cũng chấp Lý phế Sự, bảo xằng là đã chứng đạo! Học vấn của bà vẫn chưa thông suốt lắm. Hãy nên dựa theo Gia Ngôn Lục để tu trì, sẽ bảo đảm không có chuyện đọa trong tà ma, ngoại đạo. Nếu có sách ấy thì tốt. Nếu không, hãy hỏi tìm từ nơi [Châu] Mạnh Do, chắc chắn ông ta hãy còn.

Quang đã bảy mươi tuổi rồi, tháng ngày chẳng còn mấy! Vì thế, cự tuyệt hết thảy để chuyên bế quan. Phúc đáp [thư bà] lần này là phương tiện đặc biệt. Từ nay chỉ nên chiếu theo những gì Gia Ngôn Lục, Văn Sao đã nói để chân thật tu trì là được rồi, chẳng cần phải gởi thư tới nữa! Trong Gia Ngôn Lục, phàm tất cả những pháp tắc tu trì đều đã nói rõ. Chuyên tu Tịnh Độ thì cần gì phải thỉnh khai thị nhiều lần? Dẫu có thỉnh hỏi thì những gì tôi sẽ nói cũng chẳng ra ngoài những điều đã được nói trong cuốn sách ấy đâu!

551. Thư trả lời cư sĩ Vinh Bách Vân

Con người sống trong thế gian sau mấy chục năm đã thành người cổ lỗ. Trong mấy chục năm ấy, nếu chẳng nỗ lực tu trì thì nỗi nguy hiểm trong tương lai sẽ chẳng thể nào thí dụ được! Đã phát tâm quy y Tam Bảo, thọ trì Ngũ Giới, quả thật là do thiện căn nhiều kiếp tạo thành; nhưng cần phải giữ vững cái tâm ấy, chỉ mong ngày càng thâm nhập, càng tu càng thiết tha. Muôn phần đừng nhất thời cao hứng liền phát tâm rồi lâu ngày chầy tháng sẽ vứt ra sau ót, chẳng đoái hoài tới nữa! Ông tên là Niệm Kiều, Kiều (橋: cầu) là vật cần thiết để giúp người khác vượt qua [sông, rạch]. Nếu không có cầu thì đôi bên qua lại khá bất tiện! Pháp môn Tịnh Độ chính là chiếc cầu pháp lớn lao để từ bờ sanh tử này vượt sang bờ Niết Bàn kia. Ông có thể tự hành, dạy người, ta lẫn người đều vượt qua được. Vì thế, tôi đặt pháp danh cho ông là Huệ Độ. Bởi lẽ, nếu có trí huệ thì sẽ do bờ này vượt lên bờ kia. Nếu không có trí huệ, sẽ vĩnh viễn ở trong biển khổ sanh tử, chẳng thể thoát được!

Đã quy y, thọ giới, hãy nên nghiêm trì, đừng phạm. Nếu không, sẽ thành trò trẻ con đùa bỡn với Phật pháp, tội lỗi cùng cực! Tâm phải chú trọng cung kính, giữ lòng thành, đánh đổ những ham muốn xằng bậy của chính mình để khôi phục lễ nghĩa; xử sự ắt phải hiếu thuận, từ bi,

nhường nhịn, cung kính, chân thật, không giả dối. Lại cần phải đem lợi ích của Tịnh Độ để trên là khuyên nhủ cha mẹ, dưới là khuyên bảo vợ con, giữa là khuyên lơn anh em, bạn bè, xóm giềng, làng nước. Dù ta hay người đều phải giữ vẹn luân thường, nghiêm túc trọn hết bổn phận của chính mình, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành, kiêng giết, bảo vệ sinh vật, quý tiếc sanh mạng loài vật, tín nguyện niệm Phật, cầu sanh Tây Phương. Nếu làm được như thế thì mới đáng gọi là đệ tử thật sự của đức Phật. Nếu không, sẽ là hữu danh vô thực, chỉ được cái danh xuông, trọn chẳng có mảy may lợi ích thật sự nào!

Như khi quy y, hãy nên đối trước đức Phật, chí thành lễ bái bao nhiêu đó lạy, đối trước đức Phật tự thưa bày: "Đệ tử con là Huệ Độ, vâng lời thầy con là Ấn Quang dạy con đối trước đức Phật tự thệ thọ Tam Quy, Ngũ Giới. Đệ tử con tên là Huệ Độ, quy y *(Phật, Pháp, Tăng)*, từ nay trở đi lấy *(Phật, Pháp, Tăng)* làm thầy, trọn chẳng quy y *(ngoại đạo, thiên ma, kinh sách của ngoại đạo, tà chúng ngoại đạo)*". Lần thứ hai, lần thứ ba đều chiếu theo đây, chỉ sửa chữ [cho thích đáng] để nói. Nói xong mỗi điều, lễ Phật ba lạy.

Tiếp đó, lại lễ Phật ba lạy. Thọ Ngũ Giới thì nói: "Đệ tử con tên là Huệ Độ, thề nhận lãnh Ngũ Giới. Thứ nhất là chẳng sát sanh. Giống như đức Phật trọn hết tuổi thọ chẳng sát sanh, đệ tử con tên là Huệ Độ cũng trọn hết tuổi thọ chẳng sát sanh". Điều thứ hai là chẳng trộm cắp. Điều thứ ba là chẳng tà dâm. Điều thứ tư là chẳng nói dối. Điều thứ năm là chẳng uống rượu đều nói giống như thế. Chỉ có điều thứ ba chẳng tà dâm thì nói: "Như chư Phật trọn hết tuổi thọ chẳng dâm dục, đệ tử con cũng trọn hết tuổi thọ chẳng tà dâm". Do người tại gia có tình vợ chồng mong sanh con cái, chẳng thể đoạn dục nên chỉ ngăn cấm sắc bên ngoài[77]; nhưng nếu đối với thê thiếp của chính mình mà tham vui hoặc làm chuyện chẳng hợp đạo, cũng sẽ giống như tà dâm. Chớ nên không biết [điều này]! [Những điều này đã được] giải thích tường tận trong Văn Sao, hãy đọc kỹ sẽ tự biết rõ, ở đây không viết cặn kẽ!

552. Thư trả lời cư sĩ X…

Phật pháp chính là pháp chung cho hết thảy mọi người. Hết thảy mọi người đều có thể tu, đều được lợi ích. Nếu như lời ông nói thì những kẻ độn căn do chẳng thể thâm nhập biển Giáo sẽ đều chẳng có phần học

[77] Tức ngoại tình dù trong hành động hay trong tư tưởng đều phạm giới tà dâm. "Sắc bên ngoài" ở đây chỉ cho người không phải là vợ hay chồng mình.

Phật! Ông ỷ vào trí thức của chính mình hiểu được danh tướng của Tướng Tông, vẫn muốn tạo dựng một Tịnh Độ đạm bạc[78]. Ông thốt lời ấy tức là vẫn chưa từng đọc kinh Phật, mà chỉ [nêu ra những ý kiến] phát xuất từ cái tâm so đo mà ra. Cố nhiên ông thông hiểu giáo lý sâu xa, còn Quang là một ông Tăng dê câm[79] mà vẫn chẳng chấp nhận lời ông là đúng thì thốt lời "thâm nhập biển Giáo" há dễ dàng ư?

Há có phải ông X… vì niệm Phật mà bị lầm lạc ư? Do ông ta ôm lòng muốn mau chứng nên bị ma quỷ dựa vào thân; từ đấy xăng bậy bịa chuyện, chưa đắc bảo là đắc, chưa chứng nói đã chứng. Những kẻ học theo ông ta đều coi ông ta là Phật sống, nên ông ta mới có thuyết: "Thành Phật trong một trăm ngày!" Phàm những ai đến gặp, có khi ông ta biết trước tâm họ, có lúc ông ta bị người khác tận mặt dối gạt! Đủ thấy thần thông của ông ta chính là tác dụng của ma quỷ. Hễ quỷ đến thì có [thần thông], quỷ đi thì không. Phàm những kẻ thân cận ông ta, có người đã đắc tâm địa thanh tịnh, có kẻ chưa đắc vẫn nói là "đã đắc", lầm lạc tự xưng là bậc tôn quý, cũng có kẻ phát cuồng chẳng thể chữa lành được. Những kẻ khoe kỳ, ưa lạ trong cõi đời đông lắm, cho nên ông ta mới trổ được ngón nghề ấy. Nếu hết thảy mọi người ai nấy đều nghiêm túc giữ bổn phận thì ngón nghề xảo quyệt của ông ta chẳng thể nào thi thố được! Hiện nay ông ta đã lên Bắc Bình (Bắc Kinh), nghe nói có thế lực như kiến bu quạ đậu chẳng kém gì ở Thượng Hải!

---

[78] Ý nói ông cư sĩ X... này quá thiên về Lý, phế Sự nên chỉ nghĩ "phải thấu hiểu những danh từ trong Tướng Tông, thấu hiểu lý tánh thì mới sanh về Tịnh Độ", tức là chỉ biết đến Tịnh Độ về mặt Lý, không thấu hiểu Tịnh Độ sự lý viên dung, thâu nhiếp mọi căn tánh, không thấy được điểm đặc sắc thù thắng nhất của cõi Cực Lạc chính là Phàm Thánh Đồng Cư Độ, sanh về một cõi chứng trọn bốn cõi. Cõi Tịnh Độ theo cách hiểu của ông cư sĩ X... này đã hoàn toàn mất hẳn sự thù thắng không còn hiển hiện sự diệu hữu nên tổ gọi đó là "Tịnh Độ đạm bạc", tức là cõi Tịnh Độ Cực Lạc được hiểu theo kiểu ấy chẳng khác gì những cõi Tịnh Độ dành riêng cho bậc Pháp Thân đại sĩ, người chưa chứng đắc địa vị như các Ngài sẽ không thấy được, không xứng gọi là Tịnh Độ của một pháp môn được xưng tụng là siêu thế hy hữu vì Cực Lạc Tịnh Độ gồm trọn cả bốn cõi Tịnh Độ!

[79] "Á dương Tăng" (Edamūka-samgha: vị Tăng giống như con dê câm) là một thuật ngữ chỉ vị Tăng ngu si. Theo Đại Trí Độ quyển 3, hạng Tăng này tuy không phá giới, nhưng độn căn, không có trí huệ, không có sức dũng mãnh tinh tấn, không phân biệt tốt - xấu, không biết nặng - nhẹ, không nhận biết thế nào là có tội hay vô tội. Do vậy, nếu trong Tăng chúng có chuyện tranh chấp, không biết phán quyết như thế nào, cứ câm lặng không dám nói năng gì, giống như con dê trắng bị người ta giết mà không dám kêu. Vì thế gọi là Á Dương Tăng.

Đối với ông ta, Quang chẳng tán thán mà cũng chẳng nói lời bài xích; bởi Quang là loại Tăng dê câm, chẳng đủ sức gây lòng tin nơi người khác để giảm mối nghi cho người ta, chỉ đành "hắn hành pháp của hắn, tôi giữ đạo của tôi!" Túc căn của ông khá sâu. Xem lời ông nói và những gì ông dạy người khác, đa số hết thảy những kẻ chẳng biết Phật pháp đều có thể tu, đều có thể được lợi ích. Nếu đối với hết thảy những phụ nữ độn căn, văn lý vẫn chưa thông suốt lắm cứ khuyên họ phải chuyên chú nơi Duy Thức thì khi Duy Thức chưa truyền đến Trung Quốc, [chẳng lẽ] tri thức Tịnh Độ đều là một lũ hoại loạn Phật pháp, làm cho chúng sanh nghi ngờ lầm lạc ư?

Quang định trong tháng Chín sẽ diệt tung tích, ẩn náu lâu dài, từ nay về sau vĩnh viễn chẳng giao thiệp với hết thảy mọi người để chuyên tu Tịnh nghiệp hòng khỏi lâm vào cảnh "chẳng liễu trong đời này", sẽ lại bị lung lạc bởi những tri thức "đã thành Phật" ấy và những kẻ tri thức đả đảo, loại trừ, vứt bỏ Khổng giáo! Xin hãy sáng suốt suy xét!

553. Thư trả lời cư sĩ Niệm Phật

Nhận được thư, ông cho biết "quyết ý muốn vãng sanh trong năm nay". Chớ nên chấp trước ý kiến ấy! Hễ chấp sẽ thành bệnh, hoặc đến nỗi có ma sự! Người niệm Phật hãy nên giữ tấm lòng "được vãng sanh ngay trong đời này". Nếu báo thân chưa mãn thì cũng chỉ tùy duyên. Nếu định kỳ hạn mong muốn vãng sanh mà công phu đã thành thục, cố nhiên chẳng trở ngại gì. Nếu không, chỉ riêng cái tâm mong cầu ấy đã là cái gốc để thành ma rồi! Nếu vọng niệm ấy kết thành một khối chẳng tháo gỡ được, sẽ nguy hiểm chẳng thể nào nói nổi!

"Cho đến hết tuổi thọ, gieo tấm lòng Thành" chính là đạo chúng ta nên tuân giữ. *"Diệt thọ thủ chứng"* (diệt trừ thọ mạng để mong chứng đắc) quả thật là lời lẽ bị Giới kinh quở trách sâu xa *(Bài kệ cuối kinh Phạm Võng có đoạn: "Kế ngã chấp trước giả, bất năng sanh thị pháp, diệt thọ thủ chứng giả, diệc phi hạ chủng xứ" (kẻ chấp trước nơi Ngã, chẳng sanh được pháp này;*

diệt thọ mong chứng đắc, cũng không gieo giống được)[80]. Chỉ nên trọn hết lòng kính, lòng thành để cầu mau được vãng sanh; chớ nên mong muốn được vãng sanh đúng như kỳ hạn [theo ý ta] đã định.

Người học đạo tâm chớ nên thiên chấp. Hễ thiên chấp sẽ đến nỗi mất trí điên cuồng; chẳng những vô ích mà còn bị hại! Nếu tịnh nghiệp chín muồi, vãng sanh ngay bữa nay càng tốt. Nếu chưa chín muồi mà cứ muốn được vãng sanh ngay, sẽ trở thành "nhổ mạ để giúp cho nó mau lớn!" Thật sợ rằng hễ ma sự dấy lên, chẳng những chính mình không thể vãng sanh được, mà còn khiến cho kẻ vô tri đều lui sụt tín tâm, bảo là: "Niệm Phật tổn hại vô ích!" Như ông X… nọ là tấm gương tầy đình, mối hại ấy quả thật chẳng nông cạn vậy! Xin hãy đem cái tâm quyết định [mong được vãng sanh] đúng kỳ hạn ấy đổi thành cái tâm "chỉ mong mau được vãng sanh'. Dẫu không được vãng sanh [mau chóng], cũng chẳng áy náy gì, chỉ chí thành chí kính để mong khi hết báo thân sẽ được vãng sanh thì không bị vọng niệm bộp chộp vớn cục lại [trong tâm] đến nỗi mắc họa chuốc lấy ma sự!

Trong tình thế hiện thời, ai nấy chỉ đành trọn hết tấm lòng, còn cát - hung, họa - phước trong tương lai chẳng thể nào dự đoán được! Nếu có thể kiền thành niệm Phật, niệm Quán Thế Âm Bồ Tát, sẽ có chuyển biến ngấm ngầm, chẳng đến nỗi bị nguy hiểm lớn lao. Nếu chẳng dốc sức nơi việc này, dẫu có dốc cạn mưu mô thì cũng khó thể đạt được hiệu quả tốt đẹp vì thời cuộc biến huyễn chẳng thể nào dự liệu được! Những kẻ vinh quý hách dịch một thời mấy chốc sẽ tiêu diệt chẳng còn, huống là bọn ta ư? Khổng Tử nói: *"Bất tri mạng, vô dĩ vi quân tử dã"* (Chẳng biết mạng,

---

[80] Chúng tôi dịch thuật ngữ này theo cách giải thích của pháp sư Diễn Bồi trong Phạm Võng Kinh Bồ Tát Giới Bổn Giảng Ký (hòa thượng Trí Minh dịch), phần dịch nghĩa bốn câu kệ kinh Phạm Võng được dẫn theo Nghi Thức Tụng Giới Bồ Tát của hòa thượng Trí Tịnh. Theo Phạm Võng Kinh Bồ Tát Giới Bổn Giảng Ký (bản dịch của hòa thượng Trí Minh), pháp sư Diễn Bồi đã giảng: *"Còn người 'diệt thọ thủ chứng' (người trầm không trệ tịch) chỉ cho hàng Nhị Thừa chấp Không, thuộc về loại mầm cây héo, hột giống hư, nên 'cũng không gieo giống được'. Người diệt thọ thủ chứng ý nghĩa như thế nào? Chính là chỉ các bậc thánh nhân trong Nhị Thừa, các ngài diệt trừ thọ mạng hiện tại để thủ chứng cảnh tịch diệt Niết Bàn, nên gọi là "diệt thọ thủ chứng". Thông thường trong các kinh gọi là "khôi thân diệt trí" vậy. Vì các thánh giả Tiểu Thừa thủ chứng lý Thiên Không nên không phải là chỗ gieo giống Bồ Đề. Giới pháp bổn nguyên tâm địa vốn là chúng sanh và Phật đều bình đẳng, nên đúng lý ra, dù là phàm phu hay Nhị Thừa đều có thể tín thọ gieo giống. Ở đây, nói phàm phu và Nhị Thừa đều là vô phần vì không phải là không thể bẩm thọ hay giới phẩm không thể thấm nhuần trên thân, mà là do các vị ấy không khéo nghĩ lường mà thôi"*.

chẳng phải là quân tử vậy). Nhưng vẫn phải do cực lực tu trì thì mới nói đến Mạng được! Nếu lười nhác, biếng trễ, mặc sức ngả theo tánh tình ươn hèn thì được hay mất đều chẳng phải là do Mạng vậy!

554. Thư trả lời cư sĩ Trí Chánh (thư thứ nhất)

Nhận được thư đầy đủ. Lợi ích trong Phật pháp chỉ có người đích thân nhận lãnh mới biết được: Giặc cướp chẳng vào nhà ông. Trong khi lệnh từ (mẹ) bất tỉnh nhân sự, trong tâm vẫn có thể niệm Phật, ngón tay vẫn lần chuỗi; đấy quả thật là do thiện căn đời trước và do sự tu trì trong đời này cảm thành! Hãy nên thường nói về những cảnh vui nơi Tịnh Độ và mọi cảnh khổ trong cõi Sa Bà khiến cho cụ sanh lòng tin phát nguyện, quyết định cầu sanh Tây Phương, tâm chẳng còn một niệm mong cầu phước báo trời người trong đời sau.

Hằng ngày, hãy cùng với quyến thuộc gắng hết sức trợ niệm [cho cụ] giống như [cách thức cả nhà thay phiên trợ niệm cho mẹ] trong lá thư tôi gởi cho quan Đạo Doãn Hoàng Hàm Chi trong bộ Văn Sao thì chắc chắn cụ sẽ được vãng sanh Tây Phương. Làm con báo ân cha mẹ, chỉ có chuyện này là lớn. Xin hãy nỗ lực thực hiện, ngõ hầu vợ con, anh em trai, chị em gái đều hành như thế. Cái gọi là "độ chúng sanh" cũng ở nơi ấy, mà đôn đốc luân thường cũng nằm tại đấy; còn những điều khác thì hãy đọc kỹ Văn Sao.

Ông Từ [Tử Hỗn] bị ma dựa là do tà - chánh chẳng phân, coi tà là chánh, tưởng chánh là tà mà ra. Nếu có thể y theo lời Quang nói, [ma sự] sẽ tự mau tiêu diệt. Xin hãy chuyển lời và chỉ bày lợi - hại cặn kẽ, ngõ hầu ông ta sẽ dẹp được tà ma, đạt được lợi ích chân thật!

555. Thư trả lời cư sĩ Trí Chánh (thư thứ hai)

Những gì ông đã nói chính là bệnh chung của hết thảy mọi người. Muốn trị bệnh ấy, nếu không tưởng niệm cảnh khổ sẽ không xong! Kinh dạy: *"Nghĩ tới nỗi khổ trong địa ngục, phát Bồ Đề tâm"*, nhưng do chưa từng đích thân trông thấy sự khổ trong địa ngục, kẻ thiếu thiện căn vẫn chưa thể nhanh chóng phát tâm xa lìa, tránh né được! Thiết yếu nhất là hãy tưởng lúc quân đội hai bên giao chiến: Tiếng đại bác rền như sấm, đạn bay như mưa, phi cơ ném bom bên trên, địa lôi (mìn) ở dưới cùng lúc nổ rền thì quân đội đôi bên đều tan thân, nát xương, bắn tung tóe theo mảnh đạn pháo, hóa thành chẳng còn gì! Ta cũng đích thân dự vào

trong ấy; nhưng ngay trong lúc sắp phát nổ hay chưa nổ, còn biết chú trọng niệm Phật cầu sanh. Lúc ấy hoảng sợ muôn phần, nhưng các sĩ quan chỉ huy đều cầm vũ khí, chẳng dám lười nhác chút nào, hễ lười sẽ phải chết ngay. Lúc ấy, trọn chẳng đến nỗi bị sự vụ buộc ràng, bị lòng sợ hãi gây trở ngại khiến cho chẳng thể niệm Phật được! Thứ cảnh giới ấy chẳng bằng được một phần vạn [nỗi khổ] trong địa ngục, nhưng do tâm lực phàm phu có thể nghĩ tưởng được [cảnh đáng sợ ấy, nên dạy họ nghĩ tưởng cảnh chiến tranh]. Khi nghĩ đến sẽ run sợ, [cảm thấy] rét thấu xương, lông trên thân dựng đứng cả lên như đích thân ta đã từng trải [cảnh ấy] vậy. Ông lười nhác là do chẳng xét kỹ nỗi khổ trong đời vị lai. Nếu suy nghĩ tường tận, sẽ trọn chẳng đến nỗi lười nhác lâu dài.

Còn như [ông than thở] bị sự việc lôi kéo, đấy cũng là cách nói lấp liếm thói hờ hững, hời hợt, chứ đâu phải là thật tình! Nay tôi nêu một thí dụ: Như đứa con hiếu thảo nghĩ đến cha mẹ, tuy phải thù tiếp cả trăm chuyện với người khác, trong tâm vẫn thường có ý niệm nghĩ đến cha mẹ, chẳng thể tạm quên. Lại như kẻ tham dâm thường nghĩ đến gái đẹp; tuy suốt ngày luôn bận việc, nhưng cái tâm mơ tưởng gái đẹp chẳng thể quên mất một khắc nào! Nếu ông có thể giống như kẻ lâm trận muốn thoát khổ, như đứa con hiếu nghĩ đến cha mẹ, như gã dâm say đắm phụ nữ thì trong hết thảy thời, hết thảy chỗ đều có thể niệm Phật chẳng gián đoạn. Những thứ pháp tắc khác trong Văn Sao đều có đủ, chỉ nên đọc kỹ, suy nghĩ cặn kẽ sẽ hiểu được, cho nên không nói nhiều nữa!

556. Thư trả lời cư sĩ Trí Chánh (thư thứ ba)

Hết thảy phàm phu đều có hai căn bệnh: một là cuồng vọng, hai là ngu si!

1) Cuồng vọng là cho rằng: "Ta vốn là Phật, cần gì niệm Phật nữa? Tâm tịnh thì cõi nước tịnh, cần gì phải cầu sanh Tịnh Độ?" Điều này thuộc về thói chấp Lý phế Sự. Thói tệ ấy dẫn tới thói bài bác, cho là không có nhân quả, hoại loạn Phật pháp, gây nghi ngờ lầm lạc cho chúng sanh. Người này ắt đọa địa ngục A Tỳ, vĩnh viễn không có thuở thoát khỏi! Do nhân lành mà chuốc phải quả ác, thật đáng thương thay!

2) Ngu si là cho rằng: "Ta là phàm phu, sao dám vọng tưởng liễu sanh thoát tử, siêu phàm nhập thánh?" Chẳng biết: "Một niệm tâm tánh của chính mình chẳng hai, chẳng khác với một niệm tâm tánh của chư Phật. Chỉ vì phiền não Hoặc nghiệp chướng lấp đến nỗi công đức của Phật tánh sẵn có trong tâm này chẳng thể hiển hiện được!" Ví như tấm

gương đồng lớn quý báu bị bụi phủ cả kiếp, kẻ trí biết là gương báu, kẻ ngu cho là vật đáng vứt đi.

Phật thương chúng sanh mê muội tự tâm, dạy họ niệm Phật cầu sanh Tây Phương vì rất quý tiếc Phật tánh sẵn có của chúng sanh, sợ họ vĩnh viễn mê mất, nên dạy họ sanh lòng tin, phát nguyện, niệm Phật cầu sanh Tây Phương, ngõ hầu đích thân chứng được Phật tánh sẵn có ấy. Nếu chẳng cầu sanh Tây Phương, chỉ cầu "tiêu tai và chẳng mất thân người" thì có khác nào đem bảo châu Ma Ni vô giá đổi lấy một thẻ đường để ăn. Kẻ ấy ngu si đáng thương, chẳng biết tốt - xấu thật là bậc nhất! Hãy nên đem ý này nói với mẹ ông, cụ sẽ chẳng nẩy sanh cái tâm kém hèn như đã nói trên đây! *(Tôi vốn tính nói với ông, nhưng vì ngữ ý bất tiện nên Quang sẽ nói trực tiếp với mẹ ông vậy)*

557. Thư trả lời mẹ cư sĩ Trí Chánh

Bà đã quy y Phật pháp niệm Phật thì hãy nên y theo lời Phật dạy để hành. Phật dạy bà cầu sanh Tây Phương, nhưng bà thiên chấp, chẳng chịu cầu sanh Tây Phương, cứ khăng khăng muốn cầu [phước báo trong] đời sau! Nay bà đã sống được mấy chục năm rồi, chẳng biết đã trải qua bao nhiêu tai nạn đao binh, lũ lụt, hạn hán, đói kém, tật dịch v.v… Nếu chưa gặp Phật pháp, chẳng biết phương cách thoát lìa thì sẽ chẳng có phương pháp gì, chỉ đành phó mặc luân hồi sau khi đã chết! Nay đã gặp được Phật pháp, lại còn quy y làm đệ tử Phật, mà vẫn cứ chấp nhặt chẳng tin lời Phật, mặc tình chấp vào ngu kiến của chính mình, suy nghĩ lung tung, mong đời sau vẫn được làm người!

Bà phải hiểu: "Đời sau sẽ được làm người còn khó hơn lâm chung vãng sanh!" Vì sao vậy? Những tội nghiệp đã tạo trong suốt một đời người chẳng biết là bao nhiêu! Khoan đừng nói bà có tạo những tội khác hay không, [chỉ riêng] cái tội ăn thịt giết hại sanh vật từ nhỏ đến lớn quả thật đã nhiều khôn xiết kể rồi! Bà phải phát tâm đại từ bi, cầu sanh Tây Phương. Đợi sau khi thấy Phật đắc đạo sẽ độ thoát những chúng sanh ấy; cậy vào Phật từ lực để có thể chẳng phải đền trả món nợ ấy!

Nếu bà cầu [phước báo] đời sau thì không có đại đạo tâm. Dẫu công phu tu hành tốt đẹp nhưng công đức hữu hạn; bởi đã dùng cái tâm phàm phu nhân ngã (tâm phân biệt ta - người) để tu tập, cho nên chẳng có công đức lớn lao! Huống chi, từ vô lượng kiếp đến nay, chẳng biết bà đã tạo bao nhiêu tội nghiệp? Nếu túc nghiệp phát hiện, nhất định khó trốn khỏi tam đồ, ác đạo. Mong lại được làm người sẽ thiên nan, vạn nan! Do

vậy, nói: *"Cầu sanh Tây Phương còn dễ hơn cầu đời sau lại được làm người!"* Do cậy vào Phật lực gia bị, nên ác nghiệp đời trước dễ tiêu. Dẫu chưa thể tiêu hết, nhưng cậy vào Phật lực nên chẳng đến nỗi phải trả báo.

Phật nói: *"Trong thế gian có hai loại tội nhân. Một là phá giới, hai là phá kiến. Tội phá giới còn nhẹ, chứ tội phá kiến rất nặng".* Thế nào gọi là "phá kiến?" Chính là như bà đã nói: "Cầu đời sau, chứ chẳng cầu vãng sanh!" Ấy chính là chấp trước tà vạy, tri kiến sai lầm; đấy chính là tà kiến phá hoại Phật pháp và dẫn dắt hết thảy mọi người khởi lên những chấp trước tà vạy, tri kiến lầm lạc. Tội ấy cực lớn, cực nặng, vì tâm trái nghịch với Phật, lại còn gây lầm lẫn cho hết thảy mọi người!

Tôi nói những lời này, bà đừng nghĩ là tôi bịa chuyện gạt gẫm bà! Tôi muốn gạt bà thì phải nhằm đạt được điều gì đó! [Đằng này], tôi chẳng vì danh lợi, thế lực, lại khơi khơi gạt gẫm bà vốn là một bà lão trọn chẳng biết gì, chỉ gặp mặt một lần, há tôi chẳng trở thành một gã si ngốc hay sao? Do bà tin tưởng tôi, coi tôi là thầy; con bà nói với bà, bà không tin, liền cậy tôi nói với bà, muốn cho bà được liễu sanh thoát tử ngay trong đời này, vĩnh viễn lìa khỏi hết thảy các nỗi khổ trong thế gian, thường hưởng hết thảy sự vui trong Cực Lạc. Bà phải biết tốt - xấu! Tôi đã nói với bà như thế, nếu bà chẳng nghe, vẫn chiếu theo tâm tướng ngu si của chính mình thì là vong ân phụ nghĩa! Đừng nói bà đã cô phụ ân Phật độ chúng sanh, mà còn phụ bạc tôi một phen khổ tâm chẳng tiếc tinh thần nói với bà rất nhiều lời như thế này!

Bà phải nên phát khởi cái tâm quyết định cầu sanh Tây Phương. Lại phải dạy con cái, dâu, cháu, và thân thích, bằng hữu đều cùng phát tâm quyết định vãng sanh Tây Phương ngay trong đời này; đem công đức dạy người ấy phụ trợ cho công đức tu tâm của chính mình. Khi lâm chung, liền được A Di Đà Phật đích thân tiếp dẫn bà lên phẩm vị tối thượng nơi đài sen chín phẩm. Nếu tôi gạt bà tức là Phật gạt người. Vì sao vậy? Tôi nương theo ý Phật để nói với bà. Há có lẽ nào Phật lại gạt người ư? Bà hãy nên bỏ hết những tâm tri kiến kém hèn từ trước thì chắc chắn sẽ được vãng sanh Tây Phương!

558. Thư trả lời cư sĩ Từ Tử Hỗn

Đọc thư của các hạ, biết các hạ là một vị quân tử đức dầy. Điều đáng tiếc là chẳng phân tà - chánh! Thoạt đầu, lầm lẫn tưởng pháp được truyền bởi Đồng Thiện Xã là Phật pháp, chẳng biết đấy là pháp luyện đan vận khí để dưỡng thân thể nhằm mong sống lâu, tăng tuổi thọ, lầm

lạc mong mỏi thành tiên! Họ nói đến "tịnh tọa, dụng công" đều là dùng công phu vận khí, trọn chẳng có hơi hướng Phật pháp, xằng bậy bảo đấy là Phật pháp! Ví như đem mắt cá coi là trân châu để rồi quý trọng, cho là kỳ trân (hiếm lạ, quý báu)! Đến khi các hạ đọc Văn Sao, tuy đã thật thà niệm Phật, rốt cuộc vẫn chẳng chịu bỏ cách luyện đan vận khí, vẫn tưởng đấy là Phật pháp! [Như vậy là] miệng tuy niệm Phật, trong tâm vẫn chú trọng ngoại đạo!

Ngoại đạo đều lấy những thứ cảnh giới thần kỳ quỷ quái để mê hoặc người khác! Nếu các hạ đã biết Phật pháp, tận tình vứt bỏ pháp luyện đan đã tu thì chánh niệm trong tâm sẽ rạng ngời như mặt trời rực rỡ giữa hư không; nào còn có chuyện lỵ - mị - võng - lượng giở trò tác quái nữa! Tâm địa các hạ chánh đại quang minh thì bọn yêu ma quỷ quái kia sẽ tự chẳng còn chỗ đứng! Do các hạ coi tà là chánh, luôn lầm lạc muốn đắc thần thông, mong có khả năng tiên tri, nên chiêu khởi ma quỷ hiện xằng tướng yêu ma nơi thân ông. Tuy ông tà - chánh chẳng phân, nhưng vẫn chưa hoàn toàn nghĩ những tướng yêu mị của ma quỷ là đúng cho nên vẫn còn cứu được! Nếu tưởng đấy là đắc đạo, đắc thần thông thì muốn chẳng bị chết vì ma cũng chẳng thể được! Nguy hiểm đến cùng cực!

Ông đã hỏi Quang thì hãy nghe theo lời Quang. Từ nay trở đi, những công phu đã tập tành từ trước đều hoàn toàn vứt bỏ, tâm chẳng còn có một tơ tóc trân quý [những pháp ấy nữa]! Hãy chí thành, khẩn thiết sanh lòng tin phát nguyện niệm Phật cầu sanh Tây Phương, thân - khẩu - ý ba nghiệp hãy nên chuyên chú vào tu trì Tịnh nghiệp. Trong tâm ông đã không có tà kiến, lại còn có oai đức thần lực của danh hiệu Phật thì lũ ma quỷ kia sẽ trốn chạy còn không kịp, nào dám lưu lại giây lát để gây chướng ngại cho ông ư?

Chúng nó gây chướng ngại là do tà tâm của ông cảm vời! Ví như chủ nhân dứt lòng tà, giữ lòng thành, đánh đổ ham muốn xằng bậy của chính mình để khôi phục lễ nghĩa, lời lẽ lẫn hành vi đều hợp với đạo Thành - Minh thì những gã ám muội tiểu nhân có hành vi phóng túng, tà vạy, xa xỉ, buông lung, không kiêng sợ làm sao dám lên điện đường của người ấy, dám vào trong nhà của người ấy cho được? Như dưới ánh sáng lớn lao, trọn chẳng có tối tăm; trong khi nắng gắt, trọn chẳng có băng, sương!

Ông đã hoàn toàn nương theo Tịnh Độ để tu tập thì chẳng cần phải coi những điều mong mỏi [như đã nêu] trong phần trước là đúng, sẽ như vị chủ nhân sáng suốt, tỉnh ngộ, biết chúng là giặc thì chúng sẽ tự tránh xa. Nếu tưởng chúng nó là người trong nhà của chính mình thì chúng

nó sẽ thành chủ nhân, nhập vào tâm khiếu của ông, khiến cho ông bị ma dựa phát cuồng đến nỗi táng thân mất mạng! Bất luận chúng nó là hồ ly, là ma, hay là oán gia đời trước, chỉ nên phát Bồ Đề tâm, trì danh hiệu Phật, chúng sẽ bị tiêu diệt. Nếu như chẳng tiêu thì trời đất sẽ đổi ngôi, mặt trời, mặt trăng sẽ xoay ngược!

Điều đáng lo là tâm ông chẳng nương theo chánh lý, vẫn giữ những tà tri tà kiến trước kia; đừng bảo lời Ấn Quang nói chẳng linh, dẫu là lời chư Phật nói cũng chẳng thể linh được! Bởi căn bản đã là tà thì chánh không có cách nào thi thố được! Viết ra những điều này, mong ông hãy thấu hiểu rõ ràng thì may mắn lắm thay!

Văn Sao đã nêu đủ pháp tắc tu trì, ở đây không viết cặn kẽ nữa! Phàm khi tịnh tọa, trong tâm chỉ nên thầm niệm Phật hiệu, ngoài ra chẳng thêm vào một công phu hay một ý niệm nào khác! Lâu ngày chầy tháng, toàn tâm là Phật, toàn Phật là tâm, tâm - Phật bất nhị, tâm - Phật như một. Hỏi xem có loại Thiền Định nào đạt được sự sâu mầu như thế hay chăng? Có công phu nào cao thượng như thế hay chăng? Nếu các hạ y theo đây để tu, đảm bảo nghiệp chướng tiêu diệt, phước huệ tăng trưởng, trong hiện đời khi còn sống liền dự vào bậc thánh hiền, lúc lâm chung lên thẳng cõi Cực Lạc!

559. Thư trả lời cư sĩ Duy Phật

Ông đã phát nguyện chân thật, thiết tha, nhưng cần phải *"dè dặt, kinh sợ như vào vực sâu, bước trên băng mỏng*" giống như Tăng Tử. Chưa đến lúc sắp về Tây, quyết chẳng dám buông tâm lỏng ý thì mới được! Năm sáu năm trước, ông X… đã thư từ qua lại và gởi bài văn phát nguyện hết sức chân thành, thiết tha. Quang nghĩ ông ta ở ẩn khuất trong vùng núi non, lại còn nghèo hèn, bèn gởi rất nhiều kinh sách cho ông ta. Những người trong vùng ấy do được ông ta khuyên dạy mà niệm Phật khá đông, nhưng một hai năm gần đây, ông ta đúng là kém hèn chẳng thể kham nổi: Hút thuốc phiện, phạm tà dâm! Quang đã cảnh tỉnh, khuyên răn ông ta suốt nửa năm nhưng vẫn không thay đổi, hối hận. Đúng là hạng chuyên đợi vào địa ngục!

Ông nói: "Tùy thời, tùy chốn, hễ chết được liền chết". [Câu nói ấy] vừa là căn bản để cầu vãng sanh mà cũng là cội rễ để chiêu cảm ma! Cố nhiên, ai nấy đều phải chết, nhưng chớ nên có cái tâm chấp trước cầu chết, cầu mau vãng sanh, chỉ nên nhất tâm niệm Phật! Nếu chẳng nhất tâm niệm Phật, chỉ cầu mau chết, ắt sẽ chiêu khởi oán gia từ vô lượng

kiếp kéo đến, khiến cho ông bị chết ngang trái. Chẳng những không được vãng sanh mà đến khi sắp chết, sức [thần thông do] ma [gia trì sẽ] rời đi, [khi ấy] sẽ khổ sở chẳng thể kể xiết, sẽ sanh tà kiến, ắt đến nỗi đọa lạc. Chớ nên có cái tâm chấp trước ấy! Hễ có thì chính là bệnh, chớ nên không biết!

Nói đến chuyện sư Bảo Nhất và cư sĩ Vô Sanh thì trong tâm mỗi người ấy đều có một phần ham danh. Nếu không, quyết chẳng chịu đem những cảnh giới ấy viết ra để khoe với mọi người! Huống chi [sư Bảo Nhất] còn phê [vào đầu cuốn Tự Tri Lục] đề cao [nội dung cuốn sách] đến tột cùng ư? Do vậy, có thể suy ra biết họ là hạng người như thế nào rồi! Nếu cuốn sách ấy được lưu hành rộng rãi thì kẻ chẳng hiểu tự tâm, chẳng thông giáo lý ắt sẽ phần nhiều bị ma dựa phát cuồng. Đinh Quế Tiều gởi đến, tôi xem qua liền gởi trả lại, chẳng giữ một cuốn nào. Do tôi thiết thực bảo ban điều họa hại nên ông ta không tái bản. Ông Vương Mưu Phụng ở Hàng Châu cũng muốn xin Quang nói lời quyết đoán; Quang cũng đem những lời đã bảo Quế Tiều để nói [với Mưu Phụng].

Những cảnh giới do người phụ nữ ấy kể đương nhiên có đôi phần, nhưng phô trương quá lố, rốt cuộc trở thành đem phàm lạm thánh! Nếu chân thật đạt được [cảnh giới] như vậy, há lẽ nào chẳng biết lời lẽ ấy sẽ khiến cho người khác bị lầm lạc ư? Bà ta đã không có kiến địa ấy thì chỗ tương ứng như bà ta đã khoe [trong sách] chắc chắn chỉ là "vừa được chút phần đã khoe toáng thành nhiều" mà thôi! Nếu không, đã đạt đến Phật cảnh, há có chuyện chẳng hiểu rõ tri kiến phàm tình ư? Chúng ta chỉ nên thật thà niệm Phật, chỉ cầu lâm chung được vãng sanh là được rồi; còn trong đời hiện tại như thế nào thì cứ để như thế đấy, mặc cho "nước chảy thành suối, xuân đến hoa nở". Nếu cứ mong tưởng sẵn, sẽ trở thành chướng ngại đấy! [Bởi lẽ, mong tưởng sẵn] sẽ giống như cắt đứt nguồn nước mà muốn [nước chảy] thành suối, đang trong lúc tiết Đông rét căm căm lại mong hoa nở. Nếu được như vậy sẽ là chuyện quái đản!

Một bộ sách Tứ Thư chính là rường cột cho Ngũ Kinh. Phàm đạo "cách vật, trí tri, thành ý, chánh tâm, tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ" không gì chẳng trọn đủ. Tiếc cho người đời toàn là đọc sách chứ không học đạo! Cho nên đến nỗi suốt đời đọc sách mà vẫn chẳng biết phải nên làm chuyện gì! Thoạt đầu chỉ biết lấy tập tành viết văn để thơ làm căn cứ, nay thì bỏ luôn, chỉ học theo sách giáo khoa. Ví như bỏ bảo châu Ma Ni để coi trọng mắt cá. Do vậy, thiên tai nhân họa ngày càng thấy liên tiếp [xảy ra]. Do cái gốc đạo đã bị chôn vùi, lập tức kiến giải bị

rối loạn, mất mát!

Phàm chuyện gì cũng đều nên xét theo thời thế để luận. Quy củ thơm thảo thời đức Phật làm sao có thể áp dụng trong đời này được? Người đời nay lưu thông kinh tượng không phải là trọn chẳng có lợi ích gì, nhưng mỗi một chuyện đều chẳng thể nào đạt được công đức lớn lao như đức Phật đã dạy được! [Trong thời đức Phật tại thế], *"kinh tượng chủ"* chính là người phát tâm tạo kinh tượng. Nếu gọi là "người đứng ra thuê kẻ khác làm" tức là coi thường người ấy. Người thợ tạo kinh tượng cũng chớ nên tự khinh, vì thế nói: "Đừng bảo là do khách [thuê mướn] mà làm!" [Người] tạo kinh tạc tượng nhận được những món vật [do vị kinh tượng chủ biếu tặng] nhằm đền đáp [công lao chép kinh, tạc tượng], nhưng do người kia (tức kinh tượng chủ) đã đem lòng Thành dâng lên nên tâm của người này (tức người chép kinh tạc tượng) cũng đừng phân biệt nhiều - ít, cứ nhận lấy. [Như vậy] thì sẽ chẳng giống như đi mua [tượng Phật, thuê chép kinh Phật]. Nếu [người thợ chép kinh tạc tượng] bàn tán về giá trị [của vật được biếu tặng có xứng với công lao chép kinh tạc tượng hay không] thì chẳng khác gì [vị kinh tượng chủ] đã mua hay thuê làm vậy! Trong thời hiện tại, nếu chấp trước chuyện này [phải theo đúng quy cách như thế] thì muốn kinh tượng chẳng bị diệt sẽ chẳng thể được đâu!

Ông học Phật nhưng chẳng biết đạo "nhân thời thế mà thích nghi", chấp chết cứng vào quy củ đã được thành lập. Như vậy thì có khác gì kẻ do chẳng thể hành đạo của Khổng - Mạnh bèn chẳng chấp thuận cho lưu hành sách của Khổng - Mạnh đâu? Chúng sanh đời Mạt Pháp, [đối với những điều đức Phật đã dạy] trong trăm ngàn vạn phần, dẫu chỉ đạt được một hai phần thì cũng đủ để tự lợi, lợi tha. Chứ nếu cứ muốn hoàn toàn y theo như lời Phật đã dạy thì dù đức Phật có hiện thân trong thời này, chắc chắn cũng chẳng thể làm được!

Tu Tịnh Độ chỉ luận Tín - Nguyện - Hạnh; bốn oai nghi (đi, đứng, nằm, ngồi) có đúng pháp hay không, đâu có liên quan tới Thiền Đường? Những kẻ chỉ noi theo khuôn sáo rỗng tuếch của Thiền Đường rồi thực hiện công phu trong Thiền môn, kiến địa giống như vậy thì nào đáng để bàn Thiền - Tịnh với họ nữa ư? Vậy mà ông cứ dựa theo đấy để rồi sanh lòng nghi! Hằng ngày đọc tụng ngôn luận của cổ nhân nhưng đều chẳng sanh lòng tin sâu xa, chỉ lấy [những hành vi, cách cư xử] người đời nay [làm khuôn mẫu] để phỏng theo, há chẳng phải là phường *"chấp vào đức nhưng chưa thể thực hiện rộng rãi, tin đạo nhưng chẳng chuyên dốc"* hay sao?

Người học đạo ai nấy đều phải tùy theo khả năng của chính mình mà tu trì, sao lại lập ra một quy củ hẹp hòi để buộc hết thảy mọi người phải lầm lạc vâng giữ vậy? *"Lương dã chi tử, tất học vi cầu, lương cung chi tử, tất học vi cơ"* (Đứa con của người thợ kim hoàn giỏi, trước hết hết phải học may bao da. Đứa con của người thợ làm cung giỏi, trước hết phải học đan sọt[81]), là vì [những việc tập luyện ấy] gần gũi [với cái nghề khéo sẽ học] vậy. Người thợ kim hoàn quán Bất Tịnh, người thợ giặt quán Sổ Tức[82], đều chẳng được lợi ích! Thay đổi phương pháp thì người nào cũng đều được lợi ích vì giáo pháp phù hợp với căn cơ vậy.

Đang trong thời thế này, dẫu là bậc thánh nhân thần thông muốn cứu nước cứu dân mà bỏ nhân quả báo ứng, sanh tử, luân hồi và tín nguyện niệm Phật cầu sanh Tây Phương sẽ đều chẳng thành công. Kẻ nói lan man những lời lẽ của một hai vị tri thức thuộc tông khác mà hắn tôn sùng vẫn chẳng thể lay động, biến chuyển tâm ta được! Dẫu cho đức Như Lai hiện thân trọn hư không khắp pháp giới nói các thứ diệu pháp rất sâu khác, cũng chẳng thể lay động, biến chuyển tâm ta được! Vì sao vậy? Do lý sự quyết định không nghi! Ông đã nêu câu hỏi như vậy thì

---

[81] Đây là một đoạn văn trích trong thiên Học Ký sách Lễ Ký: *"Lương dã chi tử, tất học vi cầu. Lương cung chi tử, tất học vi cơ. Thỉ hạ giả phản chi, xa tại mã tiền. Quân tử sát vu thử tam giả, khả dĩ hữu chí vu học hỹ"* (Đứa con của người thợ kim hoàn giỏi, trước hết hết phải học cách may bao da. Đứa con của người thợ làm cung giỏi, trước hết phải học đan sọt. Lúc mới tập cho con ngựa non kéo xe thì buộc nó ở sau xe. Quân tử hiểu được ý nghĩa của ba chuyện này thì mới có chí để học tập vậy). Do vậy, mới có thành ngữ *"khắc thiệu cơ cầu"* (quyết nối nghiệp cha ông). Nói chung, Tổ dẫn câu nói này để khuyên người tu học phải tập luyện từng bước, khởi sự từ những điều gần gũi, giống như muốn thành thợ kim hoàn giỏi thì phải khéo léo tỉ mỉ nên trước hết phải học may bao da cho đường kim mũi chỉ đẹp đẽ rồi mới học nghề thợ bạc, cũng như muốn làm cung tên cho khéo thì phải học cách đan chuốt, uốn tre nên phải học đan sọt (cần xé) trước. Con ngựa muốn kéo xe thì phải tập quen với tốc độ trước nên phải buộc nó đằng sau xe để nó chạy theo xe. Chúng tôi dịch những câu nói này theo cách giải thích của Hán Tự Thành Ngữ Tự Điển.

[82] Theo Du Già Sư Địa Luận, quyển 7, ngài Xá Lợi Phất dạy hai đệ tử tu tập đã lâu nhưng họ không thể chứng được đạo quả, liền đến bạch hỏi đức Phật. Phật hỏi nghề nghiệp của hai người này trước khi xuất gia, một người làm thợ kim hoàn, một người làm thợ giặt. Thì ra, ngài Xá Lợi Phất dạy pháp tu trái ngược, không hợp căn cơ. Đối với người thợ giặt, ngài Xá Lợi Phất dạy quán Sổ Tức, dạy người thợ kim hoàn quán Bất Tịnh nên họ không thể tu tập được. Đức Phật cho biết: Người thợ kim hoàn quen thổi bễ, quen nín hơi để làm đồ kim hoàn nên phải dạy quán Sổ Tức, người ấy sẽ tập Sổ Tức dễ dàng. Người thợ giặt hằng ngày quen thấy quần áo bẩn nên sẽ quán Bất Tịnh dễ dàng. Phật dạy họ đổi pháp tu cho nhau, sau một thời gian ngắn cả hai đều chứng đạo quả.

còn đáng gọi là "đã có lòng tin quyết định" hay chăng? Triệt tổ (tổ Triệt Ngộ), Tỉnh tổ (tổ Tỉnh Thường) trước tác ít, nhưng cũng đủ để khiến cho người khác dấy lòng phát nguyện. Cố nhiên, chẳng thể lấy trước tác nhiều hay ít để phán định đạo đức hơn - kém được! Xưa nay có nhiều vị Pháp Thân thị hiện, chỉ nói vài câu ít ỏi, không để lại trước tác gì, [những vị như vậy] nhiều lắm! Há có nên sanh lòng nghi nơi chỗ này?

Cần biết rằng: Chúng ta muốn liễu sanh tử, quả thật chẳng cần nhiều; chỉ cần một điều là "lòng tin chân thật, nguyện thiết tha, niệm Phật cầu sanh Tây Phương" là đủ rồi! Dẫu đọc hiểu trọn hết Đại Tạng cũng chẳng qua là nhằm thành tựu chuyện này mà thôi! Như vậy thì "nhiều cũng quy về ít, ít cũng thuộc về nhiều". Nhiều hay ít đều cùng nhằm thành tựu chuyện này mà thôi! Như vậy là "nhiều chẳng phải là nhiều, ít chẳng phải là ít".

Chuyện phóng sanh cố nhiên công đức không chi lớn bằng, nhưng cần phải giữ tấm lòng phóng sanh, siêng năng khẩn thiết khuyên lơn kẻ hữu duyên kiêng giết, phóng sanh, ăn chay, niệm Phật thì sẽ phóng (thả) được nhiều mà chẳng tốn kém tài lực. Hai điều ấy cùng hành sẽ là hữu ích nhất.

Dán Phật hiệu trên tường vừa hữu ích vừa mắc tội lỗi. Nếu dán thì cũng phải nên dán như thế nào cho nó được tồn tại lâu dài. Nếu dán ở nơi đất trống mà chẳng dùng loại keo dán tốt thì hai ba ngày sẽ bị rớt trong bùn lầy, hoặc bị những tờ cáo thị của người khác dán chồng lên. Chuyện này cũng chớ nên làm cẩu thả. Ba vị sư khổ hạnh khiến cho người ta khâm phục, vì thế lúc lâm chung vị nào cũng được lợi ích thật sự. Do vậy, người tu hành phải giấu kín tài năng vậy!

560. Thư trả lời cư sĩ Giang Hữu Truyền

Nhận được thư, biết ông đã có thiện căn Tịnh Độ từ đời trước, cho nên vừa nghe liền tin nhận. Tu tập Tịnh Độ tùy phần tùy sức, há cứ phải bỏ sạch muôn duyên thì mới tu trì được ư? Ví như đứa con hiếu nghĩ đến mẹ hiền, gã dâm mơ tưởng gái đẹp, tuy hằng ngày bận bịu trăm bề, một niệm ấy chẳng lúc nào quên bẵng. Người tu Tịnh Độ cũng phải giống như thế, mặc cho hằng ngày công việc bận bịu tơi bời, quyết chẳng để tâm quên lãng niệm Phật thì sẽ đạt được yếu quyết. Nói đến ông X… thì ông ta là phường luyện đan vận khí. Đã nói "quy y Tam Bảo" cố nhiên nên vứt bỏ những thứ công phu ấy ra ngoài. Không phải là người niệm Phật không được tịnh tọa, nhưng khi tịnh tọa vẫn niệm

Phật. Ông ta khoe công phu tịnh tọa hữu hiệu thì đấy là nói về sự hữu hiệu do luyện đan vận khí! Ông chẳng biết công phu tịnh tọa như hắn ta đã nói là công phu gì cho nên vẫn tiếp tục tập luyện.

Nếu tuân theo chánh lý, đã tu Tịnh nghiệp thì phải nương theo lời Phật dạy! Nếu kiêm tu [pháp luyện đan vận khí] thì tà - chánh xen tạp, chắc sẽ đến nỗi có các ma sự. Bởi lẽ, ngoại đạo luyện đan để mong xuất hồn. Nếu vẫn giữ ý niệm ấy sẽ có hại chẳng nhỏ! Nếu luận về luyện đan thì pháp ấy cũng chẳng phải là vô ích, nhưng tông chỉ của nó hoàn toàn trái nghịch với Phật pháp. Phật dạy con người thấy thấu suốt cái thân huyễn vọng này, bọn họ dạy con người giữ gìn thân tâm huyễn vọng này *(Xuất hồn chính là huyễn tướng do vọng tâm kết thành)*. Ông ta đã tín nguyện niệm Phật, hãy nên tuân theo tông chỉ Tịnh Độ; nếu ông ta chú trọng luyện đan, cần gì phải mạo danh Tịnh Độ?

Những sách vở ông đã nói đến hiện thời không còn, đợi đến tháng Mười Một hoặc tháng Mười Hai sẽ có bản in mới của Văn Sao và Thọ Khang Bảo Giám, sẽ gởi đến cho ông. Tháng Giêng hay tháng Hai trong mùa Xuân năm sau, sẽ có Gia Ngôn Lục, Di Đà Bạch Thoại Chú v.v… được gởi đến. Xin đừng lo. Hãy nên đem lời Quang nói với ông X… thì may mắn lắm thay!

561. Thư trả lời Phước Châu Phật Học Xã

Hôm mồng Sáu tôi nhận được thư của ông Trần Sĩ Mục gởi đến, trong ấy có thư xin quy y của các vị. Ngoài ra còn có hai cuốn sách ghi chép những chuyện chánh yếu và tông chỉ hành trì đại cương [của Phật Học Xã]. Tôi biết quý vị đều có tâm chánh tín, thực sự tu trì, khôn ngăn vui mừng, an ủi. Nhưng Quang vốn là một Tăng sĩ bình thường chỉ biết cơm cháo, chỉ biết học đòi ngu phu ngu phụ thật thà niệm Phật, cầu sanh Tây Phương. Nếu tưởng là Quang có kiến địa lẫn hành trì cao siêu huyền diệu người khác chẳng mong sánh bằng thì quý vị đã hiểu lầm mất rồi! Xem thư quý vị gởi đến và chương trình đã lập, tựa hồ gần giống như mức nhận lãnh tâm tướng của Quang. Quang tự biết mình kém hèn, nông cạn, trọn chẳng muốn làm thầy người khác, nhưng người ta đã từ xa gởi thư đến cầu xin, cũng chỉ đành đem lầm đáp lạc!

Hiện nay đang nhằm thời Mạt Pháp. Muốn đẩy lùi con sóng cuồng loạn cực lớn, cực nguy hiểm này, ắt phải chú trọng luân thường, tận tụy thực hành thì mới đạt hiệu quả được. Nếu chẳng dốc sức vào giáo dục gia đình, nhân quả, báo ứng, giữ vẹn luân thường, nghiêm túc trọn hết

bổn phận, đừng nói kẻ chẳng biết Phật pháp sẽ không thể do đâu đạt được lợi ích; dẫu là kẻ biết Phật pháp chắc cũng mắc thói tệ "nói một đằng, làm một nẻo!" Con người như thế tuy bảo là học Phật, nhưng thật ra là oan gia của Phật, bởi dùng thân để báng pháp vậy!

Phàm ai dự vào liên xã, ắt phải dạy họ hành hiếu, hành đễ, cũng như thực hiện hết thảy những chuyện đáng làm, trong tâm ắt phải dứt lòng tà, giữ lòng thành, đánh đổ ham muốn xằng bậy của chính mình để khôi phục lễ nghĩa, dè dặt, cẩn thận ngay cả khi không có ai trông thấy, sợ hãi ngay khi cả chẳng có ai nghe thấy. Người làm được như thế thì mới là thiện nhân trong thế gian, mới có thể học pháp xuất thế. Ví như nền đất vững vàng thì tùy ý xây dựng lầu cao muôn trượng, chẳng lo nghiêng ngửa, sụp đổ. Từ đấy, phát tâm chí thành tu trì Tịnh nghiệp. Ắt phải quyết định cầu sanh Tây Phương, trọn chẳng cầu phước báo trời người trong đời sau.

Lợi ích thật sự trong Phật pháp ắt phải dùng chí thành để đạt! Bất luận niệm Phật hay xem kinh đều phải chí thành, cung kính. Đừng nên học theo kẻ viên dung không chấp trước! Nếu không, sẽ vì phóng túng không kiêng dè mà trở thành phường cuồng vọng, ma mị.

Hơn nữa, ở quý địa có kẻ đề xướng thuyết "năm bộ sáu sách"[83], đấy chính là do kẻ tà kiến dựa hơi Phật pháp để truyền bá pháp luyện đan. Chư vị đừng hãm vào trong ấy! Dẫu trước kia đã từng theo, nay đã học Phật, hãy nên vứt bỏ hoàn toàn! Nếu vẫn cứ hàm hồ coi đấy là Phật pháp

---

[83] "Năm bộ sáu sách" (Ngũ Bộ Lục San) là từ ngữ chỉ chung kinh thư của La Giáo (một thứ tà giáo do La Thanh sáng lập vào thời Gia Tĩnh - Vạn Lịch nhà Minh). Gọi là Ngũ Bộ Lục San vì tà giáo này có năm bộ kinh thư trọng yếu, tức 1) Khổ Công Ngộ Đạo Quyển 2) Thán Thế Vô Vi Quyển, 3) Phá Tà Hiển Chánh Thược Thi Quyển (chia thành hai quyển thượng và hạ) 4) Chánh Tín Trừ Nghi Tự Tại Quyển và 5) Nguy Nguy Bất Động Thái Sơn Thâm Căn Kết Quả Bảo Quyển.

La Thanh (1442-1527), còn gọi là La Tĩnh, La Hoài, La Sở Hồng, hay La Mạnh Hồng, đạo hiệu Vô Vi Cư Sĩ, người huyện Tức Mặc, tỉnh Sơn Đông. Do gia cảnh nghèo hèn, thoạt đầu La Thanh xuất gia ở một ngôi chùa thuộc tông Lâm Tế, rồi vay mượn, cóp nhặt những giáo nghĩa nhà Thiền pha trộn với những thuyết của Lý Học lẫn tín ngưỡng dân gian, phù chú, tịnh tọa luyện đan vận khí của bọn đạo sĩ lập ra một đạo riêng, đặt tên là La Giáo, tự coi mình là người xiển dương chân truyền của tông Lâm Tế! Rất nhiều nhà nghiên cứu lịch sử của Hoa Lục do cố tình xuyên tạc Phật giáo hay do thiếu kiến thức Phật học đã coi La Thanh như một thiền sư nổi tiếng có công chấn hưng Thiền học trong thời Vạn Lịch! Trong năm bộ sách này, La Thanh đề xướng những giáo nghĩa rất kỳ dị như *"Tam Giáo hợp nhất, đốn ngộ thành Phật, trực nhập thiên cung*" và khuyên tín đồ tận lực tu hành theo kiểu của hắn để thấy được Vô Sanh Phụ Mẫu, Tự Tại Thiên Cung!

thì tội ấy chẳng nhỏ đâu!

Hiện thời, bất luận căn tánh nào đều phải lấy pháp môn Tịnh Độ làm chủ, bởi lẽ pháp môn Tịnh Độ chính là pháp môn thành tựu lúc ban đầu lẫn thành tựu lúc cuối cùng để tam thế chư Phật trên thành Phật đạo, dưới hóa độ chúng sanh. Hễ nói nông cạn, gần gũi thì đứa trẻ lên ba cũng có thể tu được; nhưng nói sâu xa thì chỉ có Phật và Phật mới có thể thấu hiểu rốt ráo. Tịnh Độ là pháp để cho phàm phu y theo đó hòng liễu sanh tử ngay trong đời này, nhưng bỏ mặc không xét tới. Dẫu hết thảy các pháp môn đều nghiên cứu rốt ráo đến mức mười phần thông triệt đi nữa, ai có thể ngay trong đời này đoạn sạch phiền não không còn sót gì để đạt đến địa vị "tự lực liễu sanh tử" đây? Kẻ cậy vào tự lực đã chẳng thể làm được, nhưng người cậy vào Phật lực do chẳng biết nên không chú ý. Vì vậy, học Phật pháp đều chỉ nhằm chống giữ thể diện trong hiện tại, gieo thiện căn trong tương lai mà thôi! Muốn được lợi ích liễu sanh tử chân thật sẽ là sự khó nhất trong các sự khó!

Phụ nữ càng phải nên chú trọng nhân quả, luân thường. Phàm An Sĩ Toàn Thư, Cảm Ứng Thiên Vựng Biên, Ấn Quang Văn Sao, hễ có ai thông văn nghĩa đều nên tặng cho mỗi người một bộ. Đi theo con đường ấy, bậc thượng chắc sẽ thấu hiểu được những điều này. Nếu không, chỉ biết viên dung không chấp trước, miệng luôn nói không, bước bước làm có, gây họa hoạn cho gia đình, mà cũng là kẻ giặc dữ dằn trong Phật pháp.

Nếu bàn đến quyền giáo dục thì nữ nhân [nắm giữ quyền ấy] to lớn hơn nam giới. Do họ giúp chồng dạy con nên đã âm thầm nắm sẵn quyền thao túng. Thế đạo nhân tâm hiện thời suy hãm, chìm đắm, nói chung là do chẳng đề xướng giáo dục nữ giới mà ra! Nếu khi còn là con gái đã biết "nữ nhân lấy việc giúp chồng dạy con làm thiên chức" thì mai kia làm vợ người ta, làm mẹ người ta, ắt sẽ un đúc, nuôi dạy, khiến cho chồng con đều thành hiền thiện. Nếu nữ nhân ai nấy đều được như thế thì lẽ đâu thiên hạ chẳng thái bình? Dẫu cho chẳng thể nào ai nấy đều được như thế, nhưng hễ có một người được như vậy thì chồng con người ấy cũng đã có thể trở thành [hiền thiện] như thế rồi! Do vậy mà truyền sang đời sau cũng lại nối tiếp nhau noi dấu lương thiện, ngày càng đông nhiều.

Thôi hãy gác lại những điều Quang đã nói dài dòng. Nay gởi cho các vị bốn gói Quán Âm Tụng, tổng cộng là hai mươi bộ, mỗi người một bộ. Sách này cũng nhằm tạo chỗ nương tựa lớn lao trong thời thế không nơi nương tựa trong hiện tại. Quý vị đã từng đọc Văn Sao của Quang rồi;

trong năm ngoái tôi lại xếp đặt một bản khác, hiện thời sắp hoàn thành, trong khoảng tháng Ba, tháng Tư sẽ ra sách, đặt tên là Tân Ấn Tăng Quảng Ấn Quang Văn Sao.

So với bản in trước, [bản in mới này] tăng thêm một trăm mười hay một trăm hai chục trang nữa! Nếu muốn lợi người, hãy nên chịu trách nhiệm in chừng đó bộ để biếu tặng, hoặc chiếu theo giá vốn bán ra. Nếu đứng in lần này, so ra sẽ rẻ hơn in trong mai sau, bởi lẽ sau này Trung Hoa Thư Cục sẽ tự bán, còn lần khắc in này là do Quang định giá. Hiện thời do số trang và giấy in đều chưa định được, nên chưa thể định giá [chánh xác cho mỗi bộ] được. Ước chừng mỗi bộ phải trên dưới bảy tám cắc do sách dày hơn bốn trăm trang.

Bộ Quán Âm Tụng đã in trong năm trước chỉ có hai trăm lẻ mười trang mà [giá thành mỗi cuốn] đã tới ba cắc bốn xu. Còn sách này dày bốn trăm mười hay bốn trăm hai mươi trang, giấy lại đắt gấp bội. Huống chi trong một hai năm qua chiến sự nhiều lượt nổ ra, nguồn giấy không thông, nay thì giá giấy so với những năm trước lại đắt hơn rất nhiều, cho nên sẽ phải trên dưới tám cắc. Gần đây, tôi cũng muốn in An Sĩ Toàn Thư.

Lại còn có Thọ Khang Bảo Giám đã giao cho thợ sắp chữ. Đợi khi sắp chữ xong, sẽ cho in cùng lúc với Văn Sao. Sách này chính là bản tăng đính (mở rộng, sửa chữa) cuốn Bất Khả Lục rồi đổi tên. Bọn thiếu niên hiện thời thường chẳng biết cách giữ gìn thân thể, mặc sức theo đuổi sắc dục; do vậy mà chết chừng bốn phần. Do ham sắc dục mà bị các thứ bệnh khác rồi chết cũng chiếm đến bốn phần. Người trong cả cõi đời, trong mười phần có đến tám phần là do bị chết trực tiếp hay gián tiếp bởi nữ sắc, cũng đáng thảm lắm!

Đừng nói chi kẻ buông lung tìm hoa kiếm liễu, ngay như trong tình vợ chồng, những kẻ vì chẳng biết kiêng kỵ mà bị tử vong cũng chẳng biết đến mấy vạn! Trong tháng Mười năm ngoái, do một đệ tử của Quang vì bị bệnh đã lâu, người thiếp bèn cầu Phật, nguyện ăn chay suốt đời, ông ta không uống thuốc mà được lành. Khí sắc của ông ta thuần tịnh rạng rỡ ít có ai bằng. Chưa được hơn một tháng, do phạm phòng sự (ăn nằm) liền chết! Vì thế, tôi phát tâm in cuốn sách này để cứu những kẻ chẳng biết kiêng kỵ khỏi phải bị chết.

Tánh tình Quang chẳng thích phô trương, Quang dạy người khác hãy tùy theo nghề nghiệp, bổn phận của chính mình để tu trì, trọn chẳng lập ra lề lối khác. Chương trình do quý vị đã lập rất hay, nhưng phải làm sao cho mọi người đều tận tụy thực hiện được thì may mắn chi hơn? Nếu

không, sẽ trở thành sáo rỗng, cái danh to đùng, thực chất bé tẹo!

Các thứ ngoại đạo trong hiện thời không loại nào chẳng lấy bí truyền để thu hút những kẻ vô tri theo đạo của chúng, Lúc sắp phát nguyện nhập đạo, ắt phải thề thốt: "Nếu sau này phản giáo sẽ bị ác báo như thế nọ, như thế kia", thật ra phần nhiều là cách để gạt gẫm người khác! Do đã thề thốt, nên dẫu biết chúng sai trái, [người lỡ theo đạo] cũng chẳng dám chống trái hoặc phơi bày [lỗi ấy] rõ rệt. Cách bí truyền, thề thốt của ngoại đạo mê hoặc con người sâu đậm, trói buộc con người chắc chắn thay! Nhà Phật chúng ta chẳng bí truyền, đối với một người nói như thế nào thì đối với vạn người cũng nói như thế ấy. Đóng cửa, gài song, bên ngoài cắt người tuần hành, chỉ cho một người được vào, lại còn nói rì rầm chẳng để cho người ngoài nghe tiếng; đạo ấy nào phải là chuyện quang minh chánh đại! Tôi mong chư vị đều hiểu rõ thói tệ ấy nên mới thuật đại lược.

Những pháp danh đã đặt thì đặt theo tên chánh hoặc đặt theo tên Tự, thêm vào chữ Trí thì ý nghĩa sẽ chẳng còn [hạn hẹp] như trong [ý nghĩa gốc của] cái tên chánh hay tên Tự sẵn có nữa. Ấy chính là *"Đại Học chi đạo, tại minh Minh Đức"* (Đạo Đại Học ở chỗ làm sáng tỏ Minh Đức). Do cái lý sẵn có trong tâm hết thảy mọi người chưa có trí huệ nên chưa thể đánh đổ ham muốn xằng bậy của chính mình để khôi phục lễ nghĩa, trừ khử vật dục (cách vật) để đạt đến thấu biết tột cùng (trí tri), ngõ hầu lương tri sẵn có sẽ được phát hiện toàn thể! Vì thế, nay tôi theo dựa theo ý nghĩa của tên thật hay tên Tự của từng vị mà thêm chữ Trí vào. Ví như vẽ rồng điểm nhãn để mong cho quý vị ai nấy đều thọ dụng Minh Đức sẵn có nơi chính mình thì món vật "nhân dục" quyến rũ con người sẽ bị tiêu diệt không còn tồn tại nữa.

Xét về đạo thể, Nho - Thích vốn không hai, nhưng xét tới chỗ nêu tỏ lý thể và công phu tu trì thì sẽ hết sức khác biệt vời vợi! Kẻ chẳng biết, tưởng là giống hệt nhau, chắc sẽ đến nỗi nghĩ "một tấc gỗ giống như lầu cao ngất ngưởng". Kẻ nghĩ là khác, chắc sẽ tưởng "bình, mâm ở ngoài chất vàng!" Người như thế đều là tội nhân trong hai giáo Nho - Thích! Thuở thiếu thời, Quang lậm phải chất độc của Châu - Trình - Hàn - Âu, tạo các khẩu nghiệp; may do thiện căn đời trước tự được tỉnh ngộ. Sợ các vị đối với chỗ giống nhau - khác nhau này chưa phân biệt hiểu rõ, nên mới thuật đại lược. Trong Ấn Quang Văn Sao bản mới có bài tựa cho sách Nho Thích Nhất Quán của ông Dương Lệ Đường (sách ấy còn chưa in ra) và lá thư gởi cho ông Thang Hoằng Xương luận về chỗ giống nhau - khác nhau giữa Nho và Thích, hãy xem thì sẽ biết rõ. Quang bận

bịu đến tột cùng, xin ai nấy hãy nỗ lực tu trì.

562. Thư trả lời cư sĩ Vưu Tuyết Hạnh

Đã lâu chưa gặp gỡ, chợt nhận được thư, [cảm thấy] an ủi lắm. Lệnh thân[84] là Trầm Cố Thị đã muốn quy y, hãy nên khuyên cụ phải quyết định cầu sanh Tây Phương, đừng nên cầu phước báo trời người trong đời sau đến nỗi giống như những kẻ có quyền lực trong hiện thời thì đáng buồn lắm! Nay đặt pháp danh cho cụ là Ký Tây, nghĩa là tín nguyện niệm Phật, mong mỏi vãng sanh Tây Phương. Xin hãy tùy tiện dùng năm đồng hương kính để làm công đức là được rồi [đừng gởi cho Quang nữa].

Nghe nói Mã Khế Tây cũng sống trong [Cư Sĩ] Lâm. Trong khoảng mùa Xuân Quang thấy Ấn Quang Truyện do ông ta viết, Quang liền xé đi, thiết tha răn dạy vĩnh viễn không được lưu truyền nữa. Đến mùa Thu lại thấy ông ta đưa cho hòa thượng Tuyết Đậu, Quang lại xé đi, thống trách: "Nếu vẫn còn lưu truyền, sẽ đuổi ra khỏi Cư Sĩ Lâm để khỏi quấy nhiễu đại chúng trong [Cư Sĩ] Lâm! Ấn Quang mắc tội gì mà lại có thứ đồ đệ quy y bịa chuyện như thế đến nỗi người thấy kẻ nghe đều thóa mạ?" Các hạ và Quang tâm giao nhiều năm; do ông ta đã khâm phục, ngưỡng mộ đạo đức các hạ thì các hạ hãy nên răn nhắc ông chú trọng thực tiễn, đừng dùng miệng lưỡi phô trương hư danh kẻo vĩnh viễn mang nhục và mắc tội lỗi vậy!

563. Thư trả lời cư sĩ X…

Nói đến bệnh lạ thì ấy chính là oán nghiệp đời trước *(Cõi đời thường viết sai chữ Oán* (怨) *thành Oan* (冤). *Oan* (冤) *là oan khuất, còn Oán* (怨) *là thù).* Bệnh do oán nghiệp thì đừng nói thầy thuốc trong cõi đời chẳng thể chữa trị được, dẫu thần tiên cũng không cách nào cứu vớt được! Nếu ông có thể sanh lòng hổ thẹn lớn lao, sửa lỗi trước, từ nay hãy tu tập, dùng tâm chí thành khẩn thiết để xưng niệm thánh hiệu "Nam Mô A Di Đà Phật" thì trước hết những oán nghiệp trong đời trước ấy sẽ do Phật hiệu mà mau chóng tránh xa, kế đến họ được nương vào Phật lực thoát khổ siêu sanh, chắc chắn chẳng đến nỗi [oan khiên] vẫn ràng buộc y như cũ. Nhưng nếu tâm chẳng chí thành và sanh lòng sửa lỗi cũ, từ nay tu tập, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành, thì tâm của chính

[84] Tiếng gọi tỏ vẻ kính trọng mẹ người khác.

mình sẽ gần gũi với tâm của quỷ, trái nghịch với tâm của Phật. Dẫu niệm Phật đôi chút vẫn khó thể cảm ứng được! Ấy là vì tâm chính mình chẳng thành, chẳng chánh, chứ không phải là do Phật không linh, không hiệu nghiệm!

Ông đã phát Tứ Hoằng Thệ Nguyện, tu học Lục Độ, thì trước hết phải thực hiện từ nơi bản thân và trong gia đình. Tự thân thì: Cảnh phi lễ đừng nhìn, lời phi lễ đừng nghe, tiếng phi lễ đừng nói, chuyện phi lễ đừng làm, ngăn lòng giận, chặn lòng dục, đánh đổ ham muốn xằng bậy của chính mình để khôi phục lễ nghĩa, thấy người hiền mong được bằng, thấy kẻ khác chẳng hiền trong lòng tự phản tỉnh; trong gia đình thì trọn hết tình nghĩa, trọn hết bổn phận, như hiếu thảo với cha mẹ, kính anh, nhường em. Phàm trong là người nhà, ngoài là làng nước, đều đối đãi bằng lòng chân thành, trọn chớ nên mang ý niệm khinh khi, dối gạt, lăng nhục. Lại hãy nên thương xót người đời ngu si, dùng nhiều cách khuyên dụ để họ đừng giết hại sanh mạng để khỏi phải chịu khổ giết hại lẫn nhau [để báo thù] trong vị lai. Lại khuyên họ thường niệm Phật hiệu cầu sanh Tây Phương, sẽ chẳng đến nỗi lại sanh trong thế giới Sa Bà khổ não này để [tiếp tục] luân hồi lục đạo, trọn chẳng có thuở ngoi đầu ra được!

Nay gởi cho ông một gói Văn Sao gồm ba bộ, một bộ tự giữ, hai bộ kia tặng cho kẻ có tín tâm, biết cung kính, thông văn lý. Pháp tắc tu trì đã nói rõ trong ấy. Nếu muốn dễ hiểu rõ, xin hãy đọc trước lá thư Quang gởi cho bà Từ [Phước Hiền]. Tiếp đó xem thư Quang gởi cho ông Cao Thiệu Lân, Trần Tích Châu. Cuối cùng mới đọc hai mươi mấy lá thư Quang gởi cho cư sĩ X… ở Vĩnh Gia sẽ tự biết đầy đủ. Văn tuy chất phác, kém cỏi, nhưng ý vốn lấy từ kinh luận của Phật, của Tổ rồi dùng những lời lẽ rõ ràng, nông cạn để giảng rõ, chứ trọn chẳng có lời nào bịa đặt. Nếu có thể y theo đó tu trì thì thân tâm sẽ thanh tịnh, nghiệp chướng tiêu trừ, đến khi lâm chung vãng sanh Tịnh Độ siêu phàm nhập thánh, liễu sanh thoát tử, thì những oán gia trong đời trước ấy quả thật là bậc đại đạo sư [hướng dẫn] ông thoát ra biển khổ. Họ cũng sẽ nương theo sức tu trì của ông mà lìa khổ được vui. Ấy gọi là *"lấy bệnh làm thuốc, biến oán thành ân"*. Nếu chẳng phát tâm chân thật, sợ rằng sự báo oán sẽ chẳng phải chỉ có như vậy mà thôi đâu!

564. Thư trả lời cư sĩ Trịnh Huệ Hoàn (thư thứ nhất)

Nhận được thư đầy đủ. Nói đến Văn Sao thì đã bảo gởi hai gói, mỗi gói ba bộ; một gói An Sĩ Toàn Thư, mỗi gói bốn bộ. Lại còn gởi một gói

Di Đà Kinh Bạch Thoại Chú *(mười ba cuốn)*, một gói Gia Ngôn Lục *(mười một cuốn)*, một gói Học Phật Thiển Thuyết *(năm mươi cuốn)* xin hãy thâu nhận. Đại Trung Thư Cục ở Thượng Hải in sáu ngàn bộ Văn Sao, mỗi bộ là bảy cắc; bảy ngàn bộ An Sĩ Toàn Thư, mỗi bộ năm cắc chín xu. Di Đà Kinh Bạch Thoại Chú in tại [xưởng in thuộc] nhà tù Tào Hà Kính, mỗi bộ một cắc năm xu sáu chinh. Gia Ngôn Lục cũng in ở cùng một chỗ, mỗi bộ một cắc bảy xu năm chinh *(mỗi gói tính thêm hai xu bưu phí)*. Học Phật Thiển Thuyết in tại Quốc Quang Thư Cục, giá đề phía sau sách. Di Đà Kinh Bạch Thoại Chú, Gia Ngôn Lục mỗi loại in hai vạn cuốn, hiện thời đã phát ra một vạn cuốn mà vẫn chẳng đủ để phân phát. Nếu quý hội muốn thỉnh, phải đợi đến khi in xong một vạn cuốn lần thứ hai thì mới có thể bảo họ gởi đúng số lượng cho quý vị được.

Đối với những sách muốn thỉnh, hãy chiếu theo giá là bao nhiêu đó, gởi tiền và thư cho thầy Minh Đạo là Đương Gia chùa Thái Bình tại bến Trần Gia, Thượng Hải. Thầy ấy nhận được ắt sẽ thâu giữ, trước hết gởi biên nhận, đợi khi sách được in ra sẽ gởi tới. Văn Sao, An Sĩ Toàn Thư, Thọ Khang Bảo Giám *(mỗi cuốn tám xu, bưu phí tính riêng)* có thể gởi ngay bây giờ được, những thứ khác phải đợi một hai tháng nữa mới gởi được.

Thọ Khang Bảo Giám là sách trọng yếu để cứu bọn thanh niên đắm chìm trong sắc dục đến nỗi mất mạng. Năm ngoái in năm ngàn cuốn ở Thượng Hải *(mỗi cuốn một cắc một xu)*, in ba vạn cuốn ở Hàng Châu. Họ đã giao một vạn năm ngàn cuốn, [đối với số sách còn lại] họ giở trò ma mãnh viện cớ đã bị cháy sạch. Năm nay, tôi dùng khoản tiền họ bồi thường để in hai vạn cuốn, mấy hôm nữa sẽ có thể gởi sang Thượng Hải. Nhưng từ Hàng Châu chuyển tới Thượng Hải, rồi từ Thượng Hải lại chở đi, tuy [giá in] rẻ hơn ở Thượng Hải, nhưng tiền chuyên chở lại cao hơn nhiều!

Lại có Cảm Ứng Thiên Trực Giảng bây giờ mới cho sắp chữ, ước chừng năm mươi trang, giá cũng chừng khoảng trên dưới một cắc. Sách gởi tổng cộng là năm gói, nếu tự gởi thì [cước phí] mỗi gói là một cắc năm xu. Nếu bảo thư cục gởi thì phải gởi theo lối bảo đảm, mỗi gói tốn hai cắc. Do thư cục thường phái người đi giao, nếu không gởi bảo đảm chắc người giao sách sẽ giở trò bán sách. Nếu có người nào đáng tin cậy đem đi sẽ chẳng đến nỗi tốn tiền bưu phí. Xin hãy xét cặn kẽ.

Trong cõi đời hiện thời, muốn vãn hồi thế đạo nhân tâm, ắt phải lấy "giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, biết nhân, rõ quả, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đánh đổ ham muốn xằng bậy của chính mình để khôi phục lễ nghĩa, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành, tín nguyện

niệm Phật, cầu sanh Tây Phương" làm chủ yếu. Đối với chuyện bàn nói điều huyền lẽ diệu, tuy dường như cao siêu, nhưng nếu chẳng tận tụy thực hành [những điều vừa nói trên đây] thì sẽ thành dùng thân báng pháp!

Cổ nhân nói: *"Thiên hạ chẳng yên, thất phu có trách nhiệm"*. Thất phu làm thế nào để có thể khiến cho thiên hạ bình trị được? Cần biết rằng: Cái gốc của thiên hạ là gia đình, cái gốc của gia đình là thân. Nếu ai nấy đều đề xướng nhân quả, báo ứng và giáo dục trong gia đình thì hiền tài sẽ dấy lên đông đảo, hết thảy những kẻ nhiễu loạn và thổ phỉ, giặc cướp sẽ chẳng còn nẩy sanh nữa! Ngay cả những kẻ đã thành phường bại hoại như thế cũng sẽ nhìn theo ta mà bị cảm hóa! Trong Văn Sao, Quang đã nhiều lần nhắc đến, ở đây không viết cặn kẽ nữa. Ước chừng nửa tháng sau, Quang sẽ trở về núi. Tháng Bảy, tháng Tám lại sang Thượng Hải để lo cho xong chuyện in sách.

565. Thư trả lời cư sĩ Trịnh Huệ Hoàn (thư thứ hai)

Nhận được thư đầy đủ. Lệnh hữu là ông Lưu mang chí lợi người, khôn ngăn khâm phục! Ông thỉnh bốn loại sách mỗi thứ năm trăm bộ thì chỉ có Thọ Khang Bảo Giám và Học Phật Thiển Thuyết là không lâu nữa sẽ được gởi tới; còn Gia Ngôn Lục, Di Đà Kinh Bạch Thoại Chú phải đợi một hai tháng nữa mới có. Ông nói đối với mỗi loại sách phải đặt thêm lời tựa thì chuyện này quyết chẳng thể làm được, do mỗi loại sách Quang đứng ra in đều lấy một vạn cuốn làm chuẩn; sao lại có thể in riêng lời tựa cho năm trăm cuốn được? Nếu ông muốn cứ thêm vào, hãy nên tự khắc. Đợi đến khi tặng sách cho người khác, sẽ kẹp thêm [những trang in lời tựa] vào trong ấy thì sẽ thuận tiện cho cả đôi bên. Nay đem lời tựa gởi kèm theo thư trả lại.

Còn như ông nói "đã gởi số tiền như ấn định trước là hai mươi đồng", tôi đã nhận được bưu phiếu ấy. Ông nói như vậy không khỏi coi Quang như gã bán sách, nực cười đến tột bậc! Nếu như lệnh hữu quyết định thỉnh thì Quang sẽ chiếu theo số lượng ấy, đợi khi sách in ra sẽ gởi đi. Nếu cứ bắt buộc phải thêm lời tựa vào đầu sách thì tôi không có tinh thần để lo liệu được, xin đừng bàn nữa! Chỉ gởi số sách đúng hai mươi đồng cho xong chuyện. Xin hãy sáng suốt suy xét.

Lệnh hữu rộng lượng muốn quy y, nay đặt pháp danh cho ông ta là Huệ Trác. Nhưng muốn quy y Phật pháp, chớ nên vẫn chú trọng nơi pháp luyện đan vận khí của ngoại đạo, ắt phải giữ vẹn luân thường,

nghiêm túc trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đánh đổ ham muốn xằng bậy của chính mình để khôi phục lễ nghĩa, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành, kiêng giết, phóng sanh, trừ sạch rượu thịt, tín nguyện niệm Phật, cầu sanh Tây Phương. Dùng điều này để tự hành, lại còn đem những điều ấy dạy người khác, trong là gia đình, ngoài là làng nước, thảy đều dựa theo Văn Sao, An Sĩ Toàn Thư để khuyên dạy, sẽ đáng gọi là đệ tử thật sự của đức Phật! Như thế thì sống sẽ dự vào bậc hiền thánh, mất sẽ lên cõi Cực Lạc, ngõ hầu chẳng uổng cuộc sống này và chẳng phí dịp gặp gỡ này. Như vậy thì trí huệ cao trỗi, chót vót, Danh hợp với Thật. Nếu không, chỉ là danh xuông mà thôi, có lợi ích gì đâu? Xin hãy nói với ông ta.

566. Thư trả lời cư sĩ Trịnh Huệ Hoàn (thư thứ ba)

Nhận được thư *(ước chừng cuối tháng Mười, Quang sẽ về núi. Sau này việc gởi sách sẽ do thầy Minh Đạo lo liệu thay)* và món tiền một trăm tám mươi đồng cùng với hai mươi đồng lần trước, tổng cộng là hai trăm đồng, không sai lạc. Gia Ngôn Lục vẫn chưa in *(ước chừng tháng Mười Một, Mười Hai mới có thể gởi tới được)*. Di Đà Kinh Chú vẫn chưa đóng bìa xong, đợi khi hoàn thành sẽ theo đúng thời lần lượt gởi đến. Nay gởi cho ông năm trăm cuốn Học Phật Thiển Thuyết, năm trăm cuốn Thọ Khang Bảo Giám, giá sách lẫn bưu phí đều ghi thành một tờ riêng, xin hãy xem xét. Văn Sao hiện thời chẳng còn nhiều, chỉ gởi bốn gói, tổng cộng là mười hai bộ. Lại gởi một gói Cảm Ứng Thiên Trực Giảng *(lại gởi thêm năm gói Học Phật Thiển Thuyết để những người nghèo cùng được xem đọc. Đấy cũng là sách để kết duyên, chẳng tính vào tiền thỉnh sách)*. Năm gói này chẳng tính chi phí.

Lời lệnh hữu đã nói trước đây vốn là biện pháp in theo lối khắc ván, nhưng Quang không nghĩ như vậy là đúng. Do sắp chữ in mỗi lần một vạn cuốn, nếu ngay từ đầu đã in kèm tên [người ấn tống] vào đấy thì với số lượng nhỏ cũng chẳng phải là không làm được. Chứ nếu sau này mới đưa vào thì không cách gì thực hiện được! Nhưng người làm công đức chỉ cần có ích cho đời, cho người, cần gì phải so đo là có đề tên hay không? Dẫu có tên đi nữa thì chắc gì người ta đều biết rõ [người đứng bỏ tiền ấn tống là ai]? Nếu có ích cho người thì trời đất quỷ thần đều biết. Các hạ tính kế cho dân nghèo cũng đáng gọi là "đại từ che chở khắp", nhưng cần phải nói với họ về nhân quả, tội phước, để họ đều cùng chẳng phải hổ thẹn vì đã thiếu sót đạo làm người, tương lai thành gia lập nghiệp, chắc chắn sẽ cùng con cái đều thành hiền thiện thì sự cứu vớt ấy

cũng lớn lao thay! *(ngày Mười Một tháng Mười, viết dưới đèn).*

567. Thư trả lời cư sĩ Trịnh Huệ Hồng (thư thứ nhất)

Nhận được thư đầy đủ, chúng sanh đời Mạt Pháp đáng thương đến cùng cực, chẳng biết thơm - thối, chẳng biết tà - chánh, đã không có chánh pháp đến nỗi ai nấy đều theo đạo luyện đan vận khí, lại còn bịa đặt đồn thổi để tự khoe khoang, tự phụ. Ông chưa biết Phật pháp, vừa thấy Văn Sao liền sanh chánh tín, đáng gọi là "đã có thiện căn từ đời trước!" Nay gởi cho ông hai gói Văn Sao, bản ông đã đọc chắc là bản in lần trước, có ít bài hơn bản này. Hai gói An Sĩ Toàn Thư, một gói Gia Ngôn Lục, một gói Niệm Phật Trực Chỉ, một gói Di Đà Kinh Bạch Thoại Chú, một gói Thọ Khang Bảo Giám, một gói Quán Âm Tụng, tổng cộng chín gói, gởi bằng thư bảo đảm. Trước hết, hãy nên đọc kỹ Gia Ngôn Lục thì hết thảy ngờ vực đều bị phá trừ.

Ông nói đến chuyện [yêu cầu Quang] soạn luận để đả phá [những lập luận thiên chấp của] bọn triết học và Lý học; chỉ cần ông có thể chân thật tu trì và hiểu thấu những nghĩa lý trong các sách [nói trên], sẽ tự chẳng bị mê hoặc bởi những tà thuyết của bọn chúng. Nếu công kích họ thì cũng phải có chỗ nương cậy, [bởi lẽ] chẳng những Quang không rảnh rỗi để soạn luận, mà ngay cả phúc đáp thư từ cũng chẳng rảnh rang cho lắm! Năm nay, kết liễu mọi việc xong xuôi sẽ rời khỏi Phổ Đà, không ở chỗ nào nhất định để khỏi phải nhọc nhằn thù tiếp thư từ hòng chuyên tu Tịnh nghiệp. Hiện thời vẫn còn có những sách chưa được in ra, chẳng thể gởi ngay đuợc. Đợi khi sách được in ra, sẽ gởi cho ông mỗi thứ một hai gói để làm căn cứ tự lợi, lợi người.

Ông muốn đến Phổ Đà, xin hãy bỏ tâm niệm ấy đi; chỉ nên lắng lòng nghiên cứu những kinh sách Quang đã gởi, ắt sẽ được lợi ích lớn lao! Ông muốn quy y, chẳng ngại gì đặt pháp danh cho ông từ xa. Ông hãy lễ Phật kiền thành nhận lãnh! Nay đặt pháp danh cho ông là Huệ Hồng, nghĩa là: Dùng pháp môn Tịnh Độ là lò luyện trí huệ lớn lao để mong cùng lên được bờ giác. Nhưng người học Phật ắt phải giữ vẹn luân thường, nghiêm túc trọn hết bổn phận của chính mình, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đánh đổ ham muốn xằng bậy của chính mình để khôi phục lễ nghĩa, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành, kiêng giết, bảo vệ sanh mạng, trừ sạch rượu thịt, lại còn sanh lòng tin phát nguyện niệm danh hiệu Phật, cầu sanh Tây Phương. Dùng những điều ấy để tự hành, lại còn đem dạy người khác. Trong là cha mẹ, anh em trai, chị em gái, vợ

con, ngoài là thân thích, xóm giềng, những người quen biết, đều nên đem những chuyện trên đây để bảo với họ.

Lại còn phải cực lực đề xướng nhân quả báo ứng và giáo dục trong gia đình, nhưng đối với giáo dục gia đình lại cần phải chú trọng nhân quả báo ứng. Lại hãy nên chú trọng dạy dỗ con gái. Muốn vãn hồi thế đạo nhân tâm mà bỏ hai đường lối này, dẫu Phật, Bồ Tát, thánh hiền đều cùng xuất hiện trong cõi đời cũng chẳng biết làm sao! Ông chỉ nên chí thành khẩn thiết niệm Phật thì lợi ích ấy sẽ chẳng thể nào suy lường bằng phàm tình được! Khi chín gói sách ấy được gởi đến, xin hãy gởi một mảnh thư [báo đã nhận được]. Ngoài ra, chẳng cần phải gởi thư [gì khác] nữa để đôi bên khỏi phải nhọc lòng!

568. Thư trả lời cư sĩ Trịnh Huệ Hồng (thư thứ hai)

Hôm qua viết một lá thư, chắc ông đã nhận được chín gói kinh sách rồi. Quang nghĩ: Phật pháp chẳng dễ lưu thông ở quý xứ; do vậy hôm nay thỉnh cho ông mười mấy thứ kinh sách, đem gởi bằng thư bảo đảm. Chỉ mong ông phát tâm chân thật, tự hành, dạy người. Dẫu Quang phải bỏ tiền hương kính do mọi người cúng dường ra [để làm chi phí gởi sách cho ông] cũng vẫn vui vẻ làm. Nếu ông hờ hững bỏ xó thì chẳng những đã phụ lòng Quang mà sợ rằng còn phụ lòng những người đã biếu tiền hương kính cho Quang vậy!

Ông đừng dấy lên ý nghĩ đến Phổ Đà gặp Quang và muốn xuất gia trong tương lai, do Quang đã quyết định trong năm sau sẽ vân du Nam - Bắc, không ở chỗ nào nhất định. Nhưng trong hiện thời Tăng chúng gặp nguy hiểm muôn vàn, hai giới chánh khách và giáo dục chuyên muốn đuổi Tăng, chiếm đoạt tài sản để lèn cho đầy túi. Nếu xuất gia tức là đã bỏ con đường sống để tìm đường chết! Nếu ông có thể dựa theo những điều Văn Sao đã nói để tu trì thì ngay trong thương trường cũng rất dễ tu hành. Tùy phần, tùy sức hóa độ hết thảy, quả thật là chuyện hữu ích nhất. Nếu muốn bỏ buôn bán để chuyên tu thì sẽ thiếu sót lớn lao nơi những chuyện luân thường như thờ cha mẹ, dạy con cái v.v…

569. Thư trả lời cư sĩ Trịnh Huệ Hồng (thư thứ ba)

Hai lá thư gởi vào mùa Đông năm ngoái và mùa Xuân năm nay đều nhận được. Những chuyện ông đã nói trong lá thư mùa Đông năm ngoái đều không sai, nhưng chỉnh đốn Tăng-già, khôi phục lệ thi cử để tuyển

Tăng, vàn muôn phần chẳng thể làm được! Bọn ngoại đạo đều giả mượn cái danh Phật pháp, nhưng đều hèn kém chẳng kham. Nếu đúng là người được gặp gỡ Phật pháp, hiểu rõ đại ý, há bọn chúng có thể dẫn dụ được ư? Những kẻ bị [bọn ngoại đạo] dẫn dụ đều là hạng vô tri vô thức! Cha ông dụng tâm nghiên cứu kinh điển Nho gia nhiều năm, tiếc là chưa gặp được Phật pháp, vẫn bị nhốt chặt bởi Trình - Châu, nay cụ đã không coi lời Quang là sai, đã thoát ra khỏi chỗ nhốt kín để có thể làm sứ giả cho Nho - Thích nhị thánh.

Ngoại đạo đều coi luyện đan vận khí là đạo, chương trình truyền đạo do bọn chúng lập ra đã hoàn toàn phô bày hết những sự hèn tệ của đạo ấy! Tiếc cho người đời vô tri cứ ngược ngạo vì lẽ ấy mà tranh nhau nhập đạo giống như ruồi bu theo mùi tanh, như con thiêu thân đâm đầu vào lửa, thật đáng buồn xót! *(Nói "phô bày hết những thói hèn tệ" chính là nói bọn chúng đều giữ cách bí truyền và đạo "sáu tai chẳng truyền"[85]. Muốn vào đạo của chúng trước hết phải thề thốt "hễ phản đạo sẽ phải hứng chịu những ác báo" v.v...)* Những thứ tà giáo ấy trọn khắp thế giới. Chân pháp đã sáng tỏ thì bọn chúng sẽ tự chẳng có thế lực lớn lao, chẳng còn lừng lẫy được nữa!

Pháp Niệm Phật hết sức ổn thỏa, thích đáng, hạng trí huệ nhỏ nhoi thường bỏ Phật lực để tu pháp cậy vào tự lực; nếu chẳng ngu thì cũng là cuồng, không cách nào cứu vãn được! Chúng ta chỉ nên tin sâu Phật pháp, giữ vững tông chỉ Tịnh tông thì sẽ chẳng đến nỗi bị lôi cuốn gia nhập ngoại đạo và tưởng những gì ý mình hiểu biết rõ ràng là đích thân chứng đắc. Gần đây, có những kẻ cao minh dụng công chân thật thiết tha nhưng lại ngả theo những tri kiến lệch lạc, lầm lẫn, kiêu căng, ngạo mạn, coi thường kẻ niệm Phật cũng chẳng ít. Bọn họ đều do chẳng tự lượng, lầm lạc coi những gì chính mình có thể hiểu được là chứng đắc. Họ đâu biết: Chén bát chưa nung, gặp mưa liền hóa thành bụi đất!

Trong khoảng tháng Tám, tháng Chín năm nay, in sách xong xuôi, Quang sẽ diệt tung tích, ẩn náu lâu dài. Thời khắc này không nói thì sau này làm sao nói được? Cha ông muốn một hai năm nữa tới Chiết Giang gặp Quang, xin cụ hãy nương theo Văn Sao, Gia Ngôn Lục để tu trì, lại còn nương theo đó để đề xướng, ngõ hầu người nơi quý địa đều cùng được nhuần gội sự giáo hóa của Phật thì sẽ là đệ tử đức Di Đà, là bạn lành của Đại Sĩ. Quang là một ông Tăng chỉ biết cơm cháo, chẳng gặp mặt đâu phải áy náy gì? Dẫu Quang chẳng diệt tung tích thì trong thời cuộc chẳng yên ổn này, sao lại phí nhiều tiền tàu xe, nếm chịu đau khổ

---

[85] Ý nói chẳng kể lại cho người thứ ba nghe những gì đã được truyền dạy giữa thầy và trò.

vô ích để chỉ gặp mặt Quang ư?

Lệnh biểu huynh[86] là Đỉnh Tài đã muốn quy y thì sẽ đặt pháp danh cho ông ta. Lại gởi cho ông ta một lá thư, xin hãy chuyển giùm. Nay gởi cho ông Văn Sao, Gia Ngôn Lục, Di Đà Kinh Bạch Thoại Chú, Hiện Báo Lục, Quán Âm Tụng, Âm Chất Văn Chú Chứng[87], Phổ Hiền Hạnh Nguyện Phẩm, Kim Cang Kinh (ảnh chụp được kẹp trong ấy), mỗi thứ một gói. Xin hãy chia ra tặng. Lời tựa "ngầm tiêu kiếp vận" đã được thấy trong bài tựa rộng nêu đại ý, không cần phải gởi nữa. Do chuyện in sách, hằng ngày Quang chẳng được rảnh rỗi, huống chi lại muốn trong nửa năm nay sẽ hoàn tất hết thảy thủ tục [ấn loát]. Nếu không, trong tháng Chín sẽ chẳng thể giải quyết xong xuôi được!

[Trong những tác phẩm giảng về] những ý chánh yếu của kinh Lăng Nghiêm thì nên coi sách Lăng Nghiêm Văn Cú là bậc nhất, còn giải thích kinh văn thì nên coi sách Lăng Nghiêm Chỉ Chưởng[88] là bậc nhất. Giải thích ý nghĩa chánh yếu của kinh Pháp Hoa thì sách [Pháp Hoa] Hội Nghĩa[89] hay nhất, giải thích kinh văn bậc nhất thì cũng là [Pháp Hoa] Chỉ Chưởng[90]. Bốn bộ này đều phải tốn đến mười mấy đồng, viết ra ở đây để sau này ông muốn thỉnh sẽ biết rõ. Hiện thời cần phải chuyên tu Tịnh nghiệp bởi thời cuộc chẳng yên, không cậy vào sức niệm Phật, niệm Quán Âm, quyết khó thể có được chỗ để nương tựa! Hãy nên đem lời này thưa với cha và biểu huynh của ông cũng như hết thảy mọi người.

570. Thư trả lời cư sĩ Trịnh Huệ Hồng (thư thứ tư)

---

[86] Biểu huynh: Anh họ thuộc về bên ngoại, tức con của cậu hay dì.

[87] Âm Chất Văn Chú Chứng là tác phẩm chú giải bài Âm Chất Văn và dẫn chứng nhiều câu chuyện để minh thị những ý nghĩa được giảng giải trong Âm Chất Văn, do Phùng Khuyến soạn vào năm Quang Tự 20 (1894). Tên gọi đầy đủ là Tử Đồng Đế Quân Âm Chất Văn Chú Chứng Tân Biên.

[88] Trong Vạn Tục Tạng, tập 24, có đến ba bản Chỉ Chưởng: Lăng Nghiêm Kinh Chỉ Chưởng Sớ Huyền Thị, Lăng Nghiêm Kinh Chỉ Chưởng Sớ, Lăng Nghiêm Chỉ Chưởng Sớ Huyền Nghĩa đều do pháp sư Thông Lý soạn vào đời Thanh. Có lẽ bản Chỉ Chưởng được Tổ nói ở đây chính là Lăng Nghiêm Kinh Chỉ Chưởng Sớ.

[89] Lăng Nghiêm Văn Cú là tác phẩm chú giải kinh Lăng Nghiêm gồm 10 quyển của Ngẫu Ích đại sư. Bộ Pháp Hoa Hội Nghĩa 7 quyển cũng do Ngẫu Ích đại sư soạn. Cả hai bộ này đều được đưa vào Ngẫu Ích Đại Sư Toàn Tập.

[90] Đây là bộ Pháp Hoa Kinh Chỉ Chưởng Sớ (7 quyển) cũng do ngài Thông Lý soạn.

Thư ông gởi trong tháng Bảy do không có chuyện gì quan trọng nên tôi chẳng trả lời ngay. Người học đạo hãy nên dựa theo Lý để phán đoán, há cần phải mỗi một điều đều đem hỏi người khác rồi mới nên làm hay chăng? Quang ẩn dật lâu dài là vì tinh thần chẳng đủ. Nói đến chuyện chỉ dạy thì tôi vẫn tự có phương cách. Cách gần gũi nhất là đem các bản in sách giao cho Thế Giới Cư Sĩ Lâm, bảo họ lưu thông để làm kế lâu dài.

Huệ Hòa tin tưởng ngoại đạo, tiếc cho ông ta túc nghiệp sâu nặng đến nỗi tà - chánh chẳng phân, vàng - thau không biết chọn, quý mắt cá như minh châu, muốn coi nó như của báu muôn đời chẳng đổi, chẳng biết nó chẳng đáng một đồng! Sở đắc của bọn ngoại đạo là trộm cắp những lời trong tam giáo Nho - Thích - Đạo, bịa đặt dựng chuyện để làm cội nguồn cho đạo giáo của chúng [rồi tự phụ] "đạo do chính ta sở đắc", chẳng đáng buồn ư?

Niệm Phật lúc đầu thân thiết như người nghèo được ăn vị ngon, chẳng biết thơm ngon đến ngần nào; tới chừng ăn đã lâu rồi cũng cảm thấy bình thường không có gì lạ lùng cả, nhưng chẳng coi vị bình thường, đạm bạc ấy là sai thì lâu ngày ắt sẽ có lợi ích tăng tấn. Vì thế không cần phải cảm thấy thiếu sót do lẽ ấy.

Mừng - giận, buồn - vui chưa phát, chẳng nghĩ lành, chẳng nghĩ ác tựa hồ giống hệt như nhau, nhưng Lục Tổ nói: *"Đúng ngay trong lúc ấy, thế nào là bản lai diện mục của Thượng Tọa?"*[91] Sao ông chẳng chú ý vào chỗ này? Do có câu nói ấy [của Lục Tổ] nên có sự khác biệt lớn với ý nghĩa của Trung Dung được nói xuông trong sách Trung Dung[92]. Sách

---

[91] Theo Lục Tổ Pháp Bảo Đàn Kinh, phẩm Hành Do, sau khi ấn chứng và truyền y bát cho tổ Huệ Năng, Ngũ Tổ Hoằng Nhẫn bảo Huệ Năng hãy về phương Nam truyền pháp. Nghe tin, đồ chúng đuổi theo toan đoạt lại y bát. Thượng tọa Huệ Minh chạy trước, gần đuổi kịp Huệ Năng, Huệ Năng bèn đặt y bát trên gộp đá, nói: "Y này nhằm để làm tin, há có thể dùng sức để giành được ư?" Rồi ẩn trong lùm cỏ. Huệ Minh chạy tới nơi, giở lên không được, bèn kêu to: "Hành giả! Tôi vì pháp mà đến, chứ không phải vì y". Huệ Năng liền bước ra, ngồi xếp bằng trên đá. Huệ Minh làm lễ, thưa: "Xin hành giả thuyết pháp cho tôi". Tổ Huệ Năng nói: "Ông đã vì pháp mà đến, hãy dứt bặt các duyên, đừng sanh một niệm, tôi sẽ vì ông nói". Một lúc lâu sau, Huệ Năng dạy*: "Không nghĩ thiện, không nghĩ ác, ngay trong lúc ấy, thế nào là bản lai diện mục của Thượng Tọa?"* Huệ Minh liền ngộ ngay trong lúc ấy.

[92] Đạo Trung Dung được nói đến trong Nho Gia là không thái quá, không bất cập, tức là chỉ cốt sao giữ cho được chừng mực, vừa phải, vẫn thuộc vào cách đối xử trong pháp thế gian. Sách Trung Dung chỉ giảng giải đạo này, chứ không chỉ rõ cách thực hiện nên gọi là "nói xuông"; còn câu nói của Lục Tổ chỉ thẳng vào chân tâm bản tánh vượt khỏi nhị nguyên đối đãi, siêu việt pháp thế gian lẫn xuất thế gian.

ấy (tức Trung Dung) chỉ có thể khiến cho người ta biết được đạo lý, còn câu nói này của Lục Tổ khiến cho con người đích thân thấy được cái sẵn có. Ông đừng chăm chú nơi "niệm mà chẳng niệm, không niệm mà niệm"! Cảnh ấy chính là chỗ thực hiện của bậc đã đạt đến cảnh giới cùng cực. Nếu chưa đạt đến cảnh giới cùng cực [mà cứ bám vào "niệm mà chẳng niệm, không niệm mà niệm"], ắt sẽ trở thành lười nhác! Tham cứu câu *"niệm Phật là ai"* vừa có lợi ích mà cũng có khuyết điểm! Chỗ hãy nên dốc sức chính là thành thật, chuyên nhất, dốc lòng.

Nếu xen tạp Thiền cơ, hễ hơi có kiến xứ thì do căn cơ nông cạn, chúng sanh sẽ coi pháp [Tịnh Độ] này là hèn kém nhất, coi pháp kia (Thiền) là tối thắng. Mùa Xuân năm Dân Quốc 13 (1924), vợ ông Địch Sở Thanh mắc phải thói tệ này. Mãi cho đến ngày nay, Sở Thanh vẫn giữ thuyết ấy, chẳng chịu sửa đổi chút nào. Một đệ tử ở Giang Tây là Long Tùng Sanh đối với Thiền có chỗ hơi hiểu, ngộ [rồi cũng miệt thị Tịnh Độ], Quang cực lực quở trách, nhưng ông ta vẫn chẳng chịu nghe. Xem sắc diện chừng như ông ta bị ma dựa. Nghe lời ông ta nói, đúng là "muốn nối tiếp huệ mạng của chư Tổ".

Ông ở nhằm nơi ngoại đạo lừng lẫy; nếu chẳng dựa theo sự thật để tu tập, chắc cũng sẽ trở thành cái cớ cho bọn tà ma, ngoại đạo bêu riếu. Ông muốn khai ngộ, há cần phải dùng đến công phu tham cứu? Chỉ cần niệm đến chỗ "niệm cực, tình vong", sẽ tự được khai ngộ. Nếu không ngộ, cũng chẳng trở ngại gì. Cần biết rằng: Hễ có tín nguyện thì chẳng ngộ vẫn được vãng sanh. Đắc ngộ mà không có tín nguyện thì vẫn luân hồi trong lục đạo! Ông muốn bỏ con đường bằng phẳng để đi theo đường hiểm trở mà vẫn mong được gọi "người hiểu biết pháp môn Tịnh Độ" ư?

Quang hiện thời đang sắp chữ bộ Lịch Sử Cảm Ứng Thống Kỷ do ông Hứa Chỉ Tịnh biên tập; đợi khi sắp chữ xong sẽ ấn dật. Nếu sách ấy in ra sẽ bảo thầy Minh Đạo thay tôi gởi cho ông một hai gói. Sách ấy có quan hệ lớn lao đối với thế đạo nhân tâm. Tôi sẽ sắp chữ thành hai loại: Một là sách in với cỡ chữ Tam Hiệu Tự, bản thứ hai với cỡ chữ Tứ Hiệu Tự dùng giấy báo để in. Hiện thời bản thứ nhất đã sắp chữ xong, cho in ngay hai vạn bộ. Sau này, có người phát tâm thì sẽ có thể cuồn cuộn in tặng và gởi bán vậy.

571. Thư trả lời cư sĩ Trịnh Huệ Hồng (thư thứ năm)

Thư của ông và thư của thầy Minh Đạo tôi đều đã đọc rồi. Thư gởi cho vị Tăng ở Tự Châu hay lắm. Pháp sư Ngọc Phong thiên chấp quá

sức! Cuốn [Niệm Phật] Tứ Đại Yếu Quyết của Sư quả thật là lầm lẫn, nhưng nhiều người coi đó là quan trọng, hay tuyệt, cũng do vì thô tâm mà ra. Nếu chẳng quán tưởng thì chẳng tham tịnh cảnh, chẳng cầu nhất tâm; chẳng tham cứu câu "[người niệm Phật] là ai?" cứ thẳng thừng mà niệm thì quả thật là nhiệm vụ trọng yếu! Nhưng chớ nên nói: Những thứ ấy đều là tà! Sư coi cầu nhất tâm là tà, nhưng Sư suốt đời dùng công phu Thập Niệm vào buổi sáng. Trong pháp Thập Niệm có thuyết "nhờ vào hơi thở để ràng buộc tâm khiến cho tâm quy nhất". Sư tự hành lại tự bài xích, đúng là điều đáng tiếc nuối lớn lao! Do vậy, Quang trọn chẳng nhắc đến Sư vì sợ người khác cũng sẽ bị bệnh thiên chấp ấy.

Còn như "vừa khởi thoại đầu liền rớt vào thoại vĩ"[93], cũng là gia phong của nhà Thiền. Chúng ta tu Tịnh Độ chỉ nên giữ vững tín nguyện trì danh, cầu sanh Tây Phương; chẳng cần phải so sánh với họ rồi hỏi ngược lại. Chỉ nên dùng lòng chí thành, cung kính khiến cho tâm này không ràng buộc nơi niệm nào khác. Đấy chính là nghĩa trọng yếu. Có đọc hay không đọc Đại Tạng Kinh đều chẳng có gì là không được! Bởi lẽ, tu pháp môn đỡ tốn sức này sẽ chẳng đến nỗi phải than thở xuông "muốn liễu sanh tử nhưng không tìm được pháp nào!" Ông nay trên có cha mẹ, dưới có vợ con, lại còn đang buôn bán, là chỗ nương cậy cho cả nhà; há nên lầm lạc mong bế quan?

Vợ ông là Tú Anh đã phát tín tâm, muốn xin quy y, nay đặt pháp danh cho cô ta là Huệ Anh, nghĩa là: Chuyên dốc chí tu trì sẽ trở thành bậc anh thư mạnh mẽ trong nữ giới. Xin hãy nói với cô ta về đạo "hiếu thảo với cha mẹ, giúp chồng chăm sóc gia đình, dạy dỗ con để tất cả con cái đều được un đúc, giáo huấn, trở thành hiền thiện"; đấy thật sự là đạo căn bản để gia đình hưng thịnh, nước nhà bình trị vậy! Hơn nữa, bất luận Quang ở tại chỗ nào đều chẳng cần phải gởi thư, bởi đã có các sách như Văn Sao, Gia Ngôn Lục v.v… thì chẳng cần phải hỏi han phương pháp tu trì nữa! Nếu muốn làm một vị đại thông gia thì hằng ngày thưa hỏi vẫn chẳng thấm vào đâu! Ông đã một mực chẳng muốn làm một vị đại thông gia thì tôi trộm cho rằng "chẳng còn gì phải tiếc nuối, băn khoăn cả!"

Trần Vinh Quang gần đây cũng có gởi thư đến, nhưng do bận bịu, không rảnh rỗi để phúc đáp. Ông ta đã phát tâm, nay đặt pháp danh cho

---

[93] Thoại đầu là một câu nói dùng để tham cứu trong nhà Thiền, chẳng hạn *"con chó có Phật tánh hay không?"* hoặc chỉ gồm một chữ như chữ Vô. Nếu tham thoại đầu mà không hiểu rõ cách tham cứu, đâm ra chấp chặt vào câu thoại đầu, gây thành chướng ngại nên mới nói *"vừa khởi thoại đầu liền rớt vào thoại vĩ"*.

ông ta là Huệ Chương, nghĩa là: Nếu không có trí huệ sẽ lõa lồ, hèn hạ khó chịu đựng nổi. Nếu có trí huệ, sẽ như khoác long bào, có oai đáng nể, có vẻ nghiêm nghị đáng trọng. Cùng là một người mà khác biệt một trời một vực. Do vậy, người biết Phật pháp sẽ đáng tôn đáng quý, huống là [hiểu biết, tu tập] pháp môn Tịnh Độ ư? Cha ông tuổi đã cao, hãy nên khuyên cụ tận lực tu trì thì may mắn lắm thay! *(ngày mồng Mười tháng Chạp)*

572. Thư trả lời cư sĩ Giang Đức Mậu

Đọc thư của anh ông, biết ông ta học Phật là vì muốn thành một vị đại thông gia, chứ chẳng phải vì muốn tìm kế liễu sanh tử! Vì sao biết? Nếu vì liễu sanh tử thì mẹ ruột vốn là người một lòng tin tưởng niệm Phật, tuổi đã sắp tàn, sao chẳng đem pháp này khuyên cụ? Đến khi cụ lâm chung, vẫn chỉ cầu Bồ Tát chứ chẳng chịu thỉnh người trợ niệm, cho rằng [làm như vậy] sẽ khiến người đời kinh hãi! Ý niệm ấy thật đáng nực cười! Nếu sợ thỉnh Tăng [trợ niệm] sẽ khiến cho kẻ phàm tục kinh hãi, sao chính mình chẳng cùng với gia quyến đều niệm? May mắn là ông ta có tấm lòng chân hiếu; [bà cụ] được Bồ Tát gia bị, tỉnh táo muốn ngồi dậy, được thấy Bồ Tát. Lúc ấy ông ta vẫn chẳng biết bảo các quyến thuộc trợ niệm. Đến khi bảo cụ niệm A Di Đà Phật, cụ liền niệm rõ ràng một chữ A thì chính ông ta mới niệm Phật. [Ông ta] chẳng biết lợi ích của trợ niệm đến mức như thế đấy!

May mắn là ông ta nhờ có hiếu tâm thuần thành, chuyên dốc, nên cụ vẫn còn niệm được hơn một trăm chữ A rồi mới tắt hơi. Như vậy là trong tâm cụ chỉ có một niệm A Di Đà Phật, những niệm khác đều chẳng hiện tiền; cho nên cụ được nương theo Phật lực vãng sanh Tây Phương. Vì thế, chỉ riêng trán cụ còn nóng, cánh tay vẫn mềm mại. Có các hiện tượng trước - sau như thế thì cụ được vãng sanh. Do Như Lai thệ nguyện rộng sâu, bà mẹ ông ta sẵn lòng tin tưởng, lại được anh ông một niềm thuần chân, nên mới có được hiệu quả như vậy. Điều đáng tiếc là lúc bình thường trọn chẳng đề xướng, khi lâm chung vẫn chẳng biết trợ niệm, cảnh tượng [cụ mất tốt đẹp như thế] là do may mắn mà đạt được! Nếu vạn nhất chẳng đạt được thì tương lai sẽ luân hồi trong lục đạo, chẳng biết cảnh tượng sẽ ra sao?

Làm phận con, phải nên dùng pháp này để tự hành, lại còn đem pháp này khuyên lơn cha mẹ như thế nào, cũng như đem pháp này khuyên hết thảy mọi người để hết thảy mọi người đều cùng được hưởng lợi ích này.

Dùng điều này để giúp cho cha mẹ ta hễ chưa được vãng sanh liền được vãng sanh, đã vãng sanh sẽ tăng cao phẩm sen. Nhưng muốn cho cha mẹ và chính mình cùng sanh về Tây Phương thì hành vi ắt phải chẳng trái nghịch Phật pháp, như giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành, kiêng giết, bảo vệ sanh mạng, hiểu nhân rõ quả. Kẻ làm được như thế thì sống sẽ là học trò của thánh hiền, chết lên bờ cõi Như Lai. Tuy nói *"hãi thế kinh nhân"* (khiến cho con người trong cả cõi đời kinh hãi), nhưng quả thật chỉ là chứng được cái ta vốn sẵn có! Hãy nên đem lời này nói với anh ông.

Người học Phật tâm thật, hạnh thẳng, hễ trong lòng có ý niệm sợ bị kẻ khác chê cười thì chưa phải là kẻ thật sự tin tưởng Phật pháp *(Tôi không nhớ ông đã có đọc bài Khuyến Tu Tịnh Độ Văn rồi hay không?)* Lịch Sử Cảm Ứng Thống Kỷ ước chừng giữa tháng Mười sẽ sắp chữ xong, cuối tháng Mười Một sẽ có thể in ra ba ngàn mấy bộ. Trong một lúc thì không thể hoàn tất một vạn bộ được! In xong một vạn bộ đầu tiên, sẽ in tiếp một vạn bộ nữa, tổng cộng là in hai vạn bộ. Lại còn phải sắp chữ một bản chữ nhỏ theo cỡ Tứ Hiệu Tự in bằng giấy báo để tiện cho các học sinh trong nhà trường có thể mua về đọc. Sách này tập hợp những sự tích cảm ứng trong hai mươi bốn bộ sử, kèm theo lời bình luận của ông Hứa Chỉ Tịnh, đáng để vãn hồi thế đạo nhân tâm. Vì thế, Quang chắc tiếc tinh thần sức lực tìm cách truyền bá. Nếu ông muốn có bộ sách ấy, vào đầu tháng Chạp hãy sang chùa Thái Bình hỏi thầy Minh Đạo. Lúc ấy Quang đã diệt tung tích rồi! *(Ngày Hai Mươi Bảy, viết dưới đèn)*

573. Thư trả lời cư sĩ Chương Đạo Sanh (thư thứ nhất)

Nhận được thư, biết ông phát tâm dũng mãnh, khôn ngăn vui mừng, an ủi. Chỉ nên chuyên chú lấy "suốt đời ăn chay, nhất tâm niệm Phật" làm hành vi duy nhất không hai, quyết chẳng còn sửa đổi. Không ăn dầu muối ư? Bất tất phải như thế! Trong những cấm chế do đức Phật lập ra, không nói đến chuyện này, còn ngoại đạo chắc có. Chỉ tùy duyên là được rồi, mặn - nhạt trọn chẳng phân biệt. Chẳng "vì nhạt mà sanh lòng hiềm, hễ mặn lại đâm ghét" thì chính là pháp môn giải thoát.

Niệm Phật phải phát chí thành tâm, thâm tín tâm, hồi hướng phát nguyện tâm *(nghĩa là đem công đức niệm Phật của chính mình hồi hướng cho hết thảy chúng sanh trong pháp giới đều cùng được vãng sanh Tây Phương).* Nếu có những tâm ấy, công đức sẽ vô lượng. Nếu chỉ vì một người mà niệm

thì tâm lượng nhỏ hẹp, công đức cũng nhỏ hẹp! Ví như [thắp] một ngọn đèn thì chỉ có ánh sáng của một ngọn đèn. Nếu chịu xoay vần thắp cho những ngọn đèn khác thì ánh sáng của trăm ngàn vạn ức vô lượng vô số ngọn đèn sẽ chẳng thể nào thí dụ được; thế nhưng ánh sáng của ngọn đèn ban đầu cố nhiên chẳng bị hao tổn gì! Người đời chẳng biết nghĩa này nên chỉ biết tự tư tự lợi, chẳng muốn cho người khác hưởng lợi ích ấy.

Lao ngục chính là đạo tràng ép người thoát khổ. Nếu ông không vào nhà tù ấy, sợ rằng hằng ngày sẽ theo đuổi thanh, sắc, vật chất, lợi lộc, còn tâm tánh sẵn có của chính mình lại bỏ mặc, chẳng buồn hỏi tới! Nay ông may mắn có được khoảng thời gian mười bốn năm dài chẳng phải dính líu đến hết thảy chuyện nhà hay chuyện trong xã hội, chuyên nhất tu đạo. Đến khi hết kỳ hạn, ra khỏi nhà tù thì tuy [bề ngoài] vẫn là con người cũ nhưng [thực chất] đã không phải là con người cũ nữa, sẽ có thể thực hiện sự chỉ dạy rộng lớn, khiến cho quyến thuộc của chính mình và thân thích, bằng hữu đều cùng được gội pháp trạch, quả thật là may mắn không chi lớn bằng!

Ở trong ngục cũng chẳng cần phải xem nhiều. Hãy đọc kỹ càng những sách do Quang đã gởi hai lần trong năm ngoái và gởi một lần trong năm nay, y theo đó để hành thì đã dư thừa lắm rồi! Nếu nhiều sách, tâm sẽ chia thành ngõ rẽ, đến nỗi chẳng được lợi ích. Hiểu nhân, rõ quả, ăn chay, niệm Phật chính là nghĩa trọng yếu để tự lợi, lợi tha. Cần phải hành xử theo đúng địa vị, chẳng oán, chẳng hờn, thì mới thật sự đạt được lợi ích nơi Phật pháp. Xin hãy thường gắng sức thì may mắn lắm thay!

Người đời bệnh khổ phần nhiều do sát nghiệp trong đời trước cảm vời. Bất luận là bệnh gì, nếu có thể khẩn thiết, chí thành niệm Nam Mô A Di Đà Phật và thánh hiệu Nam Mô Quán Thế Âm Bồ Tát, chắc chắn sẽ tiêu trừ túc nghiệp, tăng trưởng thiện căn, bệnh sẽ tự lành. Dẫu đã hết tuổi thọ thì chết đi sẽ sanh trong đường lành, chẳng đến nỗi đọa lạc. Nếu biết pháp môn Tịnh Độ, có chân tín nguyện thì còn có thể vãng sanh Tây Phương liễu sanh thoát tử; nhưng người đời chẳng biết lý sâu, hãy nên dùng những chuyện thật để bảo ban trước!

Con ông Phương Văn Niên ở Cữu Thự Phương *(địa danh)* thuộc huyện Trấn Hải, tên là Tử Trọng, vào năm trước, tròn mười chín tuổi, bị ung nhọt trong ruột, [thầy lang] Trung Y không trị được, [bác sĩ] Tây Y nói: "Nếu không mổ sẽ chẳng trị được!" Cha mẹ anh ta không chịu, liền chẳng trị. Bà mẹ là người thông văn lý, do đọc Ấn Quang Văn Sao liền ăn chay niệm Phật, cả nhà lớn nhỏ kể cả đầy tớ đều thường ăn chay; chỉ có Văn Niên là vẫn chưa hoàn toàn ăn chay, nhưng đã giảm bớt ăn mặn

rất nhiều. Bà mẹ cùng một u già *(bà này cực hiền, sống trong nhà họ Phương đã mấy chục năm, con bà cũng khá giả. Có đứa cháu mời về nhà sống, bà bảo 'muốn cùng với bà chủ tu hành', chẳng chịu trở về. Bà chủ cũng chẳng coi bà này như u già mà xem như bạn bè)* liều mạng niệm Phật, niệm Quán Thế Âm Bồ Tát và niệm kinh Kim Cang. Ba ngày sau [khối ung trong ruột Tử Trọng] tự vỡ, máu mủ theo đại tiện thoát hết ra ngoài, năm ngày sau hoàn toàn lành mạnh. Chí thành niệm Phật tụng kinh tiêu trừ túc nghiệp, có chuyện như vậy đó! Người đời chỉ biết tạo nghiệp, chẳng biết cách tiêu nghiệp, đáng thương quá!

Thêm nữa, ông Từ Úy Như quê ở Hải Diêm *(ông này luôn sống ở kinh đô)* do [dụng công] học rộng nên trong người bị hao tổn, bị bệnh thoát giang[94] đã hai năm mấy. Thường sau khi đại tiện phải nằm một khắc, đợi cho nó tự rút lên thì mới dám cử động. Tháng Giêng năm Dân Quốc thứ tám (1919), sau khi đại tiện, có chuyện cần thiết chẳng thể trì hoãn được, liền ngồi xe ra khỏi cửa; do bị ma sát, đoạn ruột ấy vĩnh viễn không rút lên được nữa. Suốt bảy ngày đêm đau đớn như kim đâm, không một khắc nào tạm ngừng. Suốt bảy ngày đêm không chợp mắt được. Ông ta trước kia tuy niệm Phật nhưng vẫn chẳng giảm nhẹ, bèn phát đại Bồ Đề tâm, nói: "Bệnh này khổ cùng cực, con xin chịu nhiều hơn để nguyện cho tất cả mọi người trong thế gian đừng mắc phải bệnh này" rồi bèn chí thành niệm Phật. Không lâu sau ngủ thiếp đi, tỉnh dậy bệnh đã lành. Từ đấy bệnh hết tận gốc. Ông ta gởi thư báo tin, Quang bảo: *"Bệnh ấy vốn do túc nghiệp, do các hạ dùng tâm đại Bồ Đề để tiêu trừ túc nghiệp đó nên bệnh liền dứt tận gốc!"*

Nếu biểu huynh của ông biết nghĩa này thì chẳng những bệnh trĩ được lành mà bệnh sanh tử cũng được lành. Nếu không, sẽ sống yên trong nhà hưởng phước, sống say, chết mộng, chẳng bằng ông ngồi tù lại được đại lợi ích. Cảnh không có tự tánh, tổn hại hay lợi ích do con người. Ông tin được lời tôi nói thì lợi ích sẽ khó thể tuyên nói được!

Họa - phước trong thế gian dựa dẫm lẫn nhau, chỉ do con người có khéo dụng tâm hay không mà thôi! Ông do bị tù mà được nghe Phật pháp, đấy chính là may mắn lớn lao trong khi bất hạnh. Hãy nên coi đấy là [cơ hội được] hướng dẫn tốt lành thì tâm càng được thanh tịnh.

Ông vẫn chưa thấu hiểu những điều kinh Kim Cang đã dạy. Kinh dạy: *"Thiện nam tử, thiện nữ nhân thọ trì kinh này (đây chính là sự lành*

---

[94] Thoát giang (bệnh lòi dom) là chứng bệnh do các cơ vòng quanh giang môn (hậu môn) bị suy yếu khiến phần cuối của ruột già (nhất là đoạn ruột gọi là Trực Tràng) bị thòng xuống hậu môn, lòi ra ngoài.

trong hiện tại) bị người khác khinh rẻ là vì tội nghiệp trong đời trước của người ấy đáng lẽ phải đọa trong ác đạo, nhưng do đời này bị người đời khinh rẻ (nghiệp chuyển theo thiện, cũng thuộc trong đời hiện tại) nên những tội nghiệp trong đời trước liền bị tiêu diệt, sẽ đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác (đây là chuyện trong vị lai, nghĩa là do đây mà được, đừng tưởng là ngay trong hiện tại sẽ liền được như thế)". Thiện nam nữ thọ trì kinh này, đấy chính là điều lành trong đời này. Bị người khác khinh rẻ là do nghiệp trong đời trước. Nhưng do bị người khác khinh rẻ mà tiêu diệt được những ác nghiệp trong địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, lại còn sẽ đắc Phật Quả Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Ấy chính là dùng thiện nghiệp để chuyển ác nghiệp, khiến cho quả báo trong đời sau biến thành quả báo trong đời này, báo nặng chuyển thành báo nhẹ.

Ông tưởng nhà tù là ác đạo thì sai mất rồi! Nhà tù thuở xưa khổ sở chẳng thể nói nổi, nhà tù ngày nay giống như bế quan, đâu có khổ sở gì! Những kẻ không ở trong tù phải bôn ba, bận bịu, những kẻ mưu cầu cơm áo nhưng chẳng được, chẳng biết là bao nhiêu! Nếu tri túc thì nhà giam là tòa nhà hưởng phước (phước đường). Nếu không tri túc, dẫu giàu có vàn muôn, sang quý tột bậc thì vẫn là hằng ngày sống trong địa ngục đó thôi!

Con người sống trong thế gian, dẫu tuổi rất thọ, vẫn là chớp mắt liền qua! Nếu chẳng tự gắng sức thì phần nhiều sẽ đều đọa lạc trong ác đạo. Muốn lại được mang thân người, thật chẳng phải là chuyện dễ dàng. Ông nay có thể biết sai sửa lỗi, tận lực tu Tịnh nghiệp thì vẫn còn thể cách vật *(tức là sửa đổi mình, chứ không phải là trừ bỏ những vật bên ngoài)*, trí tri (đạt đến sự thấy chân chánh không bị lệch lạc cong vạy vì dục vọng, tri kiến tà vạy), sống sẽ dự vào bậc hiền thánh, nghiệp tận tình không, mất sẽ về cõi Cực Lạc. Dẫu chưa thể nghiệp tận tình không, nhưng nếu đầy đủ lòng tin chân thật, nguyện thiết tha, ắt sẽ có thể nương theo Phật từ lực vãng sanh Tây Phương, như vậy là chẳng phụ đấng sanh thành, chẳng phụ sở học, cũng chẳng phụ một phen lao đao này. Đấy gọi là: *"Do họa mà được phước"*. Hãy nên phát tâm đại Bồ Đề bất thoái lâu xa thì chắc chắn sẽ đạt được lợi ích lớn lao như trên đã nói. Nếu trọn chẳng có thành kính, chỉ màu mè bề ngoài, mong được người khác khen mình là tu trì chân thật, chứ thật ra hoàn toàn là giả vờ thì sẽ không đạt được lợi ích thật sự nào cả!

Di Đà Kinh Bạch Thoại Giải được sắp chữ tại [xưởng in của] trại giam Tào Hà Kính vẫn chưa xong *(tù nhân sắp chữ khéo léo không thua gì thợ của Thư Cục)*. Lần này in một vạn bộ Văn Sao ở Hàng Châu, phải đến

tháng Mười mới có thể ra sách được! Do trước đó đã in bảy ngàn bộ An Sĩ Toàn Thư, ước chừng sẽ giao sách vào Trung Thu; lại còn in Thọ Khang Bảo Giám một vạn cuốn sẽ phát hành chung với Văn Sao. Tôi sẽ gởi cho ông mỗi thứ một gói. Nay tôi gởi cho ông một gói gồm bảy bộ Quán Âm Tụng, trước kia chắc đã có gởi rồi [hay không] tôi cũng không nhớ nữa. Có dư thì nên tặng cho viên giám đốc nhà giam, hay giám thị, hoặc những người cùng chí hướng có tín tâm, thông văn lý, biết cung kính. Tuy có các sách, vẫn phải lấy niệm Phật, niệm thánh hiệu Quán Âm làm chánh. Chớ nên chỉ đọc rồi không hành thì sẽ giống như nhìn món ăn ngon chẳng có ích gì cho cái bụng rỗng cả!

Nay đặt pháp danh cho ông là Huệ Thành vì lòng Thành là cái gốc của đạo. Kẻ chẳng thể mở rộng, sanh trưởng đạo đều do ngu si, không có trí huệ. Nếu có thể do lòng Thành mà phát khởi Minh *(Minh chính là trí huệ)*, do Minh mà hiển hiện Thành thì đạo tự được sanh. Thành chính là Minh Đức, Huệ chính là Minh vậy. Huệ lẫn Thành đầy đủ, tức là *"minh Minh Đức"* (làm tỏa rạng Minh Đức). Minh Minh Đức chính là Thành Minh. Thành thuộc về Tánh Đức, Minh thuộc về Tu Đức. Tánh Đức ai nấy đều sẵn có, nhưng Tu Đức thì có nghịch hay thuận. Nghịch thì đọa lạc, thuận bèn siêu thăng. Thuận đến cùng cực ắt sẽ viên thành Phật đạo. Chúng ta không có sức lực ấy, chỉ thuận theo cái tâm rộng hay hẹp, công phu sâu hay cạn để được các thứ lợi ích mà thôi!

Từ Bổn Mậu đã biết tu trì, sao lại không thể ăn chay trường? Ấy là vì nghĩ thịt ăn ngon lành, chẳng nỡ lòng bỏ vậy! Thử nghĩ tình trạng khổ sở, đau đớn của hết thảy những loài sinh vật khi chúng bị giết, há nỡ lòng nào vì sướng miệng mà ăn chúng hay sao? Nếu như chính thân ta lâm vào cảnh ấy, há có thể yên tâm muốn người ta giết mình để trám đầy bụng miệng họ hay chăng? Đối với đủ mọi thứ tâm hạnh tham ăn tàn nhẫn, chỉ một lời đã bao quát trọn: "Chẳng suy nghĩ!" Nếu suy nghĩ cặn kẽ, sẽ trọn chẳng dám ăn! Oán nghiệp phải do chính mình giải quyết, ông vẫn cứ muốn ăn thịt bọn chúng thì tất cả những nỗi khổ trước khi chưa chết đều chẳng đáng gọi là khổ! Đời này ăn thịt bọn chúng, tương lai ắt sẽ có ngày bị chúng ăn lại, đấy thật đáng gọi là "oán nghiệp khó kết thúc". Lời ông ta nói tựa hồ có cơ duyên tỉnh ngộ, nhưng vẫn còn muốn ăn thịt thì cái ngộ ấy chỉ là nói xuông. Nói xuông sẽ chẳng có ích lợi mảy may nào đâu! Ví như kể chuyện ăn có cứu được cái đói của ông hay chăng? Không phải là Quang ép người khác ăn chay, chỉ vì điều ông ta mong mỏi và việc ông ta làm hai đằng chẳng phù hợp nên mới tha thiết bảo ban đấy thôi!

Chị và em gái ông đều đã ăn chay trường niệm Phật, tôi nghĩ chắc là do đọc Văn Sao mà ra. Nay sẽ đặt pháp danh cho mỗi người, chị ông là Vân Khanh pháp danh là Huệ Vân, em gái ông là Hạnh Mai pháp danh là Huệ Hạnh. Nếu có thể dùng mây trí huệ để tuôn trận mưa trí huệ thấm nhuần khắp mầm đạo Bồ Đề và nương theo trí huệ để làm chuyện thuộc về bổn phận thế gian lẫn xuất thế gian *(chuyện thế gian chính là hiếu, đễ v.v… chuyện xuất thế gian chính là từ thiện, tịnh nghiệp)* thì chính là Huệ Hạnh. Nếu có huệ mà không có hạnh thì chẳng gọi là chân huệ. Có hạnh mà không có huệ thì sẽ đâm ra bị đọa lạc. Đấy là ý nghĩa chánh yếu của cái tên đã đặt vậy.

Còn đối với chuyện giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành, giúp chồng dạy con v.v… hãy nên dựa theo những điều đã nói trong Văn Sao để thuật cặn kẽ với bọn họ khiến cho hai người ấy sẽ do đây mà tiến nhập giác đạo thắng diệu của Như Lai thì sống sẽ là bậc thầy khuôn mẫu cho nữ giới, làm bậc mẫu nghi trong chốn khuê các, lúc mất sẽ giã biệt cõi Sa Bà đầy các nỗi khổ để lên cõi Phật thanh tịnh, chẳng uổng cuộc sống này, chẳng phí dịp gặp gỡ này. Xin hãy nói cặn kẽ với họ về ý này thì may mắn lắm thay. Đợi khi Gia Ngôn Lục in ra, sẽ gởi cho mỗi người một cuốn để họ tiện thọ trì.

574. Thư trả lời cư sĩ Chương Đạo Sanh (thư thứ hai)

Từ Bổn Mậu đã có thể tận lực sám hối túc khiên, trừ sạch đồ mặn tanh tưởi, đúng là chân thật tu trì, sửa lỗi cũ, từ nay hãy tu hành để mong khôi phục nguồn tâm sẵn có. Trần Quốc Phủ phát nguyện suốt đời niệm Phật, tụng kinh, chí ấy tốt đẹp lắm; nhưng cần phải phát cái tâm bất thoái lâu xa, đừng có đầu không đuôi! Nay đặt pháp danh cho Từ Bổn Mậu là Huệ Bổn, nghĩa là lấy trí huệ làm gốc, thì hết thảy những suy nghĩ, lời lẽ, hành vi đều có thể trên hợp với tâm Phật và thiên lý, chẳng đến nỗi vẫn mê muội y như cũ, tạo ác nghiệp, đọa ác đạo. Quốc Phủ pháp danh là Huệ Phủ. Phủ[95] là tiếng xưng hô đẹp đẽ vậy. Nếu có thể thống thiết sửa đổi lỗi trước, tâm giữ chánh niệm, giữ tấm lòng tốt, nói lời tốt lành, làm chuyện tốt đẹp, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành, tận lực hành những chuyện hiếu, đễ, trung, tín v.v… Lại còn chí

[95] Phủ (甫) vốn là một mỹ từ để gọi đàn ông với ý tôn trọng, chẳng hạn Khổng Tử có tên tự là Trọng Ni thì người ta thường gọi Ngài là Ni Phủ. Khi nhắc đến cha của người khác cũng thường dùng danh từ "tôn phủ".

thành niệm Phật cầu sanh Tây Phương thì mới đúng thật là Huệ Phủ. Nếu không, chỉ là hư danh mà thôi, nào có ích chi?

Cách thức đối trước đức Phật lãnh nhận quy y thì trong Văn Sao đã có nói rồi. Hãy nên dựa theo đó để nói với ông ta. Chuyện thế gian hay xuất thế gian đều lấy chân thành làm gốc, mong hãy thường phản tỉnh, quán sát lỗi mình, ngõ hầu ngày càng tiến đến chỗ cao minh. Kể từ sau khi sắp chữ Văn Sao xong vào năm ngoái, tất cả hết thảy bản thảo thư từ tôi đều nhất loạt chẳng giữ lại để mong đỡ tốn giấy, bớt việc. Thư từ mặc ông giữ lại hay vứt đi, Quang chẳng cần phải bận tâm đến nữa.

575. Thư trả lời cư sĩ Chương Đạo Sanh (thư thứ ba)

Đã lâu chưa gởi thư, chẳng biết gần đây ông tu trì ra sao. Tôi thường nghĩ đến ông. Nay gởi cho một bộ Văn Sao loại mới in. Bộ này so với bản in năm trước nhiều hơn một trăm trang. Tuy không có văn từ nào nêu tỏ lý tột cùng, nhưng lại có thể tiêu trừ từng điều nghi ngại của kẻ sơ cơ tu Tịnh nghiệp! Lại còn có một cuốn Thọ Khang Bảo Giám, hãy nên vì bọn thiếu niên mà lưu tâm đọc để trong tương lai khi ra khỏi nhà giam trở về nhà, sẽ có cái để làm gốc hòng cứu vớt hết thảy thân thích, xóm giềng [khỏi phải chết vì sắc dục].

Tánh tình ông khá thông minh, mẫn tiệp. Thường có những kẻ thông minh, mẫn tiệp sử dụng tâm tư sai lầm, chẳng những vô ích mà còn gây hại nữa; quả thật là chướng ngại cho nghiên cứu, tu trì! Vào tháng Bảy, tôi qua đất Hỗ, đất Hàng, lẩn quẩn ở đấy hơn hai tháng. Có một chàng tuổi trẻ khá thông minh, nhưng những điều anh ta thưa hỏi đều là những thứ chẳng đáng nên để ý. Thật là nực cười, đáng thương quá!

1) Hỏi: Hết thảy hữu tình đều có Phật tánh, lớn - bé tuy khác, nhưng đều sợ chết như nhau. Phàm là người phóng sanh, trước hết hãy nên chú trọng đến những loài nhỏ bé thì sẽ chẳng trái nghịch với thuyết "[cùng có] Phật tánh, sợ chết giống như nhau".

[Đáp]: Đã biết là giống nhau, cố nhiên nên tùy phần tùy sức tận lực cứu vớt, sao lại luận trước hay sau? Nếu vẫn giảng diễn thông suốt lý sự "Phật tánh giống như nhau, sợ chết chẳng khác" thì sẽ có lợi ích lớn lao. Cớ sao lại thiên chấp trước - sau?

2) [Hỏi]: Trong nước, trên không, những loài trùng bé tí vô lượng vô biên, theo một hơi thở của con người, chúng sẽ bị hút vào chẳng thể tính được số. [Như vậy thì] nghiệp báo trong tương lai làm sao có lúc kết thúc cho được? Cũng như nói đã biết con người và loài vật tuần hoàn

thì xưa nay các bậc đại Nho thông hiểu Phật lý rất nhiều, sao chẳng chế định ra luật nhằm đoạn trừ chuyện sát sanh? Lại nói: *"Hết thảy chúng sanh đều là cha mẹ trong quá khứ, là chư Phật trong vị lai, há nên giết hại, cũng chớ nên dâm dật"*; nhưng trong hôn nhân chánh thức, biết đâu cũng là người thân trong đời trước?

[Đáp]: Ba câu hỏi ấy đều phô ra trí thông minh vặt vãnh, lầm lạc tưởng đó là những sự tướng có nghĩa lý hết sức tột cùng. Chẳng những vô ích mà còn gây hại! Vì sao? Chớ nên vì chẳng thể không sát sanh những loài nhỏ tí liền muốn bỏ sạch chuyện phóng sanh những loài thô to! Ví như kẻ thích sạch sẽ, muốn chẳng dính bụi đất, nhưng xét kỹ bên trong thân thể: phân, tiểu, mủ, máu, ngoài thân là hờm (ghét), mồ hôi, tóc, lông, và muỗi, mòng, rận, rệp suốt ngày thường phóng uế trên thân ta. Do vậy nghĩ cái thân này trong - ngoài đều dơ bẩn, xấu xa, trọn chẳng khác gì nhà xí, bèn chẳng thèm sạch sẽ nữa, cứ suốt ngày vui thú trong nhà xí ư?

Còn như anh ta nói những vị quan lại nổi danh xưa nay, sao chẳng đặt ra luật lệ cấm giết hại sanh mạng loài vật, vẫn là chẳng biết pháp thế gian lẫn pháp xuất thế gian có Quyền, có Thật. Dẫu họ biết là thật, nhưng do lòng người chưa thể hoàn toàn quy y theo sự giáo hóa của đức Phật, cố nhiên chẳng dễ gì dựa theo Thật Lý để chế luật được!

[Cũng giống như] do kính tiếc chữ mà thường nói đến giấy, bởi giấy là vật dùng để viết chữ. Tuy chữ có thể viết nơi các chỗ, trên các vật, nhưng rốt cuộc vẫn chẳng nhiều bằng giấy. Vì thế, thường nói *"kính tiếc giấy chữ"!* Chứ không phải là chữ được viết trên giấy thì tiếc nuối, còn nếu [chữ] không được viết trên giấy thì đều chẳng đáng tiếc! Chữ cố nhiên nên tiếc, nhưng ý nghĩa của chữ lại càng đáng tiếc nhất! Nếu con người chẳng nương theo đạo làm người để hành xử, tức là đã quên mất tám chữ "hiếu, đễ, trung, tín, lễ, nghĩa, liêm, sỉ". Con người mà quên mất đi tám chữ ấy có còn đáng gọi là "người" hay chăng? Hãy nên dốc sức vào đấy thì cái gốc lớn lao đã thành lập, dẫu chẳng thể dứt hết những chuyện làm bẩn [chữ viết] trên hết thảy các vật, nhưng [những chữ] bị làm bẩn đã hiếm hoi hẳn đi!

Quân tử xử sự theo đúng địa vị; phàm những gì sức mình không thể làm thấu thì đều chẳng nên viện cớ "do sức không thể làm được" để phá hoại! Biết sức mình chẳng thể làm được bèn đặc biệt dốc sức nơi những gì sức mình làm được thì chính là đại thiện. Kẻ do sức chẳng thể làm nổi bèn đả phá, bài xích những người có sức làm được, bảo họ đừng làm thì chính là đại ác! Kẻ thông minh phần nhiều có thứ tà kiến ấy. Thứ ngôn

luận này Quang đã từng hay biết, tiếp xúc chẳng biết là bao nhiêu! Chỉ sợ con người chẳng khéo dụng tâm nên đến nỗi vướng lấy tội lỗi!

Do tôi nghĩ "không chừng ông vướng phải thứ tà kiến ấy, hoặc trong số những người cùng hàng [với ông] mang thứ tà kiến ấy", nếu Quang chẳng trừ khử sẵn, trong tương lai chắc sẽ đến nỗi tự lầm, lầm người. Vì thế, nói đại lược đầu mối với ông! Đối với những thứ ngôn luận tà kiến vừa được Quang chiết phục ấy, cố nhiên nếu chẳng bỏ công trọn mấy hôm sẽ chẳng thể viết đầy đủ hết được! *"Đôn đốc luân thường, khác tận kỷ phận, chư ác mạc tác, chúng thiện phụng hành"* (Giữ vẹn luân thường, nghiêm túc trọn hết bổn phận, đừng làm các điều ác, vâng làm các điều lành), mười sáu chữ ấy là cái gốc để "sống sẽ dự vào bậc thánh hiền, mất về cõi Cực Lạc". Nguyện học trò tôi kính cẩn vâng giữ, tận lực thực hiện thì may mắn lắm thay!

Lòng Thành đến cùng cực, đá vàng sẽ nứt! Hơn nữa, "thực ít, hơn dối nhiều, khéo quá chẳng bằng vụng!" Khi ông Hoàng Hàm Chi giữ chức Đài Đạo ở Ninh Ba và Thiệu Hưng, phát tâm ăn chay trường, khuyên mẹ cũng nên ăn chay. Nhưng dọn thức ăn chay ra, bà cụ chỉ ăn cơm không. Hoàng Hàm Chi gởi thư hỏi tôi phải làm theo phương cách nào; Quang dạy ông ta thay mẹ chí thành sám hối để nghiệp tiêu thì cụ sẽ ăn chay được! Chưa đầy một tháng cụ liền ăn chay trường.

Con gái ông Thích Tắc Châu mười chín tuổi, hai mắt mất ánh sáng, đưa tay ngay trước mặt cũng chẳng thấy được, gởi thư đến báo. Khi ấy, ông ta ở tại Tam Thánh Đường trên núi [Phổ Đà], được tin liền vội về nhà, đưa con gái sang ni am ở Hàng Châu. Quang bảo ông ta viết thư cho con gái, khuyên cô ta chí thành niệm thánh hiệu Quán Âm. Chưa đầy một tháng, [cô ta] liền đích thân viết thư báo tin đã lành bệnh. Một phụ nữ từ năm mười sáu tuổi bị bệnh khí đông[96], mỗi ngày ắt lên cơn hai ba lượt, lúc lên cơn, đau đớn gần muốn mất mạng, nay đã năm mươi sáu tuổi, đến xin quy y. Quang dạy bà ta chí thành niệm Quán Âm và cho một phương thuốc, tức toa cai thuốc phiện trong bộ Văn Sao, nhưng không thêm thuốc phiện. Bà ta liền sắc một liều, vừa mới uống lần đầu đã không còn đau nữa. Chữa trị đủ thầy lẫn thuốc suốt bốn mươi mốt năm mà không sao dứt được căn bệnh dai dẳng ấy, nay vừa uống thuốc một lần liền hoàn toàn bình phục! Nếu bà ta không chí thành niệm danh

---

[96] Còn gọi là Khí Thống (Đông 疼 và Thống 痛 đều có nghĩa là đau): Bệnh nhân trong bụng sanh ra rất nhiều hơi, hơi thường xung ngược lên ngực khiến bệnh nhân đau đớn. Đông Y cho rằng bệnh có nguồn gốc từ thói quen thích ăn đồ quá lạnh trong mùa Hè khiến tỳ vị bị tổn thương, nên còn gọi bệnh này là Tỳ Ngược Thống.

hiệu Bồ Tát há có gặp được phương thuốc này hay chăng?

Ba người này đều là dùng sức ít mà được hiệu quả lớn lao, là vì lòng Thành vậy! Ông than không có cách nào chữa lành căn bệnh dây dưa của mẹ, Quang trách ông sao không dùng niệm Phật để cầu cho mẹ tiêu được nghiệp? Ông liền viết là "đã lễ Phật biết bao lần, vẫn chẳng thấy hiệu nghiệm!" Do vậy tôi mới viết *"thực ít, hơn dối nhiều"*. Nếu ông thật sự chân thật lễ bái trì tụng như thế mà căn bệnh dây dưa của mẹ ông chẳng lành, Quang sẽ mù mắt, trời đất sẽ đổi ngôi, mặt trời, mặt trăng xoay ngược. Há có lẽ ấy hay chăng?

Quang sợ ông chưa thấu hiểu ý tột cùng của một chữ Thành, nên mới đặt pháp danh cho ông là Huệ Thành, [do chuyện này] liền biết lòng Thành của ông nằm trên ngọn bút chứ không phải ở trong tâm! Nếu ở nơi tâm, trọn chẳng đến nỗi tu trì như thế mà hoàn toàn chẳng được lợi ích gì! Ông muốn sống làm học trò của thánh hiền, mất đi sẽ vào cõi Cực Lạc thì cần phải hoàn toàn đem cái tâm tướng hư giả vứt ra ngoài biển khơi, nghiêm túc tu hành thật sự. Hễ nói được thì phải làm được, hễ làm không được bèn chẳng chịu nói. Được như thế thì tổ tông, cha mẹ của ông đều được rạng mày nở mặt lớn lao. Quang cũng nhờ vào công đức thật hành của ông mà tiêu trừ tội nghiệp. Nếu do Quang chẳng thể tận mắt thấy được, liền cứ tùy tiện nói dối, dẫu cho Quang tưởng là thật đi nữa, thì trời đất, quỷ thần, Phật, Bồ Tát cũng tưởng là thật hay sao? Ông đã có cái tâm ấy thì chính là bất hiếu vì đã dối cha mẹ, dối thầy, dối Phật! Đối với cha mẹ và thầy mà có thể thật sự dối trá được sao? [Chỉ là] ông tự dối mình đó thôi!

Do thấy ông còn hiểu lý, Quang mới nhiều lần cảnh tỉnh, răn nhắc! Nếu nghĩ Quang là sai, xin từ nay đừng nên thư từ qua lại nữa thì hơn! *"Quân tử khả khi dĩ kỳ phương, nan võng dĩ phi kỳ đạo"* (Có thể dùng lời lẽ hợp lý để lừa quân tử, chứ khó thể dùng lời phi lý để dối gạt

được[97]). Chẳng phải là Quang ăn nói quá gắt gao, mà là vì ông ăn nói trước - sau không phù hợp, nhưng những chuyện ấy đâu phải là do ông ở trong nhà tù rồi sẽ không thể thực hiện được! Quang tuy vô đạo đức, nhưng đã sống trên đời sáu mươi tám năm, nên rất khó thể bị dối gạt bởi những chuyện chẳng hợp tình hợp lý! Xin hãy thống thiết sửa đổi. Nếu không, sẽ là tội nhân chung thân của cả Nho lẫn Thích đấy!

576. Thư trả lời cư sĩ Chương Đạo Sanh (thư thứ tư)

Nhận được thư, biết bọn họ vẫn có thể thực hành, vui mừng, an ủi đến cùng cực! Mẹ ông bệnh đã ba mươi mấy năm, sao chẳng chí thành niệm Phật và niệm Quán Thế Âm để hồi hướng cho mẹ, và đem chuyện này khuyên vợ và con cái cũng niệm như thế? Phận làm con tu trì cho cha mẹ, nếu tâm chân thành ắt sẽ có cảm ứng lạ lùng! Hãy nên gởi thư uyển chuyển khuyên chính mẹ ông cũng niệm như thế. Nếu từ đây còn có thể sanh lòng tin, chân thật hành thì căn bệnh lâu năm sẽ trở thành bậc đạo sư hướng dẫn xuất thế.

Nay thuận theo ý ông, cũng đặt pháp danh cho mẹ ông để mong thật sự thêm một cành hoa sen trong ao bảy báu cõi Tây Phương. Nay đặt pháp danh cho cụ là Đức Siêu, nghĩa là nhất tâm niệm Phật, vượt khỏi trần lụy thế gian trong hiện tại. Do lúc chưa niệm Phật thì lòng hoàn toàn đặt nơi trần lụy; đã có thể nhất tâm niệm Phật sẽ chẳng thấy trần lụy động được cái tâm. Đấy chính là do trần lụy mà vượt trỗi được trần lụy vậy! Lâm chung vượt thoát tam giới, lên thẳng chín phẩm sen. Chẳng những không bị bệnh khổ mà còn có thể cứu vớt hết thảy chúng sanh

---

[97] Đây là một câu nói trích từ lời vấn đáp giữa Mạnh Tử và Vạn Chương trong thiên Vạn Chương Thượng của sách Mạnh Tử: *"Tích giả phất quỹ sanh ngư ư Trịnh Tử Sản, Tử Sản sử giáo nhân súc trì chi. Giáo nhân phanh chi, phản mạng viết: 'Thỉ xả chi, ngữ ngữ yên, thiểu tắc dương dương yên, du nhiên đắc thệ'. Tử Sản viết: 'Đắc kỳ sở tai, đắc kỳ sở tai!' Giảo nhân xuất, viết: Thục vị Tử Sản trí? Dư ký phanh nhi thực chi, viết: đắc kỳ sở tai, đắc kỳ sở tai. Cố quân tử khả khi dĩ kỳ phương, nan võng dĩ phi kỳ đạo"* (Xưa kia chợt có người đem cá sống biếu cho Tử Sản nước Trịnh. Tử Sản bảo người hầu đem thả trong ao nuôi cá. Người hầu bèn đem nướng rồi trở về thưa: "Lúc mới thả, cá nằm ngoi ngóp, một lúc sau bèn sống động, tung tăng bơi đi mất rồi". Tử Sản nói: 'Nó đã đến được chỗ sống yên vui rồi! Nó đã đến được chỗ sống yên vui rồi!' Người hầu đi ra, nói: "Ai bảo Tử Sản có trí? Ta nướng ăn mất rồi mà còn nói: 'Nó đã đến được chỗ sống yên vui rồi! Nó đã đến được chỗ sống yên vui rồi!' Do vậy, có thể dùng lời lẽ hợp lý để lừa quân tử, chứ khó thể dùng lời phi lý để dối gạt được). Chúng tôi dịch đoạn văn này theo cách giải thích của Tứ Thư Bạch Thoại Giải.

bệnh khổ cùng lìa các khổ, cùng hưởng các sự vui.

Phận làm con phụng sự cha mẹ, lấy hầu hạ, phụng dưỡng làm nền tảng ban đầu, lấy lập thân hành đạo làm cái gốc lớn lao. Nếu trong tâm khởi lên tà niệm, đấy chính là bất hiếu! Hãy nên lập tức sám trừ cho sạch, ngõ hầu tâm này không lúc nào, không niệm nào chẳng xứng với thiên địa quỷ thần, ấy là nền tảng đã lập. Lại còn dùng lòng tín nguyện niệm Phật, công phu chân thật, thiết tha, thì sống sẽ dự vào bậc hiền thánh, mất về cõi Cực Lạc, ai ngăn cản được?

Nếu như miệng nói tu trì, tấm lòng chẳng lành, muốn mạo danh "chánh nhân quân tử, chân thật tu trì" thì sẽ trở thành gã chân tiểu nhân mưu mẹo, man trá, vô liêm, vô sỉ! Vốn muốn khinh người, rốt cuộc trở thành tự khinh! Những kẻ như thế đều vốn là hạng đại thông minh, có bản lãnh lớn lao, há chẳng đáng buồn quá đỗi ư? Ví như [gươm báu] Can Tương, Mạc Da[98] chặt ngọc như bùn, đem dùng để chặt bùn thì bùn chẳng thành được gì, chỉ hao hụt sức bén nhọn! Nguyện ông thấu hiểu lời Quang, dốc lòng thực hiện thì thánh hiền, Phật, Bồ Tát, há lẽ nào chuyên ở tận đâu đâu, chẳng ở tại nơi ta ư?

Kinh Thư nói: *"Chỉ vì thánh mất niệm mà thành cuồng, chỉ do cuồng khắc chế được ý niệm mà thành thánh"*. Kinh Phật dạy: *"Trong thế gian có hai hạng người mạnh mẽ, một là tự chẳng tạo tội, hai là gây tội rồi biết hối"*. Sửa lỗi chẳng tiếc nuối chính là phương cách để mong thành thánh của Nho gia; bộc bạch tội khiên chính là điều trọng yếu để đệ tử Phật khôi phục cái gốc. Thư từ mấy năm, ông vẫn chưa thể bày tỏ lỗi mình lần nào! Do Quang thấy ông còn chịu phát tâm tu hành nên cũng không truy tới quá khứ của ông, vẫn viết thư, tặng sách cho ông, mong ông sống sẽ dự vào bậc thánh hiền, mất sẽ lên cõi Cực Lạc. Nào biết ông vẫn giả dối tô chuốt lời lẽ, mà vẫn chẳng thấy đó là dối người!

---

[98] Can Tương, Mạc Da là tên hai thanh kiếm báu được đúc từ thời Chiến Quốc. Theo Chiến Quốc Sách, Can Tương là người nước Ngô, sống vào thời Xuân Thu, rất giỏi đúc kiếm. Mạc Da là vợ ông ta. Vua Ngô là Hạp Lư sai Can Tương đúc kiếm, nhưng nấu mãi sắt không chảy. Mạc Da thấy vậy bèn tắm rửa sạch, nhảy vào lò, sắt liền chảy tan. Nhờ đấy, Can Tương đúc thành hai thanh kiếm sắc, thanh trống (hùng kiếm) đặt tên là Can Tương, thanh mái (thư kiếm) đặt tên là Mạc Da.

Nay thấy ông nói trước kia đã từng tịnh tọa ba năm, đối với Tinh Thần Học[99] khá có tâm đắc khiến Quang đau lòng! Ông đã có thể như thế, sao lại làm những thứ hành vi như thế. Một năm là đã quá nhiều, huống chi lại mấy năm! Mười mắt, mười tay[100], cùng thấy, cùng nghe, tính muốn dối Quang há có được chăng? Ông thấy thư này nếu có thể thống thiết sửa đổi tâm trước thì vẫn chưa trễ tràng. Nếu không, tôi sẽ vĩnh viễn tuyệt giao, mặc cho ông đạo học cao siêu trùm lấp cõi đời, Quang chẳng can dự!

Con người với tấm thân chỉ bảy thước lại sánh với trời đất cùng mang tiếng là Tam Tài là vì có thể thay cho trời giáo hóa, tham dự giúp đỡ sự sanh thành dưỡng dục của trời đất. Nếu không, con người xấu hèn hơn cầm thú đến trăm ngàn lần! Vì thế, Mạnh Tử nói: *"Kỳ cơ hy"* (chẳng khác chi lắm)[101], há nào phải chỉ *"kỳ cơ hy"* mà thôi! Trước đây, nhà tù Tào Hà Kính gởi tới hai ngàn cuốn kinh do ông Sài Dã Ngu đặt in, nay tôi bảo gởi mười cuốn để làm hướng dẫn cho những liên hữu cùng ở [trong trại giam]! Mong ông hãy suốt đời đọc thuộc lá thư Quang gởi cho ông Ngu thì sẽ do ngay nơi "phước đường" *(nhà tù, thời cổ gọi trại giam là Đường)* này liền đạt đến cõi Cực Lạc.

Nay gởi cho ông một gói An Sĩ Toàn Thư, một gói Thọ Khang Bảo Giám gồm hai mươi lăm cuốn, Văn Sao thì đã bảo Chiết Giang Ấn Loát Công Ty gởi cho ông ba gói sách để tặng cho chú bác trong nhà ông và

---

[99] Tinh Thần Học (Noology) là một môn học chuyên nghiên cứu tâm lý, tinh thần căn nguyên của con người, được coi như một trong những môn học mở đường cho Tâm Lý Học sau này. Từ ngữ này vốn ghép từ hai chữ Nous (tâm trí) và Logos (lý luận, học thuật) trong tiếng Hy Lạp. Ngày nay, Tinh Thần Học là một môn học cố gắng nghiên cứu và hệ thống những cơ cấu, nguyên lý dẫn đến sự hiểu biết cũng như những hiện tượng tinh thần, sự tư duy, hình thành khái niệm, hình ảnh trong tâm lý con người v.v… Sở dĩ Tổ quở trách ông Chương Đạo Sanh vì ông này khoe đã dụng công nhất tâm niệm Phật để cầu được nhất tâm nhưng lại tu pháp tịnh tọa của ngoại đạo, nghiên cứu tràn lan khiến cho tâm rối loạn, nhất là sa đà vào những lý luận nhị nguyên của khoa Phân Tâm Học Tây Phương trong khi chưa hiểu sâu xa về Tịnh Độ. Do vậy, những gì ông ta khoe dụng công nhất tâm niệm Phật, buông xuống vạn duyên v.v… đều chỉ là những lời khoe khoang đầu môi chót lưỡi mà thôi!

[100] Đây là một thành ngữ *"thập mục cộng chiêm, thập thủ cộng chỉ"* (mười mắt cùng trông, mười tay cùng chỉ), ý nói chuyện rõ rành rành, không giấu vào đâu được nữa!

[101] Đây vốn một câu nói trong sách Mạnh Tử, thiên Ly Lâu Hạ: *"Nhân chi sở dĩ dị ư cầm thú giả cơ hy, thứ dân khử chi, quân tử tồn chi"* (Con người chẳng khác cầm thú cho mấy, chỉ khác ở chỗ bẩm tánh có nhân nghĩa, nhưng kẻ tầm thường vứt bỏ thiên tánh ấy, còn bậc quân tử gìn giữ được). Chúng tôi dịch câu nói này theo cách giải thích của Tứ Thư Bạch Thoại Giải.

các huynh đệ đọc; nhưng cần phải răn nhắc họ cung kính, đừng khinh nhờn. Nếu chẳng thể đọc được xin hãy tặng lại cho người thông văn lý, có tín tâm, ngõ hầu chẳng đến nỗi do phước mà mắc họa! Những điều khác không rảnh rỗi để nhắc đến, chỉ đọc kỹ trong Văn Sao sẽ tự có cái để làm khuôn phép. Lá thư gởi cho Sài Dã Ngu có thể coi như là giáo huấn thiết thực cho hết thảy mọi người mong thành thánh, thành hiền, học Phật, học Tổ, chứ không phải chỉ là giáo huấn thiết thực dành riêng cho kẻ sống trong Phước Đường!

577. Thư trả lời cư sĩ Thí Tông Đạo

Ba hôm trước nhận được di cảo của cha ông, biết nhà ông tổ đức rất sâu. Làm phận con muốn cho cha mẹ được vẻ vang, hãy nên lấy giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành làm gốc. Nếu không, dẫu cho tổ phụ công đức mỗi mỗi đều chói ngời, nhưng thân ta chẳng hành đạo, đâm ra khiến cho cha mẹ bị nhục! Nước ta loạn lạc từ xưa đến nay chưa từng có, cái gốc họa là vì Trình - Châu đả phá nhân quả, cho là "Phật gạt gẫm ngu phu, ngu phụ!" Lại còn hiểu *"trí tri cách vật"* sai be sai bét! Bác nhân quả thì không có cái gốc để trị quốc, trị dân. Hiểu sai *"cách vật"* thành "thấu hiểu cùng tận lý của mọi sự vật trong thiên hạ" thì mấy ai có thể làm được!

Trong bản Tục Biên Di Cảo của cha ông đã giảng: [Đạt đến] *"trí tri"* là do nơi *"cách vật"*, giảng giải khá rộng rãi, nhưng thật ra vẫn chưa phải là căn bản để thành ý chánh tâm; bởi lẽ, chữ Vật ấy chỉ cho những tư dục trong tâm. Một khi trừ được tư dục trong tâm rồi thì đúng đúng, sai sai, trọn chẳng lầm loạn! Hễ có tư dục thì chẳng biết được lẽ chánh, như gã yêu vợ thương con, dẫu vợ con không tốt, hắn trọn chẳng biết là không tốt, do vì tư dục yêu mến đã ngăn chướng, che lấp chân tri rồi! Trình - Châu hiểu sai [chữ "vật" trong "cách vật"] là "ngoại vật" (vật chất ở bên ngoài cái tâm) nên chỉ nói đến chánh tâm thành ý, chứ không nhắc đến "trí tri cách vật". Hễ lầm lẫn chỗ này thì ai nấy chẳng dụng công nơi trừ khử tư dục. Đấy chính là một sự đại bất hạnh cho nền học thuật của nước ta!

Cụ cố của ông là bậc quân tử tận tụy thực hành, ba anh em ông hãy nên vâng theo đức của người đời trước mà tận lực hành thiện pháp thế gian lẫn xuất thế gian để tự lợi, lợi người thì trên là làm rạng mày nở mặt cụ cố, dưới là tạo khuôn mẫu tốt đẹp cho con cháu, mà cũng làm gương

mẫu tốt đẹp cho cả làng, cả ấp. Sự vinh hiển ấy làm sao diễn tả cho xuể? Chị ông là Thanh Liên thật hiền, điều này có thể thấy qua lời răn dạy của cha ông. Do đấy biết nề nếp giáo dục trong gia đình của cha mẹ ông; cố nhiên Quang nào dám múa lưỡi! Nhưng cha con ông đã coi Quang là thầy, nên chẳng ngại gì dùng thân phận một vị thầy để khuyên răn, khích lệ!

578. Thư trả lời cư sĩ Tế Huệ

Sáu mươi mấy tuổi! Chẳng còn là khách lâu ngày trong cõi đời nữa đâu! Hãy nhất tâm niệm Phật, cầu sanh Tây Phương, [tha thiết, chân thành] như chôn cha mẹ, như cứu đầu cháy. [Đặt cho ông] pháp danh là Tông Huệ, nghĩa là dùng pháp này để cứu vớt khắp hết thảy. Quang già rồi, mục lực lẫn tinh thần đều chẳng đủ, chẳng thể viết khai thị tường tận. Nay gởi cho ông hai gói sách, xin hãy chí thành cung kính đọc thì không mối nghi nào chẳng cởi gỡ, có nguyện gì đều được! Từ nay về sau đừng gởi thư đến nữa, do tôi không có sức để thù tiếp!

579. Thư trả lời cư sĩ Tông Nghĩa

Chuyện thọ giới tùy theo ý nguyện của mình. Thọ lại cũng được, mà không thọ lại cũng chẳng sao. Ông muốn đắp y thì hãy nên tuân theo cấm chế của đức Phật mà mặc mạn y, đừng dùng y năm điều. Mạn y chính là loại y gồm năm miếng dài[102], còn y năm điều là y gồm [năm miếng dài ghép lại, nhưng mỗi miếng lại cắt ra] thành [hai miếng] một miếng dài, một miếng ngắn. Hiện thời phần nhiều sử dụng bừa bãi!

Người tại gia không nhất định phải đắp y; nếu [đắp y sai loại] trái với cấm chế của đức Phật, chẳng thà không đắp y có tốt hơn hay không? Đối với chuyện đốt hương trên đỉnh đầu hay trên cánh tay vốn là nhằm để phát tâm cúng Phật, chứ không phải là đốt hương để thọ giới! Xin hãy chú trọng chân tu, đừng chỉ mong cầu nơi hình thức hư danh thì may mắn lắm thay!

580. Thư trả lời cư sĩ Thang Cẩm Trung

---

[102] Do thời ấy khổ vải quá hẹp nên Mạn Y (y trơn) phải may ghép bằng năm miếng vải dài mới đủ kích thước tấm y. Nhưng năm miếng ấy không được cắt nhỏ theo chiều dọc kẻo trở thành Y năm điều. Nay thì mạn y được may bằng cả một khổ vải, không còn loại Mạn Y năm miếng nữa.

Ngày Hai Mươi Tám tháng Ba, Quang nhận được thư của ông Vương Hải Tuyền từ bưu cục Nhị Giáp ở Hải Môn gởi đến, cho biết bọn ông X… đã vâng theo lời phủ dụ từ đàn cầu cơ, liên lạc các giới nông, công, thương, giáo dục, quân đội, chánh khách trong bốn huyện Nam Thông, Hải Môn, Khải Đông, Như Cao, thiết lập đạo tràng cầu cho thế giới hòa bình, đã thành lập được mấy chục nơi. Quang bảo ông Vương: "Từ nay trở đi, bất luận người đã quy y hay chưa quy y trong bốn huyện ấy tôi đều chẳng trao đổi thư từ với họ. Dẫu họ có gởi thư bảo đảm tới, tôi cũng để nguyên thư trả lại nhằm khỏi bị bọn X… lôi kéo Quang vào chuyện cầu cơ! Bởi lẽ, các cơ quan Phật giáo trong bốn huyện đều bị bọn chúng hiệu triệu, Quang chẳng lọt bẫy chúng! Người đời sau sẽ chẳng thể đem chuyện cầu cơ hoại loạn Phật pháp bắt tội Quang được!"

Ngoài thư xin quy y ra, các hạ chưa nêu rõ tên huyện. Nếu ghi rõ tên huyện, thư sẽ bị gởi trả lại, quyết chẳng bóc ra. Nay đã bóc ra xem, thấy ông đã lôi kéo được ba người giới thiệu, có thể thấy được lòng Thành; do vậy bèn đặt pháp danh là Huệ Chánh, nhưng vẫn để nguyên thư [của những người giới thiệu] gởi trả lại để lần sau họ khỏi gởi thư tới nữa!

Ông X… vốn là bậc quân tử hậu đức, hồi còn dạy dỗ học sinh trong ngành giáo dục, do dụng tâm quá độ bị bệnh[103], thuốc Tàu lẫn thuốc Tây đều chẳng thể chữa lành, có người bạn khuyên niệm Phật, liền dần dần khỏi bệnh. Năm Dân Quốc 11 (1922), Quang từ Phổ Đà đến chùa Thái Bình ở Thượng Hải, ông ta thường đến thăm. Năm sau, ông ta trở về quê khuyên người khác ăn chay niệm Phật có cảm ứng lớn lao. Mười mấy năm qua vẫn chưa biến đổi. Gần đây mê đắm chuyện cầu cơ, Quang biết được bèn cực lực chỉ rõ điều lợi lẽ tệ của việc cầu cơ, nhưng ông ta đã được [những linh quỷ giáng cơ mạo danh thần tiên] khen ngợi đến nỗi mất trí điên cuồng, chẳng những không nghe lời Quang khuyên mà còn đem thư Quang đốt đi. Cuối thư Quang gởi cho ông ta có câu: *"Nếu chẳng coi lời Quang là đúng thì hãy giao cho ngọn lửa"*. Ông ta viết thư trả lời Quang: *"Tôn dụ[104] đọc xong liền giao cho ngọn lửa"*, lại còn

---

[103] Theo những điều nói ở đây thì ông X… chính là Giang Dịch Viên. Thoạt đầu Giang Dịch Viên nhiệt tình tin tưởng Tịnh Độ, lập Phật Quang Xã ở Vụ Nguyên, đề xướng rất tích cực, viết rất nhiều sách có giá trị. Về sau do mê cầu cơ đến nỗi coi tổ Ấn Quang là người ương bướng, không nghe theo "thánh giáo" của "chư Phật, chư tiên"!

[104] Do ông ta tôn tổ Ấn Quang làm thầy, nên lời lẽ trong thư của Tổ được coi như lời thầy nhắc nhở, dạy dỗ học trò, nên dùng mỹ từ là *"tôn dụ"* (lời răn dạy, phủ dụ tôn quý).

gởi mấy bài cơ bút khen ngợi Quang, muốn mê hoặc Quang. Quang bảo: *"Bậc thánh nhân đắc đạo, quyết chẳng khen ngợi người khác quá lố như thế! Do một chuyện này, có thể biết đấy là linh quỷ giả mạo!"* Sau khi đem nguyên thư gởi trả lại, ông ta lại gởi mấy bài [cơ bút] nữa! Quang nói: *"Tuy họ khen ngợi Quang, càng khiến Quang chán ngán. Ai có chí nấy, mỗi người thấy đúng - sai mỗi cách. Từ nay về sau, đừng gởi cho tôi một chữ nào nữa!"*

Quang không có sức hoằng pháp, nào dám dùng cách cầu cơ tưởng chừng như là đúng mà [thật ra là] sai để hoại loạn Phật pháp ư? Nói đến cái lợi của cầu cơ thì những hành động tốt lành như cứu trợ tai ương v.v… quyên mộ đều chẳng được mấy. Những lời giáng cơ thì ai cũng chẳng dám trái nghịch, nhưng thật ra quá nửa là do người vịn cơ bút ngụy tạo, chứ chưa chắc đã đều phải là do linh quỷ giả mạo, huống là chân tiên ư? Còn bảo là của Phật, Bồ Tát giáng cơ thì càng chẳng cần phải nói nữa! Điều này tuy có lợi, nhưng quả thật đã dẫn khởi điều tệ. Vì thế, chẳng muốn nhận lấy cái hại của thói tệ ấy, mà ngay cả điều ích lợi của nó cũng chẳng dám nhận! Xin hãy dựa theo pháp môn Tịnh Độ để tự hành, dạy người và đưa thư này cho ba người giới thiệu xem ngõ hầu bọn họ đều biết rõ nguyên do. Đừng gởi thư tới nữa để chẳng đến nỗi lầm lẫn sanh lòng oán cừu!

581. Thư trả lời cư sĩ Huệ Hải (thư thứ nhất)

Nhận được thư đầy đủ, nhưng vì gặp đúng kỳ [thiện tín tới Phổ Đà] dâng hương nên bận rộn chẳng thể trả lời ngay được! Hôm trước, tôi đã nhờ phòng kế toán chùa Thái Bình ở Thượng Hải gởi [cho ông] một trăm bộ Văn Sao. Nếu sách sắp hết thì có thể giảm số lượng xuống một nửa, đều gởi bằng thư bảo đảm; họ sẽ gởi ngay. Nếu ở Tân Giang có nhiều người muốn thỉnh thì khi Quang sang Thượng Hải sẽ gởi một trăm bộ nữa để mong kết duyên, khoản tiền ấy không cần phải gởi trả! Nhưng ai có thể đứng ra in Quán Âm Bồ Tát Tụng thì không nguyện nào chẳng được chu toàn, sẽ dần dần cảm hóa được quyến thuộc, lâu ngày họ sẽ đều được cảm hóa mà không hay không biết; nhưng điều ấy tùy thuộc cái tâm của chính mình có chân thành hay không? Nếu chính mình vẫn theo thói sáo rỗng, bày vẽ giả dối bề ngoài thì sẽ không có sức cảm hóa, ngược lại còn chuốc lấy nỗi nhục bị phỉ báng. [Bởi lẽ], pháp thế gian hay xuất thế gian đều lấy thân làm gốc!

Thư từ bình thường chỉ nên dùng những chữ dễ nhận biết là được rồi, cần gì phải cố ý dùng từ ngữ tinh xảo, bóng bảy, đến nỗi người đọc không hiểu trọn vẹn! Hết thảy những thiện sự đều xin tùy hỷ, [làm được những việc ấy] quả thật là đại Bồ Đề tâm. Đợi sau này khi có lúc rảnh rỗi, sẽ trình bày cặn kẽ nhân duyên thành lập Viện Mồ Côi chùa Pháp Vân, xin ông hãy tùy tâm tán trợ. Trong Văn Sao đã có hai bài sớ về chuyện này, [đọc hai bài sớ ấy] chắc sẽ hiểu được ý [của những người đứng ra xướng suất]. Chuyện ấy không do Quang đề xướng mà do các vị như Ngụy Mai Tôn v.v… *(Mai Tôn giữ chức quan Hàn Lâm vào đời Thanh trước kia, đến thời Dân Quốc bèn ẩn cư, đủ biết tánh tình khẳng khái của ông ta)* lôi kéo Quang vào đấy để giúp phần náo nhiệt vậy!

582. Thư trả lời cư sĩ Huệ Hải (thư thứ hai)

Nhận được thư đầy đủ. Ông nói đến bệnh cũ, chắc đã lành hẳn rồi. Đã nhận được hối phiếu, đừng lo. Sự vãng sanh của Không Tam tuy kỳ lạ, nhưng thật ra hết sức bình thường, chẳng có mảy may lạ lùng, đặc biệt gì! Như người trở về nhà, hễ muốn đi liền đi. Nếu trước hết chẳng quét dọn tâm địa cho sạch sẽ thì sẽ bị nghiệp lôi kéo, chính mình cũng chẳng thể làm chủ được mảy may nào, chỉ đành theo nó đi. Chuyện ấy nếu là thật thì ngài Đế Nhàn và sư Đàm Hư sẽ tự ghi chép để làm rạng rỡ môn đình, chẳng cần đến ông và tôi nhọc lòng lo thay cho họ!

Còn đối với chuyện cưới gả của con cái hiện thời thì một khi nó đã tự quyết định, chỉ đành thuận theo nó. Nếu không, sau này bọn chúng chắc sẽ buông lời oán trách. Tuy nói là "không thốt ra lời oán trách nào", nhưng một mai tình yêu gần cạn thì những kẻ ly hôn, đi lấy người khác chẳng biết số đến bao nhiêu! Nước nhà sắp hưng thịnh thì luân thường, kỷ cương ắt sẽ chấn hưng; nước nhà sắp suy bại ắt luân thường, kỷ cương sẽ lỏng lẻo, bỏ phế! Đã chẳng nói gì đến luân thường, kỷ cương, thì còn nói gì đến gia giáo nữa? Gia giáo (giáo dục trong gia đình) đã không có thì đất nước há có người hiền được ư? Đấy là một điều đại bất hạnh cho nước ta! Nếu chuyện con cái đã xong xuôi rồi thì hãy để mặc cho chúng nó tự chủ trương nhằm chống đỡ thể diện theo kiểu mới của bọn chúng! Chúng ta hãy chuyên tâm niệm Phật để tu pháp môn cũ kỹ của chúng ta thì đôi bên đều được thoải mái, ngõ hầu chẳng đến nỗi phải lo lắng quá sức về chuyện con cái để rồi đại sự sanh tử của chính mình xôi hỏng bỏng không!

583. Thư trả lời cư sĩ Huệ Hải (thư thứ ba)

Niệm kinh, niệm Phật đều có thể siêu độ vong nhân. Chỉ có điều niệm Phật thì có thể không gián đoạn, chứ niệm kinh chẳng thể không gián đoạn như niệm Phật được! Hơn nữa, niệm kinh tốn sức hơn niệm Phật. Do vậy, Quang thường khuyên người khác niệm Phật. Ông phát nguyện niệm Địa Tạng Kinh rất tốt.

Gần đây, Mai Tôn rất chân thật niệm Phật, lo toan thực hiện những nghĩa cử tốt lành. Nói ông ta xuất gia chính là lời đồn. Chí thành, cung kính quả thật là cái gốc để mong thành hiền, thành thánh, học Phật, học Tổ. Hễ tâm con người chú trọng nơi cung kính thì hết thảy những cái tâm phóng túng, tà vạy, xa xỉ sẽ tự không còn do đâu dấy lên được nữa! Ông đã chân thật hành trì như thế, cũng phải nên khuyên vợ con tùy phần tùy sức tu trì thì mới đúng là đạo "tự lợi, lợi người từ thân đến sơ" ngõ hầu ai nấy tâm đều được tương ứng với Phật.

584. Thư trả lời cư sĩ Huệ Hải (thư thứ tư)

Nhận được thư cho biết Hoàng Đích Viên sẽ sang Thượng Hải thăm viếng. Ngày hôm qua ông ta có tới đây, tán gẫu về duyên do giữa Tịnh và Mật. Căn bệnh của người học Mật Tông là "muốn đắc thần thông, muốn thành Phật ngay trong thân hiện tại". Hễ hỏi đến thì ai cũng nói không có ý niệm ấy, nhưng thật ra, không một ai chẳng có ý niệm đó! Bởi lẽ, trước hết người xướng suất hướng dẫn đã dùng thần thông để thu hút, lay động kẻ khác thì người học sao lại chẳng có ý niệm ấy cho được? Ngày hôm qua có khoảng năm sáu vị, chứ không phải một mình ông Hoàng. Bọn họ có tin tưởng hay không, tôi chẳng bận tâm! Bọn họ học Mật mà hồi hướng Tịnh Độ cố nhiên là chánh lý; chỉ sợ bọn họ đã coi rẻ sự vãng sanh Tịnh Độ, chỉ muốn thành Phật ngay trong thân hiện tại thì chắc sẽ đến nỗi mắc bệnh!

Nếu bọn họ không có thứ tri kiến ấy sẽ trọn chẳng đến nỗi khen ngợi Đại Ngu[105]. Đã khen ngợi Đại Ngu tức là coi những gì Đại Ngu đã nói là lời luận nghị hết sức xác đáng! Nhưng đệ tử "thành Phật" của Đại Ngu hoàn toàn không có những biểu thị cho thấy họ đã thành Phật! Đủ thấy ông ta hứa khả người khác đã [chứng đắc] bừa bãi để mong được người đời cung kính cúng dường, tôn xưng mình là vị cao tăng đã thành Phật. Ông ta phạm đại vọng ngữ, mắc tội "đem phàm lạm thánh" quả thật chẳng nhỏ!

Chúng ta chỉ nên giữ lấy cách tu trì Tịnh Độ, nhường cho hết thảy mọi người đều được thành Phật để độ bọn ta thì may mắn chi hơn? Hai đứa con trai ông cùng đến Bắc Bình (Bắc Kinh), hãy cực lực khuyên chúng nó học hành giỏi giang. Muốn học hành giỏi giang thì trước hết phải bắt đầu bằng lập chí, lập phẩm đức, biết nhân, rõ quả. Không lập chí thì sẽ không có gì để hướng về. Không lập phẩm đức thì việc làm bị kém hèn, nhơ bẩn. Không biết nhân quả thì không thể ngăn chặn tà niệm hòng giữ được lòng Thành, ắt sẽ đến nỗi lọt vào phường tiểu nhân mà không hay biết!

585. Thư trả lời cư sĩ Huệ Hải (thư thứ năm)

Nhận được thư đầy đủ, ông đã ăn chay niệm Phật, hãy nên làm cho quyến thuộc cùng được hưởng vô thượng lợi ích ấy thì mới là đạo tự lợi, lợi tha. Thế đạo hiện thời là thế đạo hoạn nạn. Nếu chẳng tu trì sẵn, rốt cuộc chẳng biết sau này sẽ nguy hiểm ra sao! Nếu có thể chí thành niệm Phật và niệm Quán Âm thì sẽ được gia hộ ngấm ngầm. Trước đây, tôi sợ Văn Sao đã phát ra hết, nay thầy Chân Đạt từ chùa Thái Bình trở về núi,

---

[105] Đại Ngu tên thật là Lý Thúc Bồi (còn có tên là Lý Tông Đường), quê ở Vũ Hán. Thoạt đầu xuất gia tại chùa Đông Lâm ở Lô Sơn, tu pháp môn Tịnh Độ, sau nghiên cứu Giáo Học. Theo đồ tôn của Đại Ngu là Nguyên Âm lão nhân, Đại Ngu từng tu Ban Châu tam-muội đến nỗi đầu gối sưng phù, không bước đi được, nhưng vẫn tinh tấn, dùng tay bò đi để tiếp tục thực hành Ban Châu tam-muội. Tương truyền, trong khi tu tam-muội này, ông ta cảm được Phổ Hiền Bồ Tát hiện thân quán đảnh, truyền trao một loại Mật Pháp gọi là Tâm Trung Tâm Mật Pháp, tức chú pháp Đại Tùy Cầu Đà La Ni và Phật Tâm Kinh trong Đại Tạng. Sau sáu năm tu tập, ông hạ sơn và truyền dạy pháp môn này, trở thành tổ sư tông phái Ấn Tâm Tông (còn gọi là Tâm Mật), để tóc và trở lại đời sống cư sĩ. Ông ta thường hiển thị thần thông lôi kéo tín đồ. Đương thời, tín đồ đông đến năm sáu vạn người. Phái này cho tới hiện nay vẫn còn tại Hoa Lục và Đài Loan, họ tôn Vương Tương Lục làm đệ nhị tổ, Nguyên Âm lão nhân là đệ tam tổ.

cho biết hãy còn mấy trăm bộ. Nếu ông muốn kết duyên thì tôi sẽ gởi tới ba bốn chục gói *(mỗi gói là ba bộ)*, chẳng cần phải thỉnh từ Thương Vụ Ấn Quán là loại sách in bằng giấy có độ bóng.

Đối với những lời tôn kính thừa thãi thì ở nơi xa bất tiện, chẳng cần phải bắt chước theo thói tục sáo rỗng ấy. Ngay như với những bộ Văn Sao đã gởi, cũng đừng gởi tiền [thỉnh sách] tới, vì những sách ấy vốn nhằm để kết duyên. Nếu có thể khiến cho người nơi đất Cáp (Cáp Nhĩ Tân: Harbin) đều cùng sanh lòng tin thì lợi ích lớn lao thay! Đợi đến mùa Thu khi Quang sang Thượng Hải sắp chữ cuốn Đại Sĩ Tụng xong, thương lượng giá thành ổn thỏa, thích đáng, sẽ in một chương trình gởi kèm theo thư để ông tự đứng ra bỏ tiền in, hoặc khuyên người khác bỏ tiền ra in, ngõ hầu sách được lưu truyền rộng rãi thì sẽ vô cùng lợi ích.

Ông đã trì tụng các kinh như Kim Cang v.v… thì cũng chẳng cần phải bỏ [không trì tụng nữa], nhưng phải đều đem hết công đức trì kinh tụng chú hồi hướng vãng sanh thì lục độ, vạn hạnh sẽ đều trở thành trợ duyên vãng sanh. Đấy chính là viên tu vậy!

586. Thư trả lời cư sĩ Huệ Hải (thư thứ sáu)

Năm mới[106] đã đến, chúc ông đứng - ngồi hưởng phước, các duyên như ý. Ngày Hai Mươi Chín tháng Chạp, Ngụy Mai Tôn từ Nam Kinh gởi thư đến có kèm theo thư ông, cho biết đã đảm nhiệm in hơn ba ngàn cuốn Đại Sĩ Tụng, tôi cảm thấy vui mừng, may mắn khôn cùng! Ông nói đến chuyện lệ phí chuyển tiền, bưu phí v.v… thì Quang đã ứng ra rồi. Do Cáp Nhĩ Tân xa xôi, dẫu không có ai đứng ra bỏ tiền in, cũng sẽ gởi chừng đó bộ để sự giáo hóa từ bi của Đại Sĩ được biết đến rộng rãi. Món tiền ấy bất quá một hai trăm đồng, cần gì phải tính toán chi ly vậy?

Đại Sĩ Tụng đã được sắp chữ xong, tổng cộng hai trăm lẻ sáu trang, thêm hai trang ghi tên công đức, thành ra hai trăm lẻ tám trang. Mỗi bộ sẽ tốn thêm một xu thì một ngàn bộ sẽ phải tốn thêm mười đồng, nhưng

---

[106] Nguyên văn "Hiến Tuế". Hiến Tuế (獻歲) là tên gọi khác của tháng Giêng nên chữ Hiến Tuế thường được dùng trong các lời chúc Tết. Có lẽ trong mười hai tháng của Âm Lịch, tháng Giêng được gọi với nhiều tên khác nhau nhất, ngoài tên thông dụng nhất là Chánh Nguyệt ra, còn có các tên sau đây: Nguyên nguyệt, đoan nguyệt, mạnh nguyệt, chinh nguyệt, sơ nguyệt, gia nguyệt, tam vi nguyệt, tưu nguyệt, mạnh xuân, khai tuế, phát tuế, hiến tuế, phương tuế, hoa tuế, tảo xuân, xuân vương, mạnh dương, mạnh tưu, thủ dương, tân chánh, hạ chánh, thanh dương, tam dương, sơ xuân, thỉ xuân, khai xuân, đại thốc, thủ xuân, nguyên dương, chánh dương, dần nguyệt, thái nguyệt...

chẳng cần phải gởi bù khoản tiền ấy. Như sau này có ai muốn bỏ tiền ra in, hỏi tới thì hãy đem chuyện này bảo với họ để họ biết nguyên do.

Đối với khoản tiền đã gởi, nếu lần này Trung Hoa [Thư Cục] đã giao biên nhận thì thôi. Nếu như sau này có ai gởi tiền thì bất luận bao nhiêu người cũng chỉ gởi một biên lai chung cho người đứng ra gởi tiền, chẳng cần phải giao biên lai cho từng người, bởi lẽ chuyện này khác với quyên mộ để làm thiện sự. Chuyện này sẽ có sách để giao cho người ta thì cần gì phải giao biên lai nữa? Người đứng ra gởi tiền hễ nhận được biên lai liền biết món tiền đem gởi đã được giao tới nơi không bị thất lạc là được rồi! Lúc sách in xong, đa số sách ấy sẽ do công ty chuyển vận gởi đến tận chỗ ở. Xin hãy dựa theo danh sách quyên mộ để phân phát thì so ra sẽ ổn thỏa, thích đáng hơn!

Mai Tôn chẳng ở tại Thượng Hải, vì thế gởi thư của ông cho Quang, nhờ báo với Trung Hoa [Thư Cục] rằng: "Đối với chuyện ghi tên người làm công đức, hãy nên dùng biện pháp đỡ tốn giấy: Từ mười đồng trở lên thì đề tên, còn dưới mười đồng thì chỉ ghi tổng cộng in bao nhiêu bộ là được rồi". Do [mỗi bộ] đỡ tốn một trang giấy thì hai vạn bộ sẽ tiết kiệm được ba mươi đồng, mười vạn bộ sẽ tiết kiệm được một trăm năm mươi đồng. Huống chi đã có sách giao cho họ, chẳng đến nỗi bị dị nghị, cho là đã mất tiền xuông v.v… Nêu tên người làm công đức và số sách [đứng in] thì một là để nêu rõ thiện tâm của người đứng ra bỏ tiền in, hai là để nêu rõ người ấy đã lưu thông bao nhiêu đó cuốn.

587. Thư trả lời cư sĩ Huệ Hải (thư thứ bảy)

Hôm qua, cư sĩ Kiếm Thanh đến đây, cầm theo thư ông, khôn ngăn vui mừng, an ủi. Lễ giáo thế gian suy vi, chuyện cưới gả phần nhiều chú trọng sát sanh để phô trương, chẳng biết nam nữ lập gia đình là đầu mối của nhân luân, là chuyện vui mừng đẹp đẽ nhất. Do tổ chức cuộc lễ vui mừng tốt đẹp ấy mà đến nỗi có vô số con vật bị lâm vào tử địa để cung cấp cho con người ăn nuốt; hung ác, xui xẻo đến cùng cực! Nhưng người đời vẫn cứ coi đó là sang vì quen thói xấu ác mà ra! Nếu suy nghĩ, ắt cái tâm hồi hộp bất an sẽ tràn trề nẩy sanh. Phong tục chuyển biến đều do một hai người đứng ra đề xướng mà được bắt đầu. Ông gả con gái như thế *(tức là đãi khách bằng cỗ chay)* chắc sẽ có người bắt chước làm theo, chắc là lề thói xa xỉ cũng sẽ do đây mà dần dần giảm bớt!

Tôi thường nói: *"Thiên hạ chẳng yên, thất phu có trách nhiệm*", trách nhiệm ấy ở nơi đâu? Chính là trong gia đình khéo dạy dỗ con cái,

nhưng dạy dỗ con gái lại càng thiết yếu hơn! Bởi lẽ, nếu con gái hiền ắt sẽ có thể giúp chồng thành tựu đức hạnh, nêu gương mẫu cho con cái. Từ đấy, con cháu sẽ nối tiếp nhau làm người hiền thiện. Hãy nên dạy cho lệnh ái[107] hiểu cặn kẽ nghĩa này, trong Văn Sao đã nhiều lần nhắc đến. Nếu cô ta đọc thuộc rồi tận lực thực hành thì lợi ích lớn lắm!

Cư sĩ Kiếm Thanh đạo tâm chân thật, thiết tha, thật chẳng dễ có; nhưng do thời gian ngắn ngủi, chỉ ở lại một đêm rồi đi, thất vọng không chi hơn! Đã gởi đi năm gói Đại Sĩ Tụng trong hôm Mười Tám tháng Tư, chắc đã nhận được rồi! Tổng cộng là ba mươi lăm bộ, sau đó lại gởi bao nhiêu bộ đó nữa. Số còn lại thì đợi sách được in ra trong lần thứ hai, thứ ba mới có thể giao trọn hết số lượng được. Văn Sao đã cho sắp chữ, ước chừng trong năm nay có thể ra sách; so với lần trước tăng thêm ba bốn vạn chữ; nhưng chỉ là "gom lá, đắp cát" mà thôi, rốt cuộc đều chẳng liên can gì tới Phật pháp lẫn tâm pháp!

588. Thư trả lời cư sĩ Huệ Hải (thư thứ tám)

Nhận được thư, biết ông từ chức, về ở nhà, hằng ngày cùng quyến thuộc tu trì Tịnh nghiệp để mong cùng thoát khỏi thế giới khổ sở này, lên cõi Cực Lạc kia, thường được thân cận A Di Đà Phật, Quán Âm, Thế Chí và các vị thượng thiện nhân, khôn ngăn vui mừng, an ủi.

Mùa Đông năm ngoái, Chiết Giang Ấn Loát Công Ty ở Hàng Châu gởi tới hai mươi gói Tăng Quảng Văn Sao bản in mới bằng thư bảo đảm, mỗi gói là ba bộ, bốn gói Thọ Khang Bảo Giám, mỗi gói là hai mươi lăm cuốn; tôi đã bảo gởi tới chỗ ông tại đường Hoa Viên, chẳng biết ông đã nhận được hay chưa? Những sách ấy tặng cho ông để kết duyên. Nếu chưa nhận được, xin hãy đến bưu cục hỏi xem những sách này rốt cuộc đã giao tới chỗ nào? Lại nữa, đã gởi tới Cáp Phụ Tuyên Giảng Đường năm mươi gói An Sĩ Toàn Thư, mỗi gói bốn bộ, hai mươi gói Thọ Khang Bảo Giám.

Sợ rằng chưa thể gởi được Văn Sao vì trong hôm Hai Mươi tháng Chạp năm ngoái, [ấn quán] gởi hóa đơn giao hàng tới, [cho biết có lẽ] ba bốn bữa sau sẽ gởi sách đi. Nào ngờ đến hôm Hai Mươi Bốn, [ấn quán] bị chạm điện, gian nhà chánh bị cháy sạch nhà cửa lẫn đồ đạc. Sách Quán Âm Tụng, An Sĩ Toàn Thư, Văn Sao, Bảo Giám, bốn bức Chỉ Bản của Quang đều bị cháy ra tro. Tôi đã thỏa thuận với công ty ấy để in một vạn cuốn Văn Sao và ba vạn cuốn Bảo Giám. Họ in trước năm ngàn bộ

[107] Danh xưng tỏ vẻ kính trọng con gái của người khác.

Văn Sao, hai vạn cuốn Bảo Giám nhưng báo với Quang đã in xong xuôi toàn bộ, đã phát ra một nửa, đòi phải giao tiền. Quang bảo họ gởi hóa đơn giao sách tới, nhưng khoản tiền ấy tôi chưa trả. Đến khi chùa Thái Bình ở Thượng Hải sắp đem tiền tới, họ mới đem tờ hóa đơn ấy gởi tới, [khi ấy] tôi mới biết họ chỉ in một nửa, nhưng đã dùng lố tiền ấn loát hơn một ngàn đồng. Ngày hôm trước nhận được tờ hóa đơn ấy thì ngày hôm sau liền nhận được tin họ bị hỏa hoạn. Đây là vì họ một mực gian trá, điêu ngoa khiến cho thần nổi giận mà ra. Nếu ước theo lương tâm để nói, sách của Quang không đến nỗi bị cháy nhiều lắm vì những sách đã đóng bìa xong đều được cất trong một căn nhà nhỏ ở phía sau, căn nhà nhỏ ấy chưa cháy; còn những sách chưa hoàn tất thì để ở chỗ đóng bìa.

Nếu bọn họ không thiếu lương tâm, giao hết số sách đã in xong cho Quang, Quang vẫn phải chịu thiệt trên dưới một ngàn đồng (đây là món tiền họ xài lố). Nếu bọn họ thiếu lương tâm, Quang sẽ tổn thất khoảng hai ngàn ba trăm đồng, không tính bốn bức Chỉ Bản [bị cháy] trong [khoản tiền thất thoát] ấy. Đây là vì Quang không có đạo đức, bọn họ vô lương tâm, hết thảy Tịnh nghiệp học nhân thiếu duyên đọc những sách ấy cho nên mới có tai nạn này.

Trong tháng Nhuận, tôi sẽ sang in ở Thượng Hải. Phàm những ai đã bỏ tiền đều căn cứ theo số tiền mà giao đủ sách, chẳng thiếu sót mảy may nào! Phàm những sách để kết duyên thì đành lượng sức mà thôi, chẳng thể như trước được! Xin hãy đến Tuyên Giảng Đường hỏi xem An Sĩ Toàn Thư, Thọ Khang Bảo Giám như tôi đã nói [trong phần trên] đã gởi tới hay chưa? Văn Sao gởi tới bao nhiêu đó bộ; nếu chưa gởi tới trọn hết thì vẫn còn thiếu họ sáu mươi sáu đồng, trong mùa Hạ sẽ gởi tới. Nếu đã gởi đủ số thì dư ra hơn hai trăm đồng.

Lệ phí chuyển tiền ở đất Cáp Nhĩ Tân quá nặng. Bất luận là Tuyên Giảng Đường hay ông đều đừng nên gởi tiền tới. Tuy Quang gặp phải nạn này nhưng vẫn chưa đến nỗi túng quẫn không làm gì được! Trong khoảng Xuân - Hạ sẽ có đôi ba gói Di Đà Kinh Bạch Thoại Chú và Gia Ngôn Lục được gởi tới. Hai loại sách này Quang đều cho tạo thành bốn bức Chỉ Bản, tính gởi một bức sang Cáp Tuyên Giảng Đường hoặc chùa Cực Lạc, ngõ hầu sau này chẳng cần phải thỉnh sách từ phương Nam nữa.

Thế đạo hiện thời không có cách nào vãn hồi. Nếu muốn cứu đời, ngoại trừ đề xướng nhân quả báo ứng và giáo dục trong gia đình, không thể nào thực hiện được. Giáo dục trong gia đình rất cần chú ý đến nhân quả báo ứng, nhưng dạy dỗ con gái lại là thiết yếu nhất! Bởi lẽ, không

có hiền nữ sẽ không có hiền mẫu, không có hiền mẫu làm sao có con cái hiền lương cho được? Đấy chính là pháp luân căn bản. Những điều con người hiện thời đề xướng toàn là cành nhánh. Từ thuở bé đã chẳng biết đến đạo làm người và sự lý nhân quả báo ứng thì một khi bị kẻ tà vạy dụ dỗ sẽ mặc sức làm càn. Những đứa phế luân thường, vứt bỏ lòng thẹn, giết cha, gian mẹ đều do thuở ban đầu không được mẹ hiền un đúc mà ra!

589. Thư trả lời cư sĩ Lý Thiếu Viên (thư thứ nhất)

Mấy hôm trước, nhận được thư do Lý Viên Tịnh chuyển đến, biết cư sĩ gần đây tu trì khá thiết tha mà cái tâm lợi người lại càng hết sức chân thật, thiết tha, tôi khôn ngăn vui mừng, an ủi! Chương trình của Niệm Phật Đoàn khá hay, chỉ có lời khai thị trong khi trợ niệm không hợp lẽ cho lắm nên tôi sửa đổi đại lược và nêu nguyên do. Đã giao cho Lý Viên Tịnh cầm đi, chắc ông đã đọc qua rồi!

Gần đây, Quang bận bịu đến tột bậc do phải giảo chánh, đối chiếu Lịch Sử Cảm Ứng Thống Kỷ. Sách ấy do Quang từng khuyên Ngụy Mai Tôn biên tập vào năm Dân Quốc 13 (1924). Ông ta cũng hết sức hoan hỷ, nhưng do tinh lực không đủ, phải bỏ dở giữa chừng. Năm trước, Nhiếp Vân Đài thỉnh Hứa Chỉ Tịnh biên tập, hoàn thành bản thảo vào tháng Tám. Nhiếp Vân Đài bị bệnh, chẳng thể lo toan được. Do muốn thỏa mãn ý nguyện xưa của mình, Quang liền một mình gánh vác chuyện ấy, nay đã sắp chữ gần xong. Lại còn sắp xếp một bản in khác với cỡ chữ Tứ Hiệu Tự, cho in bằng giấy báo; ước chừng cuối tháng Mười Một sẽ có thể sắp chữ xong. Xong chuyện, sẽ ở ẩn lâu dài.

Bộ sách ấy thâu thập những sự tích cảm ứng trong hai mươi bốn bộ sử, lại còn có thêm lời bình luận sao cho phù hợp với nhân quả ba đời như đức Phật đã nói. Nếu hạng Nhất Xiển Đề chẳng thèm để mắt tới thì không biết làm sao; chứ nếu ngó tới, ắt sẽ có ngày cải tà quy chánh! Do vậy, Quang chẳng tiếc sức nhọc nhằn để lo liệu. Hiện thời đã quyên mộ đủ tiền in hai vạn bộ *(trọn chẳng phải là đặc biệt quyên mộ, mà là có những người biết được liền xin bỏ tiền giúp đỡ [ấn hành])*. Một đồng có thể in được hai bộ. Sách được chia thành bốn cuốn, gồm ba trăm năm chục, sáu chục trang. Hiện thời, do vẫn chưa sắp chữ xong nên chưa thể biết chắc số trang được, nhưng ước chừng là như thế, dẫu bao nhiêu đi nữa cũng không vượt quá số trang ấy.

Nói tới chuyện quy y thì do ông đã quyết định, Quang cũng chỉ đành tùy duyên. Nay đặt pháp danh cho ông là Trí Viên, nghĩa là dùng cái trí vô ngại viên dung để tu Chân ngay trong cõi tục, hiểu trọn vẹn các pháp, chuyên tu Tịnh nghiệp hòng tự lợi, lợi tha *(tuy hiểu trọn vẹn các pháp, nhưng quyết chẳng thể không chuyên tu Tịnh nghiệp. Nếu không, sẽ chẳng phải là Tịnh nghiệp hành nhân mà chính là người tu pháp môn tự lực theo đường lối thông thường)*.

Những bậc đại thông gia hiện thời phần nhiều muốn cho môn đình cao lớn, nên phần nhiều giảng thuyết những pháp chẳng hợp căn cơ, hoặc chỉ bàn nói điều huyền lẽ diệu, chuyên ỷ vào tự lực, chắc sẽ đến nỗi Chân lẫn Tục đều ngoắt ngoéo, bị cõi đời cười chê *(Phàm là người học Phật ắt phải giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành. Chẳng y theo điều này để dạy người thì sẽ chẳng hợp căn cơ! Muốn học Phật pháp, ắt phải giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận. Nếu không, còn là tội nhân trong thế gian, làm sao đạt được lợi ích chân thật nơi Phật pháp ư?)* Những điều khác đã nói tường tận trong Văn Sao, Gia Ngôn Lục, ở đây không viết cặn kẽ. Xin hãy sáng suốt suy xét thì may mắn thay!

Ông nói người vãng sanh ít ỏi, quả thật là do tín nguyện chẳng chân thật thiết tha mà ra! Nếu tín nguyện chân thật, thiết tha, dẫu lúc lâm chung mới niệm thì được vãng sanh vẫn là hợp lẽ. Nếu hời hợt, phù phiếm, trong tâm vẫn mơ màng phước báo đời sau, làm sao vãng sanh được? Gốc bệnh ở nơi ấy, chớ nên không biết! *(Ngày Hai Mươi Ba tháng Mười năm Dân Quốc 18 - 1929)*

590. Thư trả lời cư sĩ Lý Thiếu Viên (thư thứ hai)

Nhận được thư và Tự Tri Lục, biết tâm mộ đạo của cư sĩ và các vị hết sức chân thật, thiết tha, tiếc là chưa biết gương mẫu tu hành tốt đẹp, bèn coi những lời nói nhăng nói càn, đơm đặt bịa chuyện là quý báu nhất *(chỉ Tự Tri Lục)* rồi muốn lưu thông [những lời do kẻ khác bịa đặt], ngõ hầu ai nấy đều đạt được cảnh ấy, chẳng biết đấy chính là lời lẽ ma mị đáng ghét bậc nhất, dẫn dắt người khác lọt vào cảnh ma!

Đầu mùa Hạ năm ngoái, cư sĩ La Tế Đồng ở Thượng Hải có được cuốn sách ấy liền cho in thạch bản một ngàn cuốn để biếu tặng người khác. Cư sĩ Đinh Quế Tiêu muốn lưu truyền rộng rãi bèn bảo Tế Đồng gởi cho Quang một gói; còn Quế Tiêu tự viết thư cho Quang, xin Quang đọc để "hễ sách chẳng đến nỗi làm cho người khác bị lầm lạc thì sẽ viết lời phê bình tường tận", còn cậy Quang viết lời tựa để mong được lưu

truyền rộng rãi. Quang đọc xong, khôn ngăn kinh dị, bèn để nguyên gói sách gởi trả lại cho Quế Tiều, cực lực thuật rõ những cái họa của cuốn sách ấy.

Bởi lẽ, [sách ấy sẽ] lôi kéo những kẻ sơ tâm chẳng dụng công nơi nhất tâm chí thành nghĩ nhớ, mà chỉ thường muốn thấy cảnh giới tốt đẹp. Nếu họ vừa thấy cuốn sách này sẽ liền chẳng học theo bà Hồ chân thật dụng công mà cứ chuyên muốn đạt được cảnh giới tốt đẹp giống như bà Hồ. Do cái tâm cuồng vọng, gấp rút, thiết tha, thường khởi ý niệm như thế ấy, ắt sẽ đến nỗi dẫn khởi oán gia trong đời trước biến hiện những cảnh kẻ ấy hâm mộ và khi vừa được thấy cảnh ấy liền sanh lòng hoan hỷ lớn lao, oán gia sẽ liền dựa vào thân. Kẻ ấy liền mất trí điên cuồng, Phật cũng chẳng thể làm sao [cứu giúp người ấy] được! Quang cũng chẳng thể bảo "lời bà Hồ kể toàn là bịa chuyện", nhưng cũng chẳng dám bảo là chân thật không dối trá. Vì sao vậy? Nếu bà ta thật sự đạt đến loại cảnh giới ấy, há lẽ nào chẳng biết những lời lẽ ấy sẽ khiến cho người khác bị lầm lẫn. Xin hãy nói với ông La Tế Đồng, từ nay đừng gởi tặng cho người khác nữa! Những sách còn lại hãy nên giao cho ngọn lửa để diệt mầm họa.

Chưa đầy một tháng sau, ông Vương Mưu Phụng ở Hàng Châu lại nhận được cuốn sách ấy, khôn ngăn hoan hỷ, cũng cho in thạch bản một ngàn cuốn. Có người bảo hãy gởi cho Quang xin chứng minh, giám định. Do vậy ông ta viết thư và gởi sách đến, Quang liền lấy đại ý những lời đã nói với ông Đinh Quế Tiều để phúc đáp. Vương Mưu Phụng mới ngưng in, đem thư Quang đăng trên tờ Phật Học Châu San, sao các vị vẫn chưa đọc? Mùa Thu năm ngoái tôi sang đất Hỗ, hỏi Tế Đồng đã phân phát hết hay chưa? [Ông ta] nói hãy còn hai ba trăm cuốn, chẳng dám phân phát, tính đốt đi. Quang khen ngợi: "Ông thiêu đi sẽ có công đức vô lượng vô biên!"

Mùa Hạ năm nay tôi đến đất Hỗ, Tế Đồng từ kinh đô trở về, hỏi dò thực chất của bà Hồ mới biết con người ấy rất thông minh nhưng phiền não rất nặng! [Bà ta] sống trong Cực Lạc Am, hễ có chuyện nào hơi chẳng vừa ý bèn chửi bới người khác. Về sau bị bệnh thổ huyết, chẳng lâu sau đã chết. Lúc chết chẳng biết có phải là vì thổ huyết hay không? Cũng chẳng biết cảnh tượng lúc mất ra sao? Mà văn tự của bà ta cũng không được lưu loát như thế đâu; đấy là do một cư sĩ ở Tứ Xuyên soạn ra, Quang biết người ấy, nhưng chẳng muốn nêu tên! Đến tháng Sáu, có một cư sĩ người Hồ Nam từng sống tại Cực Lạc Am, kể [về bà Hồ] chẳng khác gì lời Tế Đồng đã thuật! Đủ thấy bọn họ chỉ muốn dối đời

trộm danh, chẳng đoái hoài đã dẫn dắt người khác vào cái họa ma mị! Than ôi, đau đớn thay!

Chư vị muốn được lợi ích thật sự, hãy nên dựa theo lời Phật, Bồ Tát, Tổ Sư để tu, quyết sẽ được lợi ích chân thật. Cổ đức dạy người, chỉ giảng cho người khác cách dụng công, ai lại lôi hết cảnh giới của chính mình đã thấy để bảo ban người khác! Viễn công đại sư là Sơ Tổ Liên Tông đến lúc lâm chung thấy Phật mới nói với môn nhân: *"Ta đã thấy thánh tượng ba lần, nay lại được thấy, ta vãng sanh đây!"* Nếu luận về thân phận của Viễn Công thì cao hơn bà Hồ đâu phải chỉ như sự cách biệt giữa trời với vực! Há phải Ngài chỉ ba lần thấy thánh tượng, chẳng có một tí cảnh giới tốt đẹp nào khác ư? Nếu đạt đến lúc "tâm không, cảnh tịch" thì còn có cảnh giới chi nữa! Ấy gọi là *"tâm và Phật tương ứng, tâm lẫn Phật cùng mất, bốn tướng chẳng còn, ba tâm*[108] *há được?* " "Vô niệm mà thường niệm" chính là niệm mà trọn chẳng có cái tâm để niệm và [chẳng thấy có] đức Phật được niệm. Nơi ấy nào có cảnh giới? Nếu niệm đến mức như thế thì chẳng ngại gì tịnh cảnh Tây Phương sẽ phô bày trọn vẹn triệt để. Nhưng do "niệm tịch, tình vong" nên lại càng được lợi ích nơi đấy, quyết chẳng đến nỗi sanh lòng hoan hỷ lớn lao, hiểu lầm tin tức đến nỗi ma dựa phát cuồng.

Nếu lúc chưa đạt đến nhất tâm mà trong tâm cứ niệm niệm mong tưởng cảnh giới thì khi cảnh giới ấy hiện, chắc chắn sẽ gặp họa. Kinh Lăng Nghiêm dạy: *"Chẳng nghĩ là thánh cảnh thì gọi là cảnh giới tốt lành; nếu coi là thánh cảnh thì sẽ lạc vào các loài tà"*. Đấy tuy vẫn chưa phải là cảnh ma được cảm vời bởi cái tâm bộp chộp, vọng động, nhưng hễ sanh lòng hoan hỷ cho là "đã chứng thánh quả" thì sẽ trở thành gã ma con! Huống chi ngay từ lúc ban đầu tâm đã như vậy, tâm ma chiêu cảm cảnh ma, cứ tưởng là cảnh thánh ư? Xin hãy đọc kỹ Tịnh Độ Thập Yếu, Tịnh Độ Thánh Hiền Lục thì sẽ có cái để noi theo, không cách chi bị ma dựa được!

591. Thư trả lời cư sĩ Tịnh Thiện (thư thứ nhất)

Nghề Y dễ khuyến hóa người khác nhất. Phàm là kẻ có bệnh không ai chẳng mong bệnh chóng lành. Bảo họ "ăn chay niệm Phật sẽ tiêu trừ túc nghiệp, tăng trưởng thiện căn" thì tự họ sẽ chịu tin theo. Tin rồi niệm thì bệnh sẽ chóng lành. Hơn nữa, đừng học theo Tây Y; nói chung [Tây

---

[108] Bốn tướng: tướng ta, tướng người, tướng chúng sanh, tướng thọ giả.
Ba tâm: tâm quá khứ, tâm hiện tại, tâm vị lai.

Y] dạy người ta ăn thịt vì thịt giàu chất dinh dưỡng; những hạng người ấy trong tương lai đều phải làm thức ăn cho kẻ khác bởi nói đạo lý ngược ngạo, tự hại, hại người! Ông chịu giữ tấm lòng tốt đẹp ấy thì Y đạo ắt sẽ tiến triển lớn lao. Sách Nhị Khóa Hiệp Giải[109] đã không còn, tôi bảo gởi cho ông một bộ Văn Sao. Quang già rồi, chỉ nên y theo Văn Sao tu trì, chẳng cần phải gởi thư tới nữa do không có sức để thù tiếp!

592. Thư trả lời cư sĩ Tịnh Thiện (thư thứ hai)

Mỗi người nhập đạo đều có thời tiết, nhân duyên. Những sách thuộc loại khuyên răn [kiêng giết, phóng sanh] thường chép truyện ông Triệu X… là huyện lệnh xứ Bồ Thành, Phước Kiến, ăn chay trường thờ Phật. Bà vợ trọn chẳng có lòng tin, nhằm dịp sanh nhật năm mươi tuổi bèn mua rất nhiều con vật còn sống, tính giết để đãi khách. Ông Triệu bảo: "Bà muốn chúc thọ nhưng lại khiến cho những con vật này đều bị chết, có yên lòng được chăng?" Bà vợ đáp: "Ông toàn nói những câu vô ích! Nếu nghe theo lời Phật dạy, nam nữ cũng không được ngủ chung, những con vật này cũng không giết thì chưa đầy mấy chục năm, trọn khắp thế giới sẽ đều là súc sanh hết!" Ông Triệu không biết làm sao, đành để mặc bà ta.

Đến đêm, bà vợ mộng thấy đi xuống bếp, trông thấy người ta giết lợn, tự mình đã biến thành con lợn. Đầu bếp trói chặt bốn vó con lợn, đặt lên bàn mổ để giết, đầy tớ đứng bên cạnh xem, [bà ta] vội kêu họ cứu nhưng chẳng một ai nghe tiếng! Giết rồi mổ bụng, móc ruột ra, vẫn cảm thấy đau đớn. Giết xong con lợn lại giết những con vật khác thì chính mình lại biến thành những con vật khác, đau đớn không thể nào nói nổi! Tạm ngưng một khắc, lại thấy một đứa đầy tớ cầm một con cá chép vào.

---

[109] Sách Nhị Khóa Hiệp Giải do ngài Quán Nguyệt Hưng Từ biên soạn vào đầu thời Dân Quốc, nhằm giải thích ý nghĩa của hai thời công khóa sáng tối trong Thiền môn, chủ yếu dùng giáo nghĩa tông Thiên Thai để biện định, sách có những đồ biểu rất chi tiết nên rất hữu ích cho người sơ cơ dễ nhớ hiểu các thuật ngữ Phật học phức tạp. Ngài Hưng Từ quê ở huyện Thiên Thai, tỉnh Chiết Giang, tự là Quán Nguyệt, là một vị cao tăng trong tông Thiên Thai, tuy sùng phụng giáo nghĩa Thiên Thai nhưng đặc biệt hâm mộ Tịnh Độ, giáo hóa rộng khắp các nơi từ Thượng Hải đến Hàng Châu. Sư chuyên hoằng dương Giáo Quán, nhưng chuyên tu Tịnh nghiệp không lười nhác, nghiêm trì giới luật, sống hết sức đạm bạc, được tôn xưng là bậc tôn túc đệ nhất ở Thượng Hải. Sư soạn cuốn Nhị Khóa Hiệp Giải vào năm 1912. Sư còn soạn cuốn Kim Cang Kinh Dị Tri Sớ cũng được lưu hành rộng rãi.

Nha đầu[110] nói: "Đem con cá chép này giao cho đầu bếp nấu canh cá cho bà chủ, để khi bà chủ thức dậy sẽ dùng làm món điểm tâm!" Họ liền chặt đầu đuôi, lóc vảy, chặt thành từng miếng nhỏ. Mỗi một miếng đều cảm thấy đau đớn, thống khổ cùng cực, choàng tỉnh dậy, kinh hồn vỡ mật! [Ngay lúc đó], nha đầu bưng canh cá lên mời ăn điểm tâm, chẳng nỡ lòng ăn nữa, sai đem những con vật đã mua phóng sanh hết. Do đích thân nếm mùi vị [thống khổ vì bị giết chóc], bèn theo chồng ăn chay niệm Phật, cầu sanh Tây Phương. Vợ ông chắc cũng được oai thần Tam Bảo gia bị, cũng đích thân nếm mùi vị ấy rồi cõi lòng mới xoay chuyển.

Lời đồn Lộc Uyển là nơi Ngô Vương nuôi hươu chưa đủ để làm căn cứ! Sợ rằng xưa kia có Lộc Uyển Tự, do lâu năm nên đã mất dấu. Nhà Nho bèn đem ý nghĩa [tên vườn] Linh Hữu[111] của Văn Vương ghép vào. [Còn trong danh xưng] Lộc Uyển Liên Xã thì Lộc Uyển (Mrgadāva) là nơi đức Phật thuyết pháp khi mới thành đạo. Liên Xã chính là pháp để người tu hành lúc lâm chung được vãng sanh Tây Phương. [Như vậy thì danh xưng Lộc Uyển Liên Xã] đã nêu bật [ý nghĩa] "bao gồm hết thảy những nghĩa từ đầu đến cuối trong giáo pháp của suốt cả một đời đức Phật".

Hiện thời chiến tranh liên miên, tai họa kết lại, há nên khởi công xây dựng lớn lao? Xây dựng chính là chuốc lấy họa bị bọn thổ phỉ cướp đoạt, là nền tảng chuốc lấy cái họa bị phi cơ oanh tạc. Xây dựng càng đẹp đẽ, tai họa càng lớn! Nếu thật sự hoằng pháp lợi sanh thì dù trong gia đình hay nơi đất trống đều là chỗ để diễn thuyết lợi ích [của pháp môn Tịnh Độ]. Tu trì có chia ra mấy chỗ cũng đâu có trở ngại gì, vừa chẳng tốn tiền, tốn sức mà cũng chẳng bỏ lỡ công việc, cũng giống như đi ra chợ

---

[110] Nha đầu: đứa tớ gái. Vì thuở xưa những đứa tớ gái thường để tóc búi thành hai trái đào hai bên nên gọi là "nha đầu" hoặc "nha hoàn" (thường bị đọc trại thành "a hoàn"). "Nha" (丫) là vật gì có ngạnh xòe ra. Đôi khi, người ta cũng gọi những đứa con gái còn bé là "nha đầu".

[111] Linh Hữu vốn là vườn nuôi thú của Châu Văn Vương. Tên gọi này được nhắc đến trong bài thơ Linh Đài, thiên Đại Nhã của Kinh Thi: *"Vương tại Linh Hữu, ưu lộc du phục"* (vua ở vườn Linh Hữu, hươu cái, hươu đực tung tăng vây quanh). Sách Mao Truyện giảng: *"Hữu* (囿) *là nơi nuôi dưỡng các loài cầm thú, vườn của thiên tử rộng một trăm dặm, vườn của chư hầu rộng bốn mươi dặm"*. Về sau, Linh Hữu thường được đồng nhất với Thượng Uyển của nhà vua. Thậm chí, Thượng Uyển trên cõi tiên cũng được gọi là Linh Hữu.

mua gom các thứ đem về nhà dùng[112].

Mở mang một đạo tràng hoằng pháp lớn lao thì phải đợi sau này nhằm lúc tình thế hòa bình mới có thể làm được. Hiện thời, các tỉnh bị hạn hán dữ dội, sắp xảy ra thảm trạng con người ăn thịt lẫn nhau. Một mai vỡ đê thì sẽ dùng cách nào để kiềm chế? Tri kiến của Quang trọn chẳng giống với người khác. Y theo cách người ta làm trong hiện thời chắc sẽ có lợi ích nhỏ nhoi, nhưng sẽ chuốc lấy họa lớn. Làm theo cách của Quang, tuy không nổi tiếng, chói ngời lớn lao được, nhưng trọn chẳng phát sanh hiểm họa nhỏ nhặt nào! [Ông yêu cầu Quang soạn] bài tựa duyên khởi thì đã có bài tựa cho Triều Dương Phật Giáo Cư Sĩ Lâm do Bàng Đức Siêu đã khắc để làm gốc, chỉ cần sửa đổi đôi chút địa danh và tên người cũng như những đặc điểm đặc biệt mà thôi. Chuyện này không cần Quang phải đích thân soạn. Người thông văn lý đợi đến khi xây dựng xong xuôi sẽ châm chước mà sử dụng [bài tựa duyên khởi ấy]. Hiện thời do không nhắc đến chuyện xây cất thì cũng không cần phải soạn văn sẵn.

Các vị Thiện Đạo, Thiếu Khang hoằng dương Tịnh Tông, tiếng Phật hiệu vang khắp ngõ hẻm đường phố. Như xướng khúc hát gieo mạ, ai nấy đều muốn nghe; như truyền thánh chỉ của nhà vua, ai nấy đều tuân hành. Ai bảo là "không có chùa miếu sẽ chẳng thể hoằng pháp được?" Cần biết rằng: Hễ có chân tâm thì sẽ tự khuyến hóa được. Lấy thân làm gương để mong ai nấy trọn hết bổn phận, lấy cổ nhân làm khuôn phép, ngõ hầu nhà nhà đều trở thành đạo tràng. Đang trong cõi đời đại loạn này, tốt nhất là nên hoằng pháp một cách không dấu vết. So với những kẻ xây dựng lớn lao, tốn sức, bó tay, nhọc lòng gánh vác nỗi lo thì sẽ khác biệt lớn lao vời vợi!

593. Thư trả lời cư sĩ Tịnh Thiện (thư thứ ba)

Thư nhận được đầy đủ, cổ nhân nói: *"Sau khi đại loạn, dân sẽ dễ trị"*. Đang trong lúc loạn lạc đến cùng cực này, nếu có người đức cao vọng trọng đề xướng Phật pháp, dạy họ kiêng giết, bảo vệ sanh mạng, ăn chay, niệm Phật, nói với họ về nhân quả ba đời và luân hồi trong lục đạo

---

[112] Ý nói: Đạo tràng chỉ là nơi để tụ tập diễn thuyết về lợi ích của pháp môn Tịnh Độ, sách tấn nhau tu tập, cùng nhau niệm Phật để biết quy củ niệm Phật rồi sau đó mỗi người phải tự tu tập trong nhà của chính mình. Giống như ra chợ mua đồ dùng về sử dụng trong nhà, hành nhân đến đạo tràng thâu thập những lợi ích, những lời cảnh sách, pháp tắc tu tập để đem về thực hành trong nhà.

thì kẻ có lòng nhân ai mà chẳng bội phục? Nho giáo nói: "*Đối xử nhân từ với dân, yêu thương loài vật*". Trong một đời người, cần phải bắt đầu thực hiện lời này kể từ khi còn đang độ tuổi thơ ấu thì sự đối xử nhân từ với dân mới có thể [thực hiện] rốt ráo được! Nếu chẳng thực hiện từ lúc còn thơ ấu thì đối xử nhân từ với dân [không đúng cách] chắc sẽ đến nỗi trở thành gây phiền cho dân, lòng yêu thương ấy sẽ trở thành nói xuông!

Nay tôi sẽ nói nguyên do: Trẻ nhỏ vô tri thấy những con vật bay, chạy v.v… ắt giết ngay hoặc bắt lấy rồi nghịch ngợm khiến chúng bị chết. Nếu bất luận là con vật nào, người lớn đều không cho trẻ giết, bởi lẽ hễ giết thì chính mình sẽ bị tổn phước giảm thọ đến nỗi thiên địa quỷ thần đều chẳng che chở, gia hộ. Từ lúc bé tẹo đã dưỡng thành thói quen ấy, lớn lên quyết chẳng đến nỗi coi tàn sát lẫn nhau là vui.

Mười mấy năm trước, có người nước Anh tên là Lâm X… sống ở Nam Kinh, đến Phổ Đà gặp Quang, tặng cho Quang mấy cuốn sách bảo do chính ông ta soạn. Ông ta nói tiếng Trung Quốc còn chưa sõi lắm, sao lại có thể viết được những văn tự rất hay ấy? [Trong số ấy] có một cuốn chuyên đề xướng phép giữ gìn sức khỏe, chuyên môn chú trọng sát sanh. Những cuốn khác tôi đều đem tặng cho người ta, chỉ có cuốn sách nói về phép giữ gìn sức khỏe ấy thì Quang xé nát, tống vào giỏ giấy vụn, sợ kẻ vô tri cầm đi thì hại người, hại vật chẳng thể cùng tận!

Ông Châu đã lậm sâu chất độc của người Tây Dương, chẳng biết đạo "bảo vệ sanh mạng, lợi người". Con người là "vạn vật chi linh", nhưng cũng là một loài động vật. Ta và vạn vật cùng sống trong vòng trời đất, chúng nó không đòi mạng ta, sao ta lại muốn đoạt mạng chúng? Nhà nào đập ruồi, ruồi sẽ càng nhiều. Kẻ nào giết rết, thường bị rết cắn. Những kẻ thường muốn bảo vệ sức khỏe trong đời này, chưa chắc đã được hưởng ích lợi ngay trong đời hiện tại. Do cả một đời này tâm thường ôm lòng giết chóc thì tương lai đời đời kiếp kiếp thường bị kẻ khác giết, nhưng do chưa đích thân thấy nên vẫn vui sướng giết chóc quên mệt!

Trong sách cổ có [chép chuyện] kẻ ghét kiến, kiến xúm đen xúm đỏ xác hắn ta. Kẻ ghét ruồi, ruồi bu trên thân, không làm cách nào được, than thở xuông cũng chẳng làm gì được! Quang thấy chuyện [giết chóc] ấy chính căn bản của đại sát kiếp. Nếu vẫn muốn noi theo ý kiến của chính mình để làm thì trộm sợ rằng sau này có lúc hối hận chẳng kịp, đáng xót, đáng thương lắm, không có cách gì cứu giúp được! Bậc quân tử sẵn lòng nhân sao nỡ chuyên chú trọng giết hại loài vật khiến cho hết thảy những kẻ vô tri đều bắt chước theo ư?

Mười mấy năm trước, một đệ tử quy y có một đứa con nhỏ, mua một cái đập ruồi để làm đồ chơi, nó liền thường hay đập ruồi. Một bữa nọ ruồi nhiều đến cùng cực, nó bèn cực lực đập, chợt thấy cả nhà đều tối om. Người lớn bèn mở toang cửa cái, cửa sổ, niệm Phật sám hối; chẳng mấy chốc ruồi bay đi hết. Từ đấy đem đốt cái đập ruồi, ruồi cũng không bu đến nữa. Đấy chính là vì đệ tử Phật được gia bị bởi lòng Từ của đức Phật khiến cho sát nghiệp chấm dứt. Nếu là kẻ không có lòng tin, sợ rằng sẽ chẳng gặp được điềm báo như vậy thì đời kế tiếp, đời sau há thể tưởng tượng được ư?

Nếu chỉ gởi gạo Đại Bi thì rất tốn công, nay gởi cho ông hai gói tro hương Đại Bi, so với gạo càng dễ cất giữ hơn mà lợi ích cũng giống như gạo, để lâu không bị hư. Nếu gặp phải căn bệnh thầy thuốc chẳng thể chữa lành, hãy lấy hai phần tro đổ vào một cái tô lớn, pha bằng nước sôi, khuấy lên, đợi khi chất tro lắng xuống sẽ gạn lấy nước trong đổ vào đồ đựng, chia ra uống mười lần. Mỗi ngày uống ba hay bốn lần. Hễ lành bệnh thì không cần phải uống nữa. Hễ chưa lành lại pha tiếp. Bao tro ấy nên để thờ ở phía dưới khám thờ Phật hoặc treo ở chỗ cao sạch, chớ nên khinh nhờn! Đây là loại tro hương được gia trì hơn một vạn biến chú Đại Bi. Phàm bị bệnh nguy hiểm, [uống nước tro Đại Bi vào] dẫu chẳng lành cũng thấy giảm bớt rồi mới chết. Chất tro đã pha xong nên thêm nước vào để tưới cây hoặc trát lên nóc nhà.

Nay đem Vật Do Như Thử, Sức Chung Tân Lương, Thọ Khang Bảo Giám, Tức Tai Khai Thị, Liễu Phàm Tứ Huấn, mỗi thứ hai cuốn, lèn chặt [thành một bưu kiện]. Những thứ giấy dùng để chèn chỗ trống cũng đừng vất đi, bởi đấy chính là Sớ Lễ Quán Âm Cầu Con và Ba Điều Trọng Yếu Để Cầu Con, cũng là bài văn có quan hệ lớn lao cho hết thảy kẻ thanh niên. Bất luận già hay trẻ đều chớ nên không biết! Nếu không, chẳng biết tiết dục mà mong sanh con thì chưa sanh được con mà cha đã chết trước rồi! Hoặc mẹ do ân ái quá nhiều bị mắc bệnh lao sái[113], chẳng biết là bao nhiêu!

Đồ Hữu Sanh khá thông minh. Những con em thông minh hiện thời phần nhiều mắc bệnh thủ dâm, hãy bảo chúng nó đọc Thọ Khang Bảo Giám và Liễu Phàm Tứ Huấn thì sẽ chẳng đến nỗi mắc phải những mối họa đau khổ như trở thành tàn tật và đoản mạng mà chết. Xưa kia, thánh vương sai quan bố cáo [khuyên mọi người không nên ăn nằm khi sấm sắp động vào đầu Xuân], nay thì cha, mẹ, thầy, bạn nhất loạt chẳng nói

---

[113] Lao sái: Lao (癆) và Sái (瘵) là hai từ đồng nghĩa cùng để chỉ bệnh lao (Tuberclosis), nhưng thường được ghép chung với nhau thành một từ ngữ.

đến chuyện này, cũng là do ác nghiệp của mọi người cảm thành!

Có kẻ càng ngu hơn, hễ con cái bị bệnh liền cưới vợ cho nó; ý muốn cho con mau được lành bệnh, thật ra là làm cho nó chóng chết! Chẳng đáng buồn ư? Một người ở Hồ Nam có hai đứa con đều chết vì lý do này. Đứa con thứ ba mắc bệnh vẫn muốn làm như thế, bị một người bạn quở trách mới thôi. Ấy chính là quả báo do đời trước dụ dỗ kẻ khác chơi bời bừa bãi đến chết. Một đứa đã chết còn chưa ngộ, hai đứa chết luôn mà vẫn chưa ngộ! Nếu không bị người bạn quở trách chắc sẽ bị tuyệt tự! Rốt cuộc vì lẽ nào mà tâm kẻ ấy ngu như thế? Nếu không phải do oán quỷ xui khiến, ắt chẳng đến nỗi ngu như thế! Xin hãy sáng suốt thì may mắn thay!

594. Thư trả lời cư sĩ Tịnh Thiện (thư thứ tư)

Ông nói hai vấn đề *(chỉ có điều thứ nhất là đáng bàn bạc, chứ điều thứ hai là nói nhăng nói càn. Khi điều thứ nhất đã hoàn toàn đả phá được thì không cần phải nói [tới điều thứ hai nữa]. Nhưng lời này chỉ nên truyền miệng, đừng nên đăng báo kẻo người xứ... trông thấy sẽ làm hại. Thiết yếu đến cùng cực).* Vợ ông chẳng chịu ăn chay niệm Phật, hãy thử hỏi [bà ta]: "Bà có muốn thường bị bọn người xứ... đánh chửi, làm nhục hay không?" Ắt bà ta sẽ chẳng nói là "thường muốn!"

Ở Vô Tích, [bọn người xứ…] giết huyện trưởng, vây thành ba ngày, lùng bắt những kẻ chống đối khiến cho cả nhà đều phải bỏ trốn. Bọn chúng bắt được món đồ gì tốt đẹp liền tịch thâu, chẳng ai dám hó hé! Trong nhà ông Viên Lệ Đình có rất nhiều người niệm Phật; lính xứ… chẳng tới nhà ấy. Có nhà bị chúng lùng sục mấy lượt, những món đồ tốt đẹp đều bị cướp đi hết. Lúc Tô Châu thất thủ, bọn lính xứ… gian dâm phụ nữ, thảm chẳng nỡ nghe! Một nữ đệ tử vì mẹ chết, linh cữu (quan tài) còn đang quàn tại nhà, chẳng nỡ bỏ trốn, bèn đóng cửa niệm Phật. Lính xứ… phá cửa, thấy cô ta đang niệm Phật nên không làm nhục! Chúng chỉ vào cái rương, bắt đổ ngược hết ra, nhưng chẳng lấy một món nào, bỏ đi! Nếu cô ta không niệm Phật thì bà già sáu bảy chục tuổi vẫn bị ô nhục, huống hồ thiếu phụ ấy mới ba mươi mấy tuổi ư?

Nơi cửa thành, [bọn chúng] kiểm soát rất ngặt *(thoạt đầu do binh lính lục soát, về sau mới sai phụ nữ lục soát)*, nữ nhân cũng bị sờ nắn khắp mình. Những người cầm chuỗi niệm Phật đa số không bị xét gắt gao như vậy; cũng có người chẳng bị xét, cho đi luôn. Niệm Phật chính là diệu pháp cứu nạn cứu mạng trong đời loạn. Người xứ… tin Phật, đối với nam nữ

cầm xâu chuỗi đều không ngược đãi quá đáng, sẽ khiến cho hết thảy mọi người đều niệm Phật. Phàm những ai đi ra ngoài đều cầm chuỗi niệm Phật, dẫu là kẻ chúng muốn bắt làm phu phục dịch cũng sẽ thả cho đi.

Một đệ tử ở Vu Hồ tên là Ngô Thương Châu làm sĩ quan. Năm Dân Quốc 24 (1935), ông ta tham chiến tại Tuy Viễn, bị lính xứ… bắt được, lột quần áo khám xét, thấy ông ta cổ đeo chuỗi niệm Phật liền tỏ vẻ kính trọng, không xét nữa, dẫn đến gặp viên Tư Lệnh. Viên Tư Lệnh do thấy ông ta vốn làm giáo viên ở trường X…, nói: "Ông cũng đến đây rồi!" Ông Ngô nói: "Tôi đến đây để ngắm phong cảnh". Viên Tư Lệnh liền ra lệnh thả cho ông ta đi. Nếu chẳng đeo chuỗi niệm Phật ấy, chắc tánh mạng đã mất trong tay bọn lính rồi, có còn gặp được viên Tư Lệnh hay chăng? Đấy chính là vô thượng diệu pháp để gặp dữ hóa lành trong hiện tại. Vợ ông không chịu niệm, lỡ xảy ra những chuyện như khám xét v.v… thì sẽ xử sự như thế nào? Đây là mối họa do con người gây ra. Nếu gặp phải oán gia đối đầu trong đời trước mà nếu không niệm Phật sẽ đành bỏ mặc cho nó làm gì thì làm, có cách nào để trốn tránh được đâu!

Dưới triều Tống, Trần Xí lỡ giết người. Một hôm thấy kẻ ấy đi tới, biết là hắn đến đòi mạng, vội vã niệm Nam Mô A Di Đà Phật, oán quỷ liền đứng sững không tiến lên được! Càng niệm rất gấp, oán quỷ liền bỏ đi. Trần Xí liền sốt sắng niệm Phật, lại sống được mấy chục năm rồi mới vãng sanh Tây Phương. [Vãng sanh rồi] còn trở về, nhập vào thân đứa cháu nội gái nói chuyện ông ta đã vãng sanh. Người nhà nói: "Lúc cụ còn sống chưa kịp vẽ hình tượng. Nếu cụ chịu hiện thân, sẽ vẽ hình tượng để thờ", liền hiện hình thân hình của người cõi Tây Phương.

Năm Dân Quốc 19 (1930), một thanh niên hai mươi bốn tuổi ở Tô Châu tên là Quách Chấn Thanh nhà ở đường Cảnh Đức, Tô Châu, mở tiệm bán giấy Hợp Pháp, theo một người già trong gia đình đến chùa Báo Quốc quy y. Quang bảo anh ta: "Hiện thời đang nhằm tình thế hoạn nạn, hãy thường niệm Phật và niệm thánh hiệu Quán Âm". Chàng trai hai mươi bốn tuổi béo phục phịch ấy liền chịu nghe theo. Tháng Chạp năm sau sang Thượng Hải; chiến sự nổ ra, chẳng thể trở về đất Tô được. Đến Tết vẫn còn đánh nhau, chẳng biết tới bao giờ mới kết thúc. Đường xe lửa đã bị cắt đứt, liền ngồi tàu thủy nhỏ vòng qua ngã Gia Hưng trở về Tô Châu. [Tàu thủy] tới lui đều bị cường đạo cướp bóc, anh ta bèn thường niệm thánh hiệu Quán Âm, nhưng chỉ niệm thầm chứ không niệm ra tiếng. Ban đêm cường đạo đến cướp, anh ta đang ở dưới cabin. Trong cabin có rất nhiều người nghèo. Bọn cướp lục soát trên boong xong xuôi liền xuống hầm tàu, tiền bạc của những kẻ nghèo cùng đều bị

tước sạch. Anh ta người béo phục phịch, lại mặc một cái áo da, nhưng bọn cướp trọn chẳng thèm hỏi tới! Cả tàu đều bị cướp sạch, chỉ mình anh ta là không buồn hỏi tới! Ấy chính là do Phật quang gia bị nên lũ cường đạo chẳng thấy anh ta.

Một nữ nhân ở Hồ Nam sanh nở, oán quỷ dựa vào thân, phát cuồng, cười ngặt nghẽo, cắn đứt thịt trên tay mình mấy chỗ mà miệng vẫn cười! Cha mẹ chồng thấy vậy không biết làm cách nào, bèn lớn tiếng niệm Nam Mô Quán Thế Âm Bồ Tát. Cô ta liền như si ngốc, không cười nữa, sanh đứa con ra. Ấy là do chí thành niệm Quán Ân, oán quỷ bỏ đi.

Vợ ông không biết "trong hiện tại chẳng biết chắc lúc nào sẽ có họa lớn tầy trời". Nếu hiểu được đạo lý ngừa sẵn tai họa, dù có cấm cản bà ta đừng niệm, bà ta vẫn cứ muốn lén lút thầm niệm, cần gì ông phải khuyên? Do bà ta là kẻ hồ đồ thiếu hiểu biết nên chẳng biết mình đang hoàn toàn sống trong cảnh họa hoạn, ngược ngạo tưởng là yên vui. Tới khi đại họa giáng xuống thân, không cách nào tránh né, hoảng sợ như sét nổ long trời, bưng tai chẳng kịp! Người như vậy đáng gọi là "kẻ si dại đáng thương xót, là phường ù ù cạc cạc chẳng thể cứu được, là kẻ sống oan uổng một đời". Chẳng đáng buồn sao! Chẳng đáng xót sao?

Ông hãy đưa thư của tôi cho bà ta xem. Nếu bà ta không biết chữ thì hãy giảng nói cho bà ta, chắc sẽ phát tâm! Nếu không, đành mặc cho bà ta vào A Tỳ địa ngục, thường hưởng thụ những món cúng dường thượng diệu của Diêm La đại vương như giường sắt, cột đồng, rừng gươm, núi đao, vạc sôi, lò than, coi đó là sung sướng, sung sướng không chi hơn được! Thử hỏi bà ta có muốn hưởng thụ những thứ cúng dường tốt đẹp ấy và muốn nhận lãnh sự yên vui ấy hay không? Nếu bà ta muốn thì cũng đáng coi là một hảo hán. Sợ rằng dẫu chỉ nghe [nói tới chuyện ấy] bà ta cũng chẳng muốn nghe. Chẳng chấp nhận làm gã hảo hán ấy thì phải làm một bà cụ già vô dụng chỉ biết niệm Phật!

Ông làm nghề Y, đừng nên học theo bọn thầy thuốc tầm thường "đau đầu bèn chữa đầu, đau chân bèn chữa chân" hiện thời! Bất luận nam hay nữ [hễ bị bệnh] đều nên dạy họ ngưng ân ái, mãi cho tới khi bình phục hoàn toàn, vẫn phải đợi hơn cả tháng rồi mới có thể ân ái một lần. Nếu không, dẫu chẳng đến nỗi chết ngay, nhưng cũng trở thành kẻ tàn phế vô dụng. Trừ khuê nữ, quả phụ là chẳng nên nói ra, đối với những kẻ khác đều phải nên nói [chuyện này], chớ nên ngượng miệng!

Hễ ai cầu con thì dạy họ ngưng ân ái nửa năm để bồi bổ Tiên Thiên cho đầy đủ, đợi khi vợ sạch kinh nguyệt rồi, vào đêm khí trời trong trẻo, nhằm ngày tốt không xui xẻo mới ân ái thì sẽ thụ thai! Từ đấy vĩnh viễn

ngưng ăn nằm, chắc chắn đứa con sanh ra thân thể mạnh khỏe, tâm thức thông minh, mẫn tiệp, tánh tình hiền thiện. Lại dạy vợ chồng họ thường niệm thánh hiệu Quán Âm, chắc chắn sẽ sanh được con cái phước đức, trí huệ, rạng rỡ đất nước lẫn gia đình.

Thầy thuốc hiện thời chỉ biết chữa bệnh, còn điều kiêng kỵ lớn lao đối với bệnh tật là ân ái đều nhất loạt chẳng chịu nhắc tới. Họ chẳng biết do đây mà bao nhiêu thanh niên nam nữ bị chết mất. Đấy chẳng phải là do thầy thuốc chữa bệnh làm chết bệnh nhân, nhưng vì chẳng chịu nói những điều kiêng kỵ trong bệnh tật đến nỗi người bệnh phải chết, thì cũng chẳng thể nào không gánh cái tội làm hại tánh mạng của người ta! Nếu bất luận là bệnh nào, đều dạy họ thôi ăn nằm thì công đức lớn lao giống như ban cho người ấy sức khỏe, trường thọ, yên vui vậy! Lại còn khuyên người ta ăn chay niệm Phật, niệm Quán Âm thì còn có thể làm cho người ấy liễu sanh thoát tử, siêu phàm nhập thánh, tức là "làm nghề mà tăng tấn đạo" vậy. So với những kẻ chỉ trị bệnh thì công đức càng lớn lao hơn nhiều lắm!

Nữ nhân khi sanh nở niệm Quán Âm chắc chắn chẳng bị khó sanh. Trong Một Lá Thư Trả Lời Khắp đã có nói rồi. Con gái từ nhỏ phải học tánh từ thiện, chẳng nóng giận thì những điều tốt lành sau này sẽ chẳng thể nào nói trọn. Nếu ưa nổi nóng thì những nỗi khổ sở sau này cũng chẳng thể nào nói trọn! Nếu cho con bú sữa mà nổi nóng đùng đùng thì đứa nhỏ ắt sẽ chết, nếu như nổi nóng vừa vừa thì đứa nhỏ ắt bị bệnh. Đấy chính là điều các danh y, thần y từ xưa tới nay chưa hề nói rõ! Nữ nhân tánh tình nhu hòa thì gia đạo cũng sẽ hòa thuận, con cháu nhìn theo bắt chước làm lành, lợi ích vô cùng!

Bài thuốc trị bệnh sốt rét trong Dược Phương dẫu người đã bị bệnh hơn mấy chục năm chẳng trị được cũng đều hễ trị liền lành. Năm ngoái, một đệ tử trị lành bệnh cho một người ở Thường Châu mắc bệnh sốt rét suốt mười bốn năm. Suốt mười bốn năm không biết người ấy đã qua tay bao nhiêu thầy thuốc chữa trị! Toa cai thuốc phiện trị được bệnh khí thống nơi gan, nơi bao tử. Dẫu ai bị bệnh khí thống mấy chục năm cũng hễ trị liền lành. Do mắt Quang chẳng dám nhìn vào giấy trắng ngần để viết nên ghi vào đây.

Toa thuốc trị chó dại cắn có nhiều vị thuốc đắt tiền, các tiệm thuốc đều đem thuốc giả thay vào, đến nỗi gây nguy hiểm cho tánh mạng người khác. Còn phương thuốc này hết sức tiện lợi, nhưng trong ấy có Địa Ngao Trùng[114], nhà người bệnh phải niệm Phật siêu độ cho loài

[114] Địa Ngao Trùng (Eupolyphaga Sinensis Walker) chính là một loại bọ hung.

trùng ấy sanh về Tây Phương thì đôi bên đều được lợi ích. Quang già rồi, từ nay về sau đừng gởi thư tới nữa do không có mục lực lẫn tinh thần để thù tiếp.

595. Thư trả lời cư sĩ Điển Uẩn

Hôm qua nhận được thư của cha ông, cho biết đối với hai gói sách Quang gởi cho cụ vào năm ngoái, ông đọc xong rất hoan hỷ, cũng muốn cùng với vợ quy y. Đối với những sách đã gởi vào năm ngoái, nếu ông đọc kỹ lưỡng thì chẳng những biết pháp tắc tu trì Tịnh nghiệp, mà ngay cả cách giữ mình cư xử trong cõi đời, thờ cha mẹ, dạy con, đều có pháp tắc.

Hiện thời sát kiếp ngập tràn, nhân dân lầm than, xét tới cội nguồn thì vẫn là do chính mình gây nên, chính mình phải hứng chịu. Vì sao vậy? Do người đời tham ăn ngon cho sướng bụng, giết các loài vật sống trong nước, trên mặt đất, bay trên không để thỏa thích bụng miệng. Sát nghiệp kết lại lâu ngày nên to dần, trở thành sát kiếp. Đối với cái nghiệp đã qua, chỉ có chí thành niệm Nam Mô A Di Đà Phật để siêu độ những sanh mạng bị giết ăn trong nhiều đời nhiều kiếp. Từ nay kiêng giết, ăn chay để vừa dứt sát nghiệp vừa rất phù hợp với cách thức giữ gìn sức khỏe lớn lao.

Chẳng biết cha ông đã ăn thuần món chay hay chưa? Ông hãy nên thuận theo chí cha mà ăn chay. Nếu cha ông chưa ăn chay trường thì hãy nên khuyên cụ ăn chay trường. Đã không ăn thịt thì một ngày sẽ đỡ giết bao nhiêu đó mạng, vui sướng chi hơn? Ngay cả con cái cũng nên khuyên chúng ăn chay. Đấy là yêu thương chân thật vậy!

Ông đọc tờ thông cáo rộng rãi về chuyện sữa độc giết chết trẻ con sẽ biết ăn thịt có hại, đã gây trở ngại lớn lao cho phép giữ gìn sức khỏe hiện thời, huống chi lại còn phải đền trả thân mạng trong đời sau, đời sau nữa!

Thời cuộc hiện thời chẳng biết sẽ biến chuyển ra sao. Ngoài lúc niệm Phật ra, hãy nên niệm thêm Nam Mô Quán Thế Âm Bồ Tát để dự phòng. Nếu thật sự chí thành, chắc chắn sẽ có cảm ứng. Hãy nên đem lời tôi bảo với hết thảy mọi người thì công đức vô lượng.

Tôi đã quên mất tựa đề những cuốn sách đã gởi trong năm ngoái. Nay gởi cho ông một cuốn Đồng Mông Tu Tri (trẻ nhỏ nên biết), ở đầu cuốn sách này có bài tựa *"Nêu bày ý nghĩa ẩn kín của việc dạy dỗ con cái"* và bài tựa *"Nêu bày những ý nghĩa ẩn kín của chữ Người"*; cuối

sách lại có Khuyến Niệm Quán Âm Văn, Bố Cáo Về Chuyện Sữa Độc Giết Chết Trẻ Con. Đây là điều các vị danh y, thần y nước ta từ xưa chưa hề tìm ra, hãy nên đem nói với hết thảy mọi người. Ai có tài lực hãy nên ấn tống rộng rãi để mong cả cõi đời đều biết.

Nay đặt pháp danh cho vợ chồng ông. Đặt pháp danh cho ông là Huệ Uẩn. Uẩn (蘊) là những điều chất chứa trong lòng. Những điều chất chứa trong lòng đều hợp với trí huệ thì sẽ là người hiền, người lành. Vợ ông pháp danh là Huệ Tồn. Tồn (存) tức là Uẩn. Niệm niệm hợp với trí huệ thì sẽ có thể giúp chồng dạy con, làm bậc mẫu nghi trong chốn khuê các, làm bậc thầy gương mẫu cho nữ giới, vinh hiển chi hơn?

Quang già rồi, tuổi đã bảy mươi tám, sẽ chết trong sáng tối. Con người sắp chết, ắt thốt lời tốt lành. Nguyện vợ chồng ông đều nghe theo lời tôi thì sẽ là đệ tử thật sự của đức Phật. Từ nay đừng gởi thư tới nữa do không có mục lực lẫn tinh thần để phúc đáp vậy!

596. Thư trả lời cư sĩ Lý Huệ Cơ

Huệ Mẫn đã có huệ căn từ đời trước nên có thể vừa niệm liền được tương ứng. Cần biết rằng: Người học Phật hãy nên trọn hết bổn phận của chính mình, ắt phải hiếu thuận với cha mẹ ruột, cha mẹ chồng, khuyên họ ăn chay niệm Phật, cầu sanh Tây Phương. Đối với anh em trai, chị em gái, chồng, vợ, chị em dâu, con cái, tôi tớ, đều nên đem những điều này để khuyên răn. Người làm được như thế mới là đệ tử thật sự của đức Phật.

Pháp danh chỉ là cái tên xuông, [làm được] những điều như vừa nói trên đây thì mới có thật đức. Phải chăm chú thật sự thực hiện "thật vì sanh tử, phát Bồ Đề tâm, dùng tín nguyện sâu niệm Phật cầu sanh" và "giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành". Tự hành như thế mà dạy người cũng như thế. Đấy chính là quy củ, khuôn mẫu lớn lao để tu Chân ngay trong cõi tục. Xin hãy nói bà ta. Quang già rồi, chớ nên thường gởi thư tới, cũng như đừng giới thiệu người khác quy y, do không có mục lực lẫn tinh thần để thù tiếp!

597. Thư trả lời cư sĩ Đặng Huệ Châu

Lòng người hiện tại khó lường, chuyện gì cũng đều có thể làm giả. Đối với chuyện quy y và truyền Ngũ Giới, Quang đều chẳng ghi sổ, nên

không có cách nào tra cứu được. Huống chi tuổi già tinh thần suy vi, chuyện gì đã qua liền quên ngay. Hai người ở Kim Sa [xưng họ là đệ tử quy y của Quang] chẳng biết là thật hay giả. Còn mười người ở Song Đôn [khoe họ] cùng thọ giới một lúc thì từ trước đến nay chưa hề có chuyện ấy. Nếu là cùng thọ giới trong một lần thì sợ rằng chẳng thật! Nếu mười người ấy không thọ giới cùng một lúc, sẽ khó phán định là thật hay giả. Lòng người khó lường!

Từ nay, nếu những ai không biết cặn kẽ tánh tình và không do người rất thân quen giới thiệu thì nhất loạt không thuyết giới cho họ. Nếu thông báo cho các vị lâm trưởng thì cũng khá nhọc lòng. Hãy nên cầu Vi Đà Bồ Tát răn nhắc những kẻ giả dối để họ sửa lỗi hướng lành thì sẽ là thỏa đáng rốt ráo nhất. Những sách ông cần, tôi đã bảo gởi đi rồi. Quang già rồi, hễ có ai quy y thọ giới đều bảo họ xin thọ với vị Tăng nơi họ đang ở, do không có mục lực lẫn tinh thần để thù tiếp vậy.

598. Thư trả lời cư sĩ X…

Con người sống trong thế gian, thời hạn được mấy chục năm, chớp mắt liền qua. Nếu chỉ sống uổng mà muốn có lại thời gian này, quyết sẽ chẳng khi nào có được nữa! Con người thành hay bại hoàn toàn do lúc bé: Nếu từ lúc thơ ấu đã sống luống uổng thì đến năm hai mươi tuổi đã đánh mất nhiều cơ hội rồi! Cha mẹ con đều coi ta là thầy, ta rất hy vọng con sẽ thành một người chân chánh thuần thiện để an ủi tấm lòng cha mẹ yêu thương con. Con hãy nên lập chí hướng lớn lao, học làm người tốt. Đừng a dua những kẻ trẻ tuổi xấu xa, làm càn, làm quấy. Phàm làm một chuyện gì, nói một lời nào, đều phải có ích cho mình lẫn người.

Hiện thời con đã trưởng thành, đã lập gia đình rồi, không đầy một hai năm nữa sẽ là cha của kẻ khác. Nếu con không có chí hướng chân chánh, ắt trong tương lai, con cái của con sẽ học theo con mà đọa vào phường tầm thường, chẳng có thành tựu gì! Cha mẹ là tấm gương cho con cái. Ví như đúc vàng, cái khuôn đã không đẹp thì chắc chắn chẳng thể đúc ra vật đẹp đẽ được! Con người tuy chí ngu, quyết không ai chẳng muốn cho con cái tốt đẹp.

Chẳng biết con cái sẽ tốt đẹp hay không ư? Hãy cầu tìm ngay trong tâm hạnh của chính mình. Huống chi con sanh trong nhà phú quý, trọn chưa từng trải qua gian khổ. Cần biết rằng: Con được yên vui hơn hai mươi năm chính là do công sức của cha con gìn giữ. Nếu con không lập chí, lúc cha con còn sống thì còn dựa dẫm được, nhưng cụ đã ngoài

sáu mươi rồi, trọn chẳng thể chăm chút cho con suốt đời được! Lúc này không lập chí, một khi cha con mất đi, chuyện gì con cũng không đảm đương được, ắt sẽ phải lo khuynh gia bại sản, chẳng tránh khỏi đói rét! Đến lúc ấy, dẫu có biết hối, vẫn chẳng kịp nữa rồi!

Hằng ngày con hãy nên đọc Thái Thượng Cảm Ứng Thiên, Văn Xương Âm Chất Văn, Quan Đế Giác Thế Chân Kinh dăm ba lượt, tối thiểu là phải đọc một lượt, và cũng bảo vợ con hãy đọc hằng ngày thì sẽ tự biết đạo lý làm người. Đã biết được đạo lý làm người thì sẽ kế thừa được gia phong của cha con. Hết thảy mọi người sẽ đều khâm phục ngưỡng mộ con, cho rằng cha con là một người tốt lành trọn vẹn nên có được một đứa con trai như thế. Điều ấy vinh hiển chi hơn? Rạng rỡ tổ tông, thành gia lập nghiệp chỉ là do biết lập chí học hỏi những điều tốt lành mà thôi! Há có chỗ nào khó làm, khó thực hiện chi đâu? Xin hãy suy nghĩ cặn kẽ! *(Ngày Mười Sáu tháng Mười Một năm Dân Quốc 18 - 1929)*

599. Thư trả lời cư sĩ Vương Tôn Liên

Nhận được thư, biết sở học của cư sĩ là cái học cho chính mình, chứ chẳng phải chỉ muốn làm một bậc đại thông gia phô trương thanh thế sáo rỗng mà thôi, khôn ngăn vui mừng, an ủi. Kinh điển Tịnh Độ rất nhiều, trong Văn Sao đã nhiều lần ghi chép đầy đủ như Quán Kinh Thiện Đạo Sớ *(hiện thời có bản khắc mới ở Quán Âm Am tại Nam Kinh, chánh xác hơn nhiều so với bản do cụ Dương Nhân Sơn đã khắc trước đây)*, Vô Lượng Thọ Kinh Sớ, Phổ Hiền Hạnh Nguyện Phẩm Sớ Sao Hiệt *(bản này do ông Phạm Cổ Nông trích yếu)*. A Di Đà Kinh, Vô Lượng Thọ Kinh, Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh, Phổ Hiền Hạnh Nguyện Phẩm là bốn kinh Tịnh Độ. Đối với Vãng Sanh Luận Chú thì cần phải thỉnh bản khắc mới ở Bắc Kinh, một là ít sai ngoa, hai là trình bày rõ ràng. Sách này hay tuyệt vời.

Di Đà Kinh Sớ Sao tuy rộng lớn, tinh vi, nhưng văn rườm, nghĩa lắm, đâm ra khiến cho kẻ sơ cơ khó được lợi ích, nhưng Di Đà Yếu Giải quả thật là bản chú giải tuyệt diệu bậc nhất từ xưa đến nay, chính là bản chú giải độc nhất vô nhị xưa nay, đừng nên xem thường thì sẽ may mắn lắm! Đại Minh còn có hơn một ngàn bộ sách này, tính muốn gởi hết sang Quan Trung để thỏa mãn ước nguyện pháp thí của ông ta, cho thỏa lòng ngu thành muốn báo ơn quê nhà của tôi. Điều quan trọng trong học đạo là đối trị tập khí. Thường có những kẻ học vấn càng sâu, tập khí càng mạnh; đấy chính là vì coi học đạo như học nghề, cho nên học đạo càng nhiều, nghịch đạo càng sâu! Đấy chính là nguồn cội khiến cho đạo Nho

lẫn đạo Thích đều suy vi ở nước ta. Nếu cư sĩ chẳng xuôi theo xu hướng ham thích [hời hợt] của xã hội trong hiện thời thì quê ta sẽ may mắn lắm thay!

600. Thư trả lời cư sĩ Trịnh Tử Bình

Hôm qua nhận được thư đề ngày mồng Một tháng Mười Một, khôn ngăn đau thương. Hiện thời các xứ đều có chiến tranh, trù tính cứu trợ rất khó. Quang đã bảo một đệ tử đem khoản tiền in Văn Sao *(hai ngàn)* và tiền xây dựng đại điện chùa Pháp Vân *(một ngàn)* gộp thành ba ngàn đồng, chắc sẽ có người cùng chí hướng giúp cho bao nhiêu đó nữa cũng không biết chừng. Đã cậy nhà đại từ thiện ở Thượng Hải là cư sĩ Vương Nhất Đình gọi điện hỏi thăm tình hình đường sá, nếu thông suốt sẽ gởi sang cho ông. Lại cậy ông ta tìm cách [giúp đỡ], hoặc nhiều, hoặc ít, chắc chắn sẽ có. Quang cũng chẳng dám hướng về mọi người quyên mộ, bởi hiện thời đâu đâu cũng bị tai nạn và đủ mọi nghĩa cử đều cầu xin Quang [giúp sức]. Nếu Quang thường khuyên người khác [quyên góp] thì chẳng những Quang không thể làm người, mà người ta còn coi Quang như kẻ đáng sợ, chẳng dám gặp mặt Quang nữa!

Món tiền ba ngàn đồng này đã là cắt thịt để đắp vết thương, là biện pháp vét sạch không còn sót gì nữa! Từ nay về sau, bất luận như thế nào, đừng cầu Quang lo liệu nữa! Nếu vẫn muốn lo liệu thì chỉ là một bức thư xuông. Ở chỗ ông Vương Nhất Đình và hòa thượng Chân Đạt đều có bản sao lá thư của ông, bọn họ sẽ giúp đỡ. Dương Thúc Cát mở một bệnh viện ở Nam Kinh, kinh doanh cũng èo uột. Hãy nên gởi thư hỏi ông Vương Ấu Nông, ông ta biết địa chỉ của Thúc Cát.

Con người hiện thời phần nhiều chẳng biết nhân quả. Năm Quang Tự thứ hai (1876), phàm những ai đứng ra phát chẩn ở quê tôi, không một ai chẳng bị tuyệt tự hoặc mắc họa lớn vì bọn họ lấy tiền bạc, lương thực cứu mạng để tự xài, ngồi nhìn dân đang đói bị chết đói! Dẫu có phân phát thì cũng đều là gây đủ mọi nỗi tệ hại lớn lao, [dùng chuyện phát chẩn] để che chắn thể diện. Há trời đất dung cho những kẻ ấy được tồn tại ư? Vì thế, bọn chúng đều tử vong, tuyệt diệt hết!

Nghe nói lần trước ở Thiểm Tây bị hạn hán, tại Thượng Hải trù tính gởi đi cứu trợ một hai chục vạn đồng, những kẻ cầm quyền ở Thiểm Tây đều phát tài, dùng [tiền ấy] để mở đường xe hơi nhằm che giữ thể diện. Thứ tâm hạnh ấy so với cọp, beo, sài lang còn ác độc hơn gấp vạn lần, chỉ biết cái lợi trước mắt, chẳng sợ hậu họa! Thật đáng xót thương! Ông

đừng mang ý niệm ấy nhé! Nếu nhờ vào chuyện cứu trợ này để tự thủ lợi thì chẳng những chính mình sẽ đọa thẳng vào ác đạo mà sẽ còn gây lụy khiến lệnh từ và tổ tiên đã khuất đều bị đọa ác đạo. Vợ con, anh em ông cũng đều sẽ bị tử vong, đọa lạc đấy!

Xem khắp những kẻ lo phát chẩn xưa nay: Phàm kẻ nào cắt xén, quyết chẳng có thiện báo! Phàm ai tận tâm tận lực thì con cháu chắc chắn phát đạt. Ông và tôi chưa từng gặp mặt, do nỗi khổ của dân đất Thiểm mà Quang đem món tiền muôn phần chẳng thể dùng vào việc khác để chuyển sang cứu trợ. Ông hãy nên do việc này mà vun bồi đức, đừng do việc này mà giở trò làm bậy! Nếu đã làm bậy thì tuy người không biết, thiên địa quỷ thần há bị lường gạt ư? Bởi lẽ, tâm chính mình vừa động, thiên địa quỷ thần thảy đều biết rõ. Muốn thiên địa quỷ thần không biết, trừ phi chính mình chẳng sanh cái tâm ấy. Nếu vừa sanh tâm dù thiện hay ác, không chuyện gì chẳng rõ rệt như nhìn vào ngọn lửa. Quang yêu mến, bảo vệ ông nên mới nói lời này. Nếu thực hành được thì may mắn chi hơn. Còn nếu như giở trò sai trái, sau này sẽ hối không kịp đấy!

601. Thư trả lời cư sĩ Châu Thạch Tăng (thư thứ nhất)

Doãn Vương Thị trọn chẳng ăn chay niệm Phật, vừa nghe pháp môn Tịnh Độ bèn có thể sốt sắng tu trì, lại còn biến điền trang của chính mình thành Từ Vân Liên Xã để mong những phụ nữ có chí tu trì đều cùng được nương tựa tu trì nơi đấy, quả thật là khó có! Nếu chẳng phải do đời trước đã có thiện căn, làm sao được như thế? Thật có thể gọi là "chín phẩm hoa sen" vậy!

Sợ rằng bà ta chưa nghe thông suốt pháp môn Tịnh Độ, nên đương nhiên phải làm cho bà ta sanh lòng tin chân thật, phát tâm nguyện thiết tha, quyết định cầu mong lúc lâm chung được Phật tiếp dẫn vãng sanh Tây Phương. Đừng xen tạp công phu luyện đan vận khí của ngoại đạo để cầu trường sanh và đừng mong được thành thần tiên nơi cõi trời Đại La v.v... thì sẽ chẳng uổng cuộc sống này, chẳng phí dịp gặp gỡ này.

Nay đặt pháp danh cho bà ta Huệ Đạo, nghĩa là dùng trí huệ để dẫn dắt những người cùng hàng cùng sanh Tây Phương. Lại phải khuyên người niệm Phật ai nấy trọn hết bổn phận của chính mình, như cha từ, con hiếu, anh nhường, em kính, chồng hòa, vợ thuận, chủ nhân từ, tớ trung thành, giữ tấm lòng tốt, nói lời tốt lành, làm chuyện tốt, đừng làm các việc ác, vâng làm các việc lành. Dùng những điều ấy để tự hành, lại

còn dùng những điều ấy để dạy người khác thì kẻ vô tri chẳng dám sanh hủy báng xằng bậy. Nếu chẳng thể trọn hết bổn phận của chính mình, dẫu có tu trì cũng khó tương ứng với Phật, lại còn gợi cho kẻ vô tri lầm lạc bảo: "Phật pháp vô ích cho luân thường, thế đạo".

Xem khắp xưa nay, những vị đại trung, đại hiếu, lòng nhân sâu xa, phẩm đức sâu dầy, đa phần đều do học Phật đắc lực mà ra. Do vậy, trong ba thứ chánh nhân Tịnh nghiệp của Quán Kinh, điều thứ nhất là hiếu dưỡng cha mẹ, phụng sự sư trưởng *(sư trưởng chính là người có đức)*, từ tâm chẳng giết, tu Thập Thiện Nghiệp. Có thể "hiếu, đễ, từ" thì có thể khiến cho ba nghiệp nơi thân *(ba nghiệp nơi thân là giết, trộm, dâm)*, bốn nghiệp nơi miệng *(bốn nghiệp nơi miệng là nói dối, nói thêu dệt, nói đôi chiều, ác khẩu*), ba nghiệp nơi ý *(ba nghiệp nơi ý là tham - sân - si)* thảy đều lành. Người như thế chính là vật báu cho quốc gia xã hội, sẽ khiến cho kẻ thấy người nghe nhìn theo bắt chước làm lành. Đấy gọi là: *"Dùng lời nói để dạy sẽ bị tranh cãi, dùng thân để dạy, người khác sẽ thuận theo"*.

Mọi chuyện trong thế gian đều phải lấy thân làm gốc. Huống chi hiện thời tà thuyết dị kiến không thứ lạ lùng nào chẳng có. Chúng ta học Phật nếu chẳng nghiêm túc suy xét từ luân thường, từ khởi tâm động niệm thì công phu của chính mình cũng khó được lợi ích. Người khác thấy nghe chắc sẽ thốt lời xầm xì, do vậy cần phải xét bàn từ luân thường, suy xét từ nơi khởi tâm động niệm, hễ lập được cái gốc thì đạo sẽ sanh. Người đời thấy nghe sẽ học theo mà không hay không biết. Ví như gió lùa cỏ rạp, nước chảy thành khe. Những điều cần phải nói khác đã có đầy đủ trong lá thư gởi cho ông Mã Tuấn Khanh [trong bộ Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên], đều nên đem những điều ấy nói với bà ta.

Giới thiệu người khác quy y quả thật là chuyện tốt đẹp nhất; nhưng nếu là kẻ không có lòng chánh tín, đừng nên giới thiệu tràn lan. Sợ rằng mai sau kẻ ấy sẽ lui sụt tạo nghiệp, đâm ra chẳng tốt đẹp gì! Nhân tâm khác biệt như thế đó! Nếu gặp kẻ có túc căn, cố nhiên hãy nên hướng dẫn, còn kẻ không có thiện tâm thì chớ nên dẫn dắt bừa bãi vì sợ đâm ra họ sẽ làm cho pháp môn bị nhục lây!

602. Thư trả lời cư sĩ Châu Thạch Tăng (thư thứ hai)

Phàm người quy y Phật pháp, bất luận nam hay nữ, đều phải giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành, kiêng giết, bảo vệ sanh mạng, yêu tiếc sanh mạng loài vật, tín nguyện niệm Phật, cầu sanh Tây Phương.

Chớ nên dùng công phu luyện đan vận khí của ngoại đạo để cầu trường sanh và sanh lên trời làm thần tiên cõi trời Đại La v.v… Hãy quyết định phát nguyện cầu khi lâm chung được Phật tiếp dẫn vãng sanh Tây Phương. Nếu tín nguyện chân thật, thiết tha, ai nấy đều có thể vãng sanh. Nếu được vãng sanh thì sẽ siêu phàm nhập thánh, liễu sanh thoát tử.

Nhưng muốn vãng sanh, ắt phải nghiêm túc trọn hết bổn phận của chính mình, như cha từ, con hiếu, anh nhường, em kính, chồng hòa, vợ thuận, chủ nhân từ, tớ trung thành, dựa theo chức phận của chính mình để trọn hết nghĩa vụ của chính mình. Lại còn đem pháp môn này khuyên bảo gia đình cha mẹ, anh em trai, chị em gái, vợ con và bằng hữu thân thích, xóm giềng, làng nước để hết thảy mọi người đều biết pháp này, đều tu pháp này, như vậy thì do cái công khuyên người ấy mà chính mình sẽ đạt được lợi ích càng sâu xa, lớn lao hơn!

Nữ nhân lấy *"tương phu giáo tử"* (giúp chồng dạy con) làm thiên chức. *"Tương"* (相) là giúp. ["Tương phu giáo tử" là] giúp chồng thành tựu đức hạnh, khéo dạy bảo con cái, khiến cho bọn họ đều thành hiền nhân, thiện nhân. Đấy chính là chức phận của nữ giới. Nữ nhân hiện thời thường nuông chiều con cái quen thói kiêu căng, chẳng lấy đạo lý làm người và nhân quả báo ứng để răn dạy. Vì thế con cái phần nhiều khó thành người đàng hoàng.

Do vậy, những kẻ đại thông minh mù quáng nhiễu loạn cõi đời và những phường giặc cướp làm càn làm quấy trọn khắp thế gian khiến cho nước không ra nước, dân chẳng thành dân, căn bản đều là do cha mẹ chúng nó chẳng biết trọn hết chức phận giáo huấn con cái của người làm cha mẹ mà ra, cho nên loạn lạc không có lúc nào yên. Nếu ai nấy đều khéo dạy dỗ con cái thì thế đạo sẽ tự nhiên thái bình. Những điều khác hãy xem trong Gia Ngôn Lục v.v… đều có viết đầy đủ về những điều ấy.

Hơn nữa, công đức niệm Phật tiêu trừ hết thảy ác nghiệp. Phàm gặp những tai nạn như đao binh, nước, lửa, ôn dịch, sâu rầy, hạn hán, lụt lội v.v… mà nếu có thể chí thành niệm Phật, niệm Quán Thế Âm Bồ Tát, ắt sẽ gặp dữ hóa lành. Nữ nhân sanh nở, nếu sanh không được mà chịu chí thành niệm Quán Thế Âm Bồ Tát, chắc chắn sẽ lập tức an nhiên sanh nở. Lúc bình thường chịu niệm thì càng có lợi ích lớn lao hơn.

Đừng nên bảo "lõa lồ bất tịnh, niệm sợ mắc tội!" Cần biết rằng Bồ Tát sẵn lòng cứu khổ, đấy chính là lúc liên quan đến tánh mạng, do vì không làm sao khác được, chứ không phải là có thể cung kính, khiết tịnh, mà chẳng chịu gắng hết sức cung kính, khiết tịnh! Chẳng những sản

phụ phải niệm ra tiếng rõ ràng, mà những người săn sóc bên cạnh cũng phải niệm giúp cho người ấy. Dẫu khó sanh đến nỗi sắp chết cũng đều có thể ngay lập tức an nhiên sanh nở. Hãy nên nói với hết thảy mọi người về chuyện này, đấy chính là cứu vớt sẵn sự hoạn nạn và tánh mạng của người khác, công đức rất lớn!

603. Thư trả lời cư sĩ Phí Phạm Cửu

Nhận được thư đầy đủ. Tôi soạn được lời tựa gồm tám trăm lẻ sáu chữ, nhưng câu chữ vụng về, chất phác, không có vị đại thông gia nào đọc đến chẳng chê bai, phê bình! Nếu có thể dùng được thì xin hãy cậy người viết chữ đẹp chép lại cho trang trọng, rõ ràng, cũng nên thêm dấu chấm câu để tránh cho những người chữ nghĩa ít ỏi không đọc thành câu được. Nếu không đọc được thành câu, làm sao hiểu nghĩa? Vì thế, bất luận là thứ văn tự nào đều phải nên chấm câu. Khi Quang viết thư cho ai, ngay cả khi [người nhận] là bậc đại thông gia, vẫn một mực chấm câu vì chẳng muốn người khác phải tốn chút công suy nghĩ nào để hiểu những lời lẽ hủ bại của tôi! Trong lời tựa đều không sử dụng lối Đài Đầu[115]. Nếu sử dụng lối Đài Đầu trong mọi chỗ sẽ quá phiền phức; không Đài Đầu cũng được! Nếu muốn Đài Đầu thì chỉ cần áp dụng trong câu nói về bức thánh tượng Quán Thế Âm do vị danh gia vẽ là được rồi *(Mồng Bốn tháng Chín năm Dân Quốc 27 - 1938).*

604. Thư trả lời cư sĩ Trần Tân Nho

Thư nhận được đầy đủ, trong bốn mươi tám nguyện, [có nguyện thứ mười tám là] *"mười niệm xưng danh liền được vãng sanh, chỉ trừ kẻ Ngũ Nghịch, phỉ báng chánh pháp"*. Đấy là nói về lúc bình thường! Bởi lẽ, Ngũ Nghịch đại tội, báng pháp chẳng tin, thứ tội chướng ấy há có thể dùng sự tu trì hời hợt, hờ hững để tiêu diệt được ư?

Theo Quán Kinh, kẻ Ngũ Nghịch Thập Ác lúc sắp mạng chung, tướng địa ngục hiện, có thiện tri thức *(ở đây bất luận là Tăng hay tục, nam hay nữ, chỉ cần dạy người ấy niệm Phật thì cũng được gọi là "thiện tri thức")* dạy niệm Phật, hoặc chỉ niệm mười tiếng hoặc niệm chưa đến mười tiếng đã mạng chung, cũng sẽ được cậy vào Phật từ lực đới nghiệp vãng sanh.

---

[115] Đài Đầu là một cách viết trong công văn, thư từ, thể hiện sự cung kính: Trước khi bắt đầu một danh xưng hay tên người thì bèn xuống dòng. Tức là danh xưng ấy trở thành chữ đầu dòng trong câu văn.

Mười niệm ấy so ra có khí thế dũng mãnh, thiết tha hơn hẳn mười niệm lúc bình thường một trời một vực. Do vậy bèn được vãng sanh. Do bị nỗi khổ cùng cực nơi địa ngục bức bách nên vừa được nghe danh hiệu Phật bèn dốc hết toàn bộ tinh thần xưng niệm. Trừ niệm ấy ra, trọn chẳng có niệm gì khác! Tuy chưa đích thân chứng được nhất tâm bất loạn, nhưng tâm đã rốt ráo chẳng còn có niệm nào khác! Đang trong lúc ấy, trọn chẳng có tam tâm, nhị ý, chẳng có tâm tướng tin tưởng - nghi ngờ xen lẫn! Vì thế, chẳng gọi là *"báng pháp"*.

Dẫu lúc bình thường là kẻ báng pháp thì [khi lâm chung] ắt cũng sẽ giống như té vào nước lửa cầu xin cứu vớt, rảnh đâu để sanh lòng nghi, khởi lòng báng bổ ư? Vãng Sanh Luận nói *"kẻ báng pháp chắc chắn không được vãng sanh"* vì đã báng chánh pháp thì sẽ không có lòng chánh tín, làm sao vãng sanh cho được? Đấy là lời lẽ nhằm cực lực khuyên con người phải phát lòng chánh tín. Nếu trước kia đã từng báng pháp, về sau biết cải hối thì sẽ được vãng sanh. Ví như lành bệnh liền trở thành người mạnh khỏe; kẻ quy hàng chính là người dân đã quy thuận.

Nếu nói: "Kẻ báng pháp dù sau này có cải hối cũng chẳng được vãng sanh" là đã hoàn toàn hiểu sai chuẩn mực tu trì. Đối với Nho giáo còn chẳng hợp, huống hồ đức Phật thấy "hết thảy chúng sanh đều có đủ Phật Tánh, đều sẽ thành Phật" ư? Kinh Thư chép: *"Chỉ vì thánh mất niệm mà thành cuồng; cuồng do khắc chế được ý niệm mà thành thánh"*. Do vậy biết rằng Nho và Phật đều lấy sửa lỗi hướng lành để chăm chú mong thành thánh, thành hiền, đoạn Hoặc, chứng Chân. Người đời chẳng khéo hiểu ý này, chỉ chấp vào lời văn, tự sanh chướng ngại, chẳng đáng buồn ư?

Quang là một ông Tăng tầm thường, trọn chẳng có ưu điểm nào, gặp gỡ thì có ích gì? Chẳng gặp đâu bị tổn hại gì? Nếu muốn gặp thì lại có khó khăn chi? Ước chừng vào nửa sau tháng Bảy, ắt tôi sẽ sang chùa Thái Bình, phải lẩn quẩn ở đó hai ba tháng đợi cho việc in sách xong xuôi rồi sẽ liền diệt tung tích ẩn náu lâu dài để vĩnh viễn chẳng còn qua lại với hết thảy mọi người nữa.

Ông muốn quy y thì nay đặt pháp danh cho ông là Huệ Tân; nghĩa là trí huệ sẵn có vốn là vật cũ của chính mình, nhưng do Hoặc nghiệp chướng lấp nên chẳng thể thọ dụng được. Nay dùng sức niệm Phật để tiêu trừ Hoặc nghiệp, khiến cho trí huệ ấy lại được tỏ rạng. Tuy là vật cũ, nhưng chẳng khác gì mới đạt được, cho nên gọi là Huệ Tân.

Lại mong ông sẽ đem pháp môn Niệm Phật này hóa độ hết thảy để bọn họ sẽ đều tự làm cho đức ấy được trở thành mới mẻ thì may mắn

lắm thay! Điều trọng yếu trong tu trì là giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành. Những điều khác đã được nói tường tận trong Văn Sao, Gia Ngôn Lục, xin hãy tìm đọc, ở đây không viết cặn kẽ!

605. Thư trả lời cư sĩ Khang Ký Dao (thư thứ nhất)

Nhận được thư biết ông tới chỗ ngụ ở Thượng Hải an toàn, hết thảy đều như thường, vui mừng, an ủi đến cùng cực. Thời cuộc chẳng yên, đừng nên bắt đầu tiến hành [làm những chuyện đã định]. Nên đợi đến khi thái bình thì mới tiến hành. Nếu không cẩn thận, sẽ hối chẳng kịp đấy! Vì vậy, đừng hạn định ngày tháng mà hãy nên dựa theo thời thế để ứng biến. Thế đạo hiện thời chính là thế đạo hoạn nạn. Tuy nói "niệm Phật diệt được túc nghiệp", nhưng cần phải sanh lòng hổ thẹn lớn lao, sanh lòng kinh sợ lớn lao, chuyển cái tâm "tổn người lợi mình" của chúng sanh thành "hành hạnh Bồ Tát lợi khắp các chúng sanh" thì dù là túc nghiệp (nghiệp trong quá khứ) hay hiện nghiệp (nghiệp hiện tại) đều bị quang minh của Phật hiệu trong cái tâm đại Bồ Đề ấy tiêu diệt sạch sành sanh.

Nếu đời trước và xưa kia từng tạo nghiệp lớn, nay tuy đã thôi làm ác, nhưng chưa thể tận lực tu các điều lành và chỉ niệm Phật hời hợt, hờ hững thì công chẳng cự được lỗi, cho nên khó tránh vướng phải ác báo ấy được! Chẳng phải là niệm Phật uổng công, mà là vì chưa phát Bồ Đề tâm, nhưng ác nghiệp lại đặc biệt rộng lớn nên [công đức niệm Phật] chẳng thể che lấp [ác nghiệp] được! Nếu có thể phát đại Bồ Đề tâm thì sẽ như mặt trời rực rỡ giữa hư không, sương móc tan ngay lập tức. Người đời phần nhiều nửa đời làm ác, rồi sau này mới cải hối. Do chưa thể hoàn toàn không có ác báo, bèn bảo: "Phật pháp chẳng linh, tu trì vô ích!"

Cư sĩ đã chẳng coi Quang là người ngoài, nên cố nhiên Quang chẳng thể không trình bày đại lược nguyên do với cư sĩ để mong ông thoát khỏi đường mê, lên bờ giác. Pháp môn Niệm Phật lấy ba pháp Tín - Nguyện - Hạnh làm tông, lấy Bồ Đề tâm làm căn bản. Do bởi thật nghĩa *"tâm này là Phật, tâm này làm Phật, nhân trùm biển quả, quả thấu nguồn nhân",* [cho nên] dùng *"nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối"* làm công phu thực hiện tối thiết yếu. Dùng điều ấy để hành, lại còn Tứ Hoằng Thệ Nguyện thường chẳng rời tâm thì tâm hợp với Phật, tâm hợp với đạo. Lúc đang còn sống sẽ dự vào bậc thánh, lâm chung lên thẳng Thượng

Phẩm, ngõ hầu chẳng phụ cuộc sống này. Phải thường nên giảng nói với Chí Thường [những điều vừa nói trên đây] khiến cho tập khí nữ nhi hẹp hòi, hèn kém của cô ta biến thành chánh trí Bồ Đề thì công đức lớn lao lắm. Người tu Tịnh nghiệp ắt phải khuyên khắp người đời cùng tu Tịnh nghiệp, *"làm gương cho vợ mình rồi đến anh em, cho đến khắp đất nước"*[116] cho nên chẳng khác gì sự giáo hóa của các vị vua.

606. Thư trả lời cư sĩ Khang Ký Dao (thư thứ hai)

Nhận được thư đầy đủ. Đất Tần rét buốt, Tịnh Nghiệp Cư chỉ nên mở tiệm cơm chay thì mới có đôi chút khả quan. Nếu chiếu theo biện pháp của Công Đức Lâm ở phương Nam, ắt sẽ bị cụt vốn. Ở nơi ấy đã mang tên là Tịnh Nghiệp Cư thì hãy nên nhờ người viết chữ đẹp dùng lối chữ Khải chánh thức đang thông dụng hiện thời để sao chép công đức, lợi ích của Tịnh nghiệp và pháp tắc tu trì, rồi đem treo [những bài viết ấy] trên các bức tường để người ta đọc tới sẽ dấy lòng cảm kích. Ở nơi ấy chẳng thể tổ chức diễn giảng vì sợ có đông người đến nghe sẽ không đủ chỗ chứa, đừng nên làm theo kiểu đó. Nếu cứ làm thì sẽ đâm ra bị chướng ngại mà cũng gây trở ngại cho việc làm ăn.

Tịch Viên Liên Xã ắt phải thanh tịnh, thơm sạch. Chủ nhân ắt phải cung kính, chí thành, chớ nên ngạo mạn đối với người khác, cũng chớ đừng phô phang tỏ vẻ mình là người có đức hạnh. Phàm có ai đến đều phải đối đãi ôn hòa, cung kính, khiêm tốn *(Xét trong hiện thời, các hội Phật giáo các nơi hễ có quy mô hơi lớn thì thường phạm phải thói xấu là ngạo mạn đối với người khác. Đọc đến đây hãy nên đau đáu răn dè. Hãy chớ nên phân biệt sang - hèn, khiến cho khắp mọi người cùng được thấm nhuần pháp vị, gieo thiện căn)*. Còn như khi chưa niệm Phật và lúc đã niệm Phật xong, nhất loạt chẳng cho [những người đến niệm Phật] bàn tán chuyện trong gia đình. Nếu

---

[116] Đây là một đoạn thơ trích từ bài Tư Tề thuộc tiểu loại Văn Vương Chi Thập trong phần Đại Nhã của kinh Thi: *"Hình vu quả thê, chí vu huynh đệ, dĩ ngự vu gia bang"*. Câu nói này cũng được Mạnh Tử nhắc lại trong thiên Lương Huệ Vương, sách Mạnh Tử. Theo cách giải thích của Tứ Thư Bạch Thoại giải thì: "*Quả thê là đích thê (vợ cả, vợ chánh), Hình là nêu gương, Ngự là cai trị. Theo Tập Sớ thì 'hình quả thê, chí huynh đệ, dĩ ngự gia bang chính là đạo tu thân, tề gia, trị quốc. Ý nói Văn Vương ở trong chốn riêng tư thì hết sức hòa nhã, đối với tông miếu hết thảy kính cẩn'. Do vậy, câu này phải hiểu là: Văn Vương dùng lễ pháp để nêu gương cho vợ con, đối xử nhân ái với anh em, khiến anh em nêu gương, khiến cho cả nước phải tuân phụng theo"*. Do vậy, chúng tôi chỉ dịch gọn là: "*Làm gương cho vợ mình, lan đến anh em, rồi truyền khắp đất nước"*.

có những nghĩa trọng yếu có thể bàn luận được thì hãy bàn. Nếu không, ai về nhà nấy. Kẻ nào tuổi quá nhỏ thì chỉ nên niệm trong nhà của chính mình. Nếu thường đến mà ở gần thì còn được, chứ như đường xa sợ sẽ có chuyện xảy ra ngoài ý muốn, chẳng thể không cẩn thận! Nơi đây bất quá là chỗ để đề xướng [tu Tịnh nghiệp] trong địa phương mà thôi, vẫn phải chú trọng chuyên niệm Phật tại gia.

Ông đã đề xướng Liên Xã thì người lớn kẻ nhỏ trong nhà đều phải đoạn trừ rượu thịt. Nếu vẫn cứ [ăn uống tùy tiện] giống như người đương thời thì sẽ mất đi thể cách đề xướng. Chương trình giản lược của Tịnh Nghiệp Cư văn lẫn lý đều hay, nhưng chữ Huân (葷) bị viết sai thành chữ Vựng *(暈: Quầng sáng quanh mặt trời, mặt trăng. Chữ 暈 đọc giống như âm Vận)* thật là thất cách, xin hãy sửa cho đúng. Chữ Huân (葷) vốn chỉ những thứ hành, hẹ, kiệu, tỏi, cho nên viết bằng bộ Thảo (草). Kinh Phạm Võng giảng rõ Ngũ Tân (五辛: năm thứ cay nồng) là Đại Toán Thông (大蒜葱: *tức hẹ*), Từ Thông (慈葱: *hành*), Lan Thông (蘭葱: *tức là Tiểu Toán* 小蒜, *chính là kiệu*), Huân Vật (葷物: *tỏi*). Phương này (Trung Hoa) chỉ có bốn thứ ấy, ở Tây Vực có thêm Hưng Cừ[117] (興渠: củ nén) nên gọi là Ngũ Tân, cũng gọi là Ngũ Huân. Cũng có ngoại đạo coi Nguyên Tuy (芫荽)[118] là Huân (rau có mùi tanh hôi), lại có phái ngoại đạo coi Hồng La Bồ (củ giền) là Huân, đều là bịa đặt!

Năm thứ Huân này vốn thuộc thảo mộc, nhưng do có mùi hôi dơ nên không được ăn. Ăn vào thì tụng kinh niệm Phật đều không được hưởng

---

[117] Hưng Cừ (Hingu): Còn phiên âm là Huân Cừ, Hưng Cù, Hưng Cựu, Hưng Nghi, Hình Ngu, hoặc Hình Cụ, vốn chỉ mọc ở Tân Cương, Hòa Điền (Khotan), Tây Tạng, Ấn Độ, Iran, A Phú Hãn v.v… là một loại thảo mộc, có tên khoa học là Asafoetida, cao tối đa hai mét, thân củ mập, sắc trắng, mùi hôi như tỏi, nhưng củ nhỏ hơn, thường dùng làm gia vị. Khi bẻ thân loại cây này, chỗ gãy sẽ tiết ra dịch nhờn, dịch nhờn ấy có thể dùng làm thuốc với tên gọi được gọi là A Ngụy (thường bị đọc trại thành A Ngùy). Do cây Củ Nén (hoặc củ néng?) của Việt Nam cũng có hình dáng gần giống như vậy và có mùi tỏi nên chữ Hưng Cừ thường được dịch tạm là Củ Nén.

[118] Nguyên Tuy (Coriander) là một loại rau thơm, thường được biết dưới tên thông dụng là Cilantro, trông hơi giống như rau ngò (rau mùi, ngò rí) của Việt Nam, nhưng lá to hơn và không thơm bằng (có lẽ vì thế một số người gọi nó là ngò Tây). Do hạt của nó có hương vị khác biệt, thơm nồng hơn lá, nên thường được người Ấn Độ dùng làm thành phần chủ yếu cho hương liệu Garam Masala và cà ri. Người Ấn còn nướng hạt ngò Tây để nhai cho thơm miệng. Hạt ngò Tây cũng được dùng để tạo hương vị đặc biệt cho các loại bánh mì cứng làm bằng hắc mạch (Rye) của Nga.

lợi ích lớn lao[119]. Huống chi thịt là thứ lấy từ thân thể chúng sanh, [con vật] đang sống sờn sơ bèn giết đi để mong thỏa thích cái miệng. Người đời quen thói chẳng thấy đó là chuyện kỳ quái, hễ nghĩ tưởng thì [sẽ thấy] đúng là vô lý đến cùng cực, đáng sợ thay! Quang chưa thể định trước được thời hạn trở về, cần gì phải có người đón tiếp; chỉ [để Quang] đi một mình thôi [là được rồi], nếu đón tiếp đâm ra trở thành chướng ngại! Ngàn vạn phần đừng đến, nếu đến thì tôi chẳng trở về!

607. Thư trả lời cư sĩ Khang Ký Dao (thư thứ ba)

Nhận được thư, kinh và bài minh trên tháp [thờ mẹ của ông] v.v… khôn ngăn vui mừng, an ủi. Một thiên tự thuật đã bộc lộ khá thành khẩn; nhưng những điều được trình bày ắt phải là những hạnh ta thấy rõ thì mới là thật nghĩa. Nếu không, sẽ trở thành vọng ngữ, lừa mình, gạt người!

Chẳng biết tháp của lệnh từ được xây theo cách thức như thế nào. Theo chế định của Phật, Luân Vương (Chuyển Luân Thánh Vương) mới được xây tháp nhưng không có tầng cấp. Đối với bậc xuất gia chứng Sơ, Nhị, Tam, Tứ Quả thì tùy theo quả vị của họ đã chứng để phân định [được phép xây] bao nhiêu tầng cấp.

Nếu là phàm phu, chớ nên xây tháp! Trong thời gần đây, các Tăng đều xây tháp, nhưng chỉ có hình dáng chứ không phân tầng cấp thì vẫn còn chấp nhận được; chưa hề nghe nói xây tháp cho người tại gia! Các

---

[119] Theo Đại Phật Đảnh Thủ Lăng Nghiêm Kinh (quyển tám) thì năm thứ hôi nồng này, tuy là thảo mộc, nhưng ăn chín sẽ khiến lòng dâm nẩy sanh, ăn sống sẽ khiến cho người thích ăn hay nóng giận. Hơn nữa, thiên tiên mười phương không thích mùi hôi hám của năm loại này nên thường tránh xa, các loài ngạ quỷ lại đặc biệt ưa thích nên thường đến liếm môi mép của người ăn. Do quỷ thường lui tới nên phước đức của người ăn bị tiêu giảm. Đại lực quỷ vương thừa cơ hiện thân Phật dối gạt thuyết pháp, dạy người ăn Ngũ Tân phạm giới, khen ngợi dâm - nộ - si, khiến cho kẻ ấy mạng chung sẽ làm quyến thuộc của ma, vĩnh viễn đọa trong địa ngục Vô Gián. Vì thế, người cầu Bồ Đề phải đoạn dứt Ngũ Tân. Tuy Ngũ Tân bị cấm ăn, nhưng trong trường hợp bị bệnh phải ăn để trị bệnh thì đức Phật cũng đặc biệt hứa khả. Theo Kinh Yếu Tập quyển 20 dẫn các bộ luật Tăng Kỳ, Thập Tụng Luật, Ngũ Phần Luật v.v… nếu tỳ-kheo bị bệnh đành phải ăn Ngũ Tân thì trong bảy ngày phải ở riêng trong một phòng nhỏ, không được nằm trên giường đệm của Tăng, không được ở lẫn lộn với Tăng chúng, không được lên giảng đường, nhiễu tháp Phật, hoặc vào Tăng Đường, phải ngồi dưới chiều gió nếu có chuyện cần thiết phải họp mặt với Tăng chúng. Sau bảy ngày phải tắm gội súc rửa sạch sẽ, dùng hương xông áo khử mùi hôi hám rồi mới được nhập chúng.

đệ tử của ông Dương Nhân Sơn xây tháp cho thầy, cách thức gần giống như tháp Phật, chẳng đáng để bắt chước theo; nhưng do ông ta có công lưu thông, hoằng dương Phật pháp, nên các đệ tử tôn xưng quá mức. Lệnh từ tuy suốt đời thanh tu, lâm chung chánh niệm vãng sanh, nhưng sở chứng của cụ chưa biết ra sao! Ở phương này (cõi Sa Bà), quyết chớ nên mạo xưng là thánh nhân. Hễ nghĩ như vậy tức là đã "đem phàm lạm thánh".

Nếu cụ có chứng đắc sau khi vãng sanh thì chẳng thể coi đó là sở chứng trong khi cụ còn sống ở phương này. Vì thế, đối với chuyện ở phương này hay chuyện sau khi đã sanh sang cõi kia, đều phải dựa theo nơi chốn mà phân chia rạch ròi thì mới chẳng trái nghịch cấm chế của đức Phật. Nhưng cụ đã tu hành tốt đẹp thì cũng chỉ nên tùy ý lưu truyền, nhưng chớ nên nghĩ làm như vậy là đúng, khiến cho những kẻ có tâm đều bắt chước làm theo. Quang chẳng thể không nói rõ điều này! Ông chép kinh Bát Đại Nhân Giác rất đẹp khiến cho người đọc sanh lòng hoan hỷ.

Ngày Hai Mươi Sáu tháng Chín, Quang xuống núi. Đến cuối tháng, đến Thượng Hải, tưởng là ông và gia quyến đều trở về nhà hết rồi, vì thế trọn chẳng hỏi đến. Tới mồng Năm tháng Chạp, ông Lý Cấp Nhân tới thăm, mới biết là gia đình ông chưa trở về hết. Chuyện Quang trở về đất Thiểm quả thật chẳng dễ dàng. Do đất Thiểm loạn lạc, lại còn rét buốt. Nếu quần áo, đồ đạc đều bỏ lại hết thì khi tới đất Tần sẽ sắm sửa không được. Nếu cầm theo hết thì hành lý sẽ cồng kềnh, thật khó khăn cho cả đôi bên. Vì thế, Quang trọn chẳng có lòng trở về đất Tần.

Huống chi hiện thời tại Phổ Đà đang tu chỉnh Sơn Chí, tuy không do Quang chủ trương nhưng cố nhiên Quang chẳng thể bỏ mặc được. Lại còn môn loại Đại Sĩ Bổn Tích, Quang đã cậy một người bạn ở Giang Tây biên soạn tám chín tháng rồi, chuyện ấy vàn muôn phần chẳng thể nhờ tay người khác lo liệu được! Phải đợi cho ông ta tu chỉnh xong xuôi, Quang đọc qua rồi mới đem ghép vào Sơn Chí, hoặc cho lưu hành riêng, Quang đều phải tự lo liệu.

Ông đã biết *"hết thảy chúng sanh đều là cha mẹ trong quá khứ, là chư Phật trong vị lai"*, thì tất cả quyến thuộc chánh phụ[120] trong nhà đều nên vĩnh viễn thôi ăn mặn, đấy mới là thật sự tu hành. Nhà Nho trong cõi

---

[120] Nguyên văn "bổn chi quyến thuộc" (quyến thuộc gốc và nhánh), tức những người thân thuộc trực hệ như vợ, con, cháu nội, cháu ngoại, dâu, rể… (thì gọi là gốc), và những người có quan hệ gián tiếp như cháu gọi bằng cô, cậu, chị dâu, anh rể, dì, dượng… thì gọi là nhánh. Do vậy, chúng tôi dùng chữ chánh và phụ để diễn tả ý này.

đời do thói quen cố kết coi ăn thịt là lẽ đương nhiên, trọn chẳng nghĩ đến nỗi đau khổ khi những con vật bị giết hại; huống là bàn đến chuyện quá khứ và vị lai ư? Buồn thay! Đời này chẳng độ được thân này thì đến đời nào mới độ được? Sửa đổi nếp sống để tu thì chẳng thích hợp cho lắm.

Hiện thời, trời đang chuyển sang vận khí tốt đẹp, con người vui vẻ, mùa màng sung túc, nghĩ tưởng năm mới đã đến, [chúc ông] mọi duyên như ý, đứng ngồi hưởng phước, Chí Thường và các cháu đều cát tường, yên vui, khôn ngăn vui mừng, an ủi. Viết thư này để mong ông được an vui thuận lợi và chúc mừng năm mới, mong sao cả nhà đều yên vui. Nếu không có chuyện gì quan trọng, đừng tới núi vì e rằng trong tháng Ba Quang sẽ qua Hàng Châu. Nếu thuận tiện sẽ gặp mặt một phen.

608. Thư trả lời cư sĩ Khang Ký Dao (thư thứ tư)

Chuyện vui chơi giải trí tổn hại nhiều, lợi ích ít, vĩnh viễn tránh không lo tính đến chuyện này sẽ hợp lẽ nhất. Hôm trước, từ An Huy gởi tới tờ báo Giáo Dục số ra mỗi quý (ba tháng) cũng có bàn đến chuyện này. Khéo sao, nay ông lại gởi thư này! Người nước ta chỉ biết học theo cách thức của ngoại quốc, chẳng tính đến lợi - hại, nên chỉ thường bị thua thiệt. Há có nên thuận theo ý mình để lập ra pháp tắc ư? Ắt phải chuẩn theo [khuôn mẫu của] thánh nhân đời trước cũng như tình cảm con người, sao cho đôi bề đều chẳng trái nghịch thì mới không vướng thói tệ.

Gần đây, những kẻ làm đại sự trong bao nhiêu năm đều chuyên lập dị, coi học theo người ngoài là đúng, coi Nghiêu, Thuấn, Châu, Khổng đều chẳng đáng để noi theo! Hễ chưa đắc chí bèn thành gã dân cuồng vọng, ương ngạnh khó giáo hóa. Kẻ đã đắc chí bèn thành phường rối nước hại dân. Vì thế, thiên tai, nhân họa liên tục dấy lên, vận nước nguy ngập, dân không lẽ sống!

Điều quý nhất nơi người học Phật là phải đối trị tập khí, sửa lỗi, hướng lành. Nếu không có chuyện gì bận bịu thì dốc hết sức học Phật; nếu có chuyện gì bèn gác bỏ học Phật thì sẽ trở thành kẻ mang cái danh xuông, chẳng có mảy may ích lợi thật sự nào! Trong tháng Tư, Đại Minh gởi thư đến cho biết ông ta muốn đưa mẹ xuống chơi miền Nam trong mùa Hạ, Quang tận lực ngăn cản. Ông ta nói đầu mùa Thu sẽ đến Thượng Hải, rốt cuộc chưa từng đến.

Trong kinh sử Nho gia, nhân quả báo ứng cực nhiều. Tiếc rằng các Nho sĩ chẳng bận tâm đến sanh tử; vì thế "có thấy cũng giống như không

thấy!" Ngụy Mai Tôn tỵ nạn tại Thượng Hải, nghĩ đến cuộc sống người dân khốn khổ là vì các tướng lãnh, quan lại [cai trị hà khắc gây nên]. Do vậy, sao lục trong sử sách được ba mươi sáu câu chuyện dẫn dắt đến điều tốt lành, và quả báo không ham giết chóc hay ham giết chóc của các tướng lãnh, quan lại. Ông ta muốn cấp tốc ấn hành những chuyện ấy nên thưa với Quang.

Quang nói:

- Mối họa hiện thời đã thành, không có thuốc chữa! Muốn tiêu trừ mối họa cho tương lai thì hãy nên biên tập rộng rãi những chuyện nhân quả báo ứng từ hai mươi hai bộ sử để truyền bá khắp cả nước thì sẽ có lợi ích lớn lao.

Do vậy, tôi đem bộ Nhị Thập Nhị Sử Cảm Ứng Lục [của Bành Lan Đài] gởi cho ông ta. Ông ta bèn nghe lời Quang nói, tận lực sưu tập. Quang bảo ông ta cậy nhiều người giúp sức sao chép, lấy tối thiểu một năm làm hạn. Khi nào cuốn sách ấy soạn xong sẽ in mấy vạn bộ để làm nền tảng gầy dựng thái bình cho vị lai. Đã bảo gởi trước Văn Sao cho ông và Vương Tôn Liên, mỗi người mấy chục gói. Hãy nên tùy duyên mà biếu tặng để làm pháp thí cho Đại Minh.

Câu chữ trong Vãng Sanh Chú là do ông Vương Long Thư dựa theo bản chép trong Đại Tạng để chấm câu. Tiền nhân cho rằng chú văn ghi trong Đại Tạng rời rạc (ý nói: Cách chấm câu thiếu mạch lạc, không hợp lý), chẳng thể dựa theo cách chấm câu ấy được, cứ chiếu theo bản đang được lưu thông là đúng.

Chớ nên dùng chữ "A Di Đà Phật" ở cuối thư. Ba năm trước, Phạm Cổ Nông dùng [chữ A Di Đà Phật viết theo lối] triện văn của sư Hoằng Nhất để in theo lối Câu Ấn[121]. Quang biết được, cực lực quở trách ông ta khinh nhờn, do vậy Cổ Nông mới ngừng in. Hãy nên in những ngôn từ có tác dụng cảnh tỉnh, răn nhắc người đời [mạnh mẽ] nhất thì sẽ hữu ích, không phạm lỗi. Nếu in danh hiệu Phật rồi viết bừa bãi trên đó, xét về lý sẽ chẳng thích đáng!

---

[121] Câu Ấn, gọi đủ là Đới Câu Ấn, tức là một loại con dấu cá nhân, thường dùng để mang theo mình, mỗi khi viết lách thư từ hoặc vẽ vời, đề thơ, thường đóng dấu bên cạnh sau khi đề tên. Thoạt đầu, do ấn làm bằng đồng hoặc bằng ngọc có đuôi cong như cái móc để dễ cầm khi đóng dấu nên gọi là Câu Ấn. Do ông Phạm Cổ Nông cho in những tờ giấy có in sẵn hình Câu Ấn, trên ấn viết chữ A Di Đà Phật, tức là lấy danh hiệu A Di Đà Phật thay cho tên hiệu của chính mình, nên Tổ mới quở là "khinh nhờn". Tương tự, Vưu Hóa Nhất vẽ hình A Di Đà Phật theo đủ mọi kiểu lập dị chứ không chú trọng diễn tả phước tướng trang nghiêm của Phật nên mới bị Tổ quở trách, ngăn cản đừng in, vì sợ kẻ khác nhìn thấy sẽ bắt chước làm theo!

Năm Dân Quốc thứ sáu (1917), Ưng Đức Hoằng gởi thư cho Quang, trên tờ thư phỏng theo kiểu chữ viết thiếp đời Tấn. Khi viết tới hai chữ Di Lặc, lại vẽ thành hình đức Di Lặc; Quang lập tức quở là sai trái. Người đời nay thích lập dị, nếu chẳng biết kiểm điểm, sẽ tràn lan, hỗn loạn, không còn khuôn phép gì nữa! Con trai Vưu Tích Âm là Hóa Nhất có tín tâm tột bậc, có hành trì, nhưng lại vẽ hình A Di Đà Phật đủ mọi kiểu cọ. Tích Âm đã dọ giá, muốn đem khắc in. [Con trai thứ của Vưu Tích Âm là] Hóa Tam đến núi gặp Quang [thưa trình], Quang cực lực quở trách lỗi ấy mới thôi. Xin hãy xét tường tận!

609. Thư trả lời cư sĩ Khang Ký Dao (thư thứ năm)

Nhận được thư đầy đủ. Dương Thúc Cát đến đây cho biết nỗi khổ của dân đất Tần (Thiểm Tây) chẳng khác gì ở trong địa ngục cho mấy! Đang trong lúc kiếp trược đời loạn này, cố nhiên hãy nên đề xướng nhân quả báo ứng và pháp môn Tịnh Độ thì mới có ích lợi thật sự. Những kẻ ham cao chuộng xa sợ rằng hễ đề xướng [như vậy] thì tiếng tăm, giá trị sẽ bị hủy hoại! Vì thế, thà mặc kệ kẻ khác chẳng hiểu, chứ quyết chẳng chịu hạ thấp môn phong của ta.

Thử hỏi: Đối với những vật bên ngoài dùng để điều hòa nuôi dưỡng thân tâm, tánh mạng, há bọn họ có thể cố chấp một lối, chẳng cầu biến - thông hay không? Mùa Hạ mặc áo mỏng, mùa Đông mặc áo cừu, khát uống, đói ăn. Trong suốt một ngày, ắt vẫn phải cầu sao cho thích nghi, nhưng trong trí bọn họ đối với chuyện hoằng pháp lại ngược ngạo chẳng tính kế sách [ổn thỏa] giống như nuôi nấng cái thân, há có đáng gọi là "thật sự muốn tạo lợi ích cho người khác" hay sao?

Văn Sao tặng cho người có tín tâm, thông văn lý là được rồi, cần gì phải kê khai một danh sách gởi tới? Há chẳng phải là vô sự lại sanh sự đó chăng? Trịnh Tử Bình có tín tâm, sao chẳng bái vị đại pháp sư hiện đang hoằng pháp làm thầy, cứ muốn tôn Quang làm thầy? Cũng là do kiến địa chưa đến nơi đến chốn!

Gần đây Quang bận bịu đa đoan, đúng là sức chẳng thể chống chọi được nổi, hãy nên bớt gởi thư từ tới thì hơn. Nếu ông ta tin tưởng thì chỉ nên y theo Văn Sao hành trì là được rồi, cần gì phải chuyên gởi thư thỉnh giáo. Há lẽ nào Quang sẽ nói thêm những điều nào khác với những ý đã được nói trong Văn Sao ư? Ông ta chịu quy y cao nhân thì may mắn không chi lớn bằng! Nếu ông ta vẫn cố chấp không chuyển ý thì xin hãy thay tôi đặt cho ông ta một cái tên là được rồi, chẳng cần phải gởi thư

đến khiến cho đôi bên đều nhọc sức!

610. Thư trả lời cư sĩ Từ Bình Hiên

Nhận được thư, biết đích xác chuyện lệnh từ nắm chặt xâu chuỗi [sau khi đã mất], quả thật là chẳng thể nghĩ bàn. Sở dĩ tôi phải hỏi cặn kẽ chuyện ấy là do người đời nay hay giả dối, toàn là bỗng dưng bịa chuyện. Quang chỉ muốn truyền thuật sự thực, chẳng muốn nói cho dễ nghe đến nỗi đem phàm lạm thánh! [Để yên thi thể cụ] ba ngày [rồi mới chuẩn bị] nhập liệm, rồi mới tắm rửa, thay quần áo [cho cụ], hết sức đúng! Bởi lẽ, tôi một mực nói [đừng động đến thân thể người đã khuất] trong hai ba tiếng đồng hồ là vì kẻ chẳng hiểu chuyện sẽ chẳng chịu chờ đợi lâu đến như thế! Nếu đúng ra, theo đúng lý, nên đổi thành ba ngày, rồi mới "cử ai" (cất tiếng khóc), tắm rửa, thay áo. Đến bốn mươi chín ngày mới "cử ai" thì về Lý không bị trở ngại gì, nhưng xét về mặt Sự thì dường như quá sức lợt lạt, chẳng đáng để noi theo. Ba ngày sau sẽ "cử ai" quả thật là thích đáng đến cùng cực.

Vùng Giang - Chiết đại chiến bốn mươi mấy ngày, trăm họ trôi giạt khắp các nẻo đường, thảm chẳng nỡ nghe! Nhà cửa dân chúng nếu nằm trong vùng giao tranh thì những vật dụng để sanh sống chẳng còn một thứ gì. Ngay như những kẻ lánh được ra ngoài dẫu không bị chết thì cũng chẳng thể nào ổn định cuộc sống được. Mỗi phen nghĩ đến thật đau lòng. Thượng Hải vừa mới đề xướng xong công cuộc từ thiện nên không có cách nào nhắc đến chuyện cứu trợ nơi khác được đâu!

Trước kia, ông Nữu Nguyên Bá cho biết tại Giang Tây nước ngập ba mươi mấy huyện, đem sổ vàng cứu trợ gởi cho Quang, mong Quang khuyên người khác quyên mộ. Quang chỉ đành tự quyên tặng khoản tiền một trăm đồng cho trọn hết lòng tôi, quý hội cũng giúp đỡ một trăm đồng. Do Quang vốn chẳng có tiền của tích cóp, đấy vẫn là khoản tiền tính dùng để góp phần in Đại Sĩ Tụng nhằm mong sao các trưởng quan thống lãnh binh lính biết "người cùng nhà đánh nhau sẽ là tự chặt tay chân và giết hại thân mạng của chính mình", từ đấy buông xuống cái tâm tàn độc tranh giành, kèn cựa, phát khởi ý niệm nhân từ "chung sống hòa bình" thì nước nhà may mắn lắm thay, nhân dân may mắn lắm thay! Nếu không, *"ngao - cò tranh nhau, ngư ông hưởng lợi!"* Muốn chẳng cùng lọt vào bụng kẻ khác, há có được chăng? Buồn thay! Ngoài thời khóa chánh thức ra, xin hãy niệm thêm Quán Thế Âm để chuẩn bị dự phòng!

611. Thư trả lời cư sĩ Đường Đại Viên (thư thứ nhất)

Nhận được thư, biết ông đại nguyện vô lượng, lại còn có thể tùy duyên, rất hợp thời, hợp thế. Muốn kiến lập pháp hóa trong lúc đất nước khốn đốn, nhân dân nghèo cùng mà trước hết bèn xây dựng phô trương thì sẽ tốn sức chẳng ít, sẽ khiến cho bọn tiểu nhân bắt chước thủ lợi, kẻ giàu có kiềng mặt tránh xa.

Nếu gặp hết thảy mọi người, chỉ nên dạy họ ai nấy trọn hết luân thường, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành, kiêng giết, phóng sanh, ăn chay, niệm Phật thì [các tai nạn] sẽ biến mất không còn dấu vết. Do đôi bên chẳng bị trở ngại chức trách, công việc, chẳng hao tốn tiền tài, có lẽ người ta sẽ dễ tiếp nhận sự giáo hóa mà mình cũng nhẹ phần gánh vác, Phật pháp càng dễ lưu hành phổ biến hơn!

Ông phát nguyện lập trường học nơi đất trống, lập liên xã nơi đất trống, cố nhiên là đỡ tốn công, nhưng vẫn là chẳng biết tùy địa phương, tùy duyên để tạo phương tiện cho dễ thực hiện. Trên là nơi thanh miếu, minh đường[122], dưới là bến nước, bên cội cây, hễ gặp được ai có thể trò chuyện liền dùng những chuyện này để khuyên nhủ. Văn Lộ Công[123] phát nguyện *"sẽ khiến cho mười vạn người niệm Phật cầu sanh Tây*

---

[122] Theo ý nghĩa nguyên thủy, Minh Đường (明堂) là một dinh thự để thiên tử nhà Châu hội kiến chư hầu và cử hành tế lễ, cũng như tuyên cáo chánh sách. Minh Đường đã có từ thời Hoàng Đế, nhưng không có quy định kiến trúc rõ rệt. Đến nhà Hạ gọi là Thế Thất (世室), nhà Thương gọi là Trùng Ốc (重屋) , đến nhà Châu mới gọi là Minh Đường, và từ đây Minh Đường mới mang chức năng của một trung tâm tôn giáo, nghị luận chánh sự và giáo hóa (nhưng đến cuối đời Châu, Minh Đường chỉ còn dùng vào mục đích tế lễ). Thoạt đầu chỉ ở kinh đô mới có Minh Đường, nhưng sau này, Minh Đường được xây dựng ở bất cứ một địa phương nào khi cần thiết. Chẳng hạn khi Hán Vũ Đế dự định làm lễ Phong Thiền ở Thái Sơn đã cho xây Minh Đường tại đấy. Và từ đó, mô hình kiến trúc của Minh Đường cũng tuân thủ theo một quy cách chặt chẽ hơn: Một tòa đại điện trên tròn dưới vuông, có nước vây quanh bốn phía. Riêng trong đoạn văn này, minh đường lẫn thanh miếu chỉ là những từ ngữ phiếm chỉ các cơ sở thờ tự hay hội họp trong vùng.

[123] Văn Lộ Công chính là Văn Ngạn Bác (1006-1997), tự là Khoan Phu, hiệu Y Tẩu, người xứ Giới Hư, Phần Châu (nay thuộc thành phố Giới Hưu, tỉnh Sơn Tây), là một vị Tể Tướng trải suốt bốn đời vua nhà Tống (Nhân Tông, Anh Tông, Thần Tông, Triết Tông), tước phong là Lộ Quốc Công, nên thường được gọi là Văn Lộ Công. Ông được người đời coi là một vị Tể Tướng hiền năng, có công giữ yên đất nước, đánh thắng Tây Hạ, chuyên cần chánh sự, tiết kiệm, nhân từ, giảm tô thuế. Đến già ông mới quy hướng Phật pháp. Lời thề nguyền trên đây được phát ra khi ông xướng suất lập Liên Xã.

Phương" bèn kết Liên Xã. Tôi cho rằng: "Từ một người cho đến vô lượng người đều nên làm cho họ vãng sanh Tây Phương trong đời này, há nên lấy mười vạn người làm hạn định?"

612. Thư trả lời cư sĩ Đường Đại Viên (thư thứ hai)

Hôm trước, nhận được thư, ông cho biết muốn trở về đất Tương (Hồ Nam), nhưng chưa biết dự định trở về vào lúc nào. Hiện thời, thế đạo nhân tâm chìm đắm đến cùng cực, nhưng bưu điện thông tin thuận tiện, một ngày đi được ngàn dặm. Thường có những gã vô lại tiểu nhân, nếu có hiềm khích với ai liền bịa đặt rêu rao, gởi truyền đơn khắp nơi và đăng trên báo chí, chỉ muốn hủy hoại danh dự của người khác, chẳng bận tâm chính mình bị tổn phước, giảm thọ, và tương lai sẽ đọa lạc trong tam đồ, hứng chịu các nỗi khổ cùng cực! Đáng thương xót quá!

Bọn chúng đã thỏa lòng ham muốn, còn những vị chánh nhân quân tử nhận phải những tờ truyền đơn hay đọc những tờ báo ấy cố nhiên hiểu rõ mười mươi gan ruột bọn chúng; nhưng đối với những kẻ phàm tục sẽ do một người lan truyền dối trá, qua tay một vạn người lan truyền thì lời đồn đãi sẽ được coi như sự thật! Chẳng riêng gì những người chân chánh trong thế gian bị coi như kẻ hết sức tầm thường, kém hèn, ngay cả những vị thánh hiền lỗi lạc thời cổ cũng bị coi như những kẻ hết sức tầm thường, kém cỏi. Do vậy mới có thuyết đề xướng Pháp Hoa, Lăng Nghiêm, Khởi Tín Luận v.v… là ngụy tạo. Nếu chẳng xét đúng - sai, chỉ nghĩ những gì mình được nghe đều là đúng thì kinh điển của thánh hiền trong Tam Giáo sẽ đều phải giao cho ngọn lửa hết!

Quang sanh ra vốn là kẻ ngu ngốc, vụng về, nhất loạt chẳng dự vào những chuyện kết xã lập hội. Do vì không phụ họa nên bèn oan uổng bị bọn họ vu báng, gán cho cái danh hiệu đẹp đẽ là *"đệ nhất ma vương",* còn ngài Đế Nhàn là đệ nhị, Phạm Cổ Nông là đệ tam. [Những lời vu

báng ấy] do Mã Nhất Phù[124] là gã tội phạm đầu sỏ phá hoại Phật pháp đệ nhất, truyền đơn của hắn dài đến ba ngàn mấy chữ, chắc là ông đã sớm từng đọc qua rồi! Quang một là không có môn đình, hai là không quyến thuộc, ba là không làm một chuyện gì. Dẫu bị gieo lời vu báng lệch trời, cũng chẳng được - mất gì, mà còn nhờ vào đó sẽ tiêu được tội nghiệp, tăng trưởng thiện căn. Chẳng những không bị phá hoại mà còn được hưởng lợi ích. Nhưng những vị như Đế Nhàn, Cổ Nông là các bậc hoằng pháp hiện thời, kẻ chẳng biết đạo lý vừa trông thấy những thứ ngôn luận ấy, sẽ tưởng là chân thật rồi lui sụt lòng tin, tăng các khẩu nghiệp thì đúng là đáng thương đến cùng cực! Do vậy, hễ trông thấy truyền đơn, bài viết trên báo chí, chớ nên vừa đọc liền tưởng là thật rồi viết vào sách đến nỗi xoay vần truyền bá khiến cho cả mình lẫn người đều bị tổn hại.

613. Thư trả lời cư sĩ Đường Đại Viên (thư thứ ba)

Hôm trước, tôi đến chỗ một người bạn, thấy lá thư của ông gởi cho Đại Hưu được đăng trong báo Hải Triều Âm số ra thứ tư trong năm thứ năm khiến cho người khác kinh ngạc, than thở khôn cùng! Đấy là những lời lẽ vu báng hẹp hòi, thù hằn của kẻ tiểu nhân, nhưng thói đời bạc bẽo, ưa phô bày cái xấu của kẻ khác, liền trở thành [hiện tượng] *"một con chó sủa xuông, vạn con chó sẽ sủa theo"*. Nào ngờ ông chẳng suy xét,

---

[124] Mã Nhất Phù (1883-1967) vốn tên là Phù, tự Nhất Phù, hiệu Trạm Ông, về già lấy hiệu là Quyên Tẩu và Quyên Hý lão nhân. Được coi là một bậc thầy lừng danh về Quốc Học, đồng thời là một thư pháp gia, triện khắc gia, cũng như là người đứng đầu về học phái Tân Nho. Họ Mã quê ở huyện Thiệu Hưng, tỉnh Chiết Giang, năm lên sáu tuổi đã đỗ đầu kỳ Hương Thí tại Thiệu Hưng. Năm 1903 sang Mỹ du học, theo đuổi ngành văn chương Âu Châu. Sau đó, ông từng du học Đức quốc và Nhật Bản để nghiên cứu triết học Tây Phương, đặc biệt sùng bái cuốn Tư Bản Luận của Karl Marx. Năm 1911, trở về nước, tham gia Quốc Dân Đảng, trở thành một trong những đồng chí thân cận của Tôn Văn, rồi chuyển sang gia nhập đảng Cộng Sản. Sau khi quân Nhật bị đánh đuổi khỏi Trung Hoa, ông ta dạy học tại đại học Chiết Giang, làm đại biểu Quốc Hội tại Hoa Lục. Kể từ năm 1964, ông đảm nhiệm chức Quán Trưởng Trung Anh Văn Quán. Ông trước tác rất nhiều, viết về Phật học với những quan điểm quá khích, sùng bái những lý luận triết học của Tây Phương cũng như đề cao Tống Nho gần như mù quáng, đến nỗi tuy mang tiếng là xiển dương, nghiên cứu Phật học nhưng gần như triệt hạ Đại Thừa, coi những kinh luận trọng yếu trong Phật giáo Đại Thừa như Pháp Hoa, Lăng Nghiêm, Khởi Tín v.v… đều là do người Trung Hoa ngụy tạo. Điều đáng ngạc nhiên là tuy đả phá, giải thích Phật học, Nho Học theo lối lập luận khiên cưỡng, máy móc, một chiều, đầy thiên kiến, ông ta vẫn được đề cao là "Nho - Thích - Triết nhất đại tông sư" tại Hoa Lục.

cho sao lục những lời xướng họa ấy đăng trên Hải Triều Âm, sao khỏi khiến cho người có đủ chánh nhãn bảo tri kiến của ông chẳng khác lũ phàm tục, chẳng xét thị phi, chỉ dựa theo lời đồn đãi để làm căn cứ phán định ư?

Chuyện đã như vậy thì lời vu báng của Nhất Phù đối với Quang, đối với ngài Đế Nhàn và Cổ Nông cũng sẽ có cơ sở! Như vậy thì trước đây hắn ta bảo Pháp Hoa, Lăng Nghiêm, Khởi Tín v.v… là ngụy tạo cũng sẽ có căn cứ! Nếu không, thì như Hàn Thoái Chi[125] tuy được gọi là nhà viết sử, nhưng thuật sự thiện - ác của người khác không đúng sự thật, nếu chẳng mắc nhân họa thì cũng bị trời giáng tai ương. Ông phát đại Bồ Đề tâm, muốn độ hết chúng sanh, nhưng lầm lẫn truyền tụng lời lẽ vu báng người khác ấy trên tờ Hải Triều Âm, há chẳng làm ô nhục tiếng tăm của tờ Hải Triều Âm cũng như gây tổn thương cho cái tâm Bồ Đề của ông hay sao? Do ông lầm lẫn coi Quang là thầy nên chẳng thể không khuyên răn, khích lệ. Nếu chẳng nghĩ là đúng thì xin hãy tuyệt giao ngay!

614. Thư trả lời cư sĩ Tần Minh Quang

Pháp môn Tịnh Độ là pháp môn bình thường nhất nhưng cao sâu nhất trong Phật pháp. Nếu không phải là người đã có huệ căn từ đời trước, quả thật khó thể sanh lòng chánh tín sâu xa. Đừng nói Nho sĩ chẳng dễ sanh lòng tin, ngay cả những vị tri thức thông Tông thông Giáo cũng thường đem những nghĩa thuộc bên Tông bên Giáo để luận định, phán đoán, đến nỗi chẳng những không chịu tu pháp "khiến cho kẻ phàm phu sát đất chưa đoạn Phiền Hoặc liền có thể liễu sanh thoát tử, siêu phàm nhập thánh ngay trong đời hiện tại" chẳng thể nghĩ bàn này mà còn chẳng chịu dạy cho người khác. Ấy là vì họ chẳng biết pháp này chính là pháp môn đặc biệt trong Phật pháp. Bọn họ lấy những nghĩa bên Tông bên Giáo làm chuẩn nên mới phạm phải sai lầm ấy! Nếu ngay từ đầu bọn họ đã biết được nghĩa này thì sẽ được lợi ích lớn lao.

Người thông minh phần nhiều lấy "hiểu lý, ngộ tâm" làm chí hướng, sự nghiệp, nhưng chẳng biết niệm Phật chính là đường tắt để "hiểu lý, ngộ tâm". Nếu niệm niệm có thể tương ứng thì sẽ tự "hiểu lý, ngộ tâm". Dẫu chưa làm được, nhưng cậy vào Phật từ lực vãng sanh Tây Phương;

---

[125] Thoái Chi là tên tự của Hàn Dũ (768-824). Hàn Dũ là một văn gia lỗi lạc cuối đời Đường. Họ Hàn mang tư tưởng chống đối đạo Phật, khi viết về những nhân vật hữu danh tin tưởng Phật giáo đương thời thường xuyên tạc họ như những kẻ mê tín, dị đoan.

so với những kẻ "hiểu lý, ngộ tâm", nhưng chưa đoạn Phiền Hoặc, vẫn bị luân hồi trong sanh tử trọn chẳng có lúc thoát ra, thì [sự cách biệt] giữa trời và đất đã chẳng đủ để ví dụ cho sự bế tắc và hanh thông [giữa hai đường lối tu tập] vậy! Huống hồ sau khi vãng sanh sẽ thân cận đức Di Đà và thánh chúng, sẽ liền đích thân chứng được Vô Sanh Pháp Nhẫn, há nào phải chỉ có "hiểu lý, ngộ tâm" mà thôi ư?

Pháp môn Tịnh Độ chỉ có bậc thượng thượng căn và ngu phu ngu phụ mới được hưởng lợi ích thật sự, còn kẻ thông minh thông Tông thông Giáo đa phần vì chí hướng to tát, lời lẽ lớn lối, chẳng chịu cậy vào Phật từ lực, cứ lấy "cậy vào đạo lực của chính mình" làm chí hướng sự nghiệp, cam phận nhường cho ngu phu ngu phụ sớm dự vào dòng thánh. Chắc ở quý ấp cũng có những người mang thứ kiến giải ấy, cho nên tôi mới nói đại lược nguyên do.

Đã muốn quy y thì nay tôi đặt pháp danh cho ông là Khế Quang. Tiếng Phạn *"A Di Đà"*, ở đây (Trung Hoa) dịch là Vô Lượng Thọ, cũng dịch là Vô Lượng Quang. Nếu có thể nhất tâm niệm Phật thì chính là lấy Quả Địa giác làm Nhân Địa tâm. Nếu tâm tâm tương ứng thì nhân trùm biển quả, quả tột nguồn nhân, cực bình thường mà cực huyền diệu. Nếu có thể tin nhận được thì sẽ đáng gọi là bậc đại trượng phu lỗi lạc.

Do túc nghiệp, Quang vừa sanh ra liền bị bệnh mắt, may là còn được thấy bầu trời bảy mươi mấy năm. Nay thì mắt đã cực quáng lòa, cự tuyệt hết thảy những chuyện bút mực thù tiếp. Sợ ông sẽ bị những người xướng suất, hướng dẫn những tông khác lay động, đoạt mất chí hướng, nên mới đặc biệt nói đại lược hai nghĩa thông thường và đặc biệt, ngõ hầu ông chẳng đến nỗi biến khéo thành vụng, cầu thăng lên đâm ra bị đọa xuống.

Hãy nên thường đọc Tịnh Độ Ngũ Kinh thì sẽ biết pháp môn Tịnh Độ là pháp môn tổng trì để mười phương tam thế hết thảy chư Phật trên thành Phật đạo dưới hóa độ chúng sanh. Đối với những điều tôi chưa nói, hãy đọc Tịnh Độ Thập Yếu thì mọi mối nghi sẽ tan tác, được cởi gỡ, vầng trăng nhất tâm rạng ngời. Tuy Văn Sao lời lẽ vụng về, chất phác, nhưng đã giảng rõ được đại lược nguyên do giữa Thiền và Tịnh, cũng như dùng luân thường xử thế hằng ngày để hỗ trợ [Tịnh nghiệp], cho nên cũng có thể giúp cho tự lợi, lợi tha được.

615. Thư trả lời cư sĩ Viên Đức Thường (thư thứ nhất)

Muốn nêu rõ sự linh thiêng, tốt lành của xá-lợi, hãy nên gởi thư đến hòa thượng phương trượng chùa A Dục Vương ở huyện Cẩn, Ninh Ba, xin ban cho một bộ A Dục Vương Sơn Chí. Đọc sách ấy sẽ tự biết đầu mối.

Mùa Xuân năm Quang Tự 21 (1895), Quang đến chùa Dục Vương lễ bái xá-lợi gần ba tháng. Từ đấy về sau, hằng ngày thường theo người đến chiêm bái tới nhìn xá-lợi, thấy màu sắc giống như hạt Bồ Đề ở Thiên Thai pha sắc hồng, mấy chục ngày không đổi. Nhưng lớn - nhỏ khác nhau, tùy theo từng lúc nhìn mà biến đổi, chợt lớn, chợt nhỏ. Lớn thì bằng hạt đậu xanh, nhỏ thì kích thước giảm bớt một phần ba.

Đến năm Quang Tự 31 (1905), do có việc đến chùa A Dục, lại nhìn lần nữa thì xá-lợi lớn bằng hạt đậu đen, có màu sắc giống như hạt đậu đen nổi mốc trắng, dính chặt vào đáy chuông[126] không lay động. Quang nghĩ [mình thấy xá-lợi] có sắc đen nổi mốc trắng, chắc là năm ấy mình sẽ phải chết, nhưng [rốt cuộc] cũng không có chuyện lành hay chuyện dữ gì. Đấy đều là những tướng thông thường do người bình phàm thường thấy được, chứ trọn chẳng phải là chuyện cảm ứng lạ lùng, đặc biệt gì! Có sao lục ra để in thì cũng chẳng có ích lợi gì đâu! Đừng nên lầm lạc bịa chuyện, biến chuyện không cảm ứng thành có cảm ứng thì tội lỗi chẳng cạn đấy!

616. Thư trả lời cư sĩ Viên Đức Thường (thư thứ hai)

Hôm trước nhận được thư ông hỏi: "Làm thế nào để phân biệt được Tam Tôn Phật?" Thích Ca Phật kết Hàng Ma ấn, tức là tay trái đặt trong lòng, lưng bàn tay hướng xuống dưới, lòng bàn tay ngửa lên trên, tay phải úp trên gối, lưng bàn tay hướng lên trên. Dược Sư Phật kết Đại Tam Muội ấn, tức bàn tay phải đặt trên lòng bàn tay trái, [hai tay] đặt ở trong lòng. Di Đà Phật kết Di Đà ấn, tức lòng bàn tay trái đặt trên lòng bàn tay phải, [hai tay] đặt ở trong lòng. Nay gởi cho ông năm mươi đồng, xin ông lại mua hai tờ giấy Tuyên sáu thước để vẽ hai tượng Quán

[126] Hạt xá-lợi này được thờ trong một cái chuông bằng pha lê hàn kín. Xin xem chi tiết trong bài *"Ghi chép sự thật về tháp thờ xá-lợi đức Phật tại chùa A Dục Vương"* (Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 3).

Âm và Thế Chí ngồi theo thế kiết già[127] trên hoa sen ("*song già phu*"[1]

cơ nghi nói đủ mọi pháp khiến cho ai nấy đều biết lấy "hạt châu trong chéo áo", theo đường trở về nhà.

Lại do chúng sanh đời Mạt Pháp chướng sâu, huệ cạn, nếu cậy vào tự lực quyết khó thể liễu sanh thoát tử ngay trong đời này. Do vậy, đặc biệt mở ra pháp môn tín nguyện niệm Phật cầu sanh Tây Phương, khiến cho hàng phàm phu sát đất và các vị Bồ Tát tín giải tu chứng đều cùng nương theo hoằng thệ nguyện lực của A Di Đà Phật vãng sanh Tây Phương để mong triệt chứng Tánh Đức trọn chẳng tiếc nuối gì! Đấy chính là khuôn phép lớn lao xuất thế độ sanh của đức Như Lai. Đức Phật thị hiện giáng thế tại Ấn Độ vào năm thứ 26 (969 trước Công Nguyên) đời Châu Chiêu Vương. Trải qua một ngàn năm đến năm Vĩnh Bình thứ mười (67) đời Hán Minh Đế, vua mới thỉnh hai vị Phạm tăng là tôn giả Ca Diếp Ma Đằng (Kāśyapa Mātanga) và tôn giả Trúc Pháp Lan (Dharmaratna) mang kinh Phật, tượng Phật tới Lạc Dương. Hai vị tôn giả do thấy người Hoa mới nghe Phật pháp, nếu đem kinh viên đốn sâu xa chỉ dạy thì giáo pháp chẳng phù hợp căn cơ, khó thể được lợi ích! Do thấy Tứ Thập Nhị Chương Kinh văn lẫn nghĩa rõ ràng, con người dễ lãnh hội, nên dịch ra tiếng Hán trước.

Thế nhưng, Phật trí viên diệu, tuy cạn mà sâu, giáo lý viên đốn vẫn trọn đủ [trong bản kinh ấy]. Kẻ nhân thấy là nhân, người trí thấy là trí, tùy theo trí thức của đương sự mà thôi! Chú giải kinh này chỉ có bản của ngài Ngẫu Ích là nêu bật được tông chỉ, những bản chú giải khác cũng đều có lợi cho căn cơ một thời. Cư sĩ Quý Thánh Nhất đã có huệ căn từ đời trước, quy y với bậc tri thức của tông Thiên Thai là pháp sư Đế Nhàn, đích thân được nghe diễn giảng, khá có tâm đắc. Do vậy, bèn tùy duyên diễn nói, nhưng vẫn luôn chú trọng hướng dẫn về Cực Lạc. Đấy chính là tuân theo chỗ kết đảnh cuối cùng của kinh Hoa Nghiêm, cũng giống như điều được đề xướng trong Thập Nghi Luận của Thiên Thai đại sư (Trí Giả đại sư). Bởi lẽ, pháp môn Tịnh Độ chính là chỗ quy túc của hết thảy các pháp môn. Hoa Nghiêm còn như thế, hậu học dám chẳng vâng theo ư?

Gần đây, do có người thỉnh giảng kinh này, [cư sĩ bèn] thuận theo thời nghi, đặc biệt viết lời sớ giải mới, lập ra cách thức hòng dễ dẫn dắt kẻ mới học sẽ được nhờ vào đây mà tiến đến chỗ cao hơn; do đây mà người ta sanh được lòng tin, ắt sẽ xoay vần khuyến hóa rộng rãi hơn. Bởi vậy, chẳng tiếc lời giảng giải tường tận để không một nghĩa nào bị ẩn kín. Một bữa, đưa cho Quang xem bản thảo, lại cậy viết lời tựa. Quang vừa sanh ra được sáu tháng liền bị bệnh mắt, trong suốt sáu tháng chưa

từng mở mắt, nên mục lực kém xa người khác. Nay tuổi đã bảy mươi lăm, mục lực càng suy yếu, chẳng thể xem kỹ ý nghĩa, đành nêu lên những điểm chánh yếu cho xong trách nhiệm. Mong sao những ai đọc kinh này và bản sớ giải này đều chú trọng hiểu tâm, rõ gốc, hiểu rõ pháp vô vi và xa lìa tài sắc, kiên quyết, dũng mãnh tu trì để mong đích thân chứng được vô thượng giác đạo "vô niệm, vô tác, phi tu, phi chứng".

16. Lời tựa ấn hành sách Tịnh Độ Sanh Vô Sanh Luận Giảng Nghĩa

Pháp môn Tịnh Độ lớn lao không gì ra ngoài được, hết thảy pháp môn không pháp nào chẳng lưu xuất từ pháp giới này; hết thảy hạnh môn không môn nào chẳng trở về pháp giới này, thật sự là đạo thành thủy thành chung để chư Phật viên mãn Bồ Đề mà cũng là pháp để chúng sanh cậy vào Phật từ lực hòng liễu thoát ngay trong đời này. Lý ấy rất sâu, sự ấy cực dễ. Vì thế con người phần nhiều chẳng thể thấu hiểu những chỗ ẩn kín, nên hoặc cầu phước báo trời người, chẳng dám gánh vác ngay, hoặc bỏ tín nguyện cầu sanh để chuyên khán câu *"người niệm Phật là ai"*, khiến cho pháp do đức Như Lai đặc biệt lập ra để khắp hết thảy thượng thánh hạ phàm sẽ cậy vào Phật từ lực được cao dự Liên Trì hải hội ngay trong đời này bị trở thành pháp tự lực.

Do đã không có tín nguyện, dẫu có đích thân thấy được [người niệm Phật] là ai thì cũng chỉ là đại triệt đại ngộ mà thôi! Nếu Phiền Hoặc chưa hết thì vẫn luân hồi y như cũ. Do cảnh duyên trược ác, kẻ mê mất đông đảo, muốn liễu sanh thoát tử ắt phải đợi đến năm con lừa! Chẳng đáng buồn sao? U Khê đại sư[148] nương theo bổn nguyện, thị hiện giáng sanh,

[148] U Khê đại sư chính là ngài Truyền Đăng (không rõ năm sanh và năm mất), ngài họ Diệp, hiệu là Vô Tận. Xuất gia từ nhỏ với ngài Tiến Hiền Ảnh Am, sau theo học giáo nghĩa Thiên Thai với ngài Bách Tùng. Năm Vạn Lịch thứ mười (1582) đời Minh, do hỏi ngài Bách Tùng về ý chỉ của Lăng Nghiêm Đại Định, bị ngài Bách Tùng trừng mắt nhìn trân trối, Sư đột nhiên khế nhập. Năm Vạn Lịch 15 (1587), Sư sang chùa Cao Minh ở U Khê dạy dỗ đồ chúng, nghiên cứu Thiền lẫn Tịnh. Cuốn Tịnh Độ Sanh Vô Sanh Luận được hoàn thành trong thời gian này, điểm đặc sắc là vận dụng ý chỉ Tam Quán của tông Thiên Thai để xiển dương pháp môn Tịnh Độ. Năm Vạn Lịch 25 (1597), Sư lại soạn những tác phẩm A Di Đà Kinh Lược Viên Trung Sao, Lăng Nghiêm Kinh Huyền Nghĩa, Tục Xuất Thiên Thai Sơn Phương Ngoại Chí, Lăng Nghiêm Kinh Viên Thông Sớ, Tánh Thiện Ác Luận, Duy Ma Kinh Vô Ngã Sớ, Thiên Thai Truyền Phật Tâm Ấn Ký Chú. Sư thường tu các sám pháp Pháp Hoa, Đại Từ, Quang Minh, Di Đà, Lăng Nghiêm v.v… mỗi năm hành bốn thứ tam-muội. Khi lâm chung, Sư viết năm chữ Diệu Pháp Liên Hoa Kinh, cao giọng xướng đề kinh hai lượt, rồi thanh thản qua đời.

hiểu trọn vẹn Giáo, ngộ tự tâm nơi Thiền, dốc lòng tu Tịnh nghiệp, lợi khắp trời người, thương những kẻ mê muội trong cõi đời, chẳng biết *"Tây Phương Cực Lạc thế giới vốn là duy tâm Tịnh Độ; đạo sư A Di Đà Phật vốn là tự tánh Di Đà",* bèn bỏ sự thực để chấp lấy lý Không rồi dạy người khác niệm "tự tánh Di Đà, duy tâm Tịnh Độ". Rốt cuộc cho rằng "đạo lợi khắp thánh phàm của đức Như Lai chỉ nhằm biểu thị pháp hoặc là chuyện ngụ ngôn", chỉ mong khai ngộ, mặc kệ những điều khác, đến nỗi kẻ cao minh đâm ra chẳng bằng phường ngu phu ngu phụ cắm cúi niệm Phật mà có thể ngầm thông Phật trí, thầm hợp diệu đạo, cảm ứng đạo giao, được Phật tiếp dẫn liền được vãng sanh. Căn bệnh là do ham cao chuộng xa, chứ chưa thật sự hiểu sâu xa nguồn cội của sự cao xa. Rốt cuộc biến khéo thành vụng, cầu thăng lên đâm ra bị đọa xuống, thật đáng buồn thương! Đại Sư buồn xót khôn cùng, riêng soạn bộ [Tịnh Độ] Sanh Vô Sanh Luận nhằm chỉ thẳng tâm tánh của ba thứ tâm - Phật - chúng sanh không sai biệt.

Tâm tánh ấy có đủ vô lượng đức, bất biến tùy duyên, tùy duyên bất biến, nơi phàm chẳng giảm, tại thánh không tăng. Do mê hay ngộ khác nhau đến nỗi có mười giới sai biệt. Nhưng ngay trong mười giới ấy, mỗi mỗi không gì chẳng phải là *"tâm sẵn đủ, tâm tạo, tâm làm, tâm là"*. Cầu sanh Tây Phương chính là chân vô sanh, do sanh về cõi Tây Phương *"tâm sẵn đủ, tâm tạo, tâm làm, tâm là"*; không phải như kẻ chấp Lý phế Sự chỉ có cái danh xuông, chứ thật sự chẳng có cảnh Tây Phương! Ấy chính là *"quyết định sanh nhưng không có tướng sanh, quyết định vô sanh nhưng không có tướng vô sanh",* sanh mà vô sanh vậy. Lấy tín nguyện niệm Phật để cầu sanh vào cõi Tây Phương "tâm sẵn đủ, tâm tạo, tâm làm, tâm là" của chính mình, cho nên tuy sanh mà không có tướng sanh, tuy không sanh nhưng chẳng trụ vào tướng vô sanh. Đấy chính là ý chỉ tổng quát của Sanh Vô Sanh Luận.

Hiểu rõ điều này thì ai chịu trái nghịch Tánh để tạo nhân quả trong tam đồ lục đạo nữa ư? Ngay cả nhân quả xuất thế trong tam thừa cũng chẳng coi là cao tột, tiến thẳng vào nhân quả Bồ Đề vô thượng vậy. Luận này gồm có mười chương, mỗi mỗi đều lấy ý chỉ "tâm sẵn đủ, tâm tạo, tâm làm, tâm là", Tam Đế, Tam Quán để giảng rõ ý nghĩa khiến cho đứa con cùng quẫn lê la ăn xin đích thân thấy được hạt minh châu nơi chéo áo, gã lữ khách cô đơn lênh đênh trở về quê nhà sẵn có, trên khế hợp Phật tâm, dưới khế hợp thời cơ. Vì thế khi Ngài soạn luận xong, đem giảng diễn, nhạc trời vang rền khắp hư không để tạo chứng cớ rõ rệt.

Từ đời Minh cho đến nay, đã hơn ba trăm năm, đời nào cũng có người lưu thông truyền bá bộ luận này. Gần đây, thế đạo nhân tâm ngày càng đi xuống, người có lòng lo toan muốn vãn hồi biết rằng nếu chẳng nhờ vào sự lý "nhân quả ba đời, luân hồi lục đạo" như đức Phật đã dạy thì chẳng thể biến đổi lòng người được! Nếu chẳng nhờ vào pháp môn tín nguyện niệm Phật cầu sanh Tây Phương, sẽ chẳng thể liễu sanh tử. Do vậy, họ đều nghiên cứu Phật học, nhưng vẫn riêng dốc sức nơi pháp môn Tịnh Độ. Cư sĩ Quý Tân Ích[149] ở Hải Môn đã có huệ căn từ đời trước, dốc lòng tin tưởng Phật thừa, từng được đích thân theo học giảng kinh dưới tòa của ngài Đế Nhàn. Đối với ý chỉ Tam Đế, Tam Quán của tông Thiên Thai đã hiểu chắc chắn không còn sót gì. Do vậy các cư sĩ nơi thành Tô Châu thỉnh ông giảng giải luận này, ghi lại những lời giảng thành sách, đặt tựa đề là [Tịnh Độ Sanh Vô Sanh Luận] Giảng Nghĩa, sai Quang viết lời tựa. Do vậy, tôi bèn đọc văn ấy, đáng gọi là "nêu tỏ được lý, phù hợp Thật Tướng sâu xa, lời lẽ hay khéo như hoa trời". Nguyện những độc giả cùng vâng lãnh ý nghĩa "tâm sẵn đủ, tâm tạo, tâm làm, tâm là" để rồi chân tín, nguyện thiết, chí thành niệm Phật, cầu sanh Tây Phương thì mới chẳng phụ ngài U Khê một phen khổ tâm tạo luận cũng như ông Quý giảng nghĩa vậy!

17. Lời tựa mừng thọ vợ chồng tiên sinh Lý Phụng Kỳ

Con người sống trong thế gian thọ hay yểu, cùng quẫn hay hanh thông, đều có nhất định hoặc không nhất định. Hễ nhất định thì Nho gia gọi là Mạng, gọi là *"thiên tích"* (trời ban cho). Nhưng trời đại công vô tư, há lẽ nào lại ban phát cao - thấp khác xa nhau, muôn phần chẳng bình đẳng ư? Há lẽ nào trời cũng có tư dục đối xử nồng hậu hay lợt lạt, khinh - trọng ư? Nhà Nho chẳng nói đến ba đời, vì thế coi cái nhân đời trước là "mạng trời' (Thiên Mạng), chẳng biết nhà Phật gọi cái Thiên Mạng vừa được nhắc đến ấy là quả báo! Đức Phật gọi thân này là Báo Thân. "Báo" có nghĩa là do cái nhân gồm những điều thiện, sự ác đã tạo trong đời trước nên cảm lấy cái quả phải hứng chịu thọ - yểu, cùng quẫn - hanh thông trong đời này. Những điều ấy có nhất định.

Còn bất định là dốc chí tu trì, tích lũy điều lành và công đức, mong thành thánh, thành hiền, hay mặc sức phóng túng, buông lung không kiểm điểm, lười nhác quá mức, tự ruồng rẫy, tự phụ bạc chính mình. Ấy

[149] Tức cư sĩ Quý Thánh Nhất đã được Tổ nhắc đến trong hai bài trên, Tân Ích là tên thật, còn Thánh Nhất là pháp danh.

là vì sức của những điều thiện sự ác đã làm trong đời này mạnh mẽ nên chuyển biến những nghiệp báo trong đời trước khiến cho chúng sanh trở thành tốt đẹp hơn hay kém cỏi hẳn đi. Điều này thường được gọi là: *"Trời định thắng người, nhưng người định cũng thắng được trời"*. Kinh Thi ghi: *"Vĩnh ngôn phối mạng, tự cầu đa phước"* (Thường suy nghĩ xem hành vi của chính mình có hợp với lẽ trời hay không để mong cầu cuộc sống được hưởng nhiều điều tốt đẹp). Kinh Thư chép: *"Tác thiện giáng chi bách tường, tác bất thiện giáng chi bách ương"* (Làm điều lành thì trăm điều tốt đẹp giáng xuống, làm điều bất thiện, trăm tai ương sẽ giáng xuống). Kinh Dịch chép: *"Tích thiện chi gia tất hữu dư khánh, tích bất thiện chi gia tất hữu dư ương"*. Lễ Ký chép: *"Cố đại đức tất đắc kỳ lộc, tất đắc kỳ vị, tất đắc kỳ danh, tất đắc kỳ thọ*" (Vì thế, những người có đức lớn lao ắt sẽ được hưởng lộc, ắt sẽ có địa vị, ắt sẽ có danh tiếng, ắt sẽ sống lâu). Những lời ấy đều là ước theo những gì cảm được bởi sự tu trì trong đời này để nói. Do vậy, biết: *"Mạng do chính ta làm chủ, phước do chính ta cầu!"* Quyền [hưởng nhận] "thọ, giàu, mạnh khỏe, bình yên" do ta thao túng; chẳng qua trời do thấy ta tu trì bèn soi xét ban tặng mà thôi, chứ chẳng hề có chuyện hậu đãi hay lợt lạt, khinh hay trọng trong ấy!

Tiên sinh Phụng Kỳ có chí nơi ấy, vì thế khi còn đang dốc chí học hành, do gia đạo bần hàn, con cái đông đúc, sợ cao đường (mẹ) chắc phải ưu tư, bèn lo buôn bán ở Thượng Hải, mong sẽ thỏa chí phụng dưỡng. Nào ngờ chọn lầm kẻ quản lý, chưa đầy ba năm mà đã hụt vốn quá nửa. Ông bèn dốc chí xét đoán thời cơ, chuyên tâm tự quản lý. Mới được một năm đã được lời to, do vậy buôn bán phát đạt, ngày càng hưng thịnh, bèn vừa phụng dưỡng cha mẹ, anh em êm ấm, giúp đỡ kẻ nghèo khó, mở trường học để làm cái gốc tạo lập lớn lao hòng "kế thừa người trước, mở mang cho người sau", thực hiện rộng rãi hoài bão "dân là ruột thịt, loài vật giống như ta".

Bà vợ đức hạnh của ông ta là Hoàng phu nhân, bẩm tánh hiền thục, ôn hòa, cung kính, đoan trang, thận trọng, nên được bố mẹ chồng, chị em dâu, vợ lẽ v.v… yêu mến. Gia đình thuận thảo, không ai kèn cựa. Đối với chuyện nuôi dạy con cái thì áp dụng cách giáo hóa vừa từ vừa nghiêm, khoan dung lẫn nghiêm khắc. Dẫu không phải là con do chính mình đẻ ra vẫn chăm chút còn hơn con đẻ. Đức đẹp ấy thật đáng làm bậc mẫu nghi trong chốn khuê các, làm bậc thầy nêu gương cho nữ giới. Vì thế, con cái đều thành tài. Liêu Tường thành thật, đáng tin, không dối trá, kế nghiệp buôn bán rất thành công. Vinh Tường thì an cư lạc đạo, hoằng

dương Phật pháp. Cháu trai, cháu gái đều sẵn tánh thuần hậu, tương lai sẽ thành tài lập đức là điều có thể đoán trước được. Phàm những điều này đều do tiên sinh và phu nhân đức dầy, lòng nhân sâu đậm vun bồi mà ra.

Ôi! Ngũ Phước được nói trong sách Hồng Phạm, không một điều nào [hai vợ chồng tiên sinh] chẳng có đủ. Đang trong lúc hai vị cùng thọ đến tuổi cổ hy (bảy mươi tuổi) này, nếu chẳng dâng lời chúc tụng, ắt sẽ tự khuất, khuất người. Than ôi! Quang là đệ tử Phật, Phật sẵn lòng mong cho hết thảy chúng sanh đều được thành Phật vì hết thảy chúng sanh đều có Phật Tánh, đều kham làm Phật. Phật thọ vô lượng giống như mười phương, chúng sanh đã sẵn đủ Phật tánh thì cớ sao tuổi thọ lại khác biệt? Chỉ vì chúng sanh mê chưa ngộ, trái nghịch giác, xuôi theo trần lao, do tình sanh nên trí bị cách ngăn, do tâm tưởng biến đổi nên hình thể khác biệt. Do vậy mới có tam giới lục đạo, đủ mọi hiện tượng khổ - vui. Thọ mạng trong nhân gian cao lắm cũng không ngoài trăm năm, dẫu cõi trời Phi Phi Tưởng thọ đến tám vạn bốn ngàn đại kiếp, nhưng đến khi hết tuổi thọ vẫn phải đọa xuống dưới. Rốt cuộc so với con phù du (con vờ) sáng sanh tối chết nào có khác gì!

A Di Đà Phật phổ độ chúng sanh, chỉ cần có lòng tín nguyện trì danh hiệu Phật, chắc chắn lâm chung được Phật tiếp dẫn vãng sanh Tây Phương. Đã vãng sanh Tây Phương thì sẽ siêu phàm nhập thánh, liễu sanh thoát tử, thân cận Di Đà, kề cận hải chúng, chứng Vô Sanh Nhẫn, lên địa vị Bất Thoái, ngay trong một đời này liền viên thành Phật đạo. Lợi ích ấy dù hết cả kiếp vẫn khó nói trọn! So với những gã câu nệ hẹp hòi, tự xưng là thông gia, nhưng lại mua rương trả châu, bỏ vàng gánh gai thì nào phải chỉ khác biệt vời vợi một trời một vực ư? Đấy là pháp dễ tu trì nhất, dễ thành tựu nhất trong Phật pháp, lợi ích ấy lại vượt trỗi hết thảy các pháp khác, bởi đã lấy Quả Địa Giác làm Nhân Địa Tâm, cho nên nhân trùm biển quả, quả tột nguồn nhân. Tiên sinh và phu nhân nếu chẳng vì thấy con người [Quang kém hèn] mà vứt bỏ lời này thì trong ao bảy báu nơi cõi Tây Phương sẽ lại lập tức thấy trổ hai đóa sen tử kim. Xin hãy suy nghĩ sâu xa, xin hãy suy nghĩ sâu đậm vậy!

18. Lời tựa cho cuốn Văn Sao Trích Yếu

Thuốc không sang - hèn, thuốc chữa được bệnh là thuốc hay. Pháp không tinh - thô, pháp hợp căn cơ là pháp diệu. Pháp môn tu trì vô lượng vô biên, bọn độn căn đời Mạt thật khó thể thông hiểu trọn khắp. Huống

hồ đã không chứng nhập thì làm sao có thể đạt lợi ích cho được? Quang túc nghiệp sâu nặng, hạnh trong hiện đời nhỏ yếu, lạm dự vào Tăng chúng đã năm mươi năm. Một câu Phật hiệu vẫn chưa trì đến mức "tâm và Phật tương ứng", nói gì các thứ pháp môn khác! Mười mấy năm qua thường có những người lầm nghe lời kẻ khác ngỡ Quang là tri thức đến nỗi gởi thư từ qua lại để cầu khai thị. Cố nhiên Quang nghiêm túc giữ bổn phận, đem những gì chính mình biết được và chính mình tu tập thưa trình. Nếu người hỏi kiến thức cao minh, trí huệ rộng lớn, liền xin người ấy hãy chuyển sang hỏi bậc cao nhân, quyết chẳng dám đem sự hèn tệ của chính mình để ngăn giữ người, đến nỗi họ chẳng thể đạt đến chỗ cao minh, khuất lấp thiên tư, tài đức của họ.

Có kẻ bảo Quang nghiêm cấm người khác đọc tụng, nghiên cứu kinh luận Đại Thừa, chẳng biết phàm ai đến chỗ Quang xin dạy bảo, nếu như [người thưa hỏi ấy] thân vướng vít trong lưới tục, hoặc tuổi tác đã cao; đối với những kẻ bận bịu công việc, tháng ngày chẳng còn mấy, mà vẫn dạy họ xem đọc, nghiên cứu tràn lan, trước hết chẳng dạy họ hiểu rõ rệt thấu triệt nguyên do của pháp môn Tịnh Độ, chắc họ sẽ có phần gieo thiện căn, hiểu giáo lý, đối với chuyện liễu sanh thoát tử, sợ sẽ chẳng có hy vọng gì bởi chỉ chú trọng đọc tụng, nghiên cứu để mong khai ngộ tự chứng, chẳng còn chú trọng tín nguyện niệm Phật cầu sanh Tây Phương. Họ chẳng biết phàm phu đầy dẫy Hoặc nghiệp, muốn cậy vào tự lực để liễu sanh thoát tử ngay trong đời này còn khó hơn lên trời. Vì vậy, Quang chẳng nề hà bị chê bai, giãi tấm lòng thành bảo ban.

Có những kẻ chẳng hiểm lời lẽ hủ bại của Quang là ô uế bèn lưu truyền, đặt tên là Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao. Lại có người chọn lấy những ý cốt yếu, phân loại, biên tập đặt tên là Gia Ngôn Lục. Cư sĩ Lý Huệ Thực ở huyện Thái lại muốn trích lấy những lời phù hợp kẻ sơ cơ để dẫn dắt những ai từng đọc sách Nho nhưng không hiểu rõ nguyên do vì sao Nho và Thích "đồng nhưng bất đồng, bất đồng nhưng đồng" sẽ học Phật, tổng cộng là bấy nhiêu bài đó, tính in ra để lưu truyền rộng khắp, cậy tôi viết lời tựa. Tôi nói: "Đã có Gia Ngôn Lục, cần gì lại phải in trích yếu?" Ông ta đem những ý trên đây để cố thỉnh, đành thuật những điều chánh yếu vậy!

19. Lời tựa tái bản cuốn Bát Nhã Dung Tâm Luận

Kim Cang Kinh chính là khuôn mẫu do đức Phật dạy con người phát Bồ Đề tâm, hành Bồ Tát đạo, xa lìa trọn vẹn phàm tình - thánh kiến để

hành lục độ vạn hạnh. Vì thế nói: *"Ngã ưng diệt độ nhất thiết chúng sanh, diệt độ nhất thiết chúng sanh dĩ, thực vô chúng sanh đắc diệt độ giả"* (Ta hãy nên độ hết thảy chúng sanh, diệt độ hết thảy chúng sanh rồi mà thật ra chẳng có chúng sanh nào được diệt độ cả). Ấy là vì: Trong chẳng thấy tướng Ta là người hóa độ; ngoài thì chẳng thấy tướng người được độ và tướng chúng sanh; giữa là chẳng thấy có tướng thọ giả[150] chứng đắc Vô Dư Niết Bàn. Xa lìa trọn vẹn bốn tướng, chẳng vướng vào sáu trần, nên được xứng tánh tu trọn khắp lục độ vạn hạnh để trên cầu Phật đạo, dưới hóa độ chúng sanh. Đấy gọi là *"không trụ vào đâu để sanh tâm, sanh tâm nhưng không trụ vào đâu"*. Nếu có trụ thì cái tâm được sanh ấy sẽ đọa trong phàm tình thánh kiến, sẽ trái nghịch với nghĩa *"tam luân thể không[151], nhất đạo thanh tịnh"*. Do vậy, một câu *"hãy nên không trụ vào đâu để sanh tâm*" quả thật là cương yếu của bài kinh này, mà cũng là kim chỉ nam cho hết thảy những người hành Bồ Tát đạo.

Dung Tâm Luận của U Khê đại sư đã ước theo tứ giáo (Tạng, Thông, Biệt, Viên) để giải thích, nhưng hội quy về Viên Giáo ngõ hầu người tu trì rốt ráo đạt được lợi ích thật sự, quả thật đã khế hợp sâu xa Phật tâm, hữu ích cho pháp đạo. Tiếc là chưa được lưu thông, khá đáng tiếc nuối! Đại sư Thiện Pháp sao được một bản, cư sĩ Vương Mưu Phụng trông thấy nguyện khắc ván, cậy Quang giảo chánh những chỗ sao chép sai lầm. Do vậy tôi bèn đại lược chọn lấy những nghĩa trọng yếu của kinh Kim Cang để ghép vào đầu sách nhằm mong người đọc luận này sẽ có cái để hướng dẫn. (Cuối Thu năm Đinh Mão, tức năm Dân Quốc 16 - 1927)

---

[150] Thọ Giả tướng (Jīvasamjñā): Theo quan điểm thông tục, mỗi cá thể sẽ có một linh hồn hoặc nhân cách, linh hồn ấy sẽ luân chuyển thọ sanh, tồn tại thật sự. Đó gọi là Thọ Giả Tướng. Trong Kim Cang Bát Nhã Sớ, quyển 3, ngài Cát Tạng đã viết: *"Ngoại đạo chấp có Thần Ngã, chết đây sanh kia, trải khắp sáu đường nên gọi là Thọ Giả"*. Ngoài ra, theo quyển 2 của kinh Đại Phẩm Bát Nhã thì Thọ Giả chính là một trong mười sáu tên gọi khác của Ngã.

[151] "Tam luân thể không" là lúc bố thí thì người bố thí, kẻ tiếp nhận và vật bố thí đều vốn là không, phá sạch tướng chấp trước. Nói chi tiết hơn thì:

1) Thí Không: Đối với người bố thí thì thân ta vốn là không, đã biết là vô ngã, sẽ không còn có cái tâm mong cầu phước báo, nên gọi là Thí Không.

2) Thọ Không: Đã thấu hiểu không có người bố thí thì cũng không có người nhận, nên chẳng khởi lên ý tưởng ngạo mạn, nên gọi là Thọ Không.

3) Thí Vật Không: Chữ Vật chỉ cho những của cải, vật chất. Đã thấu hiểu hết thảy là không thì dù có được thí cũng thấy như không thí, chẳng khởi ý tưởng tham cầu nên gọi là Thí Vật Không.

20. Lời tựa cho sách Phổ Khuyến Học Phật Đàm

Phật pháp lớn lao không gì chẳng bao trùm, không gì nhỏ nhặt chẳng được nêu lên. Phàm ai muốn học thì phải nên chú trọng thực hành. Nếu không, sẽ như đọc toa thuốc nhưng chẳng uống thuốc, muốn cầu lành bệnh há có được chăng? Do vậy, người niệm Phật cần phải giữ vẹn luân thường, trọn hết chức phận của chính mình, dứt lòng tà, giữ lòng Thành, đánh đổ những ham muốn xằng bậy để khôi phục lễ nghĩa, biết nhân hiểu quả, mong thành thánh thành hiền, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành. Lại còn phải thật sự vì sanh tử, phát Bồ Đề tâm, dùng tín nguyện sâu trì danh hiệu Phật, quyết định cầu sanh thế giới Cực Lạc. Dùng những điều này để tự hành, lại còn dùng để dạy người, khiến cho trong là gia đình, ngoài là người đời đều cùng được thấm nhuần sự giáo hóa của Phật, cùng sanh Tịnh Độ, ngõ hầu chẳng cô phụ sự giáo hóa của đức Phật, chẳng phụ tánh linh của chính mình.

Nếu hờ hững nghiên cứu tràn lan các thứ pháp môn và cũng nương theo đó tu trì thì sẽ có phần làm một vị đại thông gia và hưởng phước báo trời người trong đời sau, chứ muốn liễu sanh thoát tử, siêu phàm nhập thánh sợ khó thể mộng được! Vì sao vậy? Do hết thảy các pháp môn đều phải đoạn Hoặc chứng Chân thì mới hòng liễu sanh thoát tử, chứ không như pháp môn Tịnh Độ: Cậy vào Phật từ lực sẽ có thể đới nghiệp vãng sanh. Phật lực, tự lực khác biệt hệt như một trời một vực! Hiểu rõ điều này sẽ chẳng dám cậy vào tự lực, vứt bỏ Phật lực để kéo dài kỳ hạn liễu sanh tử tới bao nhiêu số kiếp trong vị lai.

Cư sĩ Lưu Đạt Huyền do thấy đại kiếp tràn ngập, chẳng có lúc nào thái bình, bèn lắng lòng nghiên cứu kinh Phật, mới biết "Phật pháp là cái gốc của hết thảy pháp". Nếu có thể y theo lời Phật dạy để hành thì trên là đoạn Hoặc chứng Chân hòng khôi phục bản tánh, dưới là đổi ác hướng lành để làm hiền nhân. Hiền nhân có thể dùng thân để hướng dẫn người khác, trong là gia đình, ngoài là người đời đều sẽ nhìn theo bắt chước làm lành, thay đổi phong tục nhưng chẳng hay chẳng biết. Mạnh Tử nói: *"Cùng tắc độc thiện kỳ thân"* (Hễ cùng quẫn thì riêng mình thiện). Nếu làm được những điều như vừa nói trên đây thì dẫu cùng quẫn vẫn có thể làm cho làng ấp đều cùng được thiện đâu có khó chi? Do vậy, bèn dùng lời văn thông tục để soạn thành mấy chục thiên Phổ Khuyến Học Phật Đàm (những lời bàn luận nhằm khuyên khắp mọi người đều học Phật) để mong người trí lẫn kẻ ngu đều cùng hiểu, ai nấy đều tu trì thì thiên hạ thái bình, nhân dân yên vui chắc sẽ đích thân thấy được. [Trong lời tựa

cho sách này], cư sĩ Phạm Cổ Nông đã nêu bày những điều ẩn kín, Bất Huệ chỉ nói đến sự thực hành trong khi học Phật và đường nhanh tắt để liễu sanh tử nhằm làm cho ai nấy đều cùng liễu sanh thoát tử ngay trong đời này. So với cậy vào tự lực để tu trì hết thảy các pháp khác thì sự khó - dễ còn gấp mấy lần sự khác biệt giữa ngày và kiếp vậy! (Đầu Thu năm Canh Ngọ (1930) thời Dân Quốc)

21. Lời tựa sách Nhân Quả Thực Chứng

Nhân quả là phương tiện lớn lao để thánh nhân thế gian lẫn xuất thế gian bình trị thiên hạ, độ thoát chúng sanh. Khổng Tử khen ngợi Châu Dịch, vừa mở đầu liền nói: *"Tích thiện chi gia tất hữu dư khánh, tích bất thiện chi gia tất hữu dư ương"* (Nhà nào tích thiện điều vui có thừa, nhà nào tích điều bất thiện tai ương có thừa). Nhìn từ bề mặt, câu nói này luận về sự vui mừng, tai ương ảnh hưởng tới con cháu; chứ nếu luận trên thực tế, sự vui mừng hay tai ương quy về bản thân người ấy càng lớn hơn gây ảnh hưởng đến con cháu nhiều lắm. Cơ Tử trần thuật sách Hồng Phạm, cuối cùng mới nói: *"Hưởng dụng ngũ phước, oai dụng lục cực"* (Thuận theo lẽ phải thì sẽ được hưởng năm điều phước, hễ trái nghịch thì sẽ hứng chịu sáu điều khổ cực). "Dụng" (用) nghĩa là "sẽ". "Cực" (極) là khốn cùng, khổ sở, đau đớn. Trên thực tế, Ngũ Phước Lục Cực đã thể hiện cái nhân thiện hay ác trong đời trước và quả báo thiện hay ác trong đời này. Trong kinh điển Nho gia khi nói về tiền nhân hiện quả (nhân đời trước, quả đời này) và hiện nhân hậu quả (nhân đời này, quả đời sau) thì hai câu nói ấy của Khổng Tử và Cơ Tử rõ ràng nhất.

Kinh Phật nói nhân quả ba đời tường tận, chu đáo nhất. Nói toát yếu là: *"Dục tri tiền thế nhân, kim sanh thọ giả thị. Dục tri lai thế quả, kim sanh tác giả thị"* (Muốn biết cái nhân đời trước thì những gì phải hứng chịu trong đời này chính là nó đấy; muốn biết quả đời sau thì [hãy nhìn vào] những gì đã làm trong đời này). Con người thường gọi khổ - sướng, hên - xui phải hưởng chịu trong đời này là Mạng, cho đó là mệnh lệnh từ cõi trời, nào biết đấy chính là quả báo của những điều thiện - ác do chính mình đã làm trong đời trước. Trời đâu có hạ lệnh hậu đãi người kia, bạc đãi kẻ này? Vì thế, sách Cảm Ứng Thiên chép: *"Họa phước vô môn, duy nhân tự chiêu"* (Họa - phước không có cửa, chỉ do con người tự chuốc lấy).

Quả báo thiện - ác như bóng theo hình. Nếu biết được lý này thì trên chẳng oán trời, dưới chẳng hờn người, dè dặt, kiêng nể, kinh sợ tu tỉnh,

trừ khử những món vật tư dục trong tâm chính mình thì chánh tri sẵn có trong tự tâm sẽ phát hiện. Do vậy, kẻ mất niệm thành cuồng sẽ đều khắc chế được ý niệm mà trở thành thánh. Đấy chính là loại nhân quả được nói bởi Nho giáo mà còn có lợi ích lớn lao như thế, huống hồ đức Phật dạy con người tu Giới - Định - Huệ, đoạn tham - sân - si, đừng làm các điều ác, vâng làm các điều lành! Thoạt đầu là đoạn sạch Phiền Hoặc thế gian, liễu sanh thoát tử, siêu phàm nhập thánh. Tiếp đến là dần dần tấn tu cho đến khi Chân cùng, Hoặc tận, huệ mãn, phước trọn, triệt chứng tự tâm, thành Bồ Đề đạo, đều chẳng ra ngoài nhân quả. Do vậy nói: *"Nhân quả là phương tiện lớn lao để thánh nhân thế gian lẫn xuất thế gian bình trị thiên hạ, độ thoát chúng sanh"*.

Tống Nho cho Phật nói nhân quả ba đời, luân hồi trong lục đạo chính là căn cứ để gạt gẫm hạng ngu phu ngu phụ tuân phụng giáo pháp của Ngài, chứ thật ra không có chuyện ấy. Hơn nữa, con người chết rồi thì hình hài sẽ hư mất, thần thức cũng phiêu tán, dẫu bị chặt - chém - xay - giã sẽ thi thố vào đâu? Hơn nữa, thần hồn đã tản mát rồi, lấy ai để thọ sanh? Họ đả phá, bài xích nhân quả khiến cho con người không có cái để e sợ, không có gì để mong mỏi thì thiện không có gì để khuyên, ác không có gì để trừng phạt. Do thiện hay ác đều không có nhân quả, Nghiêu hay Kiệt thì cũng đều chết sạch, kẻ không có chí hướng cao xa ai lại chịu khăng khăng làm lành, dè dặt kiêng ác để cầu cái hư danh sau khi đã chết ư? Đả phá, bài xích nhân quả luân hồi, hiểu sai be bét "cách vật trí tri", chỉ lấy "thành ý chánh tâm, trọn hết tình nghĩa, bổn phận" để làm pháp giác ngộ cõi đời, giáo hóa dân chúng, sáng tỏ đạo, đạt đến bình trị, chẳng biết đôn đốc nơi "trừ khử món vật tư dục trong tự tâm để thấy được chánh tri sẵn có trong tự tâm, chỉ bày nhân quả báo ứng trong đời trước đời này, đời này đời sau" thì có khác gì xoi thủng đê để mong nước đừng chảy tràn lan, bỏ thức ăn mà mong dân chẳng bị chết đói, há có được chăng?

May mắn là ai nấy sẵn có cái tâm có thể làm Nghiêu - Thuấn, có thể thành Phật. Bất hạnh là chẳng được dạy đúng pháp đến nỗi không tránh khỏi làm hạng dân quê, làm hạng chúng sanh chẳng biết quay về cội, trở lại nguồn. Ông Châu Quần Tranh ở Vĩnh Gia từ thời thơ ấu đến lúc nhược quan (hai mươi tuổi) chẳng biết nhân quả, đã lâm vào tình thế "thánh mất niệm thành cuồng". Đến đầu thời Dân Quốc, do được nghe Phật pháp từ các bậc tiên triết và thiện tri thức trong làng, mới biết nhân quả, mong mỏi được là hạng người "khắc chế ý niệm, trở thành thánh", khôn ngăn xót mình xót người, thương mình thương người, liền đem

những sự tích nhân quả xác đáng, thiết thực do chính mình đã thấy nghe chép lại thành một cuốn sách, đặt tên là Nhân Quả Thực Chứng. Tính đem in ra để mong ai nấy đều biết nhân rõ quả, siêu phàm nhập thánh, xin tôi viết lời tựa dẫn khởi, tôi bèn viết lời tựa này để nêu rõ những điều chánh yếu (Đầu Hè năm Kỷ Mão, tức năm Dân Quốc 28 - 1939)

22. Lời tựa sách Triêu Mộ Khóa Tụng Bạch Thoại Giải Thích

Đại giáo truyền sang phương Đông gần hai ngàn năm. Dù Tăng hay tục ai nấy đều tùy theo pháp nào gần gũi với tánh mình mà tu trì. Tuy pháp môn tu trì có đủ mọi thứ sai khác, nhưng tụng kinh, trì chú, lễ bái, sám hối, siêu độ cô hồn, cầu sanh Tịnh Độ thật sự là những điều chánh yếu. Vì thế, từ các kinh chú, các pháp môn, cổ đức đã chọn lọc lấy những phần chánh yếu, soạn thành hai thời công khóa sáng - tối để các hành nhân y theo đó tu trì nhằm tiêu trừ nghiệp chướng, tăng trưởng phước huệ, báo đáp Tứ Ân, siêu độ cô hồn. Do lòng Từ rộng lớn của đức Phật, do tận hết lòng Thành của chính mình, cố nhiên đạo ấy thông trên, thấu dưới, ích lợi ấy dù cõi âm hay dương gian đều chẳng hề thiếu sót. Do vậy, đạo tràng trong thiên hạ dù Tông hay Giáo, dù Luật hay Tịnh, không đâu chẳng kính vâng lấy đó làm chương trình [tụng niệm] nhất định.

Đầu đời Thanh đã có người soạn cuốn Nhật Khóa Tiện Mông[152] nhưng chỉ giải thích đại lược câu chữ mà thôi! Gần đây có pháp sư Hưng Từ soạn cuốn Nhị Khóa Hiệp Giải khá tường tận, rõ ràng, nhưng do văn tự hơi sâu nên kẻ sơ cơ chưa được lợi lạc cho lắm. Cư sĩ Hoàng Hàm Chi trong mấy năm trước đã từng soạn cuốn Sơ Cơ Tịnh Nghiệp Chỉ Nam và Di Đà Bạch Thoại Giải Thích in tới hơn mấy chục vạn bản. Những người đề xướng học Phật ở những nơi khác đều tiếp tục thỉnh sách. Cố nhiên, Hoàng Hàm Chi biết văn Bạch Thoại chẳng thể nào súc tích, trang trọng như Văn Ngôn được, nhưng do nó có thể giúp cho người kém học vấn sẽ nhờ vào đấy để lãnh hội được, nên ông hoàn toàn dùng thể văn Bạch Thoại để giải thích khóa tụng sáng tối. Ông rất sợ kiến giải của chính mình không chừng sẽ có những chỗ chưa thấu đáo nên mỗi mỗi đều cậy người bạn là cư sĩ Cố Hiển Vi sửa chữa. Lại do thấy những ý nghĩa tột cùng của những danh tướng được nói đến trong sách ấy có lẽ [độc giả] chưa hoàn toàn hiểu trọn, nên trước đấy đã viết các tập sách Phật Pháp Đại Ý, Tâm Kinh Bạch Thoại Giải Thích và Di Đà Kinh Bạch

[152] Cuốn sách này do ngài Thích Hải Khoan biên soạn dưới đời vua Ung Chánh.

Thoại Giải Thích, khá nhiều tác phẩm đều được đề xuất lưu hành riêng.

Hai thời khóa tụng có được bản giải thích này thì kẻ sơ cơ sẽ nối tiếp nhau hưởng các thứ lợi ích chẳng thể nghĩ bàn. Tuy nhiên, trì tụng kinh chú quý tại chí thành. Dẫu trọn chẳng biết nghĩa, mà nếu có thể hết lòng thành, cạn lòng kính, kiền thành, khẩn thiết thọ trì thì lâu ngày chầy tháng tự nhiên sẽ nghiệp tiêu, trí rạng, chướng tận, tâm minh, còn có thể thấu hiểu trực tiếp ý Phật, huống là những giải thích về mặt văn tự và ý nghĩa của chúng ư? Nếu không, dẫu có thấu hiểu thông suốt, nhưng do chẳng chí thành thì chỉ trở thành tình kiến phàm phu, dò đoán suy lường mà thôi; chứ không có cách nào đạt được lợi ích chân thật và sự cảm ứng chân thật của kinh! Do hoàn toàn là thức tâm[153] phân biệt suy lường thì làm sao có thể ngầm thông Phật trí, thầm hợp diệu đạo, hễ vừa vượt thoát liền chứng nhập trực tiếp, mau chóng đạt lợi ích thù thắng?

Thường thấy ngu phu ngu phụ cắm cúi tu trì đạt được lợi ích hơn hẳn kẻ thông minh nhiều lắm. Ấy là vì một đằng hết lòng Thành, cạn lòng kính, chuyên tâm nhất chí, còn một đằng thì hờ hững, lợt lạt, tán loạn, hư vọng suy lường mà ra! Xin các độc giả đều biết ý này, đấy chính là đã hiểu trọn ý nghĩa của kinh, khi trì tụng sẽ chẳng còn sanh phân biệt nữa, sẽ như đối trước thánh dung đích thân lắng nghe viên âm, trọn không thấy có một niệm nào để được thì lợi ích ấy chẳng thể dùng ngòi bút để hình dung được đâu! Đấy chính là bí quyết trì tụng. Nguyện khắp các đồng nhân đừng coi thường lời này thì may mắn lắm thay! (Giữa Xuân năm Canh Ngọ, tức năm Dân Quốc 19 - 1930)

23. Lời tựa cho lễ truyền giới tại Viên Giác thiền viện ở Ngư Sơn, huyện Sào

Đức Như Lai dùng ba sự để giữ cho chánh pháp tồn tại lâu dài trong thế gian khiến cho chúng sanh đều được độ thoát. Ba sự ấy là gì? Chính là Giới - Định - Huệ. Do chúng sanh một mực trái nghịch đạo giác, xuôi theo trần lao, luân hồi trong lục đạo, nên nay đức Phật muốn làm cho họ bỏ trần lao thuận theo đạo giác, hướng tới chứng được Niết Bàn. Nếu không có Giới thì chẳng có gì trói buộc, ắt sẽ đến nỗi đuổi theo trần cảnh, khởi Hoặc, tạo nghiệp. Không có Định, sóng thức cuồn cuộn, làm sao tâm không trụ vào đâu cho được! Không có Huệ sẽ do đâu triệt chứng được chân tâm sẵn có? Vọng Hoặc huyễn khởi sẽ do đâu mà

[153] Thức tâm (còn gọi là Tâm Sở Pháp), tức cái tâm bị chi phối bởi tác dụng của sáu thức hay tám thức; gọi như vậy để phân biệt với chân tâm.

nhanh chóng diệt mất? Vì thế, kinh Lăng Nghiêm dạy: *"Nhiếp tâm là Giới, nhân Giới sanh Định, nhân Định phát Huệ. Đấy gọi là Tam Vô Lậu Học"*.

Hãy nên biết: Cả ba điều này chính là một, tuy một nhưng là ba. Đừng cho rằng Giới chỉ là nền tảng ban đầu của Định và Huệ mà thôi! Phàm Luật Nghi Giới giữ cho thân chẳng làm [những điều ác] thì có thể gọi là nền tảng ban đầu, nhưng Định Cộng Giới giữ cho tâm chẳng khởi [những vọng niệm] và Đạo Cộng Giới[154] nghiệp tận tình không, Chân cùng, trí rạng, há chẳng phải là toàn thể đại dụng của Định và Huệ ư? Há nên chỉ coi là nền tảng ban đầu ư? Nhưng Định Cộng Giới và Đạo Cộng Giới lấy Luật Nghi Giới làm bản thể, chỉ do công dụng trì giới sâu hay cạn mà lập ra hai cái tên ấy, chứ chẳng phải là nói đến thứ giới bổn nào khác cả! Người đời thường lấy Luật Nghi để bàn luận, đến nỗi chẳng biết hoặc coi thường ý nghĩa chế giới lớn lao của đức Như Lai! Chẳng khởi sự từ Văn Huân[155] mà mong đạt được Chân Giới, Chân Định, Chân Huệ, đáng than lắm thay!

Pháp đạo của đức Như Lai có phạm vi rộng khắp mười cõi, tuy các bậc đại sĩ hoằng pháp ai nấy đều Tam Học viên minh, nhưng do kiến lập môn đình, mỗi vị chẳng thể không chuyên chú trọng [nơi một môn]. Hoặc chuyên chú nơi "Chỉ Tác Trì Phạm"[156] thì thành Luật. Hoặc chuyên chú nơi tu quán giảng diễn thì thành Giáo. Hoặc chuyên chú nơi tham cứu bổn lai để mong triệt ngộ thì thành Tông (Thiền). Tông mang tên là *"giáo ngoại biệt truyền"* (truyền riêng ngoài giáo) còn Luật là *"giáo nội chân truyền"* (chân truyền bên trong giáo). Nói *"biệt truyền"* là muốn cho con người thấy được bản thể ở ngoài ngôn ngữ; chứ không có nghĩa là Tông vượt xa hẳn ra ngoài giáo lý!

---

[154] Luật Nghi Giới: Những giới luật do đức Phật chế định nhằm giữ cho ba nghiệp thân miệng ý của hành giả được thanh tịnh, ngăn ngừa những vọng niệm nẩy sanh, có tác dụng *"phòng phi, chỉ ác"* (ngăn ngừa những điều sai trái, dứt các điều ác). Định Cộng Giới: Giới đạt được do đạt đến mức tinh thuần nơi Định, tức là do Định tâm bất tán nên luôn giữ được giới thể, giới tướng thanh tịnh. Tâm thường an trụ trong Định nên tất cả hành vi, tạo tác, tâm niệm tương ứng với Định, không còn rong ruổi theo trần cảnh nên tuy không chú tâm giữ gìn giới tướng mà không trái phạm giới. Đạo Cộng Giới cũng tương tự, nhưng là sự giữ giới tinh thuần do tác dụng của Huệ Học.

[155] Văn Huân: Do nghe pháp mà tâm thức được huân tập.

[156] Chỉ Tác Trì Phạm: Gọi đúng ra là "Chỉ Trì, Tác Phạm", tức là những giới hễ ngăn dứt không làm thì là Trì Giới (nên gọi là Chỉ Trì), còn hễ làm thì bị coi là phạm giới (nên gọi là Tác Phạm). Hiểu rộng hơn thì Chỉ Tác Trì Phạm chỉ chung cho mọi giới tướng.

Hãy thử nghĩ xem: Lúc đức Thế Tôn cầm cành hoa giơ lên, ngài Ca Diếp mỉm cười, bổn địa phóng quang, triệt để hiển lộ. Hiểu rõ điều ấy thì tất cả hình sắc trọn khắp thế gian, không gì chẳng phải là đóa hoa đang được đức Thế Tôn cầm, không gì chẳng làm cho con người thấy được triệt để diện mục sẵn có của chính mình trước khi được cha mẹ sanh ra. Huống chi vô thượng diệu pháp được nói bởi chính kim khẩu của đức Như Lai lại chẳng phải là đóa hoa ấy hay sao, chẳng thể làm cho con người đích thân thấy được bản lai diện mục ư?

Nhưng trăm vạn trời người dẫu thấy đức Thế Tôn cầm cành hoa giơ lên thảy đều ngơ ngác, cũng như đang cưỡi lừa lại đi tìm lừa, trọn chẳng thể lãnh hội được. Nếu biết [bản lai diện mục] chính là ở ngay nơi đấy thì bao nhiêu người sẽ thành tựu ngay trong đời hiện tại, đỡ tốn sức biết bao nhiêu. Do mê nên chẳng biết quay trở lại, giống như chàng Diễn Nhã [trong kinh Lăng Nghiêm nhìn vào gương] trông thấy đầu mình, vô cớ phát cuồng chạy quàng lên; hạt châu trong chéo áo mà oan uổng chịu bần cùng, thật đáng buồn thay! Cần biết rằng Luật, hay Giáo, hay Tông, phải trọn vẹn cả ba thứ này thì mới có thể tiếp nối huệ mạng, truyền pháp đạo của đức Phật được! Nếu bị thiếu khuyết sẽ chẳng đủ để trên là chứng A Nậu Bồ Đề, dưới là độ hết thảy hàm thức.

Lô Xá Na Phật lấy Giới làm Thể, do không điều ác nào chẳng hết sạch nên gọi là Tịnh, không điều thiện nào chẳng trọn vẹn nên gọi là Mãn[157]. Đoạn ác tu thiện chính là cùng vâng giữ Chỉ và Tác. Do vậy, Luật là Phật thân, Giáo là Phật ngữ, Tông là Phật tâm. Ba thứ tâm - ngữ - thân quyết chẳng thể tách rời, quyết khó thể thiếu sót. Nếu không, thì một cánh khó bay, một bánh xe chẳng thể di chuyển được! Muốn tự lợi, lợi tha sẽ khó thể như nguyện!

Viên Giác Am ở Ngư Sơn sáng lập từ đời Minh, tồn tại cho đến ngày nay tuy có lúc chìm, lúc nổi, hoặc suy, hoặc thịnh khác nhau. Đến năm Dân Quốc thứ tám (1919), Trụ Trì là hòa thượng Cảnh Công phát Tứ Hoằng Thệ quyên mộ tu bổ, đến năm Dân Quốc 15 (1926), điện vũ phòng ốc đều mới mẻ rạng ngời. Do điện vũ đã thành, lại muốn truyền giới bởi kiến tạo tùng lâm chính là vì để thực hiện việc [truyền giới] này. Do vậy, từ ngàn dặm gởi thư yêu cầu tôi viết lời tựa nhằm nêu bật ý nghĩa này. Vì thấy hoằng truyền giới pháp chính là một chánh điển (nghi lễ chánh yếu) trong pháp môn nên tôi chẳng thể từ tạ được. Hiềm rằng Quang đối với Tông, với Luật, với Giáo đều chẳng có tâm đắc gì, làm

---

[157] Lô Xá Na Phật (Rocana) chính là Báo Thân Phật. Danh hiệu Lô Xá Na gồm hai nghĩa Tịnh và Mãn.

sao có thể chẳng phụ lòng Sư giao phó cho được? Chỉ đành thuật tóm tắt những điều mà tri kiến hèn tệ của chính mình có thể lãnh hội được từ những gì Phật, Tổ, cổ đức đã nói cho xong trách nhiệm.

Kinh Di Giáo dạy: "*Này các thầy tỳ-kheo! Sau khi ta diệt độ, hãy nên tôn trọng, quý trọng, cung kính Ba La Đề Mộc Xoa*[158] *như trong tối tăm gặp được ánh sáng, như kẻ nghèo được báu vật. Hãy nên biết đấy chính là đại sư của các thầy giống như ta trụ thế, trọn chẳng khác gì!"* Kinh Phạm Võng dạy: *"Ta là Phật đã thành, các ông là Phật chưa thành. Nếu tin được như thế thì giới phẩm đã trọn đủ"*. Lại nói: *"Chúng sanh nhận lãnh giới nhà Phật liền dự vào địa vị Phật, địa vị giống với bậc Đại Giác, đúng là con của chư Phật"*. Nguyện các Phật tử thọ giới ai nấy đều tự biết chính mình vốn sẵn là Phật, nhưng do mê trái nên ngược ngạo nhờ vào sức công đức Phật tánh ấy mà luân hồi trong lục đạo, chịu các sự khổ cùng cực.

Như Chuyển Luân Thánh Vương mộng thấy mình là con kiến, lần theo mùi tanh bò ở dưới thềm, tự thấy mình hèn nhỏ, nhưng thân vua nằm ở trên giường vẫn y nguyên như cũ chẳng mất. Đến khi tỉnh giấc mới biết huyễn hoặc biến thành kiến, chứ trọn chẳng có thực thể! Hết thảy chúng sanh cũng giống như thế. Phật vốn là chưa thành, nghiệp vốn là không nhưng lầm lạc tạo dựng, đề cao thánh cảnh, cam phận phàm ngu, nhường cho mình đức Thích Ca Thế Tôn làm một vị trượng phu hùng mãnh, há chẳng đáng buồn quá đỗi ư? Nếu các Phật tử thọ giới ai nấy đều gắng sức thì chẳng những không phụ một phen nhọc lòng truyền giới của hòa thượng Cảnh Công mà còn an ủi được một phen thánh ý xuất thế chế giới của đức Như Lai vậy!

24. Lời nói đầu dành cho bản báo cáo kết toán thâu nhập lần thứ sáu của Hoằng Hóa Xã ở Tô Châu

Nhân quả báo ứng là phương tiện lớn lao để thánh nhân thế gian lẫn xuất thế gian bình trị thiên hạ, độ thoát chúng sanh. Pháp môn Tịnh Độ là đạo để hết thảy lục đạo tam thừa đạt đến mục đích liễu sanh thoát tử,

[158] Ba La Đề Mộc Xoa (Prātimoksa) chính là giới luật để bảy chúng đệ tử Phật ngăn ngừa tội lỗi nơi thân - khẩu - ý, xa lìa các phiền não Hoặc nghiệp hòng được giải thoát. Ba La Đề Mộc Xoa thường được dịch nghĩa là Tùy Thuận Giải Thoát, Xứ Xứ Giải Thoát, Biệt Biệt Giải Thoát, Biệt Giải Thoát, Tối Thắng, Vô Đẳng Học v.v… Nếu hiểu theo nghĩa hẹp thì Ba La Đề Mộc Xoa thường chỉ cho giới luật của hàng xuất gia, được chia thành tám tiểu loại: Ba La Di, Tăng Tàn, Bất Định, Xả Đọa, Đơn Đọa, Ba-La-Đề Đề-Xá-Ni, Chúng Học, Diệt Tránh Pháp.

viên chứng Bồ Đề. Kể từ sau khi Tống Nho bài xích nhân quả, pháp "trị quốc, trị gia, trị thân, trị tâm" chỉ còn là cành lá, trọn chẳng có cội gốc, dẫn đến những thói cuồng loạn không cứu vãn được, hết cả thuốc chữa! Dẫu học Phật chẳng tu Tịnh Độ vẫn có thể triệt ngộ tự tâm, thâm nhập kinh tạng, nhưng nếu chưa đạt đến địa vị "nghiệp tận, tình không" thì vẫn luân hồi trong lục đạo y như cũ! Biển sanh tử sâu thăm thẳm, đường Bồ Đề xa vời vợi, muốn cậy vào tự lực để liễu sanh thoát tử sẽ khó như lên trời!

Bất Huệ nghiệp nặng, phước nhẹ, nghiệp sâu, huệ cạn, tuy có lòng cứu nước, cứu dân, tự lợi, lợi tha, nhưng không có đạo để hoằng pháp cứu vớt mọi người, tự lập, lập người, chỉ đành lượng theo sức mình ấn hành lưu truyền đôi chút những kinh sách thiết yếu, khế cơ tuyên nói về nhân quả và Tịnh Độ để mong kẻ thấy người nghe đều cùng sanh chánh tín, cùng tu Tịnh nghiệp, đều cùng giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành nhằm trọn hết tấm lòng tôi mà thôi!

Mùa Xuân năm Canh Ngọ, tức năm Dân Quốc 19 (1930), thầy Minh Đạo tính lập ra Hoằng Hóa Xã tại Thượng Hải Tịnh Nghiệp Xã để lưu thông các kinh sách đã ấn tống trong mấy năm trước, được các vị cư sĩ tán trợ, đã bắt đầu hoạt động. Vào đầu Hạ, Bất Huệ bế quan tại chùa Báo Quốc ở Tô Châu nhất loạt không hỏi đến. Năm sau, Hoằng Hóa Xã dời về chùa Báo Quốc, khá phát đạt. Đến tháng Mười năm nay, sư Minh Đạo mất, chuyện Hoằng Hóa Xã không giao được cho ai, chỉ đành tự đảm nhiệm. Nhưng tôi là một Tăng tầm thường chỉ biết cơm cháo đã bảy mươi sáu tuổi lại thù tiếp vụng về, nếu các đại cư sĩ có lòng Bồ Đề vì pháp, vì người vẫn duy trì như cũ thì kinh sách của Hoằng Hóa Xã sẽ có thể lưu truyền xa gần, chẳng đến nỗi do vì Bất Huệ lo liệu mà bị bỏ phế, hoạt động rời rạc vậy! Viết những điều này để mong các đại cư sĩ sáng soi (Giữa Xuân năm Bính Tý, tức năm Dân Quốc 25 - 1936)

25. Duyên khởi niệm Phật bốn mươi chín ngày của Thường Tịch Quang Lan Nhã núi Vân Cư, Hàng Châu

Pháp Niệm Phật chính là pháp môn đặc biệt để phổ độ chúng sanh của đức Như Lai. Thích hợp khắp ba căn, thâu tóm trọn vẹn lợi căn lẫn độn căn, trên là bậc Đẳng Giác Bồ Tát chẳng thể vượt ra ngoài được, dưới là tội nhân nghịch ác cũng có thể dự vào trong ấy. Chẳng đoạn Hoặc nghiệp mà được dự vào hải hội; hễ được vãng sanh nhất định

chứng Bồ Đề. Huống chi chúng sanh đời Mạt căn cơ kém hèn, chẳng nương theo pháp này thì làm sao yên được?

Lão hòa thượng Vi Quân đã xét nghĩ điều này, bèn lập một Lan Nhã ở núi Vân Cư thuộc châu thành đất Hàng, đặt tên là Thường Tịch Quang, ý muốn để cho mình cùng người đều niệm danh hiệu Phật, cùng sanh về cõi Phật, dần dần tấn tu hòng cùng được viên mãn Phật quả. Kể từ khi ngài Vi Quân qua đời, học trò Ngài đều nghiêm túc tuân theo lệnh thầy, vĩnh viễn giữ gìn quy củ đã thành nề nếp. Nay đại sư Diệu Đăng thấy một pháp Niệm Phật nhiếp khắp kẻ định tâm lẫn tán tâm, nhưng cần phải chuyên ròng dụng công để mong đắc nhất tâm ngõ hầu lên thẳng Thượng Phẩm, mau chứng Tịch Quang, liền tính mỗi năm vào cuối mùa Đông sẽ lập một kỳ hạn nhất định chuyên niệm Phật trong bốn mươi chín ngày để mong tâm khế hợp với Phật, hòng chứng được nghĩa *"tâm này làm Phật, tâm này là Phật"*, cảm ứng đạo giao, chẳng phụ lòng Thành như mẹ mong con, như con nhớ mẹ.

Pháp hội đã mở ra, chỉ mong lợi lạc trọn khắp. Phàm kẻ tại gia thiện sĩ muốn tùy hỷ tu trì đều chấp thuận hết. Chỉ có những vị anh hiền chốn khuê các cố nhiên nên ở yên trong nhà, nhất tâm niệm Phật, chẳng cần phải đến dự hội để mong đích thân được hưởng lợi ích chân thật, không vướng phải các hiềm nghi, khiến cho người khác sanh lòng ngưỡng mộ, vĩnh viễn dứt hết các nghi báng, ai nấy tùy theo phận mình gắng sức tu trì, quả thật là nhiệm vụ trọng yếu. Nguyện khắp những ai thấy nghe đều cùng sanh lòng tin, cùng tu Tịnh nghiệp ngõ hầu cùng sanh về Tịnh Độ, cùng chứng Bồ Đề, hưởng các pháp lạc đến tột cùng đời vị lai (Giữa Hạ năm Giáp Tý, tức năm Dân Quốc 13 - 1924).

26. Duyên khởi của Hải Môn Liên Xã tại Phước Châu

Chân Như tánh hải tịch - chiếu viên dung, vô Năng, vô Sở, chẳng dời, chẳng biến, ngay cả cái tên Niết Bàn còn chẳng có thì làm sao có chuyện sanh tử? Nhưng vì chúng sanh mê muội, chôn vùi toàn thể, chẳng hiểu tự tâm, lầm lạc đuổi theo huyễn cảnh. Do vậy, đối với những cảnh thuận, nghịch, khởi tham - sân - si, tạo giết - trộm - dâm, từ kiếp này sang kiếp khác luân hồi trong lục đạo, trọn chẳng có thuở thoát ra, ngược ngạo nương vào sức tịch - chiếu viên dung của Chân Như Phật tánh ấy để làm cái gốc khởi Hoặc tạo nghiệp, luân hồi sanh tử; há chẳng đáng buồn quá đỗi ư? Đức Đại Giác Thế Tôn thương xót, tùy cơ chỉ dạy, nói đủ mọi pháp, khiến cho ai nấy đều theo đường về nhà, đích thân thấy

được Phật tánh. Hiềm rằng chúng sanh căn khí bất nhất, liễu thoát ngay trong đời này chẳng được mấy kẻ! Do vậy, đức Phật liền đặc biệt mở ra một môn tín nguyện niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ để mong sao bọn họ dù thánh hay phàm đều cùng được giải thoát ngay trong đời này. Ấy là vì "*tâm này làm Phật, tâm này là Phật"* chứ chẳng phải có [một Phật quả] ở riêng ngoài tâm để đạt được! Do Phật lực chẳng thể nghĩ bàn, pháp lực chẳng thể nghĩ bàn, chúng sanh tâm lực cũng chẳng thể nghĩ bàn; chúng sanh và Phật dung nhiếp nhau, cảm ứng đạo giao, nên dễ được thành tựu.

Cư sĩ La Vũ Tằng ở Hải Môn xưa đã trồng cội đức, bẩm tánh nhân từ, tốt lành, đề xướng Tịnh Độ chẳng tiếc sức thừa, muốn cho hết thảy những người cùng hàng đều chứng Phật tánh sẵn có. Vì thế, khi lâm chung cụ được toại nguyện. Con cụ là Khanh Đoan, Ngạn Tuấn gắng sức tiếp nối chí cha, lập ra chỗ lưu thông kinh Phật trong nhà, muốn cho những tịnh lữ trong vùng phụ cận tùy thời niệm Phật; cho nên tại chỗ lưu thông, lập một liên xã, đặt biển ghi tên là Hải Môn. Do biển pháp của chư Phật chỉ có Niệm Phật là dễ vào nhất; Chân Như tánh hải chỉ có Niệm Phật là dễ đích thân chứng được nhất. Do vậy, pháp môn Niệm Phật này chính là cửa ngõ để vào biển pháp của chư Phật, để chứng Chân Như tánh hải! Vì thế đặt tên là Hải Môn.

Đây là ước theo Lý mà luận, chứ nếu ước theo Sự để nói thì do cha họ là cư sĩ Hải Môn đề xướng niệm Phật, hết thảy đại chúng mới biết: Trong cõi đời có pháp môn Tịnh Độ tột bậc rộng lớn, tột bậc viên đốn, tột bậc sâu mầu, tột bậc giản tiện! Phàm những ai đến đấy niệm Phật, ắt phải giữ vẹn luân thường, nghiêm túc trọn hết bổn phận của chính mình, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đánh đổ ham muốn xăng bậy để khôi phục lễ nghĩa, đừng làm các điều ác, vâng làm các điều lành, kiêng giết, bảo vệ sanh mạng, cứu giúp người đang gặp nạn ngặt nghèo, dùng những điều ấy để tự hành, lại còn dùng những điều ấy để dạy người. Người làm được như thế thì tâm sẽ hợp với Phật, tâm sẽ hợp với đạo. Lúc còn sống liền dự vào địa vị thánh hiền, khi lâm chung lên thẳng cõi Cực Lạc, ngõ hầu thỏa mãn bổn nguyện đề xướng của cư sĩ Hải Môn. Nơi nơi đều lập liên xã, mỗi mỗi đều phỏng theo Hải Môn, sẽ thấy Phật pháp hưng thịnh, tai chướng tiêu diệt, mưa hòa, gió thuận, cùng nhau đạt đến cõi đời Đại

Đồng[159], dân khỏe mạnh, vật sanh sôi, cùng vui hưởng cuộc sống tươi vui, tốt đẹp vậy.

27. Duyên khởi của Lạc Thanh Phật Giáo Tịnh Nghiệp Xã

Đức Đại Giác Thế Tôn thương các chúng sanh mê mất cái tâm mầu nhiệm vốn có nên luân hồi trong sanh tử, bèn thị hiện giáng sanh trong thế gian, thành Đẳng Chánh Giác, tùy thuận căn cơ của chúng sanh nói đủ mọi pháp. Tuy Đại, Tiểu, Quyền, Thật bất đồng, dẫu Thiên, Viên, Đốn, Tiệm mỗi pháp mỗi khác, nhưng đều là nhằm khai - thị - ngộ - nhập tri kiến của đức Phật cho chúng sanh [khiến họ] rốt ráo thành Phật mới thôi. Nhưng căn cơ chúng sanh có lớn - nhỏ, mê có cạn - sâu, chẳng thể thỏa thích bổn hoài của Phật ngay được; lại vì chúng sanh đời Mạt nghiệp chướng sâu nặng, trí huệ cạn mỏng, thọ mạng ngắn ngủi, tri thức hiếm hoi, nếu chẳng cậy vào Phật lực quyết khó thể liễu thoát. Do vậy, đặc biệt lập ra một pháp môn Tịnh Độ nhiếp trọn các pháp Sơ - Trung - Hậu, thích hợp khắp cả ba căn Thượng - Trung - Hạ, ngõ hầu những vị đã chứng Pháp Thân sẽ mau thành Phật đạo, kẻ chưa đoạn Phiền Hoặc cũng thoát khỏi luân hồi. Lợi ích ấy vượt trỗi những giáo pháp trong suốt một đời giáo hóa của đức Phật vì một đằng chuyên cậy vào tự lực, một đằng kiêm nhờ vào Phật lực.

---

[159] Theo Nho gia, Đại Đồng (大同) là một thế giới toàn hảo, trong đó con người không có lòng vật dục riêng tư. Khái niệm này bắt nguồn từ thiên Lễ Vận sách Lễ Ký. Theo đó, Khổng Tử do có việc phải sang Lạp Tân, xong việc, đi du ngoạn, chợt thở dài vì cảm thán cho tình hình nước Lỗ. Ngôn Yển bèn hỏi nguyên cớ, Khổng Tử đáp: *"Đại đạo được thực hành bởi ba vị thánh quân anh minh thời Tam Đại, Khâu tôi chưa đạt đến, nhưng sẵn chí mong mỏi. Hễ đại đạo được lưu hành thì thiên hạ đều là của chung. Chọn lựa người hiền, cử người tài năng, thành tín, hòa thuận. Cho nên con người chẳng chỉ lo phụng dưỡng cha mẹ của chính mình, chẳng lo nuôi dạy con cái của riêng mình, mà ắt sẽ khiến cho người già được chết an lành, kẻ trẻ khỏe được sử dụng đúng tài năng, trẻ thơ được trưởng thành, cứu giúp người góa bụa, những kẻ mồ côi, lẻ loi, tàn tật đều được giúp đỡ. Nam tròn bổn phận, nữ có nơi nương tựa. Vật dụng không bị vứt bỏ trên đất, nhưng chẳng giấu diếm cho riêng mình. Chẳng ngại ngần ra sức làm lụng, nhưng chẳng cậy công. Vì thế, những mưu mẹo bị ngăn chặn, không thể dấy lên được, trộm cắp, loạn tặc chẳng thể xảy ra. Do vậy, cổng ngõ chẳng cần phải đóng. Đó gọi là Đại Đồng".*

Ví như gã chân teo suốt ngày chỉ đi được mấy dặm, nếu ngồi luân bảo[160] của Chuyển Luân Thánh Vương thì trong một ngày liền đến khắp bốn châu. Vì thế, pháp này được chín giới cùng hướng về, mười phương cùng khen ngợi, ngàn kinh cùng xiển dương, muôn luận đều tuyên nói, là pháp môn tổng trì thành thủy thành chung để mười phương tam thế hết thảy chư Phật trên thành Phật đạo, dưới hóa độ chúng sanh. Xét từ khi đại giáo được truyền sang phương Đông, Viễn Công là vị mở liên xã đầu tiên. Đương thời, bậc cao tăng đại nho dự vào hội có tới một trăm hai mươi ba người. Từ đấy trở đi, đời nào cũng có cao nhân tục diệm truyền đăng trọn khắp trong ngoài nước.

Đại pháp của Như Lai có năm thứ là Luật, Giáo, Tông, Mật, Tịnh, nhưng chỉ có một pháp Tịnh Độ là dễ tu trì nhất, dễ thành tựu nhất, là chỗ quy túc của Luật, Giáo, Tông, Mật. Vì thế, các vị tri thức Luật, Giáo, Tông, Mật xưa nay đều chú trọng ngầm tu, rất nhiều vị cực lực công khai giáo hóa đại chúng bằng pháp môn này. Pháp này Chân lẫn Tục cùng viên dung, cơ và lý cùng khế hợp, chẳng những là pháp để người học đạo lập tức thoát khỏi luân hồi mà còn là nền tảng để bậc cai trị đất nước ngồi hưởng thái bình. Vì thế, vãng thánh tiền hiền, người thông đạt, bậc trí huệ đều cùng tu trì giống như mọi ngôi sao chầu về Bắc Đẩu, như các dòng nước chảy xuôi vào biển Đông.

Gần đây, lòng người kém hơn xưa, bỏ gốc chạy theo ngọn, gió Âu dần dần thổi sang Đông, đua nhau đề cao duy tân, phế kinh điển, phế luân thường, bỏ hiếu, vứt thẹn, đến nỗi hùa theo nhau ầm ĩ đề xướng giết cha giết mẹ. Người có lòng lo cho thế đạo nhân tâm trông thấy hiện tượng ấy, sợ đạo làm người gần như bị diệt mất, đua nhau lập cách cứu vãn. Do vậy, các xứ đều lập Tịnh Nghiệp Xã, Cư Sĩ Lâm, đề xướng Phật học, nêu tỏ nhân quả ba đời, chỉ rõ luân hồi trong lục đạo, khiến cho hết thảy mọi người đều giữ tám đức "hiếu, đễ, trung, tín, lễ, nghĩa, liêm, sỉ", hành tám sự "cách vật, trí tri, thành ý, chánh tâm, tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ", ắt sẽ ngăn giận, chặn dục, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng làm các điều lành để thành người hiền, người thiện trong thế gian, phát Bồ Đề tâm, tự hành, dạy người, tín nguyện

---

[160] Luân Bảo (Cakra-ratna) là bánh xe bằng chất báu, chính là một trong bảy món báu của Chuyển Luân Thánh Vương (Cakravarti-rāja) được cảm thụ bởi sức phước báo của vua, giúp vua có thể đi tới khắp mọi nơi, không ai ngăn trở được. Luân bảo có bốn loại vàng, bạc, đồng, sắt, riêng luân bảo của Chuyển Luân Thánh Vương (Kim Luân Vương) có đến một ngàn căm. Chuyển Luân Thánh Vương dùng luân bảo ấy để bay đi khắp mọi nơi, chinh phục khắp bốn đại châu.

niệm Phật, cầu sanh Tây Phương. Để đến khi lâm chung sẽ được Phật tiếp dẫn, vãng sanh Tây Phương, trở thành thượng thiện nhân xuất thế gian. Đấy là đại ý vì sao các xứ lập Tịnh Nghiệp Xã.

Từ xa xưa, Ôn Châu là cuộc đất Phật giáo hưng thịnh. Trước kia đã có Ngô Bích Hoa cực lực đề xướng; do vậy, Lạc Thanh, Hồng Kiều đã thiết lập Cư Sĩ Lâm. Nay Ngô Trí Hinh, Lâm Trí Minh tập hợp các tín sĩ, lập ra một Tịnh Nghiệp Xã ở huyện thành để mong chuyển đổi lòng người, giúp đỡ cho nền chánh trị của nước nhà, họ rất sợ kẻ chưa am hiểu Phật lý sẽ không thể nào hiểu rõ được lợi ích rộng lớn sâu xa ấy nên đặc biệt xin Quang soạn bài ký nêu tỏ ý nghĩa ấy ngõ hầu ai nấy đều có thể thật sự đích thân chứng được diệu đạo sẵn có ở ngay nơi cái tâm. Đối với sự kiến lập [Tịnh Nghiệp Xã] và sự tu trì [trong liên xã ấy] thì đã có người ghi chép riêng nên ở đây tôi không viết cặn kẽ! (Đầu Thu năm Quý Dậu, tức năm Dân Quốc 22 - 1933)

28. Duyên khởi của phân xã Đường Áp thuộc Nam Thông Phật Giáo Cư Sĩ Lâm

Đức Đại Giác Thế Tôn… *(cho đến)* Đấy là đại ý vì sao các xứ lập Tịnh Nghiệp Xã *(Hoàn toàn giống với bài duyên khởi của Lạc Thanh Phật Giáo Tịnh Nghiệp Xã).* Giang Tô là nơi Phật pháp được khởi xướng đầu tiên ở phương Nam. Nam Thông rất gần Tô Châu vốn xưa kia là chỗ *"nhà nhà Quán Thế Âm, chốn chốn Di Đà Phật"*. Cuối đời Thanh, vận nước ngày một suy, pháp vận cũng suy theo, đến nỗi tiếng tụng kinh, giọng niệm Phật hiệu gần như im bặt. Gần đây, cõi đời loạn lạc đến cùng cực, dân không lẽ sống. Những ai có lòng đều đề xướng Phật học. Nơi nơi đều lập ra Cư Sĩ Lâm, Tịnh Nghiệp Xã v.v…. được lập ra đông đảo như rừng.

Cư sĩ Trần Huệ Cung nhóm họp mấy chục người cùng chí hướng thành lập Cư Sĩ Lâm tại Đường Áp, mỗi Chủ Nhật hằng tháng phàm những lâm hữu đã gia nhập hội và những thiện tín tùy hỷ đều cùng đến niệm Phật một lượt. Hễ rảnh rang thì bèn thừa dịp thuận tiện diễn nói phương pháp tu trì và lợi ích của pháp môn Tịnh Độ, cũng như nhân quả ba đời, lục đạo, luân hồi, Tam Cương, Ngũ Thường, Thập Thiện, Bát Đức, để hết thảy chúng sanh đều cùng biết đạo dẹp loạn nhằm đạt bình trị và pháp siêu phàm nhập thánh, ngõ hầu chẳng đến nỗi uổng sẵn đủ Phật tánh có thể làm Phật mà vĩnh viễn luân hồi trong tam đồ lục đạo suốt kiếp, chẳng thể hưởng dùng được. Các lâm hữu xin chỉ dạy cương

yếu; do vậy, tôi lược thuật những nét chánh yếu trong pháp môn Tịnh Độ và duyên khởi thành lập Cư Sĩ Lâm. Nguyện người thấy nghe đều cùng chú ý, được như vậy thì sẽ chẳng uổng cuộc sống này, chẳng phí dịp gặp gỡ này, sẽ noi dấu các bậc thánh đời trước trọn chẳng áy náy gì (Đầu Hạ năm Giáp Tuất - 1934)

29. Duyên khởi của Nam Kinh Phật Giáo Tịnh Nghiệp Xã

Đức Đại Giác Thế Tôn… *(cho đến)* Đấy là đại ý vì sao các xứ lập Tịnh Nghiệp Xã *(Hoàn toàn giống với bài duyên khởi của Lạc Thanh Phật Giáo Tịnh Nghiệp Xã).* Nam Kinh là cuộc đất Phật giáo hưng thịnh từ thời cổ, nay lại được lập làm Thủ Đô. Phàm những bậc vĩ nhân, kiệt sĩ, học rộng, trí sâu đều tụ họp về đây. Không có tịnh xã sẽ chẳng dễ tu thật hạnh hòng chứng tịnh quả. Hơn nữa, năm phương cùng tụ lại một chỗ, rắn - rồng hỗn tạp, nếu không có tịnh xã thì làm sao thoát khỏi hang tối để vượt lên cây cao chót vót.

Do vậy, các vị cư sĩ Dương Tiên Phân, Ngụy Ngưỡng Sơn v.v… vào những lúc công việc rảnh rỗi đã suất lãnh những người cùng chí hướng tu trì Tịnh nghiệp. Do những người nghe tiếng liền tùy hỷ đông đảo, nên tạm thời thuê Diệu Phong Am để làm cơ sở. Lại sợ những người thấy nghe và xã hữu chẳng biết lợi ích của pháp môn bèn cậy Quang viết duyên khởi nhằm nêu rõ cái đạo sẵn có ngay trong cái tâm này, pháp tu chân ngay trong cõi tục, cũng như lợi ích do dùng chính niệm Phật để bảo vệ đất nước, do ngầm tu mà giúp đỡ cõi đời [khiến cho những ai thấy nghe] đều được biết rõ! (Cuối Hạ năm Ất Hợi, tức năm Dân Quốc 24 - 1935)

30. Duyên khởi của Hỗ Tây Niệm Phật Xã

Đức Đại Giác Thế Tôn điều ngự chúng sanh tùy cơ thuyết pháp, tuy Đại, Tiểu, Thiên, Viên bất đồng, dẫu Quyền, Thật, Đốn, Tiệm mỗi pháp mỗi khác, nhưng đều là muốn làm cho chúng sanh đích thân chứng được Chân Như Phật Tánh sẵn có ngay trong tự tâm mà thôi. Nhưng Phật tánh ấy sẵn có trong cái tâm, chứ chẳng phải là vật từ bên ngoài đến, như lấy của báu trong nhà sẽ được thụ dụng ngay trong hiện tại. Do vậy, chứng Phật Tánh ấy là chuyện cực dễ dàng! Hiềm rằng chúng sanh ở trong sanh tử đã lâu, mê hoặc rất sâu. Ví như gương báu bị bụi phủ cả kiếp, muốn khôi phục bản thể quang minh chiếu trời soi đất của nó cố nhiên

chẳng thể đổ công lau chùi một hai ngày sẽ liền đạt ngay được! Đức Như Lai bi tâm chân thật, thiết tha, biết chúng sanh đích thân chứng đắc bằng tự lực sẽ khó khăn; dẫu có tu trì nhưng vì chưa đoạn Phiền Hoặc, hễ thọ sanh lần nữa sẽ chẳng khỏi lại mê! Từ đấy kẻ đọa lạc thì đông, người siêu thăng ít ỏi. Do vậy, đặc biệt mở ra pháp môn Tín Nguyện Niệm Phật để những vị đã chứng Pháp Thân sẽ mau thành Phật đạo, kẻ chưa đoạn Phiền Hoặc cũng thoát khỏi luân hồi.

So với những kẻ chỉ cậy vào tự lực tu Giới - Định - Huệ hòng liễu sanh thoát tử, siêu phàm nhập thánh, thì sự khó - dễ khác biệt vời vợi một trời một vực! Bởi lẽ, một đằng chuyên cậy vào tự lực, một đằng kiêm nhờ vào Phật lực. Ví như gã teo chân suốt ngày chỉ đi được mấy dặm, nhưng nếu cưỡi luân bảo của Chuyển Luân Thánh Vương trong một ngày sẽ đến khắp bốn châu. Vì thế, pháp này được chín giới cùng hướng về, mười phương chung xưng tán, ngàn kinh cùng xiển dương, muôn luận đều tuyên nói. Do vậy, pháp này là pháp môn tổng trì thành thủy thành chung để mười phương ba đời hết thảy chư Phật trên thành Phật đạo, dưới hóa độ chúng sanh. Xét từ khi đại giáo truyền sang phương Đông, Viễn công sáng lập Liên Xã đầu tiên, đương thời có đến một trăm hai mươi ba vị cao tăng, đại nho tham dự. Từ đấy trở đi, tất cả Luật, Giáo, Thiền, Mật, không ai chẳng lấy cầu sanh Tịnh Độ để làm bước cuối cùng nhằm trở về cội, quay lại nguồn. Bởi thế, gió sen thổi khắp trong ngoài nước, pháp lợi trọn khắp xưa - nay!

Gần đây lòng người kém xưa, vứt bỏ gốc, đuổi theo ngọn, gió Âu dần dần thổi sang phương Đông, đua nhau đề cao duy tân, phế kinh điển, phế luân thường, phế bỏ lòng hiếu, vứt bỏ lòng thẹn, hùa nhau đề xướng những ác hạnh giết cha, giết mẹ v.v… Người có lòng lo cho thế đạo nhân tâm trông thấy hiện tượng ấy, sợ đạo làm người gần như bị diệt mất, đua nhau lập cách cứu vãn. Do vậy, các xứ lập Tịnh Nghiệp Xã, Cư Sĩ Lâm, Niệm Phật Xã hòng đề xướng Phật pháp, tỏ rõ nhân quả ba đời, chỉ ra luân hồi trong lục đạo, nêu bày Phật tánh chân thường, khen ngợi Tịnh Độ cao siêu, thù thắng, khiến cho hết thảy mọi người giữ gìn tám đức "hiếu, đễ, trung, tín, lễ, nghĩa, liêm, sỉ", hành tám sự "cách vật, trí tri, thành ý, chánh tâm, tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ", ắt sẽ ngăn giận, chặn dục, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành để thành hiền nhân, thiện nhân trong thế gian, phát Bồ Đề tâm, tự hành, dạy người, tín nguyện niệm Phật, cầu sanh Tây Phương, để đến khi lâm chung, Phật và thánh chúng đích thân rủ lòng tiếp dẫn hòng được vãng sanh, trở thành bậc thượng thiện nhân xuất thế

gian. Đấy chính là ý nghĩa lớn lao của việc các nơi lập xã, dựng lâm vậy.

Vùng Hỗ Độc (Thượng Hải) là vùng đất Phật giáo hưng thịnh từ thời cổ, nay trở thành bến cảng thông thương lớn nhất. Trong năm Dân Quốc thứ mười (1921), đã do các vị cư sĩ như Vương Nhất Đình v.v… sáng lập Phật Giáo Tịnh Nghiệp Xã, Phật Giáo Cư Sĩ Lâm, ước định chương trình quy củ, chú trọng tu trì thực tiễn, nhưng một giải phía tây đất Hỗ vẫn còn thiếu khuyết. Nhờ các vị cư sĩ như Kiều Tuân Như, Kim Thiện Sanh v.v… sáng lập Niệm Phật Xã tại miếu Điện Tử thuộc trấn Tào Hành. Ngày Mồng Một mỗi tháng, suất lãnh những người cùng chí hướng kiền thành trì niệm thánh hiệu, hồi hướng Tây Phương, còn kèm thêm diễn thuyết lợi ích tu trì. Họ sợ người thấy nghe và những người tham dự liên xã chưa biết nguyên do, bèn cậy Quang soạn lời duyên khởi, do vậy tôi bèn thuật đại ý.

Cần biết rằng: Những hạnh như vừa nói trên đây chính là do niệm Phật mà hộ quốc, tuy ngầm tu mà phù tá cõi đời. Những kẻ câu nệ hẹp hòi do không có trí nhãn, cho là Phật giáo diệt luân lý, vô ích cho con người, cho đất nước! Như vậy thì có khác gì kẻ mù từ lúc mới lọt lòng, tuy được hưởng ân che chở, chiếu soi của mặt trời, được làm người, nhưng vì chẳng thấy bèn bảo là không có! Há chẳng đáng buồn quá đỗi ư? (Đầu Đông năm Bính Tý, tức năm Dân Quốc 25 - 1936)

31. Duyên khởi của Phổ Tế Liên Xã thuộc Quán Âm Am, Hoài An

Đức Đại Giác Thế Tôn… *(cho đến)* Đấy là đại ý vì sao các xứ lập Tịnh Nghiệp Xã *(Hoàn toàn giống với bài duyên khởi của Lạc Thanh Phật Giáo Tịnh Nghiệp Xã).* Xưa kia, Hoài An cũng là vùng đất Phật giáo hưng thịnh. Sau này bèn lặng ngắt không nghe nói tới nữa. Gần đây, phong tục trong cõi đời ngày một đi xuống, những vị có lòng lo cho con người bèn cùng nhau đứng lên cứu vãn. Do vậy, tại Quán Âm Am trong thành đã lập ra Phổ Tế Liên Xã để mong sao ai nấy đều sốt sắng giữ luân thường, chánh lý, tu trì pháp môn Tịnh Độ. Trụ Trì là ngài Vô Vi cũng sẵn tâm cứu vớt rộng khắp sâu xa. Tăng - tục cũng một lòng cùng hoằng dương sự giáo hóa của đức Phật.

Có ông Dương Bội Văn bình sinh theo đuổi Nho học, nhưng chẳng biết đức Phật là người như thế nào. Do đứa cháu nội chưa đầy năm đã chết, hết sức đau buồn, tiếc nuối. Cư sĩ X… khuyên tham dự liên xã niệm Phật, và đọc các kinh sách Tịnh Độ, ông ta liền tinh tấn thường

niệm. Chưa đầy ba tháng, từ hoa đèn[161] trước bàn thờ Phật kết thành một đóa sen, trong ấy có xá-lợi to bằng hạt kê, có màu như màu ngọc Phỉ Thúy. Đấy là do lòng tinh thành của ông ta cảm vời cho nên Phật hiện ra tướng lành ấy để lòng tin của mọi người được vững chắc. Nguyện những ai đọc bài văn này sẽ cùng sanh lòng chánh tín, đều cùng chăm chú tu tập thật sự thì trong hiện tại sẽ tiêu trừ nghiệp chướng, tăng trưởng phước huệ, cao dự vào bậc thánh hiền, lâm chung được Phật từ bi đích thân rủ lòng tiếp dẫn, cao đăng cõi Cực Lạc. Chỉ nguyện những người cùng hàng ai nấy đều cố gắng (Ngày Đông Chí năm Quý Dậu, tức năm Dân Quốc 22 - 1933)

32. Duyên khởi của Tĩnh Giang Phật Giáo Cư Sĩ Lâm

Trong thánh giáo của Như Lai có vô lượng pháp môn. Y theo bất cứ một pháp nào, dùng tâm Bồ Đề để tu thì sẽ đều có thể liễu sanh thoát tử, thành Phật đạo; nhưng khi đang tu còn chưa chứng thì không gì là chẳng khó - dễ, nhanh - chậm khác biệt! Cầu lấy một pháp chí viên, chí đốn, đơn giản nhất, dễ dàng nhất, vừa khế lý lẫn khế cơ, vừa là tu, vừa là tánh, thích hợp khắp ba căn, thâu nhiếp lợi căn lẫn độn căn, là chỗ quy túc của các tông Luật, Giáo, Thiền, Mật, là con đường tắt cho trời - người, phàm - thánh chứng chân thì không gì bằng một pháp "tín nguyện niệm Phật cầu sanh Tây Phương"! Ấy là vì hết thảy pháp môn đều phải cậy vào tự lực, còn pháp môn Niệm Phật kiêm cậy vào Phật lực. Cậy vào tự lực mà chưa đoạn sạch Phiền Hoặc sẽ chẳng thể vượt khỏi tam giới. Cậy vào Phật lực thì nếu tín nguyện chân thật, thiết tha, sẽ liền có thể cao đăng chín phẩm sen. Con người hiện thời muốn giải quyết xong đại sự sanh tử ngay trong đời này mà bỏ pháp này thì sẽ trọn chẳng có hy vọng gì hết!

Cần biết rằng: Pháp môn Tịnh Độ pháp nào cũng viên thông, như mặt trăng sáng vằng vặc giữa trời, dòng sông nào cũng hiện bóng; thủy ngân rớt xuống đất, hạt nào cũng đều tròn xoe. Chẳng những có lợi ích lớn lao cho cách vật, trí tri, cùng lý, tận tánh, giác thế, yên dân, trị quốc, an bang, mà ngay cả sĩ, nông, công, thương muốn phát triển sự nghiệp, già, trẻ, trai, gái muốn tiêu diệt bệnh tật khổ sở, không ai chẳng vừa cảm liền ứng, thỏa lòng, mãn nguyện.

---

[161] Hoa đèn là phần bấc (tim) đèn cháy còn sót lại có hình tựa tựa như cái hoa nên gọi là "hoa đèn". Cổ nhân thường cho rằng khi thắp đèn mà bấc đèn cháy để lại hoa đèn sẽ có điềm lành.

Hiện thời, lòng người yếu hèn, chìm đắm, đời đã loạn đến tột cùng, phế kinh điển, phế luân thường, phế hiếu, vứt thẹn, đủ mọi thứ tà thuyết bạo hành nhằm thực hành cầm thú hóa [con người] được cực lực đề xướng. Nếu chẳng cứu vãn thì đạo làm người sẽ gần như bị dứt mất. Do vậy, những vị hữu tâm các xứ cùng nhau đứng dậy đề xướng Phật pháp, giảng rõ nhân quả ba đời, nêu rõ lục đạo luân hồi, chỉ ra Sa Bà trược ác, nêu bày Cực Lạc nghiêm tịnh nhằm mong người trong cõi đời này sẽ đánh đổ ham muốn xằng bậy của chính mình, khôi phục lễ nghĩa, sống thì dự vào bậc thánh hiền, liễu sanh thoát tử, chết sẽ về cõi Cực Lạc.

Các vị cư sĩ Ân Đức Tăng, Châu Huệ Siêu, Hoàng Huệ Chân v.v… ở Tĩnh Giang là những bậc thân sĩ trong ấp đã lập ra Phật Giáo Cư Sĩ Lâm ở huyện thành. Mồng Một, ngày Rằm mỗi tháng và những ngày vía Phật Bồ Tát, nhóm họp mọi người niệm Phật. Buổi chiều sau khi niệm Phật xong, thỉnh những vị Tăng hay tục thông văn lý, diễn thuyết đường lối *"học đạo ngay trong cõi trần, sống ở rẫy bái mà bảo vệ đất nước, giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành"* và pháp *"thật sự vì sanh tử, phát Bồ Đề tâm, tín nguyện niệm Phật cầu sanh Tây Phương ngõ hầu khắp mọi người cùng hàng đều vượt thoát biển khổ"* khiến cho hết thảy mọi người đều biết nguyên do "ai cũng có thể là Nghiêu - Thuấn, ai nấy đều có thể thành Phật", thực hành tám đức "hiếu, đễ, trung, tín, lễ, nghĩa, liêm, sỉ", tận lực thực hiện rốt ráo tám sự "cách vật, trí tri, thành ý, chánh tâm, tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ" thì trong hết thảy thời, hết thảy chỗ sẽ đều chú trọng mong thành thánh học Phật. Đấy thật sự là pháp môn đại phương tiện "chẳng giữ địa vị gì mà lại bảo vệ đất nước, cứu dân, thay đổi phong tục nhưng chẳng để lộ dấu vết" vậy.

Lâm hữu đều cho rằng Cư Sĩ Lâm đã thành lập, hãy nên đem ý nghĩa lớn lao này bảo khắp những người thông sáng tìm đến [Cư Sĩ Lâm] ngõ hầu dù thấy hay nghe đều phát tín tâm, cùng hoằng dương đạo này thì thiên hạ sẽ có thể tự thái bình, nhân dân yên vui. Họ gởi thư cho Bất Huệ xin viết lời tựa [nêu duyên khởi], tôi bèn viết bài này cho xong trách nhiệm! (Cuối Thu năm Ất Mão, tức năm Dân Quốc 28 - 1939)

33. Duyên khởi của Cao Đông Phật Học Liên Xã

Pháp môn Tịnh Độ lớn lao không gì ra ngoài, là chỗ quy túc của Phật pháp mà cũng là nguồn cội của pháp thế gian. Ước theo Tục Đế để luận thì chẳng hạn như tám đức "hiếu, đễ, trung, tín, lễ, nghĩa, liêm, sỉ",

tám sự "cách vật, trí tri, thành ý, chánh tâm, tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ" hễ lìa khỏi pháp này thì chẳng thể nào rốt ráo viên mãn được! Ước theo Chân Đế để luận thì chẳng hạn như diệu đạo "đoạn Hoặc, chứng Chân, siêu phàm nhập thánh", chân tâm "mảy trần chẳng lập, vạn đức trọn đủ" mà lìa pháp này thì không thể nào đích thân chứng ngay được! Huống hồ đang nhằm thời Mạt Pháp, căn tánh con người kém cỏi, hèn tệ, thế đạo chìm đắm, phá tan hoang kỷ cương, phế kinh điển, phế luân thường, [thế giới] sắp biến thành nơi chốn của loài cầm thú, cùng nhau phô diễn những hành vi tham tàn, bạc ác, bất hiếu[162] giết cha, giết mẹ. Nếu chẳng lấy nhân quả ba đời, sự lý lục đạo luân hồi và pháp môn tín nguyện niệm Phật cầu sanh Tây Phương để cứu vãn thì đạo làm người gần như bị diệt mất! Do vậy, những người có tâm lo cho thế đạo, đua nhau đứng ra duy trì.

Các vị thiện sĩ ở bến Đông Song huyện Như Cao lập ra Phật Học Liên Xã trong điện thờ Hỏa Tinh (thần lửa)[163] đã bỏ hoang, đề xướng các pháp thế gian như giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành để lập cơ sở sâu xa cho lòng mong mỏi thành thánh thành hiền và pháp xuất thế gian "thật sự vì sanh tử, phát Bồ Đề tâm, tín nguyện niệm Phật cầu sanh Tây Phương" nhằm mong thật sự chứng được liễu sanh thoát tử, khiến cho người đời đều cùng biết ai nấy sẵn có Phật tánh, đều cùng đau đáu vì đã "mất niệm mà thành cuồng" liền cùng bảo ban nhau đạo trọng yếu để thoát khổ, cùng nghĩ "khắc chế ý niệm để thành thánh", tu đạo hiếu - để trong gia đình, thực hiện đạo niệm Phật đầy khắp các nẻo đường.

Sĩ, nông, công, thương đều chẳng bỏ nghề nghiệp của chính mình, nhưng tâm con người dần dần biến thành tâm Phật. Già, trẻ, trai, gái ai nấy cũng đều tận hết thiên chức thì đời loạn sẽ biến thành đời bình trị nào có khó khăn chi? Cội gốc bồi đắp đã sâu, cành nhánh sẽ tự vươn dài, rậm rạp. Quân tử chú trọng nơi cái gốc, gốc đã lập, đạo bèn sanh. Muốn cho tiếng tăm gia đình được rạng rỡ, con cháu hiền thiện, vận nước tốt đẹp, hưng thịnh, nhân tài dấy lên đông đảo thì ai nấy hãy nên dốc lòng nơi những điều này. Các phương pháp nghiên cứu, tu trì thì đã có những trước thuật xưa - nay; ở đây tôi chỉ đặc biệt nêu bày đại lược nguyên do

---

[162] Nguyên văn *"kiêu kính chi hành vi"*. Kiêu (梟) là loài cú vọ, thường được dùng để sánh ví cho sự tham lam tàn nhẫn. Kính (獍) là một loài thú theo truyền thuyết vừa lọt lòng liền ăn thịt mẹ, nên những đứa con bạc ác bất hiếu thường bị gọi là "kính nhi" (獍 兒).

[163] Hỏa Tinh chính là Hỏa Đức Tinh Quân, tức thần lửa.

mà thôi!

34. Duyên khởi của Phật Giáo Tịnh Nghiệp Liên Xã tại Viên Gia Miếu thuộc Dư Đông, Nam Thông

Phật pháp là mặt trời trí huệ trong đêm dài, là gạo thóc trong đời đói kém, là người dẫn đường nơi đường hiểm, là thuyền Từ trong biển khổ. Gần đây, lòng người suy hãm, chìm đắm, đua nhau toan tính những chuyện kỳ quái. Phàm đối với những cương thường luân lý do bậc thánh nhân đã lập vào thời cổ họ đều muốn xô đổ, rốt cuộc trở thành tình thế vô pháp vô thiên, phất cao ngọn cờ biến con người thành cầm thú, đem những tà thuyết ấy dụ dỗ những kẻ vô tri vô thức phóng túng làm càn, trọn chẳng kiêng nể, ràng buộc gì! Chẳng biết đã tự diệt tuyệt nhân loại, vĩnh viễn thường đọa trong ác đạo. Tánh tình con người như thế, nếu chẳng lập cách cứu vãn thì tình cảnh mai sau sẽ chẳng thể nào tưởng tượng được! Vì vậy, những vị có trí bèn hùa nhau đề xướng Phật học để mong ai nấy do biết sự lý nhân quả ba đời và luân hồi trong lục đạo sẽ gắng sức làm lành, chẳng dám làm ác, khi còn sống sẽ là học trò của bậc thánh bậc hiền. Lại còn dạy họ tu pháp môn "tín nguyện niệm Phật cầu sanh Tây Phương" để họ cậy vào Phật từ lực, vượt khỏi đời ác trược này, được dự vào Liên Trì hải hội.

Vì thế, các vị thiện sĩ Thịnh Trung Phủ, Giang Cảnh Xuân v.v… ở Dư Đông và Trụ Trì của ngôi miếu nơi ấy là đại sư Từ Huy tổ chức Dư Đông Tịnh Nghiệp Xã để đề xướng, ngõ hầu hết thảy mọi người đều biết Phật pháp, không chỉ xiển minh diệu lý "duy tâm tự tánh" mà còn [xiển minh] nghĩa sâu nhân quả luân hồi. Ngay cả đối với cương thường luân lý, [Phật giáo xiển dương] còn thân thiết hơn Nho Giáo. Vì thế, gặp cha nói từ, gặp con nói hiếu, anh kính, em nhường, chồng hòa, vợ thuận, chủ nhân từ, tớ trung thành, ai nấy đều trọn hết thiên chức của chính mình; lại còn phụ trợ bằng thuyết nhân quả, báo ứng, sanh tử luân hồi. Dẫu là kẻ ương bướng, kém hèn cùng cực thì cuồng tâm cũng sẽ bớt đi đôi chút, tuân hành chánh đạo để mong chẳng chuốc lấy ác quả, sẽ hưởng thiện quả; huống hồ những pháp đoạn Hoặc chứng Chân ư?

Cần biết rằng: Trong Phật pháp, pháp môn vô lượng. Hễ tu [bất cứ một pháp môn nào] đến cùng cực cũng đều có thể liễu sanh thoát tử; nhưng để có thể quyết định liễu sanh thoát tử ngay trong đời này thì chỉ có một môn Tịnh Độ! Những pháp môn khác dẫu [tu tập suốt] nhiều đời nhiều kiếp vẫn chưa chắc chắn đã liễu sanh thoát tử được! Bởi lẽ, hết thảy các pháp môn đều cậy vào tự lực, còn pháp môn Niệm Phật hoàn

toàn cậy vào Phật lực và kiêm thêm tự lực. Do cậy vào Phật lực nên dễ hơn cậy vào tự lực trăm ngàn Hằng hà sa lần. Lại còn phải nên biết rằng: Pháp môn Niệm Phật thật sự là pháp môn tổng trì thành thủy thành chung để mười phương ba đời hết thảy chư Phật trên thành Phật đạo, dưới hóa độ chúng sanh. Do vậy, chúng sanh trong chín giới hễ lìa pháp này thì trên chẳng thể viên thành Phật đạo, mười phương chư Phật bỏ pháp này thì dưới chẳng thể phổ độ quần sanh. Nếu chẳng đã gieo thiện căn từ đời trước, làm sao được nghe tới pháp này?

Nghe mà chẳng tu, hoặc tu mà không đắc lực thì đáng đau tiếc lắm thay! Đã tu trì lại còn tận lực giữ vẹn luân thường, nghiêm túc trọn hết bổn phận của chính mình, đừng làm các điều ác, vâng làm các điều lành, kiêng giết, bảo vệ sanh mạng, giúp đỡ người nghèo, cứu vớt kẻ khốn khó, tận tụy thực hành, lấy thân làm gương, giữ tấm lòng tốt, nói lời tốt lành, làm việc tốt lành thì sống sẽ có tiếng tăm, mất lên cõi Phật, tấn tu dần dần theo thứ tự cho đến khi thành Phật mới hòng chẳng phụ Phật tánh mà chính mình vốn sẵn có trong cái tâm này và tấm lòng đau đáu thuyết pháp độ sanh của đức Như Lai.

Nếu ai nấy đều được như thế thì lẽ nào còn có thói xấu xa "ngươi dối gạt, ta mắc lừa, cạnh tranh tàn hại lẫn nhau", lẽ nghĩa, nhân nhượng sẽ được hưng khởi, can qua chấm dứt, nhân họa đã không còn, quyến thuộc cõi trời sẽ thường giáng xuống, cõi đời trở lại thuở Đường Ngu, con người vui hưởng thái bình [sẽ chẳng trở thành hiện thực] ư? Dẫu cho khắp cõi đời đều chẳng thể làm được như thế thì một người làm được, chính người ấy sẽ được hưởng lợi ích. Như từ một truyền thành trăm, cho đến ngàn, đến vạn, đến vô lượng vô biên, cũng chỉ do người đề xướng, khuyên lơn, khích lệ siêng năng hay lười biếng mà thôi!

Thế đạo đang buổi suy hoại là do một hai kẻ phát khởi đến nỗi bại hoại hết thuốc chữa. Nay muốn cho thế đạo được tốt đẹp, há có thể nào đã biết đến ý này mà lại gác bỏ ra ngoài ư? Vì thế, "do đất mà ngã thì cũng do đất mà đứng dậy; rời khỏi đất mà mong đứng dậy, quyết chẳng có lẽ ấy!" Nguyện những ai nhập hội và những ai thấy nghe đều cùng biết nghĩa này thì may mắn chi hơn! Đối với pháp tắc tu trì Tịnh Độ, đã có các kinh luận trước thuật của Tịnh tông; do vậy, tôi không nêu tường tận ở đây, chỉ đặc biệt nêu ra những nét chánh yếu mà thôi!

35. Duyên khởi của Nghi Hưng Phật Giáo Tịnh Nghiệp Xã

Phật pháp là tâm pháp. Tâm pháp ấy ai nấy đều sẵn đủ, không ai chẳng có; là gốc của hết thảy các pháp thế gian hay xuất thế gian, chỉ mình đức Thích Ca Thế Tôn ta triệt ngộ, triệt chứng. Do thương xót sâu xa chúng sanh mê muội nên [đức Phật] tùy thuận căn cơ của chúng sanh, giảng những pháp nói về tự tánh của chính cái tâm này và Ngũ Giới, Thập Thiện, Lục Độ, vạn hạnh, cũng như nhân quả ba đời, luân hồi trong lục đạo, cùng với tín nguyện niệm Phật, vượt thoát tam giới theo chiều ngang v.v…

[Phật pháp] được truyền vào Trung Quốc từ thời Đông Hán hai ngàn năm qua, vua, quan, vĩ nhân, bậc trí huệ các đời phần nhiều đều sùng phụng, tu trì, lưu thông rộng rãi. Thử đọc các sách vở, chỉ qua một chuyện tạo dựng chùa tháp trong các đời, ta đã có thể hình dung được Phật pháp trong thuở trước hưng thịnh [như thế nào]! Từ cuối đời Thanh đến nay, vận nước ngày một suy, chiến tranh liên tiếp nổ ra, bậc triết nhân mất đi, bọn tầm thường ngày một đông đảo, tất cả tăng chúng đại đa số đều chẳng tự chấn chỉnh, hưng khởi, tự ruồng rẫy, tự vứt bỏ, đến nỗi Phật pháp bại hoại sát đất. Tăng chúng đã thiếu người đề xướng; Nho sĩ trọn chưa hề đọc kinh Phật, chẳng hề một lần thân cận bậc cao tăng, chỉ vâng giữ những lời lẽ cong vạy của gã Xương Lê (Hàn Dũ), coi Phật pháp là dị đoan, hại đời, hại đạo, đến nỗi những kẻ tầm thường trong xã hội đồng thanh phụ họa, trở thành hiện tượng xấu ác "đuổi Tăng, chiếm đoạt tài sản, hủy Phật, diệt pháp", đạo đức đắm chìm, chôn vùi, cũng như có lắm hành động trái nghịch, vượt phạm vi [đạo đức] của Nho Giáo hết sức bằng nhằng trong cõi trần.

Nếu hết thảy mọi người ai nấy đều tuân thủ Ngũ Giới, Thập Thiện, biết rõ sự lý nhân quả ba đời và lục đạo luân hồi thì lẽ đâu có những hiện tượng còn thua cầm thú ấy! Truy cứu đến cái gốc họa, chẳng thể không quy tội cho những lời lẽ cong vẹo của gã Xương Lê! Lại có những kẻ ngu phu ngu phụ tuy có tâm chuộng điều lành, nhưng chẳng được biết tới Phật pháp chân thật, thường tưởng luyện đan vận khí là Phật pháp. Tuy có lòng tốt nhưng chỉ bồi đắp được chút phước thế gian hoặc lọt vào ma đạo, đáng cảm khái, than thở sâu xa lắm thay! Do mỗi nơi có nhân duyên riêng biệt mà có chỗ trước kia Phật pháp được hưng khởi lớn lao rồi rốt cuộc trọn chẳng còn tiếng tăm, dấu vết, hoặc chỉ còn đôi chút hình tướng đến nỗi đại đa số mọi người như đang ở trong đêm dài chẳng thấy được mặt trời; há có phải là Phật pháp bất hạnh hay là lũ chúng ta đại bất hạnh vậy?

Cần biết rằng: Phật pháp chính là pháp tận lực giữ vẹn luân thường, là pháp ngầm giúp đạt đến bình trị tột bậc, là tin tưởng một cách trí huệ, chẳng phải là mê tín, là tích cực, chứ không phải tiêu cực, là cứu thế, chứ không phải yếm thế, là làm cho người khác cùng được tốt lành, chứ không chỉ nhằm tốt lành cho riêng mình, là hợp với nhân sanh, chứ không phải trái nghịch nhân sanh. Do người đời chẳng biết chân tướng của Phật pháp nên đến nỗi đối với pháp "có ích lớn lao cho quốc gia, xã hội, cũng như hữu ích cho thân tâm, tánh mạng của mỗi người" này, lại gán cho đủ mọi cái tên xấu xa để chê bai, bài xích, khiến tự lầm, lầm người, chẳng đáng buồn ư? Tri kiến của những kẻ cùng hàng thật nông cạn. Lúc thoạt đầu do chưa từng nghiên cứu nên cũng ôm giữ những thứ tri kiến như trên. Nếu hơi nghiên cứu một chút thì mới biết vua, quan, vĩ nhân, bậc trí trong các đời đều phụng hành, tu trì, lưu truyền rộng rãi ngõ hầu có thể thấu hiểu tận cùng chân lý trong vũ trụ, giải quyết được nguyên do của nhân sanh, cải cách được lề thói xã hội, củng cố nền tảng nước nhà, thúc đẩy nền văn minh trên thế giới, hiểu rõ trọn khắp cội nguồn của các pháp.

Than ôi! Thế giới ngày nay chẳng phải là một thế giới đáng sợ hãi lớn lao ư? Trung Quốc ngày nay chẳng phải là Trung Quốc đang theo kiểu mẫu địa ngục ư? Lòng người ngày nay chẳng phải là lòng người theo lề thói ma thuật ư? Chúng ta ở trong hoàn cảnh hiểm ác này, nếu chẳng cực lực đề xướng Ngũ Giới, Thập Thiện, giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, tỏ rõ sự lý luân hồi lục đạo do đức Phật đã nói thì con người sẽ chẳng khác gì cầm thú! Dùng những điều này để tụ tập những người cùng chí hướng, tùy phần, tùy sức đề xướng tu trì. Nhưng trong Phật pháp, pháp môn vô lượng, chỉ có một pháp "dốc lòng tu điều lành thế gian, tín nguyện niệm Phật cầu sanh Tây Phương" là thiết yếu nhất, là phổ thông nhất, thực hiện dễ nhất mà lại đạt thành tựu dễ nhất. Ấy là vì nếu chẳng giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận thì còn là tội nhân trong thế gian, làm sao mong được Phật gia hộ? Nếu chẳng niệm Phật cầu sanh Tây Phương, ai có thể đoạn sạch Phiền Hoặc, liễu sanh thoát tử ngay trong đời này?

Do vậy, đức Phật ta nghĩ thương những kẻ chẳng thể nhanh chóng đoạn Phiền Hoặc, đặc biệt nói ra pháp "cậy vào Phật từ lực để liễu sanh tử" này, ngõ hầu hết thảy dù phàm hay thánh đều cùng có thể hoàn tất [đạo nghiệp] ngay trong đời này. Viễn công đại sư đời Tấn tận lực hoằng dương pháp này. Từ đời Tấn tới nay, hơn một ngàn năm trăm năm, những bậc cao nhân Tăng - tục kế tiếp nhau hoằng dương. Cho đến ngày

nay chúng ta đều cùng được Văn Huân tu trì, may mắn chi hơn?

36. Duyên khởi của Huệ Tế Cư Duyệt Kinh Thất

Phật pháp chính là pháp chung của hết thảy tứ thánh lục phàm trong mười pháp giới, không ai chẳng nên học, mà cũng không một ai chẳng thể học được vì Phật pháp chính là tâm pháp. Con người ai không có tâm? Nhưng ai là kẻ nhận biết cái tâm? Trong cõi đời cố nhiên chẳng thiếu kẻ thông minh, thấu hiểu rộng rãi, nhưng do họ chuyên chú trọng rong ruổi tìm cầu bên ngoài, chẳng biết xoay lại chiếu soi bên trong, dẫu suốt ngày sử dụng cái tâm, suốt ngày nói tới cái tâm, nhưng rốt cuộc chẳng biết tâm là vật gì! Vì sao vậy? Vì chỉ có tri thức biện định sự vật, chứ trọn chẳng có trí huệ thấu hiểu tận cùng tâm tánh. Thiên hạ ngày nay đã loạn lạc đến tận cùng, phế kinh điển, phế luân thường, bỏ lòng hiếu, vứt lòng thẹn, đúng là muốn cho con người trong khắp cả cõi đời trọn chẳng khác gì các loài cầm thú mới thôi! Ôi, đáng than thay!

Xét kỹ nguyên do bình trị hay loạn lạc từ xưa đến nay, không lúc nào chẳng lấy gia đình làm căn cứ. Nếu mọi người dân đều dốc lòng hành hiếu - hữu, nghiêm túc trọn hết bổn phận của chính mình, biết nhân, rõ quả, sửa ác, hướng lành, như vậy thì cõi đời nào chẳng bình trị, gia đình nào chẳng được hưng thịnh, có khi nào nhân tài chẳng dấy lên đông đảo, có lẽ đâu thiên hạ chẳng hưởng thái bình ư? Hiện thời, thiên tai nhân họa liên tiếp xảy ra đều là vì những gã theo Lý Học đả phá, bài xích nhân quả báo ứng, sanh tử luân hồi, khiến cho bậc thượng chẳng gắng sức, biếng làm lành, bậc hạ không có gì để kiêng sợ, dám làm chuyện ác! Kéo dài đã lâu gần như đã tan nát, đến khi gió Âu vừa thổi đến thì cái đạo làm người hầu như chấm dứt. Xét đến cội nguồn chính là vì bọn Lý Học bàn xuông lý tánh, vứt bỏ nhân quả mà ra! Học thuyết gây lầm lạc đến mức như thế, chẳng đáng sợ hay sao?

Nay muốn vãn hồi thế đạo nhân tâm để thiên hạ thái bình, nhân dân yên vui, mà bỏ đạo "tu chân ngay trong cõi tục, hiểu nhân rõ quả" của đức Như Lai thì làm sao yên được? Ấy là vì đức Như Lai gặp cha nói từ, gặp con nói hiếu, anh nhường, em kính, chồng hòa, vợ thuận, chủ nhân từ, tớ trung thành, đối với mỗi người đều dạy trọn hết chức phận của chính mình thì gia đình hết sức hòa thuận, con người quen thói lễ nghĩa, nhân nhượng. Tiến hơn bước nữa là tu pháp môn Tịnh Độ thì chính là dùng pháp thế gian để tu pháp xuất thế gian, chẳng lìa những xử sự luân thường trong hằng ngày mà vào thẳng biển pháp của Như Lai. Dẫu cho

căn cơ kém hèn cũng có thể cậy vào Phật từ lực để được liễu sanh thoát tử, siêu phàm nhập thánh ngay trong đời này.

Cư sĩ Ngô Huệ Tế sau khi được nghe Phật pháp, buồn thương sâu đậm vì hết thảy những người cùng hàng chưa được thấm gội ân Phật giáo hóa. Do vậy, đặc biệt thỉnh các loại sách Phật đơn giản, gần gũi để tặng cho hàng sơ cơ nhằm mong họ sẽ từ cạn mà tiến vào sâu, do học phép bậc Hạ mà sẽ thấu đạt những pháp bậc Thượng. Lại tính cất riêng một gian nhà ở trong nhà của chính mình, đề biển là Huệ Tế Cư, tích tập các thiện thư chánh tri kiến và những sách Phật khế lý khế cơ nhằm mong những người cùng họ, cùng thôn đều cùng được xem đọc, sẽ cùng sốt sắng giữ vẹn hạnh hiếu hữu, cùng tu Tịnh nghiệp, ngõ hầu khi sống sẽ dự vào bậc thánh, bậc hiền, khi mất sẽ về cõi Cực Lạc. Dụng tâm đáng gọi là khẩn thiết, châu đáo, thiết tha!

Mong sao các thiện sĩ đến đây xem kinh ai nấy đều sanh lòng cung kính, sanh ý tưởng khó gặp gỡ, đối với những pháp nên vâng giữ ắt sẽ tận tụy thực hành, đối với những điều nên kiêng dè ắt sẽ đoạn trừ hết sạch. Do vậy [những chuyện như] mong thành thánh thành hiền, liễu sanh thoát tử, trong thân hiện tại sẽ vĩnh viễn hưởng lắm phước, con cháu được hưởng tốt lành lâu dài sẽ đều đạt được. Ấy là vì dùng chánh trí huệ để tu hành đại đạo luân thường của thế gian và diệu pháp Tịnh Độ xuất thế gian viên đốn nhất, giản tiện nhất. Do vậy, đối với thân, đối với nhà, đối với mọi người, đối với sanh tử đều giúp đỡ trọn khắp. Ý nghĩa của [tên gọi] Huệ Tế Cư là như vậy đấy, chứ không phải ông ta xằng bậy dùng pháp danh của mình để đặt tên cho [duyệt kinh thất], muốn cho người khác nhớ mãi chẳng quên đâu nhé! Vì vậy, tôi nêu tỏ ý nghĩa ẩn kín này để thưa cùng những bậc thông sáng mai sau! (Tháng Sáu mùa Hạ năm Kỷ Tỵ, tức năm Dân Quốc 18 - 1929)

37. Lời tựa nhỏ cho một trăm bài kệ ca ngợi A Di Đà Phật

Xưa kia, ngài Triệt Ngộ thiền sư dùng các giáo nghĩa, tông thừa viết ra một trăm bài kệ niệm Phật, văn từ và nghĩa lý đều viên diệu khiến người cho tâm mục của mọi người được mở rộng. Bạn tôi là Hòa Thượng Dật Nhân (tức Hòa Thượng Chân Đạt) khi sưu tập các pháp ngữ Tịnh Độ xưa nay để biên tập quyển Tây Phương Công Cứ, lại căn cứ vào các nghĩa trọng yếu trong nhân địa, quả vị của đức Phật A Di Đà để soạn thành tất cả một trăm bài tụng, [mỗi bài] bắt đầu bằng câu A Di Đà Phật, ngõ hầu tạo lợi lạc cho kẻ sơ cơ. Những bài tụng này khen ngợi

đức A Di Đà trong lúc tu nhân đã bỏ nước xuất gia, phát ra bốn mươi tám nguyện *([trong mỗi bài kệ] đối với hai câu kệ tiếp theo [câu kệ] thuật bày mỗi nguyện đều dựa theo cách đặt tên để phân chia khoa mục các nguyện trong bộ Vô Lượng Thọ Kinh Nghĩa Sớ của pháp sư Huệ Viễn, lấy mỗi nguyện làm câu chủ yếu)*, tu trọn Lục Độ, vạn hạnh cho đến khi viên mãn ba Giác, chứng được mười ba danh hiệu[164]. Sau đấy, còn khen ngợi sơ lược về sự trang nghiêm của cõi nước, lòng Từ độ khắp của đức Phật, lợi ích của pháp môn Tịnh Độ. Dẫu văn từ nghĩa lý kém xa [một trăm bài kệ niệm Phật của] ngài Triệt Ngộ, nhưng những lời nguyện và danh hiệu trong những bài tụng này rất có ích cho kẻ sơ cơ dễ bề ghi nhớ. Nay tôi đem một trăm bài kệ này in vào phía trong bìa sách và viết lời tựa nhỏ để in trong lòng sách ngõ hầu người đọc biết được nguyên do vậy.

38. Lời tựa nhỏ cho một trăm bài kệ luận về Niệm Phật Già Đà Giáo Nghĩa của thiền sư Triệt Ngộ

Triệt Ngộ thiền sư thấu hiểu giáo nghĩa sâu xa, triệt ngộ tông thừa. Tuổi già hướng lòng nơi Tịnh Độ, tự hành, dạy người, một mực lấy tín nguyện niệm Phật cầu sanh Tây Phương làm chủ yếu. Những điều được Ngài nêu tỏ quả thật hiếm thấy trong đời gần đây. Nay sao lục một trăm bài kệ giáo nghĩa để tạo một hướng dẫn tốt lành cho người tu Tịnh nghiệp vậy!

39. Tiểu dẫn (lời dẫn giải ngắn) về hai điều lợi ích do vẽ tượng Phật

Quán Kinh dạy: "*Tâm này làm Phật, tâm này là Phật"*. Phàm nhớ Phật, niệm Phật, quán Phật, lễ Phật, vẽ hình Phật đều gọi là "làm Phật". Do tâm nghĩ đến đức Phật nên trong tâm liền hiện tướng hảo trang nghiêm, công đức, oai thần của Phật. Cho nên nói: *"Tâm này là Phật"*. Kẻ làm đệ tử Phật sao chẳng dốc sức nơi đây? Trong những việc ấy, chỉ có vẽ hình Phật lại càng thân thiết, bởi lẽ chẳng dốc trọn hết tinh thần sẽ chẳng thể diễn tả được tướng hảo, thái độ trang nghiêm, từ bi được! Học trò tôi là Lý Trọng Hòa khá thích vẽ vời, vẽ khá đẹp. Gần đây, ông ta

---

[164] Theo kinh Vô Lượng Thọ (bản dịch của ngài Khang Tăng Khải đời Ngụy), đức Phật A Di Đà ngoài danh hiệu Vô Lượng Thọ, còn có mười hai danh hiệu như sau: 1) Vô Lượng Quang Phật 2) Vô Biên Quang Phật 3) Vô Ngại Quang Phật 4) Vô Đối Quang Phật 5) Viêm Vương Quang Phật 6) Thanh Tịnh Quang Phật 7) Hoan Hỷ Quang Phật 8) Trí Tuệ Quang Phật 9) Bất Đoạn Quang Phật 10) Nan Tư Quang Phật 11) Vô Xứng Quang Phật 12) Siêu Nhật Nguyệt Quang Phật.

quy y Tam Bảo, muốn chuyên vẽ hình Phật để lợi mình lẫn người. Hơn nữa, do nhà nghèo chẳng thể tùy ý thực hiện các công đức, vì vậy bèn phát tâm vẽ hình Phật, định giá cho người khác thỉnh. Đối với món tiền trả công vẽ tranh ấy, ngoài khoản chi phí dành cho giấy, bút, màu vẽ, hương, đuốc ra, đều dùng để cúng dường hết cho Tam Bảo và làm chuyện công ích, quyết chẳng để dùng riêng cho chính mình. Nếu dùng, sẽ mắc tội ăn trộm đồ vật của Tam Bảo cũng như tội khinh Phật, dối người! Ông ta thực hiện như thế để mong mình lẫn người đều cùng gieo thiện căn, cùng tiêu ác nghiệp, trong đời này phước tăng, huệ rạng, khi báo thân đã hết bèn về thẳng Tây Phương làm đệ tử Phật Di Đà, làm bạn lành trong hải hội. Do vậy tôi bèn viết Hai Điều Lợi Ích Do Vẽ Hình Phật và lược thuật đại ý vậy.

40. Tiểu dẫn về việc quyên mộ để kiến lập đạo tràng Siêu Độ Cô Hồn Tiêu Tai Phật Thất ở Như Cao

Tam giới không yên giống như nhà lửa, các nỗi khổ đầy dẫy, thật đáng kinh sợ! Trong hội Pháp Hoa, đức Như Lai đã sớm nói đến điều này. Nỗi thảm đao binh trong cõi đời gần đây quả thật từ ngàn xưa chưa hề nghe tới. Phương cách giết người không kiểu kỳ lạ nào chẳng có, đến nỗi vận nước nguy ngập, dân không lẽ sống! Xét đến nguyên do, đều là vì chúng sanh đang mê, chẳng hiểu Ngã Không, cho nên đối với những cảnh nghịch hay thuận đều khởi tham - sân - si, tạo giết - trộm - dâm mà ra. Nhưng với hai chuyện dâm và trộm thì người hiền dùng lễ để tự ngăn ngừa, kẻ ngu do bị luật pháp khống chế [nên hai nghiệp này] vẫn chẳng đến nỗi quá mức. Chỉ có chuyện sát sanh ăn thịt là do quen thói nên thế tục coi như chuyện đương nhiên, điềm nhiên chẳng để ý tới, đến nỗi đây - kia đời đời kiếp kiếp báo thù lẫn nhau, ươm thành tai kiếp cực thảm như thế này, chẳng đáng buồn sao?

Những người cùng hàng sẵn tâm cứu thế, nhưng không có sức để dứt tai kiếp, trộm thấy hết thảy cô hồn bị sát thương bởi đao binh ôm hờn nơi chín suối, lâu ngày ắt sẽ thành tai ương dữ dội. Do vậy, sau những trận chiến lớn, ắt sẽ có bệnh dịch và hung niên[165]. Nếu chẳng nương theo Phật pháp để cầu siêu thì chẳng những linh hồn thần thức của người chết không chỗ nương về, mà còn khiến cho kẻ sống đau lòng, buốt gan! Chắc là tật dịch, hung niên sẽ như nước càng sâu, như lửa càng nóng! Nhưng trong Phật pháp, pháp môn rộng lớn, vô lượng vô biên, chỉ có

[165] Năm đói kém, thiên tai dữ dội.

pháp môn Niệm Phật thật là bậc nhất. Bởi lẽ, đức Di Đà trong khi tu nhân đã phát thệ nguyện to lớn: *"Nếu có chúng sanh nào tín nguyện niệm Phật, ta nhất định sẽ rủ lòng Từ tiếp dẫn khiến cho kẻ ấy vãng sanh Tây Phương"*. Nay ước định vào ngày… trong tháng… ở chỗ… sẽ mở đạo tràng niệm Phật bảy ngày. Phàm những vị thiện tín ai nấy đều nên phát Bồ Đề tâm, đến niệm Phật trong hội để cầu cho các cô hồn đều được siêu thăng, tai chướng đều được tiêu diệt. Nếu chẳng tiện đến thì cũng nên kiền thành niệm Phật tại nhà.

Nhưng phí tổn trong bảy ngày để lo liệu tất cả những thứ hương đèn, trái cây, thực phẩm cúng Phật, trà, cơm, điểm tâm cho đại chúng, hương, đèn, giấy vàng bạc cúng cô hồn sẽ rất lớn, khẩn thiết mong hết thảy những vị thiện tín ai nấy hãy tùy theo tâm lực mà tán trợ để những vị đến tham dự niệm Phật trong suốt bảy ngày được nhờ vào tài lực do mọi người dốc hết lòng thành cúng dường sẽ chẳng phải nhọc nhằn đến đi, rong ruổi tìm cầu [những thứ cần dùng], sẽ nhất tâm bất loạn niệm Phật, ngõ hầu những cô hồn được cầu siêu ấy sẽ cậy vào Phật lực về thẳng Tây Phương, cả ấp nơi đất Như (Như Cao) sẽ được tiêu tai chướng, hưởng mãi những điều tốt lành, tổ tông của mọi dòng họ ở nơi tổ chức [đạo tràng ấy] sẽ đều được gởi thân nơi Liên Trì, tất cả chúng sanh pháp giới sẽ đều được gá thần thức nơi An Dưỡng. Trong thế giới sẽ thấy Phật, trời che chở như mây nhóm, điều phước ùa tới, thời thế an hòa, mùa màng sung túc, dân khỏe mạnh, vật sanh sôi nẩy nở, chắc cảnh tượng Đại Đồng trong thuở Đường Ngu sẽ được thấy trong ngày nay. Chỉ mong ai nấy chẳng tiếc tâm lực nghĩ nhớ, chẳng tiếc tài lực giúp đỡ thì lợi ích ấy sẽ chẳng thể nào diễn tả được.

41. Lời tiểu dẫn cho Như Cao Phật Học Hội

Chuyện thế gian hay xuất thế gian hễ nếu sẵn đủ nhiệt tâm và nghị lực thì nhất định không chuyện gì chẳng thành. Ông Đặng Tử Phác trước kia từng quyên mộ xây dựng đại điện chùa Pháp Vân ở Kim Lăng, lập ra sổ quyên mộ bốn mươi tám nguyện, đề tựa là *"hữu nguyện tất thành"* (có nguyện ắt thành), lại còn trần thuật đại ý. Không lâu sau, quả nhiên những nguyện ấy được thỏa mãn. Cụ Lục Tây Lâm ở Tô Châu, tuổi ngoài tám mươi, tuy nhà cửa chẳng giàu có lắm, vẫn khẳng khái đảm nhiệm [quyên tặng] một nguyện, liền giao trọn số tiền ngay lập tức, quả thật đáng nêu gương để thành tựu thiện cử (hành vi tốt lành) vậy. Nay đọc chương trình của Mã Đường Phật Học Hội ở Như Cao và nghe nói

những người lo toan như cư sĩ Châu Quý v.v… đều là những vị sốt sắng tu hành trong sạch, lại còn tận lực mong giữ đúng lễ tiết. Kinh phí cho mỗi năm chỉ cần năm trăm đồng.

Hiện thời, tuy người nhập hội mới chỉ được mấy chục người, nhưng nếu kêu gọi rộng rãi hội viên thì mỗi người bỏ ra hai đồng thì sẽ không còn phải lo âu gì! Huống chi nghe nói còn có những người đóng góp tám đồng, sáu đồng, bốn đồng ư? Mỗi một nguyện xây dựng đại điện chùa Pháp Vân là hai ngàn đồng mà còn được mãn nguyện ngay, huống chi là mấy đồng nhỏ nhoi này! Lại còn có sổ sách tổng kết, báo cáo cuối năm để tạo sự tin tưởng, ai chẳng thích nhập hội để mong đích thân được nhuần gội sự giáo hóa của đức Phật, trong đời hiện tại làm người lành ba nghiệp thanh tịnh, khi lâm chung sẽ là thánh chúng cao đăng chín phẩm. Có nguyện ắt thành, tôi dám bảo đảm với người sáng lập và tu trì vậy!

III. Bi ký

1. Bi ký về việc tậu ruộng cho Niệm Phật Đường chùa Bảo Khánh ở Ninh Ba

(viết thay cho thầy Ích Châu)

Trộm nghe: Đức Như Lai thuyết pháp chúng sanh đắc độ, khó - dễ, chậm - nhanh khác biệt lớn lao! Do vậy, viên âm vừa giảng, kẻ căn cơ chín muồi liền chứng Bồ Đề. Một trận mưa thấm khắp, kẻ tiểu căn chỉ được tăng trưởng đôi chút. Do vậy, rộng lập giáo pháp Đốn, Tiệm, Thiên, Viên nhằm phù hợp căn cơ, mở toang môn Luật, Giáo, Thiền, Mật hòng lợi vật. Cầu lấy một pháp *"tâm này làm Phật, tâm này là Phật, ngay từ trong cái niệm niệm Phật sẽ thành Phật ngay trong cái niệm ấy, gom tam thừa ngũ tánh cùng về cõi tịnh, hướng dẫn thượng thánh hạ phàm cùng chứng chân thường, chẳng đoạn Hoặc nghiệp mà được dự vào địa vị Bổ Xứ ngay trong một đời này, lên thẳng Diệu Giác"* thì không chi thù thắng, siêu tuyệt bằng pháp môn Tịnh Độ! Thật có thể nói [pháp môn Tịnh Độ] là giềng mối lớn lao trong Phật giáo, là đường tắt để xuất trần. Do vậy, tiền hiền vãng thánh ai nấy đều hướng theo, ngàn kinh muôn luận đâu đâu cũng chỉ quy. Trong thời Chánh Pháp, Tượng Pháp xưa kia, đời nào cũng có cao nhân tục diệm truyền đăng khiến cho [Phật pháp] rạng ngời tại Thiên Trúc lẫn Trung Hoa. Đời Mạt căn cơ kém hèn, muốn liễu sanh tử mà bỏ pháp môn này thì làm sao yên được?

Lúc Châu mới dự vào hàng Tăng sĩ liền được nghe pháp này, muốn kết Lô Sơn xã, hòng noi theo phong thái Vân Ô[166], nhưng trước kia vì chẳng có đất để trải vàng[167], suốt nhiều năm chỉ ôm xuông tâm ấy! Nay có người trợ đạo, chắc sẽ có ngày mãn nguyện. Nay có vị đại hộ pháp X… túc căn sâu dầy, dốc lòng tin tưởng Phật thừa, muốn chuyển uế độ thành Tịnh Độ, bỏ ra tài sản thế gian để làm pháp tài nên bèn quyên tặng món tiền chừng bao nhiêu đó dùng để mua chừng đó mẫu ruộng cấy lúa tẻ. Hoa lợi thâu được sẽ dùng làm chi phí niệm Phật, cầu thỉnh bảy vị sư tăng chấp trì lục tự Phật hiệu, suốt đời quy mạng, gieo lòng thành cho tới hết báo thân. Từ đấy trở đi, vĩnh viễn giữ [quy củ ấy] không buông bỏ hòng báo ân nước và đáp tạ ân đàn-na tín thí.

Nguyện cho những vị ngoại hộ có cùng một hạnh và những hàng thiện tín thấy nghe tùy hỷ trong hiện tại vị lai, hễ Phật niệm vừa khởi lên sẽ nhanh chóng đoạn ngay phàm tình, núi phước chót vót, biển nghiệp cạn khô, sương mù tội chướng tiêu tan, mặt trời trí huệ rạng bày, biết được những điều đức Phật biết, do trì danh mà thấu đạt sâu xa Thật Tướng, trụ nơi đức Phật trụ thì tuy sống trong cõi Đồng Cư mà đã khế hợp thẳng vào cõi Tịch Quang. Lại nguyện theo chiều dọc trọn khắp ba đời, theo chiều ngang tột cùng mười phương, hết thảy hữu tình cùng nhiễm mùi hương này, dùng công đức này để cung chúc: "Nền tảng nước nhà củng cố, Phật nhật thêm sáng, tám phương có đạo để vâng lãnh lâu dài, bốn biển vui thích sự giáo hóa vô vi".

2. Bi ký về công đức cung thỉnh Đại Tạng Kinh của chùa Tịnh Cư ở Tế Nam

(viết thay)

Đại pháp của đức Như Lai lợi ích sâu rộng, về mặt ngầm kín là giúp đạt đến bình trị tột cùng, về mặt hiển nhiên là giữ yên lòng dân, khiến cho dân ngày càng hướng đến điều lành mà chẳng biết nguyên do, chứ

---

166 Vân Ô: tức Vân Thê và núi Ô Long. Vân Thê là đạo tràng Tịnh Độ của Liên Trì đại sư (Bát Tổ của Tịnh Tông), Ô Long là đạo tràng Tịnh Độ của Thiếu Khang đại sư (Ngũ Tổ Tịnh Độ Tông).

167 "Bố kim vô địa": Bố Kim (trải vàng) là điển tích trưởng giả Cấp Cô Độc đem vàng trải lên mặt đất để mua lại khu vườn của thái tử Kỳ Đà (Jeta) nhằm dựng tinh xá cúng dường đức Phật. Do vậy, "bố kim" thường dùng để chỉ hành động cúng dường rộng rãi của tín đồ. Từ ngữ "bố kim vô địa" ở đây chỉ được dùng với ý nghĩa sư Ích Châu không có đạo tràng hoặc không có tài sản để duy trì một đạo tràng nhằm tu tập theo đường lối do Sư đề xướng.

không chỉ khiến cho con người đoạn Hoặc chứng Chân nhằm tự hoàn tất chuyện xuất thế mà thôi! Ấy là vì [xét trên] Chân Như Phật tánh thì chúng sanh và Phật đồng thể; ai cũng đều có thể là Nghiêu - Thuấn, ai nấy đều có thể thành Phật, nhưng do còn mê chưa ngộ nên lầm lạc sanh nhiễm trước nơi cảnh duyên sáu trần, khởi tham - sân - si, tạo giết - trộm - dâm, đến nỗi luân chuyển cả kiếp dài lâu, vĩnh viễn không có lúc thoát ra! Đức Như Lai thương xót giảng cho họ lý "Phật tánh sẵn có nơi tâm" và sự "nhân quả ba đời", dạy họ tu Ngũ Giới, Thập Thiện, Tứ Đế, Thập Nhị Nhân Duyên, Lục Độ, vạn hạnh và "tâm chính là Phật" cũng như đạo "tâm này làm Phật, tâm này là Phật", ngõ hầu bậc thượng căn hễ vượt thoát liền vào thẳng địa vị Như Lai, bậc trung căn liền tu tập dần dần theo thứ tự để chứng được Bồ Đề, kẻ hạ căn liền gột lòng tẩy ý trở thành hiền thiện. Chúng sanh đông đảo không một ai chẳng được hưởng ân trạch ấy.

Lại vì chúng sanh đời Mạt rất ít kẻ thượng căn, nên [đức Phật] bèn đặc biệt mở ra pháp môn Tịnh Độ để mong dù thánh hay phàm đều cùng được thành tựu đạo nghiệp ngay trong đời này. Pháp môn ấy giản tiện, dễ tu, nhưng lợi ích thù thắng, siêu tuyệt, độc nhất vô nhị trong giáo pháp của suốt một đời đức Phật. Vì thế, tuy là ngu phu ngu phụ mà nếu nương theo lời dạy tu trì thì cũng có thể được siêu phàm nhập thánh, liễu sanh thoát tử ngay trong đời này. Do vậy, từ xưa, những vị vĩ nhân có lòng lo cho thế đạo nhân tâm không một ai chẳng đề xướng tu tập, hộ trì, lưu thông.

Cư sĩ Đối Phù trong kiếp xưa đã vâng lãnh lời Phật dặn dò, nương theo bổn nguyện tái sanh trong cõi này, xót cho đạo tràng tại Tế Nam bị chìm lấp, chẳng ngại nhọc nhằn, đặc biệt hưng khởi chùa Tịnh Cư, tất cả nhân duyên đã được ghi chép cặn kẽ trong tấm bia trước (xem trong Tăng Quảng Văn Sao). Lại nghĩ: Tuy đã lập được ngôi chùa, an bài tăng chúng tu tập, nhưng nếu không có Đại Tạng Kinh thì làm sao có thể hiểu trọn vẹn ý cao tột lập ra các pháp của đức Như Lai cũng như biết những điều mình nên tự hành dạy người cho được?

Sự hiểu biết của Diệu Liên giống như kẻ sờ voi, tài chỉ đáng đuổi quạ[168], trước kia được ủy thác trông nom việc chùa đã là người không xứng với chức, nay lại được cử làm Trụ Trì, chẳng thể nào không thấy là

---

[168] Khu Ô (đuổi quạ) là danh từ thường dùng để chỉ hàng Sa-di từ bảy đến mười ba tuổi. Do còn bé quá, không làm được gì, chỉ được cắt cử đuổi quạ hay chim chóc đến ăn thóc lúa của chư Tăng phơi phóng. Ở đây dùng với hàm ý khiêm tốn: Diệu Liên chẳng có tài năng gì ra hồn!

quá phận! Nhưng đã không thể nào từ tạ, chỉ đành gắng sức chống chọi, bèn cùng cụ Đối Phù lên kinh đô thỉnh kinh. Tuy đã được chánh phủ cho phép, nhưng tiền giấy lẫn công thợ đều phải tự lo liệu. Nếu không có ba ngàn đồng sẽ chẳng xong việc được! May được huyện trưởng huyện Tân Hà là ông Phan Hoa Trai phát Bồ Đề tâm quyên tặng vừa đúng số tiền ấy. Công đức ấy làm sao diễn tả được? Thỉnh kinh về chùa cũng như các việc xây dựng đều do thiện tín bỏ tiền tán trợ.

Hơn nữa, trước đấy cụ Đối Phù đã quyên mộ lập quỹ Dưỡng Thiệm (養 贍: Quỹ bảo trợ) trong chùa được một vạn ba ngàn đồng. Gần đây, do mọi việc đều tốn kém hơn, cảm thấy rất thiếu hụt. Do vậy, lại quyên mộ bảy ngàn đồng để bù đắp. Lo liệu nhiều năm, nay mới được viên mãn. Công đức của cụ Phù và các đàn tín sẽ tự được Phật, trời chứng giám, khiến cho đều được tiêu tai tăng phước, khi sống sẽ vừa nhân từ vừa cao tuổi thọ, khi mất sẽ sanh vào cõi Cực Lạc. Chỉ mong những người sống trong chùa này, buông xuống thân tâm, chuyên tu Tịnh nghiệp. Hễ rảnh rang bèn lắng lòng nghiên cứu kinh điển trong Đại Tạng, ngõ hầu hiểu rõ giáo lý, biết được tông chỉ tu trì, có căn cứ để tự hành lẫn dạy người.

Làm được như thế thì những hạng tà kiến chẳng tin tưởng sẽ đều sanh lòng chánh tín sâu xa, sẽ kéo nhau tu tập, hộ trì để mong được lưu truyền vĩnh cửu. Pháp không có hưng - suy, hưng - suy do nơi con người. Chỉ mong đại chúng trong hiện tại, vị lai, ai nấy đều gắng sức. Đem công đức này cung chúc "nền tảng nước nhà củng cố, thế đạo thái bình, hưng thịnh, Phật nhật thêm sáng, pháp luân thường chuyển, thuần phong mỹ tục, lễ nghĩa nhân nhượng hưng khởi, can qua vĩnh viễn chấm dứt, dân khỏe mạnh, vật sanh trưởng", do lòng người chuyển biến nên quyến thuộc cõi trời thường giáng lâm.

3. Bài ký về chuyện chùa Thạch Thành ở Tân Xương trùng tu tháp thờ y bát của Trí Giả đại sư

Trí Giả đại sư chứng Pháp Thân đã lâu, [Ngài đã đạt đến địa vị] Thập Địa, Đẳng Giác, hay Diệu Giác đều chẳng thể suy lường được! Nương sức túc nguyện, thị hiện giáng sanh trong cõi đời này. Đêm Ngài giáng sanh, thần quang sáng rực bầu trời. Lông mày chia thành tám sắc, mắt sáng rực, có con ngươi kép. Do chất chứa đức phi thường nên hiện tướng phi thường. Ngài sanh vào năm Mậu Ngọ, tức năm Đại Đồng thứ

tư (538) đời Lương Vũ Đế. Vừa mới thôi địu[169], hễ nằm liền chắp tay, hễ ngồi liền hướng về Tây, gặp tượng ắt lễ, gặp Tăng ắt kính. Ấy là vì Ngài muốn nêu gương mẫu cho cõi đời nên cẩn trọng từ lúc đầu vậy!

Tuổi nhược quan (20 tuổi) xuất gia, nghiên cứu trọn khắp kinh luận. Ba năm sau, tức năm Canh Thìn nhằm Thiên Gia nguyên niên (560) đời Trần Văn Đế, Ngài nghe nói Huệ Tư đại sư đang ở núi Đại Tô thuộc Quang Châu, liền đến đấy lễ yết. Ngài Huệ Tư vừa trông thấy Sư liền than rằng: *"Xưa kia ở Linh Sơn cùng nghe kinh Pháp Hoa, túc duyên theo đuổi, nay lại đến đây"*. Liền trao truyền đạo tràng Phổ Hiền, bảo Sư tu Pháp Hoa tam-muội. Ngài tụng kinh Pháp Hoa đến câu *"Thị chân tinh tấn, thị danh chân pháp cúng dường Như Lai"* (Đấy là chân tinh tấn, đấy gọi là pháp cúng dường Như Lai thật sự) trong phẩm Dược Vương Bồ Tát Bổn Sự bèn hoát nhiên đại ngộ, lặng lẽ nhập định, đích thân thấy hội Linh Sơn nghiễm nhiên chưa tan, chứng được Tuyền (Triền) Đà La Ni[170].

Từ đấy về sau, soi thấu suốt kinh Pháp Hoa như mặt trời rạng rỡ chiếu soi muôn hình tượng, thấu đạt tướng của các pháp, khác nào gió mát lùa trên hư không; bèn dùng Ngũ Thời Bát Giáo để phán thích[171] những kinh pháp đã được giảng trong cả một đời Như Lai khiến cho kẻ nghe kinh biết được chỗ chỉ quy, chẳng đến nỗi dõi nhìn biển cả than dài, chẳng biết được bến bờ! Dùng Tam Chỉ, Tam Quán để truyền Phật tâm ấn khiến cho kẻ tu hành đích thân thấy được chân tâm tịch diệt thường trụ bất biến. Pháp tu của Ngài tuy hơi khác với Thiền Tông nhưng sở chứng quả thật đã rất giống với Thiền Tông trong thời hưng thịnh. Vì thế, các sách như Truyền Đăng Lục của nhà Thiền đều xếp ngài Trí Giả vào tiểu loại Ứng Hóa Thánh Hiền.

---

[169] Nguyên văn "cưỡng bão" (襁褓), ta thường dịch là cái địu, tức là một tấm vải có gắn dây buộc ở bốn phía, người Trung Hoa thường dùng để buộc con vào sau lưng trong khi người mẹ làm việc. "Thôi địu" nghĩa là trẻ không cần phải địu nữa, thường là khi đã lên hai tuổi, có thể tự đi lại được, không cần phải ẵm.

[170] Tuyền Đà La Ni là một trong ba môn Đà La Ni được nói đến trong phẩm Phổ Hiền Bồ Tát Khuyến Phát của kinh Pháp Hoa, hàm nghĩa: Xoay chuyển cái tâm phàm phu chấp trước vào tướng Có của các pháp để thấu đạt được trí lực nơi lý Không. Đây là kết quả của Không Quán.

[171] Phán thích: Phán định, giải thích một kinh thuộc thời nào trong Ngũ Thời, thuộc giáo nào trong Ngũ Giáo. Nói cách khác, phán thích là vận dụng lập luận nhằm giải thích, biện minh cho sự phân loại, hệ thống hóa kinh điển đã được đức Phật giảng dạy trong suốt một đời.

Hai chuyện Giáo và Hạnh như trên đây đã bao quát trọn hết Phật pháp, nhưng đều thuộc về đạo tự lực tấn tu, nếu là bậc thượng căn lợi trí thì cũng có thể hoàn tất ngay trong đời này, chứ nếu là hạng căn khí kém hơn một chút sẽ lại chẳng biết phải trải qua bao nhiêu đời, bao nhiêu kiếp mới hòng liễu sanh thoát tử được! Do vậy, Sư tùy thuận lòng Từ của đức Phật mà hoằng dương Tịnh Độ, sớ giải Thập Lục Quán (Quán Kinh), đoạn trừ mười món nghi, dùng khái niệm Lục Tức[172] để giải thích chữ Phật khiến cho hết thảy hành nhân đều biết một niệm tâm tánh của chính mình và Phật không hai, nhưng Phật thì công Tu Đức đến cùng cực nên Tánh Đức phô bày trọn vẹn, chứ chính mình chỉ sẵn có Tánh Đức, chứ chẳng có mảy may Tu Đức nào. Do Tánh Thể bất nhị nên "tuy chia thành sáu mà thường tức". Do Sự tu (tu hành về mặt Sự) khác biệt nên "tuy tức mà thường sáu". Biết "sáu mà thường tức" sẽ chẳng sanh lòng lui sụt, trên ngưỡng mộ chư thánh. Biết "tức mà thường sáu" sẽ chẳng sanh lòng Tăng Thượng Mạn, dưới trọng tánh linh của chính mình.

Chúng sanh đời Mạt sức Định - Huệ yếu ớt, chẳng cậy vào Phật lực thì làm sao yên được? Hơn nữa, có được lời giải thích hay tuyệt như thế, ai lại chịu bỏ hạt châu sẵn có trong chéo áo để qua xóm nghèo lê la xin

---

[172] Ngài Trí Giả đã đem Phật chia thành sáu địa vị (tức sáu mức độ chứng đắc) gọi là Lục Tức Phật, nghĩa là:

1) Lý Tức Phật (còn gọi là Tác Lý Phật) chỉ hết thảy chúng sanh. Do hết thảy chúng sanh đều sẵn có Phật tánh, chẳng hai, chẳng khác gì với hết thảy chúng sanh nên xét về Lý thì chúng sanh đều là Phật. Do vậy gọi là Lý Tức Phật.

2) Danh Tự Tức Phật (còn gọi là Danh Tự Phật): Nghe thiện tri thức giảng nói, hoặc do đọc kinh điển liền hiểu rõ "Lý Tánh chính là tên gọi khác của Phật". Những người này thông đạt hiểu rõ về mặt danh tự "các pháp đều là Phật pháp", tức là nhận thức và "chứng đắc" Phật quả chỉ qua sự hiểu biết danh tự nên gọi là Danh Tự Tức Phật.

3) Quán Hạnh Tức Phật: Đã hiểu rõ hết thảy pháp đều là Phật pháp, y giáo tu hành để đạt đến mức hiểu rõ tâm, lý huệ tương ứng, lời nói phù hợp với việc làm và sự tu tập nên gọi là Quán Hạnh Tức Phật. Nếu hiểu chi tiết hơn thì từ địa vị này lại chia làm năm phẩm, tức Tùy Hỷ Phẩm, Độc Tụng Phẩm, Thuyết Pháp Phẩm, Kiêm Hành Lục Độ Phẩm, và Chánh Hành Lục Độ Phẩm.

4) Tương Tự Tức Phật: Bậc đã đạt đến mức lục căn thanh tịnh, đoạn trừ Kiến Hoặc, Tư Hoặc, chế ngự được vô minh.

5) Phần Chứng Tức Phật (còn gọi là Phần Chân Tức Phật): Đoạn vô minh, chứng Trung Đạo nhưng chỉ được một phần, chưa trọn vẹn.

6) Cứu Cánh Tức Phật: Chứng đắc Phật Quả Toàn Giác.

Sáu địa vị này xét về Lý không tách rời Phật Tánh sẵn có trong tự tâm, nên gọi là "tuy sáu mà thường tức", tùy theo mức độ mê ngộ sâu hay cạn, công phu tu hành sâu hay cạn, mà sự chứng đắc khác biệt nên nói "tuy tức mà thường sáu".

ăn ư? Do vậy, tông phong lẫy lừng, cả nước khâm phục, tôn sùng. Trên từ hoàng đế, hoàng hậu, đại thần, cho đến dưới là thiện nam thiện nữ có lòng tin trong sạch không ai chẳng nghe tiếng bèn nương theo giống như cỏ rạp theo gió lùa. Từ khi pháp được truyền sang Chấn Đán (Trung Hoa), đức nghiệp hưng thịnh không ai hơn được Ngài.

Đến năm Ngài ba mươi tám tuổi mới vào núi Thiên Thai, đấy chính là năm Ất Mùi nhằm niên hiệu Đại Kiến thứ bảy (575) đời Trần Tuyên Đế. Đến nơi, Ngài thấy cảnh núi và gặp vị tăng tên Định Quang giống hệt như cảnh đã được đến và người đã được gặp khi thần thức ngao du trong lúc lễ Phật phát nguyện thuở mới được mười bảy tuổi. Do vậy, biết là trước kia đã từng có nhân duyên lớn với núi này; từ đấy về sau, hoặc hoằng pháp trong núi, hoặc tùy cơ ứng duyên, suốt hơn hai mươi năm hoằng dương pháp hóa lớn lao. Trong truyện ký của Ngài đã chép đầy đủ nên ở đây chẳng cần phải trình bày rườm rà.

Năm Khai Hoàng 17 đời Tùy Văn Đế, tức năm Đinh Tỵ (597), Tổng Quản Dương Châu là Tấn Vương Dương Quảng sai sứ đón Sư sang Dương Châu. Sư cùng đi với sứ giả, đến chùa Thạch Thành ở Tân Xương (huyện Thiệu Hưng, tỉnh Chiết Giang) biết duyên trụ thế đã tận, bèn lược nêu pháp yếu để dạy bảo đại chúng. Nói xong, xướng danh hiệu Tam Bảo [rồi viên tịch] như nhập tam-muội. Lúc ấy nhằm giờ Mùi ngày Hai Mươi Bốn tháng Mười Một, thọ sáu mươi tuổi, Tăng hạ (Tăng lạp) bốn mươi năm. Ngài có để lại di mạng, dặn đưa linh cữu về Phật Lũng[173]. Các đệ tử do thấy thầy nhập diệt nơi đây (tức chùa Thạch Thành) bèn lập một tòa tháp thờ y bát để làm kỷ niệm khiến cho tứ chúng đời sau người thấy kẻ nghe đều cùng gieo thiện căn.

Từ xưa đến nay, một ngàn bốn trăm năm, theo thời gian, cuộc đất thay đổi, chẳng còn thích nghi [để đặt tháp] cho lắm. Vị tăng trong chùa là Nhữ Ngu bàn bạc với hàng Tăng - tục, dời tháp sang phía Bắc của Đại Phật Nham, nơi đấy quả thật là chỗ mạch chính của cả rặng núi dồn tới, là chỗ mấu chốt của dãy núi, địa thế cao, tầm nhìn được xa, [lập tháp nơi ấy] ngõ hầu phát khởi được thiện tâm nơi kẻ thấy người nghe. Do vậy, tôi bèn trần thuật những nét đại lược.

4. Bài ký về chuyện sanh Tây của cư sĩ La Tử Sanh ở Mân Hầu

---

[173] Phật Lũng là ngọn núi cao nhất ở phía Nam rặng Thiên Thai, chính là nơi ngài Trí Giả trụ tích. Do vậy, đôi khi đại sư còn được gọi là Phật Lũng Thiền Sư. Trong chùa Chân Giác trên ngọn Phật Lũng hiện vẫn còn tháp thờ nhục thân Trí Giả đại sư.

Thế gian lẫn xuất thế gian đều lấy lòng Thành làm gốc. Lòng Thành đến cùng cực, đá vàng phải nứt. Huống hồ những người cùng hàng đều cùng được phú bẩm cái tâm này, mà chư Phật, Bồ Tát lại là những vị trọn không có tâm, lấy tâm của chúng sanh làm tâm của chính mình ư? Trong cõi đời, chưa hề có ai lòng Thành tuy chưa đến mức cùng cực mà [lại có thể khiến cho] người khác nhìn vào sanh lòng cảm kích, được đức Phật rủ lòng gia bị! Cũng chưa có ai lòng Thành đã đến mức cùng cực mà người khác nhìn vào chẳng cảm kích, Phật không gia bị. Vì thế, kẻ mong thành thánh, thành hiền, học Phật, học Tổ, chỉ nên cạn hết tấm lòng Thành mà thôi! Đối với chuyện sanh Tây của cư sĩ La Tử Sanh, tôi có được một chứng cứ.

Cư sĩ tên là Vũ Tằng, tự là Tử Sanh, người xứ Mân Hầu, tỉnh Phước Kiến, anh em gồm ba người, ông ta đứng vào hàng thứ hai. Thuở nhỏ theo học Nho, trưởng thành đăng lính, mồ côi cha từ năm tám tuổi. Thờ bà mẹ thủ tiết, đối đãi anh em nổi tiếng hiếu hữu. Bẩm tánh chân thật, trung hậu, tiết kiệm, chất phác, liêm khiết, trong chẳng dám dối mình, ngoài chẳng dám gạt người. Vì thế, sĩ quan, binh lính tín nhiệm, giao cho ông ta trông coi quân nhu. Suốt mười mấy năm, ngoài tiền lương ra, trọn chưa hề tắt mắt gì!

Ông ta còn dốc lòng tin tưởng Phật pháp, khá chán ngán trần cảnh. Tuổi trung niên sau khi vợ mất, tâm niệm đã hệt như cây khô, tro lạnh. Năm Nhâm Tuất (1922) thời Dân Quốc do cư tang mẹ liền bỏ sạch đồ mặn, chuyên tu Tịnh nghiệp. Con trai ông ta là Khanh Đoan, Ngạn Tuấn và những người cùng chí hướng tổ chức Phước Châu Phật Hóa Xã. Cư sĩ cổ vũ, tán thành, giúp đỡ, hết sức đề xướng. Mùa Hạ năm Giáp Tý (1924), Phật Hóa Xã được dời sang chùa Khai Hóa ở Tây Hồ, con người lẫn địa thế đều thích hợp, nhưng do chùa xây dựng đã lâu, cột kèo, phòng ốc xô lệch, tượng Phật long lở, cư sĩ muốn cho những người niệm Phật đều nhìn vào sẽ dấy lòng cảm mộ bèn một mình đứng ra lo liệu tu bổ cho [cảnh chùa] được trang nghiêm. Công việc mới hoàn thành được một nửa, ông ta liền tạ thế. Lúc ấy nhằm ngày mồng Chín tháng Sáu năm Bính Dần (1926), thọ sáu mươi tuổi. Khanh Đoan kế thừa chí cha hoàn thành công cuộc [trùng tu], đáng gọi là "khéo thờ cha" vậy.

Thoạt đầu, mười mấy hôm trước khi cư sĩ mất, cổ chợt sanh ung loét, đấy chính là do túc nghiệp. Loét rữa bên trong, nóng - lạnh xen lẫn, nhưng cư sĩ muốn nhờ vào nỗi khổ ấy để mau được vãng sanh, bảo quyến thuộc tụ tập niệm Phật trong phòng để giúp chánh niệm. Cũng có bạn bè đến trợ niệm, mỗi lần đến mấy chục người. Ông ta đã dặn sẵn

quyến thuộc: "[Khi ta] lâm chung chẳng được tắm rửa, thay quần áo sẵn, khóc lóc v.v… Trong đám tang, bất luận tế thần, đãi khách đều chẳng dùng đồ mặn. Đồ tẩm liệm chỉ dùng vải trơn, chẳng được dùng lụa là". Con và dâu đều vâng lời, phương trượng Tuyết Phong Đạt Bổn đặc biệt đến khai thị. Vì thế, trong mười mấy ngày tuy bị đau khổ, nhưng tâm cư sĩ thường trấn định, trọn chẳng có một niệm nào khác. Đến lúc lâm chung, chánh niệm phân minh, an tường qua đời, hàng quyến thuộc ai nấy đều nén đau buồn niệm Phật suốt năm tiếng đồng hồ rồi mới tắm rửa, thay áo, khóc lóc v.v… đáng gọi là "biết pháp". Đến lúc nhập liệm, đảnh môn (đỉnh đầu) vẫn còn ấm, tứ chi mềm mại, đủ chứng tỏ cụ đã sanh Tây.

Điều lạ nhất là con trai lẫn con dâu đều phát nguyện suốt đời ăn chay trường niệm Phật. Những xã hữu trong Phật Hóa Xã niệm Phật, niệm chú Vãng Sanh cho ông ta có tới ba mươi mấy gia đình. Số câu niệm Phật đến hơn một ngàn năm trăm vạn câu, chú Vãng Sanh được niệm tới hơn mười một vạn chín ngàn biến. Đều dùng những công đức ấy để cầu cho phẩm sen của ông ta được cao hơn, mau chứng Vô Sanh. Nếu ông ta chẳng phải là người bình sinh chí thành cảm người, làm sao được như vậy?

Ôi! Như cư sĩ đáng gọi là bậc thiện sĩ trong một làng, là đứa con thật sự của đức Như Lai. Nếu ngờ vực cư sĩ là người sốt sắng giữ vẹn luân thường, tận lực tu các điều thiện, lại còn niệm Phật nhiều năm, sao lúc lâm chung lại nẩy sanh khối loét ác hiểm ấy thì [kẻ nghi như vậy] chẳng biết chúng ta từ vô thủy đến nay đã kết oán nghiệp không thể kể nổi số lượng. Nếu chẳng niệm Phật, ắt sẽ phải báo đền dài lâu suốt kiếp, chẳng có lúc nào xong! Do sức niệm Phật, cư sĩ mới chuyển được báo nặng trong đời sau thành báo nhẹ trong đời này để giải thoát các nỗi khổ sanh tử, về thẳng Tây Phương, cao dự hải hội, thân cận Di Đà, cùng với các

thiện nhân hội họp ở một chỗ. Xưa kia, pháp sư Giới Hiền[174] còn mắc phải bệnh ngặt, pháp sư Huyền Trang lâm chung cũng bị đau khổ, mỗi vị đều được Bồ Tát chỉ dạy an ủi, cho biết đấy là quả báo do trong đời trước đã não hại chúng sanh, huống hồ hạng phàm phu sát đất ư? Vì thế, tôi viết đại lược nguyên do. Tán rằng:

Cao cả thay cư sĩ, đáng gọi bậc thông sáng, dẫu sống trong trần thế, chẳng bị nhiễm bụi trần, bẩm tánh sẵn hiếu hữu, cần kiệm, nhân, khoan dung, gia đình hưởng vui sướng, hài hòa thật tràn trề, thân nêu gương nghiêm cẩn, hòa vui tiếp độ người, dốc lòng nơi Tịnh Độ, mong chứng được lẽ chân, đã khơi mở Phật hóa, lại trùng tu nhà chùa, vàng, ngọc thật trang nghiêm, nhằm tỏ lòng cảm mộ. Tuổi nhằm thời nhĩ thuận[175],

---

174 Giới Hiền (Śīlabhadra) sống khoảng thế kỷ thứ 6, hay thứ 7, là một vị Luận Sư nổi tiếng của Đại Thừa Phật Giáo Du Già Hạnh (Duy Thức), trụ trì chùa Na Lan Đà ở tại nước Ma Kiệt Đà, Ấn Độ. Sư thuộc dòng dõi hoàng gia Samatata ở Đông Ấn, hiếu học từ thuở nhỏ, tham học với khắp các bậc minh triết. Khi đến Na Lan Đà, Sư gặp được Hộ Pháp Bồ Tát, nghe ngài giảng pháp, tin tưởng, giác ngộ, bèn theo xuất gia. Năm 30 tuổi, Sư từng viết luận khiến các sư trưởng ngoại đạo khắp cả một giải Nam Ấn Độ phải chịu thua. Sư trụ trì chùa Na Lan Đà rất lâu, chuyên hoằng truyền giáo nghĩa Duy Thức. Sư y cứ các bộ Giải Thâm Mật Kinh, Du Già Sư Địa Luận v.v… chia Phật giáo thành ba thời là Hữu, Không, Trung, lập ra thuyết Ngũ Chủng Tánh. Khi ngài Huyền Trang đến cầu học, Sư đã hơn trăm tuổi. Do đức độ và kiến thức của Sư, đại chúng không kêu trực tiếp pháp danh nữa mà gọi Sư bằng mỹ hiệu Chánh Pháp Tạng. Về nỗi khổ của đại sư Giới Hiền, trong thư trả lời cư sĩ Châu Tụng Nghiêu (Ấn Quang Văn Sao Tục Biên, quyển 1), Tổ đã cho biết: *"Xưa kia, Giới Hiền luận sư ở Tây Vực, đức cao khắp đời, đạo lẫy lừng Tứ Trúc (bốn xứ Thiên Trúc). Do túc nghiệp nên thân mắc ác bệnh, khổ sở cùng cực, chẳng thể chịu đựng nổi, muốn tự tử, chợt thấy ba vị Bồ Tát Văn Thù, Phổ Hiền, Quán Thế Âm giáng xuống, bảo: "Ông trong kiếp xa xưa kia, nhiều lần làm quốc vương não hại chúng sanh, đáng lẽ đọa ác đạo từ lâu. Do ông hoằng dương Phật pháp nên phải chịu nỗi đau khổ nhỏ này trong cõi người để tiêu diệt nỗi khổ địa ngục cả kiếp dài lâu. Ông nên gắng chịu đựng, xứ Đại Đường có một vị Tăng tên là Huyền Trang, ba năm nữa sẽ đến đây học pháp". Giới Hiền luận sư nghe xong, ráng chịu đau sám hối, lâu ngày lành bệnh. Đến ba năm sau, ngài Huyền Trang đến đó, ngài Giới Hiền bảo đệ tử thuật lại tình trạng đau khổ của căn bệnh. Người kể lại nỗi khổ nghẹn ngào, ứa lệ, đủ thấy sự khổ ấy rất lớn"*.

175 "Nhĩ Thuận" là sáu mươi tuổi. Nhĩ Thuận vốn là một thành ngữ phát xuất từ một câu nói của Khổng Tử trong sách Luận Ngữ: *"Ngô thập hữu ngũ nhi chí ư học, tam thập nhi lập, tứ thập nhi bất hoặc, ngũ thập nhi tri thiên mạng, lục thập nhi nhĩ thuận, thất thập nhi tùng sở dục, bất du củ"* (Ta dốc chí học tập từ năm mười lăm, đến năm ba mươi tuổi ý chí đã định, bốn mươi tuổi không còn lầm lẫn, năm mươi tuổi hiểu mạng trời, sáu mươi tuổi tai nghe đã thuần, bảy mươi tuổi hành xử thuận theo lòng muốn, không trái vượt quy củ).

liền thị hiện về Tây, quyến thuộc, bạn trợ niệm, công đức vòi vọi thay! Do vậy, lúc lâm chung, nhất tâm chuyên ức niệm, theo chân Phật vãng sanh, đảnh ấm kiểm nghiệm được, con trai lẫn con dâu, đều phát nguyện chí thành, ăn chay cùng niệm Phật, suốt đời chẳng đổi thay, để đem công đức ấy, mong tăng cao phẩm sen, chóng chứng Vô Sanh Nhẫn, trở về độ Sa Bà. Xã hữu nhờ cậy tôi, ghi chép câu chuyện này, muốn cho kẻ thấy nghe, đồng gội nhuần pháp lợi, liền tóm lược công hạnh, nhằm nêu nghĩa ẩn tàng, hòng thỏa hoằng thệ nguyện, độ sanh của Như Lai.

5. Bài ký về sự vãng sanh của Uông thái phu nhân mẹ ông Giang [Dịch Viên]

Pháp môn Tịnh Độ lợi ích rộng sâu. Từ khi đại pháp truyền sang phương Đông, hàng phàm phu sát đất tín nguyện niệm Phật cầu sanh Tây Phương nhờ đó mà thoát khỏi Ngũ Trược, chứng lên cửu phẩm kể sao cho xiết? Ấy là vì Phật lực, pháp lực, chúng sanh tâm lực chẳng thể nghĩ bàn, cho nên được cái quả thù thắng, lạ lùng, đặc biệt như thế, quả thật là trong những giáo pháp được giảng trong một đời đức Phật, chẳng có một pháp nào được như thế, chỉ có pháp môn Tịnh Độ là như vậy mà thôi! Pháp môn này chỉ trọng thực hành, do cảm Phật nên có thể cậy vào Phật từ lực để đới nghiệp vãng sanh; so với những pháp chuyên cậy vào tự lực để đoạn Hoặc chứng Chân hòng siêu phàm nhập thánh, liễu sanh thoát tử thì sự khó - dễ dẫu có nói trọn năm cũng chẳng thể hết được!

Cư sĩ Giang Dịch Viên ở Vụ Nguyên thoạt đầu làm giáo chức, thường giảng dạy học sinh phải chú trọng dốc hết sức hành hiếu - hữu, nghiêm túc trọn hết bổn phận của chính mình. Đối với việc giảng nói nghĩa lý, ắt mong sao nêu tỏ đến tột cùng, chẳng còn chút nào ẩn kín mới thôi! Do vì quá sức nhọc nhằn bèn bị bệnh nặng, bao nhiêu thầy thuốc chữa trị đều chẳng có công hiệu gì! Về sau có người bạn khuyên hãy lắng lòng niệm Phật bèn được lành bệnh. Do vậy, nhiều lượt thân cận tri thức, chuyên nghiên cứu Tịnh tông, mới biết pháp này quả thật là pháp môn thù thắng thành thủy thành chung để mười phương tam thế hết thảy chư Phật trên thành Phật đạo dưới hóa độ chúng sanh. Vì thế, đối với người thân kẻ sơ đều đem pháp này để kính khuyên.

Mẹ ông ta là Uông thái phu nhân bẩm tánh hiền thục, vừa nghe nói như vậy liền phát tâm ăn chay niệm Phật, công khóa hằng ngày ắt niệm Phật hơn một vạn câu, kiêm trì tụng Quán Âm Phổ Môn Phẩm, Phổ Hiền Hạnh Nguyện Phẩm, các chú Vãng Sanh, Đại Bi v.v… để làm trợ hạnh.

Mùa Xuân năm nay, do lánh nạn thổ phỉ, gặp phải đường hẹp, chiếc kiệu [cụ đang ngồi] va nhằm đàn bò, phu khiêng kiệu lẫn kiệu đều bị hất lăn xuống ruộng. Kiệu đã bị vỡ nát, nhưng mẹ ông Giang vẫn chẳng kinh, chẳng hãi, trọn chẳng bị thương tổn gì, do khi cụ ngồi trong kiệu đã thầm niệm phẩm Phổ Môn. Do vậy biết rằng: Vì mẹ ông Giang công phu miên mật nên mới được cảm ứng như vậy. Tuổi đã bảy mươi tám, tai thính, mắt sáng, trọn chẳng có vẻ già nua!

Đến cuối tháng Năm, cụ thị hiện bị bệnh nhẹ. Hôm Ba Mươi nghe cháu nội là Hữu Bằng giảng bốn mươi tám đại nguyện cho người khác còn sai người hầu lắng nghe. Nhân đấy hỏi ngày mai có phải là Mồng Một hay không? Ấy là cụ đã tính sẵn kỳ hạn về Tây vậy! Đến nửa đêm đi ngủ, cụ bị nghẹn đàm không có sức để khạc ra. Do vậy, cả nhà đều niệm Phật để cầu cho cụ mau được vãng sanh. Dịch Viên lại khai thị Phật nguyện rộng sâu, hãy nên sâu xa hướng về Tịnh Độ. Nếu có thể toàn thân buông xuống, nhất tâm niệm Phật, nhất định sẽ cảm ứng đạo giao, được Phật tiếp dẫn vãng sanh Tây Phương. Khoảng một giờ sau đến giờ Thìn, cụ bèn ngồi an nhiên qua đời. Lúc cụ mất vẫn thấy quai hàm động đậy, ấy là trong tâm thầm niệm nhưng không nghe được tiếng cụ niệm. Từ giờ Thìn đến giờ Thân, suốt cả năm tiếng đồng hồ, niệm Phật không ngớt. Qua khỏi giờ Thân mới tắm gội, thay quần áo, khóc lóc v.v… Bởi lẽ người sắp mất, sức không thể chống đỡ được; nếu tắm rửa thay quần áo sẵn và khóc lóc v.v… chắc chắn sẽ bị phá hoại chánh niệm, chẳng thể vãng sanh được. Nay đã chẳng dời động, lại chẳng khóc lóc, mọi người đồng thanh niệm Phật, khiến cho trong tâm cụ chỉ có Phật niệm, trọn chẳng có niệm nào khác. Vì thế, cụ được chánh niệm rỡ ràng, theo Phật vãng sanh, thật đáng để bắt chước. Nguyện những kẻ con hiếu cháu hiền đều y theo đây thì lòng hiếu từ sẽ lớn lao thay!

Hơn nữa, mẹ ông Giang còn dặn dò sẵn con trai và con dâu: Sau khi cụ mất, đừng đặt hình tượng Phật lên đầu cụ, đừng bỏ tiền vào miệng, đừng đội mũ hoa, mặc áo thêu, quần áo liệm chỉ may bằng vải, cổ đeo tràng hạt mà thôi! Tất cả những thứ quần áo giấy, minh khí[176] đều chớ nên dùng. Trong đám tang nhất loạt dùng cỗ chay, chớ nên bắt chước thế tục dùng cỗ mặn để tế thần v.v… Ôi! Ngôn hạnh của mẹ ông Giang đều đáng làm khuôn mẫu cho đời Mạt, là bậc mẫu nghi trong chốn khuê

[176] Còn gọi là "tùy táng vật" hoặc "bồi táng vật", tức những thứ thường dùng để chôn theo người chết để người ấy sử dụng trong cõi Âm! Thời cổ, những gia đình quý tộc thường chôn theo người chết rất nhiều vật dụng bằng ngọc, bằng đá và những kim loại quý.

các, là bậc thầy khuôn mẫu cho nữ giới. Người tuy đã mất, đức vẫn thường còn. Nguyện những bậc anh hiền chốn khuê các trong cõi đời nghe phong thái ấy đều nức lòng, bắt chước theo ngôn hạnh của mẹ ông Giang, giúp chồng dạy con đều thành hiền thiện khiến cho hạnh của hai bà Phi và ba bà Thái lại được thấy trong hiện thời. Lại do hiểu thấu sâu xa trong tâm vốn sẵn có Phật tánh nên dốc lòng tu tập tịnh nghiệp "tu chân ngay trong cõi tục", ngõ hầu bao người đều giữ vẹn lễ nghĩa, nhân nhượng, cõi đời trở lại thuở Đường Ngu. Đấy vốn là dùng đạo "đạt đến bình trị tột bậc mà trọn chẳng có hình tích" để làm phương cách vãn hồi thế đạo nhân tâm vậy. Nguyện ai nấy đều gắng sức thì may mắn lắm thay!

6. Bài ký về chuyện sanh Tây của thiện nữ nhân Vương Thánh Duyên nhà họ Hà

Đức Phật dạy: *"Hết thảy chúng sanh đều có Phật tánh, đều có thể làm Phật"*. Phật tánh tuy đồng, nhưng tâm tướng của chúng sanh lại vàn muôn sai khác: Hoặc có kẻ tin nhận, hoặc có kẻ trái nghịch. Vì sao vậy? Hãy nên biết rằng: Chúng sanh tuy đều đang mê nhưng do nhân trong quá khứ và duyên trong hiện tại không giống nhau đến nỗi phát sanh hai thứ hiện tượng nghịch hay thuận. Phật tánh như hạt giống, nhân trong quá khứ như gieo trồng, duyên trong hiện tại như mưa đúng thời. Hạt giống đã gieo xuống đất hễ gặp được mưa đúng thời sẽ chẳng nẩy mầm được ư? Nhưng hết thảy chúng sanh ai mà chẳng có Phật tánh? Luân hồi trong kiếp số dài lâu, quyết chẳng thể trọn không có túc nhân. Điều quan yếu nhất là được thiện tri thức chỉ dạy, hướng dẫn, và chính mình có phát tâm quyết liệt hay không. Vì thế, kinh Pháp Hoa dạy: *"Thiện tri thức giả, thị đại nhân duyên, sở dĩ hóa đạo linh đắc kiến Phật"* (Thiện tri thức là nhân duyên lớn vì có thể chỉ dạy khiến cho được thấy Phật). Kinh Lăng Nghiêm chép: *"Nhược chúng sanh tâm, ức Phật, niệm Phật, hiện tiền đương lai, tất định kiến Phật, khứ Phật bất viễn, như nhiễm hương nhân, thân hữu hương khí. Thử tắc danh vi Hương Quang Trang Nghiêm"* (Nếu tâm chúng sanh nhớ Phật, niệm Phật, hiện tại, tương lai, chắc chắn thấy Phật, cách Phật chẳng xa, như người nhiễm hương, thân có mùi thơm. Đấy gọi là Hương Quang Trang Nghiêm).

Như bà Vương nhà họ Hà[177] ở Thượng Hải vốn là một phụ nữ vô tri vô thức, từ năm hai mươi chín tuổi được nghe pháp môn Tịnh Độ bèn quy y Tam Bảo, ăn chay, niệm Phật, nhàm chán sâu xa sự trược ác cõi Sa Bà, quyết chí cầu sanh Tây Phương. Ba mươi năm qua tinh tấn không lười biếng, đến năm Dân Quốc 17 (1928), bà được năm mươi chín tuổi. Đến ngày Mười Chín tháng Sáu biết trước lúc mất, dặn dò gia quyến: "Mười hai giờ đêm hôm nay ta sẽ về Tây, tới lúc ấy các ngươi hãy đồng thanh niệm Phật để giúp sức. Đừng nên bi ai khóc lóc đến nỗi phá hoại chánh niệm của ta". Do vậy, bà liền tự tắm gội, mặc áo thọ[178] mới may, trước hết niệm chú Đại Bi bao nhiêu đó biến, tiếp đấy chuyên niệm thánh hiệu A Di Đà Phật. Đến mười một giờ, cả nhà lớn - bé đồng thanh trợ niệm "Nam-mô A Di Đà Phật". Tới mười hai giờ, bà bèn ngồi ngay ngắn niệm Phật qua đời. Ôi! Bản lãnh như thế, dẫu kẻ có học vấn, công nghiệp trùm lấp cõi đời xưa nay cũng chẳng thấy mấy, huống là hạng kém cỏi hơn ư?

Bà Vương nhà họ Hà là một phụ nữ chẳng hiểu biết gì, chỉ do ba mươi năm tinh tấn tu trì nên đến lúc lâm chung hiện được tướng trạng như thế, đủ thấy hết thảy chúng sanh đều có Phật tánh, đều kham làm Phật và pháp môn Tịnh Độ quả thật là pháp môn bậc nhất để chuyển phàm thành thánh. Nguyện kẻ thấy nghe đều cùng dốc sức tu trì, ngõ hầu chẳng phụ sự giáo hóa của đức Phật, chẳng phụ bạc tánh linh của chính mình.

7. Bài ký về sự sanh Tây của ưu-bà-di Lạc Huệ Tĩnh

Từ khi đại pháp truyền sang phương Đông, Lô Sơn kết liên xã, hết thảy thiện tri thức phần nhiều chủ trương pháp môn Tịnh Độ, bởi pháp này cậy vào Phật từ lực, so với những pháp chuyên cậy vào tự lực thì sự khó - dễ khác biệt vời vợt hệt như một trời một vực. Nhưng hết thảy tứ chúng do niệm Phật mà đích thân chứng được tam-muội, đoạn Hoặc chứng Chân, lên thẳng Thượng Phẩm cũng không ít. Những người khác thì do lòng tin chân thật, nguyện thiết tha, trì danh hiệu Phật, cảm được Phật tiếp dẫn vãng sanh thì chẳng thể dùng toán số thí dụ để biết được số!

---

[177] Bà này họ Vương, pháp danh là Thánh Duyên, chồng họ Hà nên được gọi là Hà Thị Vương Thánh Duyên.

[178] Thọ y: Chỉ chung những thứ quần áo, giày vớ may sẵn để mặc cho người chết khi tẩm liệm.

Ông Lạc Bân Chương ở huyện Định Hải tuy theo nghề buôn nhưng khá tin Phật. Mùa Xuân năm nay tới đất Hỗ, gặp đúng lúc Quang đang ở đậu chùa Thái Bình, bèn dẫn vợ cùng tới xin thọ Tam Quy Ngũ Giới. Bân Chương pháp danh là Huệ Bân, vợ ông ta pháp danh là Huệ Tĩnh. Do vậy, tôi bèn cho họ các sách như Văn Sao, Gia Ngôn Lục v.v… bảo họ hãy y theo đó để tu trì. Huệ Tĩnh từ đấy chuyên dốc lòng niệm Phật, đến giữa tháng Năm bị bệnh, cho đến đầu tháng Bảy vẫn còn gắng gượng lễ Phật, niệm Phật. Sau đấy, nằm bẹp trên giường không dậy được, nhưng trong tâm thường tự thầm niệm Phật hiệu. Đến đêm mồng Bảy tháng Tám, ho hắng suốt một tiếng đồng hồ rồi ngủ thiếp đi, mộng thấy rất nhiều tăng nhân và các đồng tử cùng với các thứ như tràng, phan v.v… Đến khi tỉnh giấc bệnh khổ hoàn toàn hết hẳn. Tới đêm mồng Chín lại mộng thấy Quán Thế Âm Bồ Tát và các tăng chúng cùng các đồng tử.

Đêm mồng Mười, người trông bệnh và các quyến thuộc thấy bà ta miệng niệm Phật hiệu, chắp tay như đang làm lễ mười mấy lượt rồi ngủ thiếp đi, tỉnh giấc nói: "Phật đã đến rồi, ta sắp vãng sanh". Hỏi: "Giờ nào sẽ đi?" thì bà ta bảo không biết. Ngày hôm sau đem tất cả quần áo, đồ trang sức trên đầu đem bán sạch để làm việc thiện, khuyên người nhà làm lành, tu đức, hiểu nhân biết quả. Đến giờ Ngọ, mắt chợt tỏa quang minh. Quang minh dường như màu vàng, nhưng chẳng phải vàng, dường như đỏ nhưng chẳng phải đỏ, liền nói: "Đức Phật đến rồi!" Mặt hiện nét mỉm cười, tuy thân mình đã tắm rửa từ hôm trước, vẫn sai đứa tớ gái rửa chân, tự mình rửa mặt. Ánh mắt liền sáng rỡ, bảo Huệ Bân rằng: "Phật cùng Đại Thế Chí Bồ Tát và các đồng tử tiếp tôi về Tây Phương". Huệ Bân muốn hỏi thêm, bà nói: "Đừng nhiễu loạn tôi", chỉ niệm thầm Phật hiệu theo tiếng những người trợ niệm, chưa đầy mấy phút đã qua đời.

Ôi! Huệ Tĩnh là một nữ nhân yếu đuối, nghe pháp môn Tịnh Độ chưa được một năm, mà lúc lâm chung liền được tướng lành như thế, đủ thấy chúng sanh đều sẵn có Phật tánh, Phật nguyện chẳng dối. Ngài Vĩnh Minh nói: *"Vạn người tu, vạn người về"* quả là có căn cứ đích xác! Huệ Bân đem hành trạng của bà ta đến [thuật với Quang], lại còn đem những tiền bạc do vợ lưu lại để giúp in bộ Lịch Sử Cảm Ứng Thống Kỷ. Do vậy, tôi bèn tóm tắt chuyện này và nêu bày đại ý của pháp môn để soạn thành bài ký. (Cuối Thu năm Kỷ Tỵ, tức năm Dân Quốc 18 - 1929)

8. Bài ký về chuyện cư sĩ Dương Bội Văn được xá-lợi

Dương Bội Văn là người ở huyện thành Hoài An, tỉnh Giang Tô, đã bốn mươi bốn tuổi, chuyên đọc sách, dạy trẻ, gần đây cũng đã thôi dạy học. Hạ tuần tháng Sáu năm nay, do đứa cháu nội chưa tròn một tuổi đã chết, khá đau tiếc. Một vị cư sĩ khuyên ông tham dự niệm Phật tại Phổ Tế Liên Xã, cũng như đọc các sách Văn Sao, Gia Ngôn Lục v.v… Ông ta liền nhanh chóng sanh lòng tin, tâm niệm Phật khá tinh thuần, thiết tha. Đến buổi tụng kinh khóa tối vào hạ tuần tháng Chín, thấy trong ngọn đèn dầu thắp trước bàn Phật, [bấc đèn] kết thành một đóa sen, giữa nhụy hoa có một hạt châu đen. Sau đấy, hoa rụng, hạt châu rơi xuống bàn, to bằng hạt kê, màu như ngọc Phỉ Thúy. Ông ta ngạc nhiên lắm, chẳng biết là vật gì, bèn cầm đến Liên Xã hỏi, cũng không ai biết.

Trung tuần tháng Mười, ông ta gởi thư và viên xá-lợi ấy cho Quang cầu chứng minh. Quang liền đựng trong cái hộp nhỏ có từ tính, đưa cho vị sư hộ quan và ba bốn người đệ tử tục gia xem. Khi ấy, viên xá-lợi ấy to gấp hai ba lần lúc mới mở thư, tôi cũng không để ý lắm, liền để thờ trước bàn Phật. Sáng hôm sau, tụng kinh khóa sáng xong, xem lại đã không còn nữa, liền gởi thư sang báo cho liên xã ấy biết, bảo: "Đấy là xá-lợi do lòng tinh thành cảm nên; chiều hôm qua xem xong thờ trước tượng Phật. Sáng nay xem thì đã không còn nữa, chắc là đã trở về chỗ cũ, xin họ hãy tìm kỹ". Về sau được họ viết thư cho biết đã tìm khắp cho tòa nhà của liên xã nhưng vẫn không thấy gì, nhưng Dương Bội Văn càng sanh lòng chánh tín, biết Phật pháp chẳng thể nghĩ bàn, xin quy y. Do đấy bèn đặt pháp danh cho ông ta là Huệ Tiềm với ngụ ý: Do cắm cúi niệm Phật liền được ngầm thông Phật trí, thầm hợp đạo mầu.

Ngoại đạo tưởng Tinh - Khí - Thần luyện lâu ngày sẽ thành xá-lợi. Đời Tống, có người khắc ván cuốn Long Thư Tịnh Độ Văn và thêu kinh tìm được xá-lợi ngay dưới mũi dao và chỗ kim đâm xuống, cũng như xá-lợi [hiện] nơi hoa đèn này là do Tinh - Khí - Thần của ai luyện thành? [Ấy là do Phật, Bồ Tát thấy] nên dùng thân xá-lợi để độ được bèn hiện thân xá-lợi để thuyết pháp vậy! (Ngày Đông Chí năm Dân Quốc 22 - 1933)

9. Ghi chép sự thật về tháp thờ xá-lợi đức Phật tại chùa A Dục Vương

Tại Mậu Sơn cách ấp Đông Hương thuộc huyện Ngân, thành phố Ninh Ba, tỉnh Chiết Giang bốn mươi dặm có chùa Quảng Lợi, vốn có tên là A Dục Vương Tự. Vì thế, người ta vẫn gọi chùa bằng tên ấy. Xưa kia, sau khi đức Phật diệt độ, vua A Dục ở xứ Trung Thiên Trúc làm vua

khắp cõi Diêm Phù, oai đức rộng lớn, tất cả quỷ thần đều là bầy tôi. Ý vua muốn tạo lợi ích rộng khắp cho người đời bèn lấy ra tám vạn bốn ngàn viên xá-lợi đức Phật do ông nội mình là vua A Xà Thế đã cất giữ, rồi sai khiến quỷ thần nghiền nát bảy báu trộn với các loại hương làm thành chất bùn dẻo, trong một đêm tạo thành tám vạn bốn ngàn cái tháp báu đựng xá-lợi, đem chia ra khắp Nam Thiệm Bộ Châu[179]. Tôn giả Da Xá Lợi duỗi tay phóng ra tám vạn bốn ngàn luồng ánh sáng, cứ mỗi một quỷ bèn bưng một tháp đi theo luồng ánh sáng, đến chỗ nào ánh sáng thôi chiếu tới bèn vùi tháp trong lòng đất. Trong nước Đông Chấn Đán (Trung Hoa) có mười chín chỗ.

Khi đại giáo được truyền sang phương Đông, [các tháp xá-lợi] ấy lần lượt xuất hiện, như chùa Dục Vương ở Ngũ Đài v.v… Tháp [thờ xá-lợi] ở chùa A Dục Vương tại Ninh Ba là do vào năm Thái Khang thứ ba (282) đời Tấn Vũ Đế có một vị tăng là Huệ Đạt[180], vị này chính là Lợi Tân Bồ Tát thị hiện, lễ bái thỉnh cầu, [tháp xá-lợi] bèn từ đất vọt lên. Sư bèn dựng chùa A Dục Vương, thờ tháp xá-lợi ấy trong lòng tháp đá nơi đại điện, cửa tháp thường khóa chặt. Có ai muốn chiêm ngưỡng xá-lợi phải thông báo trước cho vị chủ tháp biết.

Lễ Phật trong đại điện xong, quỳ ở bậc thềm ngoài điện, nơi ấy thường có người quỳ. Phàm ai muốn chiêm ngưỡng, đều quỳ tiếp theo

---

[179] Nam Thiệm Bộ Châu, là cách phiên âm khác của Nam Diêm Phù Đề (Daksina-Jambu-dvīpa), đôi khi còn phiên âm là Diêm Phù Lợi, Thiệm Bộ Đề, Diêm Phù Đề Bệ Ba. Jambu vốn là một loại cây, dưới gốc sanh ra một loại vàng rất quý gọi là Diêm Phù Đàn Kim. Theo phẩm Diêm Phù Đề, quyển 18 kinh Trường A Hàm, châu Nam Diêm Phù Đề phía Nam hẹp, phía Bắc rộng, kích thước chừng bảy ngàn do-tuần. Hình dáng mặt người sống trong châu ấy giống như hình thể của đại châu (tức trên rộng, dưới hẹp). Phía Bắc có ao A Nậu Đạt là nơi phát nguyên sông Hằng, có năm trăm con sông chảy vào biển Đông v.v…

[180] Theo A Dục Vương Tự Sơn Chí, ngài Huệ Đạt tục danh là Lưu Tát Ha, vốn là người xứ Ly Thạch, Tinh Châu, nằm mộng thấy một vị Tăng người Ấn Độ báo cho biết ông ta mắc tội sẽ đọa địa ngục, hãy nên sang Cối Kê đảnh lễ tháp A Dục Vương để sám hối các tội. Họ Lưu tỉnh giấc liền xuất gia, pháp danh là Huệ Đạt, sang Cối Kê tìm tháp. Sư tìm mãi không được, đau lòng, phiền muộn. Một đêm nọ, chợt nghe dưới đất vẳng lên tiếng chuông, ba giờ sau, tháp báu từ dưới đất vọt lên. Tháp ấy chẳng phải bằng vàng, ngọc, đồng, sắt, cũng không phải là bạch ngọc, sắc đỏ đậm ánh tía, điêu khắc cực kỳ tinh xảo. Chính giữa tháp có treo một cái chuông đựng xá-lợi. Do vậy, Huệ Đạt liền dựng tinh xá thờ tháp ấy ngay tại đó, siêng năng tu hành lễ sám. Ngôi chùa ấy về sau trở thành chùa A Dục Vương. Cái tên Quảng Lợi là do Tống Chân Tông sắc tứ, nhưng dân chúng vẫn gọi là A Dục Vương Tự như cũ. Đến thời Minh, Minh Thái Tổ lại đổi tên chùa Quảng Lợi thành Dục Vương Thiền Tự.

đó. Tháp chủ thỉnh tháp ra, trước hết cho người quỳ phía trong xem, rồi cho khắp những người quỳ tiếp theo được xem. Dẫu trong một ngày có người theo chiêm ngưỡng mấy lượt cũng chẳng lấy đó làm phiền. Tháp ấy cao một thước bốn tấc, chu vi cũng chỉ hơn một thước. Tầng giữa tháp trống rỗng, bên trong ấy treo một quả chuông đặc ruột, ngay chính giữa đáy chuông có gắn một cây kim. Xá-lợi được gắn trên mũi kim. Bốn mặt trổ cửa sổ, có chấn song chạm trổ ngăn che, chẳng thò tay vào được, [người chiêm bái] liền ghé mắt dòm qua khe chấn song chạm trổ.

Viên xá-lợi ấy hình dáng, màu sắc, lớn - nhỏ, nhiều - ít, cố định hay di động đều không nhất định. Những người bình thường nhìn vào phần nhiều thấy là một hạt, cũng có người thấy là hai, ba, bốn hạt, có người thấy xá-lợi dính vào đáy chuông không chuyển động, có người thấy xá-lợi tụt xuống khỏi mũi kim chừng khoảng một tấc. Có người thấy xá-lợi chợt dâng lên chợt hạ xuống, chợt nhỏ, chợt lớn. Có người thấy là màu xanh, màu vàng, màu đỏ, màu trắng, và mỗi sắc lại đậm - nhạt khác nhau, hoặc có cả hai màu, hoặc có nhiều màu sắc khác nhau. Có người thấy màu sắc tăm tối, có người thấy màu sắc sáng ngời. Chẳng riêng gì mỗi người thấy mỗi khác, mà ngay cả đối với một người cũng phần nhiều chuyển biến bất nhất. Lại có người thấy có hình như hoa sen và tượng Phật, Bồ Tát. Cũng có kẻ nghiệp lực sâu nặng, hoàn toàn trọn chẳng thấy được gì!

Khi thấy xá-lợi nhỏ thì nó to bằng hạt đậu xanh nho nhỏ. Cũng có người thấy xá-lợi to bằng hạt đậu nành hoặc bằng quả táo tàu. Trong niên hiệu Vạn Lịch đời Minh, Lại Bộ thượng thư là Lục Quang Tổ dốc lòng tin tưởng Phật pháp, cực lực hộ trì, cùng mấy vị thân hữu đến xem, thoạt đầu thấy xá-lợi to bằng hạt đậu đỏ, kế đó to như hạt đậu nành, to như trái táo, rồi to như quả dưa, rồi to như bánh xe, quang minh chói ngời, tâm mục thanh lương. Khi ấy, tháp [đá] thờ xá-lợi bị hư, tháp [đựng xá-lợi] được thờ trong nhà kho. Họ Lục liền phát tâm trùng tu điện tháp. Bạn bè ông ta cũng được thấy xá-lợi rất xinh đẹp nhưng không lạ lùng đặc biệt thần diệu như ông Lục.

Cần biết rằng: Đức Như Lai đại từ lưu lại chân thể Pháp Thân để gieo thiện căn xuất thế cho chúng sanh trong đời sau. Bởi lẽ, những kẻ do được thấy sự thần dị ấy đều sanh lòng chánh tín. Từ đấy sửa ác tu lành, dứt lòng tà, giữ lòng thành để mong đoạn Hoặc chứng Chân, liễu sanh thoát tử, mãi cho đến khi khôi phục được Phật tánh sẵn có hòng viên mãn vô thượng Bồ Đề. Đấy chính là đức Như Lai do bản tâm tiếp dẫn bèn rủ lòng thị hiện tướng chẳng thể nghĩ bàn. Nguyện kẻ thấy

nghe đều cùng sanh cảm niệm sâu xa thì may mắn lắm thay! Trong năm Quang Tự 21 (1895), Quang may mắn được kiền thành lễ xá-lợi mấy tuần, lại còn đọc Dục Vương Sơn Chí nên biết cặn kẽ.

10. Tuyên cáo thành lập Phật Giáo Cư Sĩ Lâm ở khu Kim Sa thuộc Nam Thông

Nhân quả là phương tiện lớn lao để thánh nhân thế gian lẫn xuất thế gian bình trị thiên hạ, độ thoát chúng sanh. Thánh nhân Nho giáo chú trọng nhân quả, [điều này] được thấy trong kinh truyện nhiều khôn xiết kể. Khổng Tử khen ngợi Châu Dịch, vừa mở đầu liền nói: *"Tích thiện chi gia tất hữu dư khánh, tích bất thiện chi gia tất hữu dư ương"* (Nhà tích thiện ắt niềm vui có thừa, nhà tích điều bất thiện, ắt tai ương có thừa). Cần biết rằng: Đã có "dư khánh, dư ương" ảnh hưởng đến con cháu thì sự vui hay tai ương nơi kẻ gây tạo càng lớn hơn nữa! Nhưng sự vui hay tai ương nơi người gây tạo ấy cố nhiên chẳng thể chuyên luận trong đời hiện tại, ắt phải luận đến cả đời kế tiếp, đời sau thì mới viên mãn, châu đáo. Từ ngay câu nói này để suy xét tấm lòng của thánh nhân thì sự lý nhân quả ba đời, luân hồi trong lục đạo đã được tỏ lộ rõ ràng vượt ngoài lời nói.

Cơ Tử trần thuật Hồng Phạm, cuối thiên sách bèn nói: *"Hưởng dụng Ngũ Phước, oai dụng Lục Cực"* (Thuận theo thiên lý sẽ hưởng năm điều phước, hễ trái nghịch sẽ bị sáu điều cực nhọc). Lời nói về Ngũ Phước, Lục Cực ấy đã bao hàm sâu xa ý nghĩa nhân quả ba đời. Ấy chính là bậc thánh vương cai trị bằng đức độ, giáo hóa dân, mong họ sẽ thuận theo Ngũ Phước, sợ hãi Lục Cực, tu đức, lập mạng, hướng lành, lánh xui. Những nhà Nho trong cõi đời chẳng suy xét, quy hết [Ngũ Phước, Lục Cực] về sự thưởng phạt trong sự cai trị của nhà vua. Chẳng những họ đã vu báng sâu xa sự cai trị của nhà vua mà còn mâu thuẫn với sự lý. Tống Nho trộm lấy ý nghĩa huyền áo trong kinh Phật để nêu tỏ những ý nghĩa trong Nho giáo, sợ ai nấy sẽ đều học Phật đến nỗi Nho môn bị ghẻ lạnh bèn "một đao chặt rời" pháp căn bản để "trị mình, trị người, trị nước, trị thiên hạ ngõ hầu khắp mọi chúng sanh đều được siêu phàm nhập thánh, liễu sanh thoát tử" của đức Phật đã nói, khiến cho hết thảy mọi người không còn mong mỏi thuận theo [thiên lý] hay kiêng sợ nữa, cho rằng nhân quả báo ứng chính là do đức Phật bày ra để gạt gẫm bọn ngu phu, ngu phụ tuân phụng giáo pháp của Ngài, chứ thật ra chẳng hề có chuyện ấy. Con người chết đi, hình hài đã hư nát, thần hồn cũng phiêu tán, dẫu

có chém - chặt - xay - giã sẽ thi thố vào đâu? Thần hồn đã phiêu tán rồi thì còn ai để thọ sanh nữa đây?

Do bởi lẽ đó, nhà Nho đối với nhân quả, luân hồi đều chẳng dám nhắc tới, chỉ ỷ vào chánh tâm thành ý để duy trì thế đạo nhân tâm. Đã không có nhân quả luân hồi, hễ chết là hết thì chánh tâm thành ý có ích gì đâu? Không chánh tâm thành ý có bị tổn hại gì đâu? Từ đấy, thiện chẳng có gì để khuyên, ác chẳng có gì để trừng phạt, đến nỗi hùa nhau đề xướng tham dục, khen thưởng ác hạnh, chẳng lấy đó làm thẹn, lại ngược ngạo coi đó là vinh, đều là vì những lời lẽ đả phá bài xích nhân quả luân hồi ươm thành, đạo làm người gần như chấm dứt! Do vậy, những vị có lòng lo cho thế đạo nhân tâm hùa nhau đứng lên cứu vãn. Cư Sĩ Lâm, Tịnh Nghiệp Xã v.v… được kiến lập khắp nơi, đề xướng nhân quả, luân hồi và pháp môn Tịnh Độ để vượt thoát nhân quả luân hồi, ắt phải "do bởi đất mà té thì phải do từ đất mà đứng dậy".

Kim Sa Cư Sĩ Lâm đã được thành lập, sẽ một vai gánh vác danh nghĩa, thực chất, sự nghiệp của hàng cư sĩ thì không lâu sau sẽ đích thân thấy cõi đời trở lại thuở Đường Ngu, con người mong trở thành thánh, thành hiền. Nói tới cái danh nghĩa "cư sĩ" thì [cư sĩ] chính là những vị sống tại gia tu đạo. Nói tới thực chất thì chính là giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành, tu hành điều lành trong thế gian để lập nền tảng, thật sự vì sanh tử phát Bồ Đề tâm, tín nguyện niệm Phật, cầu sanh Tây Phương, nguyện cho khắp mình lẫn người đều cùng liễu sanh tử. Người làm được như thế thì mới chẳng phụ cái danh là Cư Sĩ. "Sự nghiệp" chính là dùng thân để làm gương, hoằng dương sự giáo hóa của đức Phật, chỉ lấy "tự lợi, lợi tha, tự lập, lập người" làm chí hướng, sự nghiệp. Đối với hư danh, lợi lộc phù phiếm đều xem nhẹ, chẳng hề bận lòng; đối với luân lý, thanh quy quyết chẳng vi phạm, khiến cho người thấy kẻ nghe đều sanh lòng ngưỡng mộ. Đấy gọi là *"dùng lời lẽ để dạy thì bị tranh cãi, dùng thân để dạy thì người ta thuận theo"*.

Chuyện thế gian hay xuất thế gian, không một chuyện nào chẳng lấy thân làm gốc. Nếu gốc chẳng lập, dẫu có làm gì đi nữa thì cũng chỉ là chuyện phô trương bề ngoài mà thôi! Đã không chân tu ắt sẽ chuốc lấy sự khinh thường từ bên ngoài, lại còn ngược ngạo tạo bằng cớ cho kẻ tà kiến hủy báng Phật pháp. Tự lợi lẫn lợi tha đều mất thì đại sự sanh tử làm sao liễu được? Nếu là những lâm hữu tham dự Cư Sĩ Lâm, ai nấy hãy nên phát tâm kim cang kiên cố, thề làm chuyện lợi ích cho mình lẫn người, trọn hết luân thường học Nho, tận tánh học Phật, noi dấu bậc

tiên giác trong quá khứ, chẳng chịu thua kém chút nào. Đấy gọi là đệ tử thật sự của đức Phật, là bậc đại trượng phu thật sự. Có như vậy thì danh nghĩa, thực chất, sự nghiệp của bậc cư sĩ mới có thể rạng rỡ ngay trong cõi đời này, để lại tiếng thơm cho con cháu vậy! (Đầu Đông năm Giáp Tuất - 1934)

IV. Kệ tụng, tán dương, đề từ

1. Kệ viết trên bức tranh vẽ tháp tàng kinh Linh Nham của Phí Pha Long ở Ngô Giang

Cao ngất trên đỉnh núi, dựng bảo tháp vòi vọi, trong tháp chứa tượng Phật, và các thứ kinh sách. Kinh Phật đặt trong tháp, thường phóng đại bi quang, tuy phàm phu chẳng thấy, cũng ngầm được lợi ích. Ví như nắng Xuân chiếu, muôn cây cỏ đều sanh, do nhân duyên thù thắng, gieo thành Phật thiện căn, đến khi cơ duyên chín, tinh tấn tu tịnh hạnh, khôi phục được Phật tánh, vốn sẵn trong tự tâm, thành ngay đạo Bồ Đề. Cổ nhân dựng tháp này, muốn nối sâu chí Phật. Tháp lâu ngày đổ nát, kinh Phật bèn lộ ra. Cư sĩ Phí Pha Long, thâu nhặt chừng đó quyển, tu bổ, tặng Linh Nham, cũng tặng những thân hữu. Rồi vẽ cảnh Linh Sơn, làm kỷ niệm mai sau. Tưởng nghĩ Phật từ bi, khiến hàm thức được thấy, sự thật khó nghĩ suy!

Sợ nghe chẳng tin nhận, nên dùng chuyện thông thường, nhằm tỏ lợi thù thắng: Đời có rắn cực độc, cùng chó dại thật dữ, nếu cắn xé quần áo, người ấy ắt phải chết. Hoặc lại cắn bóng người, hoặc trừng mắt nhìn người, người ấy cũng chết ngay, do độc nghiệp nặng nề. Ác nghiệp của chúng sanh, thế lực còn như thế. Huống là Phật từ bi, hơn thiên địa, cha mẹ! Hễ vừa được thấy nghe, liền được lợi khó tưởng. Nếu nghĩ sâu nghĩa này, ắt đau lòng khóc mãi. Nguyện khắp hết mọi người, cảm Phật đại từ bi, hãy như cứu đầu cháy, niệm Phật cầu nhiếp thọ.

Thấy chuyện Phật giáo hóa, và thấy các chúng sanh, đều tưởng như thấy Phật, chẳng dám sanh khinh rẻ, công đức thù thắng ấy, hồi hướng sanh Tây Phương, quyết đến lúc lâm chung, được chính Phật tiếp dẫn, dùng ngay những điều này, để cầu siêu cha mẹ, đấy là hiếu chân thật. Vì thế, kinh Phạm Võng, dạy hiếu thuận phụ mẫu. Tận pháp giới phàm - thánh, đều khiến được thành Phật, hòng trọn hết luân thường, chẳng thẹn là Phật tử. Ông Phí muốn cầu siêu, cho cha mẹ của mình, bức vẽ xin đề kệ, do vậy suy nguyên ý, viết kệ để khích lệ (Cuối Thu năm Canh Thìn - 1940)

2. Kệ hồi hướng chung cho các thiện tín đã đóng góp tài lực lưu thông, xoay vần truyền bá, xem đọc bộ Lịch Sử Cảm Ứng Thống Kỷ

Tam giới hết thảy pháp, chỉ do một tâm tạo. Thuận đạo thì tốt lành, nghịch lý ắt hung ác. Lành thay người hiền xưa, lòng giống như trời đất, dùng sức tài trí mình, tán trợ quyền sanh thành, luôn muốn làm lợi khắp, cho thiên hạ hậu thế. Bác ái giúp đỡ người, trọn chẳng coi là đức, công to, danh tiếng trỗi, đức lớn, tốt lành tới. Sống hưởng trọn Ngũ Phước, dư khánh truyền hậu duệ. Phong thái ấy hưng khởi, thế giới tự an bình, ai nấy đều lễ, nhượng, đều nghĩ trọn hết tình. Buồn thay lũ tiểu nhân! Chỉ biết có riêng mình, suy nghĩ cùng cư xử, trọn chẳng tuân lẽ trời, hãm người để tự an, tổn người để tự ích, chỉ chuộng lợi trước mắt, nào hay túc phước hao, đến khi nghiệp kết quả, khổ báo vô cùng cực. Uổng bị người thương xót, tội nghiệp làm sao dứt?

Trên từ thuở Đường Ngu, dưới đến cuối đời Minh, các sự tích thiện ác, các sử đều chép rành. Nay thế đạo chìm đắm, người hiểu biết đều lo, bạn tôi Nhiếp Vân Đài, lập cách để cứu vớt, riêng thỉnh Hứa Chỉ Tịnh, soạn Cảm Ứng Thống Kỷ, ấn loát rộng lưu thông, mong ai nấy sẽ tự, học theo cùng răn giữ. May được các thiện sĩ, bỏ tiền hơn vạn đồng, kính in hai vạn bộ, nhằm kết khắp thiện duyên. Dùng khoản tiền còn dư, in riêng bản giấy báo, chữ nhỏ, giá rẻ hơn, cho vừa sức thanh niên. Bản này in bốn vạn, lưu truyền khắp xa gần. Phàm những ai thấy nghe, không ai chẳng hoan hỷ. Sau hai lượt xuất bản, Chỉ Tịnh lại giảo duyệt, tăng thêm, sửa đôi chút, thân thiết hơn bản trước. Cư sĩ Lý Kỳ Khanh, nguyện bỏ tiền khắc in. Bản mẫu thỉnh thợ khéo, mong vĩnh viễn lưu truyền. Tôi cũng cho tái bản, hai loại sách kể trên, thêm lời tựa "Tăng Tu", để mong lưu truyền mãi.

Sự lý của nhân quả, đã hiển lộ rạng ngời. Người tâm lo thế đạo, có cái để thi thố. Nguyện khắp ai thấy nghe, lập cách lưu truyền rộng, ngõ hầu dứt cạnh tranh, tiến thẳng đến đại đồng. Nguyện người phát khởi ấy, cũng như vị biên tập, các thiện sĩ giúp in, người xem bắt chước theo, hiện tại cùng vị lai, hết thảy các thiện nhân, cùng tiêu các ác nghiệp, cùng tăng thắng thiện căn, sống sẽ hưởng Ngũ Phước, mất thì lên chín phẩm, tiên vong sanh Tịnh Độ, nêu gương cho hậu duệ, cho khắp cả cõi đời, vật giàu, dân khỏe mạnh, khiến cho người bốn phương, đều ngưỡng mộ nước ta (Ngày lành tháng Sáu nhuận, năm Canh Ngọ, tức năm Dân Quốc 19 - 1930)

3. Kệ hồi hướng kính vì các thiện tín đã thí tiền bạc và xoay vần truyền bá, xem đọc Quán Thế Âm Bồ Tát Bổn Tích Cảm Ứng Tụng

Cao cả Quán Thế Âm! Thệ nguyện khó nghĩ bàn, thành Chánh Giác đã lâu, lại hiện thân Bồ Tát, theo từng loại hiện hình, tầm thanh hòng cứu khổ. Đáng tiếc người thế gian, phần nhiều đều chẳng biết, đặc biệt soạn sách này, mong được lưu truyền rộng. May được các thiện tín, đứng in tới mấy vạn. Từ đây lần lượt biết, lại tiếp tục in thêm, đến số mấy chục vạn, an ủi lòng Bồ Tát. Lại được khắc in khắp, truyền rộng trong ngoài nước, để biết Quán Thế Âm, đấng hết thảy nương tựa.

Ví như ngọn đuốc lớn, chiếu khắp trong đường tối. Ví như đại thiết luân, độ khắp kẻ chìm đắm, đạo sư cho kẻ mù, thuốc men cho người bệnh, thành quách lánh giặc cướp, gạo thóc thuở đói kém. Cần biết ân Bồ Tát, hơn đất chở trời che, dẫu trọn kiếp tuyên dương, cũng chỉ nêu chút phần! Nguyện những vị đứng in, nghiệp chướng đều tiêu diệt, phước huệ đều tăng trưởng, mọi việc đều như ý. Sống thì hưởng Ngũ Phước, mất lên ngay chín phẩm. Các tổ tông quá khứ, nhờ đây sanh Tịnh Độ. Cha mẹ trong hiện tại, đều được hưởng thọ khang. Tất cả bọn cháu con, đều rạng rỡ tiếng nhà. Mùa màng thường sung túc, giặc cướp thảy đổi lòng, nhà nhà sùng từ thiện, chốn chốn hành nghĩa nhân. Nhờ đây thói bạc ác, chuyển thành nếp thuần phác. Pháp giới các hữu tình, đều được viên Chủng Trí (Mùa Xuân năm Bính Dần, tức năm Dân Quốc 15 - 1926)

4. Kệ hồi hướng cho khắp những vị giúp in, đọc tụng, thọ trì, xoay vần lưu thông các bản kinh Phật

Nguyện do công đức này, tiêu trừ túc hiện nghiệp, tăng trưởng các phước huệ, viên thành thắng thiện căn, tất cả kiếp đao binh, các nạn như đói kém, thảy đều tiêu trừ sạch, ai nấy tập lễ, nhượng. Hết thảy người giúp in, hoặc xoay vần lưu truyền, quyến thuộc đều yên vui, người đã khuất siêu thăng, mưa gió thường đúng thuận, nhân dân đều khang ninh, pháp giới các hàm thức, đồng chứng đạo Vô Thượng.

5. Kệ hồi hướng cho khắp những vị thiện tín bỏ tiền [ấn tống], lưu truyền, thấy nghe, thọ trì, xoay vần lưu thông bản nghiên cứu Người Học Phật Có Nên Ăn Thịt Hay Không?

Sát kiếp thời gần đây, từ xưa chưa từng có! Suy tìm đến cội nguồn, quả thực do tham ăn. Riêng lưu truyền sách này, muốn nhờ đây cứu vãn, nguyện khắp người thấy nghe, đều kiêng thịt, ăn chay. Ăn chay rất vệ sinh, chẳng hại mạng con vật, khiến lòng ta nhân từ, trên kế thừa vãng thánh. Sát nghiệp đã chẳng kết, thế đạo tự thái bình. Chỉ pháp cứu vật này, lợi quần manh mãi mãi. Các vị do công đức, vãng sanh Phật tịnh độ, thấy Phật, chứng Vô Sanh, trở thành bậc nương tựa, cho khắp cả lục đạo.

6. Kệ đề trên vách quan phòng chùa Báo Quốc ở Tô Châu (năm Dân Quốc 24 - 1935)

Sống uổng bảy mươi năm, tháng ngày chẳng còn mấy, như tù dẫn ra chợ, mỗi bước gần cái chết, tạ tuyệt hết thảy sự, để chuyên tu Tịnh Độ, nếu hiểu lòng ngu thành, mới là chân liên hữu.

7. Kệ hồi hướng lễ niệm Quán Âm Bồ Tát

Kính lạy Quán Thế Âm, từ bi đại đạo sư, chứng vô thượng đã lâu, an trụ Thường Tịch Quang. Vì thương chúng sanh khổ, lại hiện thân mười cõi, nên dùng thân nào độ, liền hiện ngay thân ấy. Gần là sanh đường lành, xa là chứng Bồ Đề. Bồ Tát từ bi lực, chư Phật thuật chẳng trọn. Đệ tử con tên là… từ vô thủy đến nay, do bởi sức ác nghiệp, luân hồi trong sáu nẻo, trải qua trần sát kiếp, không cách nào thoát lìa, may nhờ túc thiện căn, được nghe tên Bồ Tát, muốn nương sức từ bi, đời này sanh Tịnh Độ. Xưng thánh hiệu dài lâu, kiêm lễ bái, cúng dường, sám hối các ác nghiệp, tăng trưởng các thiện căn. Nguyện rủ lòng từ mẫn, tiêu diệt các tội chướng, phóng quang chiếu thân con, duỗi tay xoa đầu con, cam lộ rưới đỉnh con, gột phiền cấu tâm con, khiến cho thân tâm con, đều được thanh tịnh cả. Con nguyện hết thân này, đến tận kiếp vị lai, nguyện bảo khắp chúng sanh, ân đức của Bồ Tát, khiến họ đều quy y, đều phát tâm Bồ Đề. Nguyện rủ lòng từ mẫn, chứng minh và nhiếp thọ.

8. Đề từ cho tác phẩm Ngọc Trụ Đại Sư Tâm Tích Tụng

Ngọc Trụ đại sư là đồng học của Quang vào năm mươi năm trước. Sư tánh tình chất trực, khiêm hòa, tu trì thiết thực, chân thành, nghiêm túc, chẳng làm trụ trì, chẳng thâu đồ chúng giống như Quang. Sư chú

trọng trì Luật và niệm Phật, nên vào tuổi già thường khắc in nhiều trước tác của Luật Tông. Ấy là vì muốn tạo nền tảng vững vàng ngõ hầu những kẻ thông sáng trong đời sau đều cùng sanh Cực Lạc. May mắn thay, Sư đã về An Dưỡng, thẹn cho Quang vẫn bị ràng buộc trong cõi đời này, nguyện Sư cầu Phật rủ lòng tiếp dẫn, ngõ hầu cùng được theo học với Như Lai.

9. Hoa Nghiêm Kinh Cảm Ứng Tụng

Một bộ kinh Hoa Nghiêm, là vua trong các kinh, chỗ quy tông cuối cùng, hướng dẫn sanh Tây Phương. Không cơ nào chẳng độ, không pháp nào chẳng nhiếp. Dẫu có muốn tán dương, hết kiếp vẫn chẳng trọn. Nếu chẳng có túc căn, tên kinh chẳng được nghe, huống là được biên chép, thọ trì siêng ròng ư? Nghĩa lý của kinh này, chẳng thể nghĩ bàn được. Quả báo cùng công đức, cũng lại giống như thế. Ấn loát vừa xong xuôi, Hồi Lộc[181] đã đến cửa, vượt lệ giao trong đêm, người vừa đi, tiệm cháy. Chép rồi, đóng bìa xong, chợt gặp phải đại kiếp, cả nhà phải trốn xa, mọi vật đều bị cướp, chỉ riêng bộ kinh này, trọn chẳng bị thương tổn. Trở về vừa trông thấy, khôn ngăn nỗi mừng vui. Kiếp vốn thuộc cộng nghiệp, lòng Thành thuộc biệt nghiệp. Do lòng Thành cảm vời, nên Ứng cũng đặc biệt. Nghĩa lớn lao trong kinh, đã nêu trong lời tựa, nay soạn bài tụng này, tỏ lòng thành, linh ứng. Nguyện những người thấy nghe, ai nấy chăm tu trì, để mong hết tuổi thọ, sẽ dự hội Liên Trì.

Ấn Quang pháp sư lại vì cư sĩ Tung Kiều soạn thêm bài Tả Kinh Linh Cảm Tụng (ca tụng sự linh cảm do chép kinh), gởi thư dặn dò phải đem những sự thực về mấy lần nguy hiểm được bình an không tai nạn để viết mấy câu giải thích sau bài kệ, ngõ hầu người đọc đều cùng sanh tín tâm. Theo cư sĩ [Tung Kiều], cư sĩ chép kinh [Hoa Nghiêm] xong, giao cho xưởng in Văn Tân in ra. In lần đầu một ngàn trang, in xong vào bảy giờ tối ngày nọ. Nhà in có lệ hễ sau sáu giờ sẽ không giao hàng hóa ra ngoài. Lần này chợt phá lệ, giao đến nhà cư sĩ. Vừa mới chở đến cửa thì xưởng Văn Tân bị chập điện cháy rụi. Ấy là do [thiện căn] đặc biệt xui khiến như vậy, chứ nếu không thì sao lại bảo giao ra ngoài để rồi có sự xảo hợp như thế?

---

[181] Hồi Lộc theo truyền thuyết là tên một vị thần lửa, vốn là tên một viên quan trông nom giữ lửa cho Hoàng Đế vào thời cổ. Do vậy, sau này thường dùng chữ Hồi Lộc để chỉ hỏa tai.

Ngày Mười Ba tháng Ba năm Giáp Tuất (1934), trời đã hoàng hôn, hàng xóm ở nơi cư ngụ của cư sĩ thiếu cẩn thận [gây cháy nhà], chỉ cách một bức tường vây, tình thế nguy ngập sắp giáng xuống [nhà cư sĩ]. Cư sĩ chép kinh, tâm trí chẳng để ý chuyện bên ngoài, rốt cuộc tai không nghe thấy gì, đến khi người nhà kinh hoàng lôi cư sĩ tránh đi thì vẫn còn hai hàng viết chưa xong. Do từ khi chép kinh đến nay, đối với mỗi một trang chưa hề bỏ dở giữa chừng; [cư sĩ] chẳng muốn dễ dãi phá lệ ấy, nên vẫn ngồi yên chép cho xong. Đến khi chép xong, thế lửa đã suy, rốt cuộc bình yên không sao cả. Chuyện này lại dường như ngầm được thần che chở vậy.

Mùa Xuân năm Bính Tý (1936) chép kinh viên mãn, giao cho Tích Cổ Trai tại Thang Gia Cảng đóng thành sách. Đóng xong, giao trả về. Ngày hôm sau, tiệm bán giấy Cao Vạn Phong ở ngay trước cửa bị hỏa hoạn. Đã thoát khỏi tai ương, lại còn không bị một giọt nước nào làm ố trang kinh. Giống như khi đánh nhau, người đời hay nói: "Đạn bắn trúng người quả thật có mắt". Nếu không có thần linh che chở, làm sao được như thế?

Mùa Thu năm Đinh Sửu (1937), Ngô Môn thất thủ, bị vây hãm, kiếp nạn lớn lao xảy ra, cả nhà cư sĩ phải tỵ nạn nơi xa. Tất cả đồ đạc đều bị cướp phá sạch bách, chỉ riêng kinh còn nguyên, chẳng bị tổn hoại mảy may. Cứ tưởng nhà cửa sẽ bị phá hủy tan hoang, may nhờ vào kinh này mà được thoát nạn. Phật pháp chẳng thể nghĩ bàn, nên rốt cuộc có chứng cớ rõ ràng như vậy. Người đời phần nhiều chẳng tin, ngược ngạo sanh lòng hủy báng, quả thật là những kẻ được đức Như Lai gọi là "phường đáng thương xót". Vì thế, lão nhân nói: "Nguyện những ai thấy nghe, ai nấy chăm tu trì, để mong hết tuổi thọ, sẽ dự hội Liên Trì". Quả thật là lời khẩn thiết mổ tim vẩy máu, cầu cho khắp mọi người trong cõi đời đều cùng gắng sức.

Một ngày mùa Thu năm Mậu Dần (1938), vâng theo mạng lệnh của Ấn lão pháp sư, Đức Sâm viết thay.

10. Tiêu Sơn Cát Đường Thượng Nhân Vãng Sanh Tụng

Lớn thay môn Tịnh Độ! Quy túc của các pháp, thích hợp mọi căn cơ, không căn nào chẳng gồm. Trên thì nhiếp Đẳng Giác, dưới chẳng sót ác nghịch. Muôn dòng đổ vào biển, do Phật đại nguyện lực. Sư Cát Đường cao cả, đời trước trồng huệ căn, đã nổi bật từ nhỏ, xuất gia vượt trần tục. Từ đấy Luật - Giáo - Tông, ý chỉ đều thấu hiểu. Muốn liễu ngay đời này,

liền chuyên tu Tịnh Độ, đặc biệt phát ba tâm, mong tòa sen thượng phẩm. Tuổi thọ mới năm tư, tịnh nghiệp đã viên thành, biết trước lúc vãng sanh, bảo chúng niệm Phật tiễn. Sư vẫn niệm rõ ràng, đột nhiên nhập tịch định. Đồ chúng muốn truyền dương, cậy tôi thuật đại lược. Nguyện những kẻ thấy nghe, ai nấy đều chú ý.

11. Bài tụng tặng cho các thiện tín thuộc Phật Quang Xã

Tam Quy, Ngũ Giới, Lục Trai nhật, cho kẻ sơ cơ để nhập môn. Nếu nguyện hoa khai tự thấy Phật, chuyên tu Tịnh hạnh, gieo căn sâu.

12. Bài tụng tặng cho đại hội xã hữu của Phật Quang Xã

Đức Phật giơ cành hoa, ngài Ca Diếp mỉm cười, đạo vốn ở nơi tâm, không áo diệu chi khác. Người cùng một tâm này, tâm cùng một lý này. Đạo tâm thật nhỏ nhiệm, tuy nhỏ, thật ra một! Trong đời người có dục, dục do nơi cảnh sanh. Nếu tiền cảnh chẳng có, niệm cũng chẳng khởi được! Nếu các dục lăng xăng, đạo tâm bị lấp mất. Lấp mất, gọi là mê. Giác chính là chẳng mê. Mê gọi là vô minh, vô minh gọi là si. Tâm tham với tâm sân, đều sanh từ nơi đó. Do Hoặc mà tạo nghiệp, đấy gọi là "ác nhân". Đã gieo cái nhân ác, quả khổ sẽ sanh theo.

Phật thương bọn chúng sanh, phát lòng Từ vô duyên, nói ra Giới - Định -Huệ, để trị tham - sân - si. Nhân Giới sẽ sanh Định, nhân Định bèn phát Huệ. Huệ chính là Bát Nhã, soi toạc màn vô minh. Giống như gươm trảm yêu, như đèn trong nhà tối, từ khổ thoát ra vui, từ phàm bèn nhập thánh, không gì chẳng do đây, cùng lên đạo Đại Thừa. Chỉ nương vào Bát Nhã, chính là Ba La Mật. Tâm Kinh và Kim Cang, đều giảng rõ nghĩa này. Hành Tâm Kinh sâu xa, là đức Quán Tự Tại. Hiểu tâm thấy rõ tánh, Ngũ Uẩn còn đâu nữa? Đấy ước về Lý tu, công phu ở nơi hiểu. Còn bộ kinh Kim Cang, nói toạc khắp bốn tướng. Chân lý đã hiển lộ, bốn tướng đều là vọng. Biên chép cùng đọc tụng, và giảng nói cho người, trong kinh thường tán thán, phước đức sẽ vô lượng. Đây bởi do lẽ nào? Tự giác, giác tha vậy. Lần lượt làm lợi nhau, trọn chẳng có hạn lượng. Đấy chính là sự tu, công nằm ngay nơi hạnh. Tâm, Phật và chúng sanh, cả ba không sai biệt, đạo đồng, tâm cũng đồng. Vì thế không sai

biệt. Vũ, Tắc và Nhan Tử, đổi chỗ cũng như thế[182]. Đạo đồng, tâm cũng đồng, cho nên đều như vậy. Nếu không có chúng sanh, Phật pháp cũng chẳng lập. Nếu chẳng hề lợi người, thì làm sao tự lợi?

Nhan Tử suốt ba tháng, chẳng trái nghịch lòng nhân. Vũ, Tắc vốn vì vậy, cứu người đói, chìm đắm. Trong mỗi một chúng sanh, đều sẵn có Phật tánh, kẻ Thập Ác mười niệm, được sanh về Tịnh Độ, khắp đại thiên thế giới, đều cùng một cái tâm, "do tâm này thành Phật", để làm thành căn cứ, quang minh lẫn thọ mạng, đều cùng là vô lượng, một pháp hội Linh Sơn, đến nay vẫn chưa tan.

Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên
Quyển 3 hết

[182] Ý nói: Vua Đại Vũ, Hậu Tắc và Nhan Uyên do địa vị khác nhau nên làm những công hạnh khác nhau, nhưng đều cùng xuất phát từ một đạo tâm. Nhan Uyên giữ lòng nhân, vua Đại Vũ trị thủy cứu dân khỏi nạn lụt. Hậu Tắc lo cấy cày, gieo những giống lúa tốt, giúp dân khỏi đói.